

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TRIẾT HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

HÀ NỘI – 12/2020

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TRIẾT HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**











HÀ NỘI – 12/2020

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRIẾT HỌC

(Kèm theo Quyết định số 6016/QĐ- HVBC.TT. ngày 15 tháng 12 năm 2020
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch	
3	PGS.TS. Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Phó Chủ tịch	
4	PGS.TS. Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thư ký	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên	
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Thị Như Huệ	Phó Trưởng khoa Triết học	Thành viên	
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
10	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên	
11	PGS. TS. Hà Huy Phụng	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên	
12	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên	
13	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên	

14	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
15	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên	
16	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên	
17	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên	
18	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên	
19	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên	
20	PGS.TS. Ngô Đình Xây	Giảng viên cao cấp khoa Triết học	Thành viên	
21	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên cao cấp Khoa Triết học	Thành viên	
22	Ths. Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên	
23	Võ Duy Hải	Sinh viên chuyên ngành Triết học K 37	Thành viên	

(Danh sách gồm có 23 người)

MỤC LỤC

PHẦN I: KHÁI QUÁT.....	1
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TÊU CHUẨN TIÊU CHÍ	19
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	19
<i>Tiêu chí 1.1</i>	19
<i>Tiêu chí 1.2</i>	24
<i>Tiêu chí 1.3</i>	29
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	32
<i>Tiêu chí 2.1</i>	32
<i>Tiêu chí 2.2</i>	36
<i>Tiêu chí 2.3</i>	38
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	40
<i>Tiêu chí 3.1</i>	40
<i>Tiêu chí 3.2</i>	47
<i>Tiêu chí 3.3</i>	52
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC.....	61
<i>Tiêu chí 4.1</i>	61
<i>Tiêu chí 4.2</i>	63
<i>Tiêu chí 4.3</i>	67
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC ...	71
<i>Tiêu chí 5.1</i>	71
<i>Tiêu chí 5.2</i>	77
<i>Tiêu chí 5.3</i>	80
<i>Tiêu chí 5.4</i>	84
<i>Tiêu chí 5.5</i>	87
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	89
<i>Tiêu chí 6.1</i>	89
<i>Tiêu chí 6.2</i>	95
<i>Tiêu chí 6.3</i>	99
<i>Tiêu chí 6.4</i>	104
<i>Tiêu chí 6.5</i>	109

<i>Tiêu chí 6.6</i>	113
<i>Tiêu chí 6.7</i>	116
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	123
<i>Tiêu chí 7.1</i>	123
<i>Tiêu chí 7.2</i>	132
<i>Tiêu chí 7.3</i>	135
<i>Tiêu chí 7.4</i>	137
<i>Tiêu chí 7.5</i>	140
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	144
<i>Tiêu chí 8.1</i>	144
<i>Tiêu chí 8.2</i>	154
<i>Tiêu chí 8.3</i>	157
<i>Tiêu chí 8.4</i>	163
<i>Tiêu chí 8.5</i>	168
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	173
<i>Tiêu chí 9.1</i>	174
<i>Tiêu chí 9.2</i>	180
<i>Tiêu chí 9.3</i>	188
<i>Tiêu chí 9.4</i>	190
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	196
<i>Tiêu chí 10.1</i>	197
<i>Tiêu chí 10.2</i>	205
<i>Tiêu chí 10.3</i>	209
<i>Tiêu chí 10.4</i>	214
<i>Tiêu chí 10.5</i>	221
<i>Tiêu chí 10.6</i>	228
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐÀU RA	233
<i>Tiêu chí 11.1</i>	234
<i>Tiêu chí 11.2</i>	241
<i>Tiêu chí 11.3</i>	244
<i>Tiêu chí 11.4</i>	248
<i>Tiêu chí 11.5</i>	254
PHẦN III: KẾT LUẬN	260

PHỤ LỤC	273
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	273
CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC	295
DANH MỤC MINH CHỨNG	317

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

BCN	Ban chủ nhiệm
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BHYT	Bảo hiểm y tế
CB	Cán bộ
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBVC	Cán bộ viên chức
CCLCT	Cao cấp lý luận chính trị
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNDVBC	Chủ nghĩa duy vật biện chứng
CNDVLS	Chủ nghĩa duy vật lịch sử
CNĐT	Chủ nhiệm đề tài
CNTT	Công nghệ thông tin
CNXHKH	Chủ nghĩa xã hội khoa học
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSTĐCS	Chiến sỹ thi đua cơ sở
CSVC	Cơ sở vật chất
CT	Chương trình
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cố vấn học tập
ĐCS	Đảng Cộng sản
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐH	Đại học
ĐH KHXH và NV	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

GDCN	Giáo dục chuyên nghiệp
GDDH	Giáo dục đại học
GTNB	Giáo trình nội bộ
GV	Giảng viên
GVCC	Giảng viên cao cấp
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HP	Học phần
HSSV	Học sinh sinh viên
HTTN	Hoàn thành nhiệm vụ
HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
HTTTN	Hoàn thành nhiệm vụ
HTXSNV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
HVBC và TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
HVCTQG HCM	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
KN	Kiểm nhiệm
KQHT	Kết quả học tập
KT-KĐCLĐT	Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo
KTV	Kỹ thuật viên
KTX	Ký túc xá
KTXH	Kinh tế - xã hội
Khoa học	Khoa học
KHTN	Khoa học tự nhiên
KHXH	Khoa học xã hội
LĐTT	Lao động tiên tiến
LLCT	Lý luận chính trị
LSD	Lịch sử Đảng

MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NTD	Nhà tuyển dụng
NHCH	Ngân hàng câu hỏi
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS.TS	Phó giáo sư, Tiến sĩ
PTTH	Phổ thông trung học
QLĐT	Quản lý đào tạo
QLKH	Quản lý Khoa học
QLNN	Quản lý nhà nước
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TCCB	Tổ chức cán bộ
TL	Tài liệu
TP	Thành phố
TS	Tiến sĩ
TTHCM	Tư tưởng Hồ Chí Minh
TV	Thành viên
TW	Trung ương
THCN	Trung học chuyên nghiệp
VP	Văn phòng
XHH	Xã hội học

PHẦN I: KHÁI QUÁT

Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đối với nhà trường cũng như của mọi cơ sở giáo dục. Như vậy, với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng trước đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, càng đòi hỏi phải quan tâm trước hết tới công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đối với hệ thống các trường đại học.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá CTĐT của Khoa Triết học thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá này, Khoa đã tự đánh giá những mặt mạnh để tiếp tục phát huy, cũng như cũng khách quan chỉ ra những mặt yếu kém cần khắc phục trong thời gian tới, để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo trong giai đoạn tới.

Việc tự đánh giá CTĐT của Khoa Triết học đã thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mình trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao cũng như phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Học viện. Đây chính là cơ sở cho việc tiến hành công tác đánh giá ngoài về CTĐT.

Nội dung đánh giá CTĐT của Khoa Triết học được tiến hành theo đúng các nội dung tại các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến chương trình đào tạo bao gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng đào tạo; và Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá:

Quá trình tự đánh giá giúp Khoa Triết học tự xem xét, đồng thời cũng tự nghiên

cứu để thấy được tình trạng về chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và những vấn đề liên quan khác... dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Từ đó có được căn cứ cho việc tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và nội dung thực hiện, để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành và các mặt hoạt động khác.

Phạm vi tự đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo Khoa Triết học thuộc Khoa Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2016-2020.

Công cụ đánh giá: Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn (trong đó có 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD; và công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá:

Được thành lập theo Quyết định số 5063– QĐ/HVBCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và được kiện toàn theo Quyết định số 6016 – QĐ/HVBCTT ngày 15 tháng 12 năm 2020. Hội đồng gồm có 23 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có: Ban Thư ký gồm 24 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách gồm 25 thành viên.

Phương pháp đánh giá:

Quá trình tự đánh giá Chương trình Đào tạo Khoa Triết học dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các công văn hướng dẫn.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá Chương trình Đào tạo đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lập kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Học viện để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hoá minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

- H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1
- H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3
- H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4
- H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

Lưu ý: khi minh chứng đã xuất hiện 1 lần và lặp lại ở các tiêu chí khác thì chỉ lấy mã hoá lần đầu tiên và đặt vào cột minh chứng dùng chung.

TỔNG QUAN CHUNG

1. Tổng quan về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

1.1 Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, Học viện xác định sứ mạng của mình là *“nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”*

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: *“trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới..Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có

tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

1.2 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên), 02 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và Trung tâm thông tin Khoa học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 0 Giáo sư, 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

1.3 Hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.5	Chính trị học	7310201	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ-BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ-BGDĐT- ĐHSĐH	02/02/2005
1.10	Kinh tế	7310101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ-BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ-BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ-BGDĐT	20/07/2018
1.18	Quản lý công	7340403	2715/QĐ-BGDĐT	27/07/2018

1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
2	Thạc sĩ			
2.1	Chính trị học	8310201	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ-BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ-BGDĐT	30/12/2016
2.6	Kinh tế chính trị	8310102	8752/QĐ-BGDĐT	29/12/2008
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3	Tiến sĩ			
3.1	Chính trị học	9310201	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ-BGDĐT	03/08/2012
3.3	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009

3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3.5	Xuất bản	9320401	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.6	Báo chí học	9320101	3978/QĐ-BGDĐT	02/10/2018

1.4 Người học

Tính đến tháng 12/2020, số lượng sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 81 và học viên cao học là 935 học viên.

STT	Hình thức đào tạo	Quy mô đào tạo
1	Tiến sỹ	81
2.	Thạc sỹ	935
3.	Đại học	7557

1.5 Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm (2016-2020) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của sinh viên.

Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm (2016-2020)

STT	Đề tài cơ sở	Đề tài cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2016	75	29	30	4	1
2017	106	30	30	3	1
2018	108	18	26	3	0
2019	135	24	35	3	0
2020	138	18	38	6	4

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

1.6 Thư viện và cơ sở vật chất

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 24.555 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 7.304 tài liệu.

Học viện hiện có 86 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 12.559,19 m²; có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm, v.v. đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên.

1.7 Tài chính

Trong 5 năm (2016 - 2020), tổng nguồn thu của Học viện là 1,093 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần.

1.8 Đảm bảo chất lượng

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt

động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, và sau đó đến năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBCTT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

1.9 Khen thưởng

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

** Danh hiệu thi đua*

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2015-2016	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2016
	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 1822/QĐ-TTg ngày 21/9/2016
2017	Cờ Thi đua cấp Bộ	Quyết định số: Số 197/QĐ-HVCTQG ngày 09-01-2017
2018	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 440/QĐ-TTg ngày 23/4/2018
2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số: 93-QĐ/HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019

2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021

**Hình thức khen thưởng*

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
2017	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 và 2017	Số 2910/QĐ-HVCTQG, ngày 3/8/2018
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 và 2019	Số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có đóng góp tích cực cho Cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, năm 2019	Số 534/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2020

2. Tổng quan về Khoa Triết học

2.1 Quá trình hình thành, phát triển

Khoa Triết học được thành lập ngày 16 -1- 1962 cùng với ngày thành lập Trường (lúc đó là Trường Tuyên huấn Trung ương) trên cơ sở sát nhập Khoa Triết học - Trường Nguyễn Ái Quốc II, Khoa Triết học - Trường Tuyên giáo Trung ương và Khoa Triết học - Trường Đại học Nhân dân.

Theo Quyết định 15 QĐ/TW ngày 02 - 01 - 1983 của Ban Bí thư Trung ương, Trường Tuyên huấn Trung ương I được thành lập trên cơ sở hợp nhất 2 trường: Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Nguyễn Ái Quốc V. Trên cơ sở đó, khoa Triết của hai Trường này hợp nhất thành khoa Triết học - Trường Tuyên huấn Trung ương I (sau này đổi tên là Đại học Tuyên giáo, Phân viên Báo chí và Tuyên truyền, hiện nay là Học viện Báo chí và tuyên truyền).

2.2 Chức năng, nhiệm vụ

2.2.1 Vị trí, chức năng

Khoa Triết học là đơn vị chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

2.2.2 Nhiệm vụ và quyền hạn

*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Học viện, bao gồm:

a) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ, trình Hội đồng Khoa học - Đào tạo và Giám đốc Học viện phê duyệt;

b) Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo xây dựng tiến độ giảng dạy của khoa; phân công, theo dõi thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo tiến độ;

c) Tổ chức thực hiện, quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân cấp;

d) Tổ chức biên soạn chương trình khung, đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo theo định hướng phát triển của Học viện;

f) Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

g) Xây dựng đề thi và đáp án; phối hợp với các đơn vị xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

h) Tổ chức quản lý quá trình dạy và học đối với các chương trình, môn học do khoa thực hiện.

i) Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp) thuộc khoa quản lý theo kế hoạch chung của Học viện. Tổ chức chấm thi, quản lý và lưu trữ bài thi, kết quả học tập của sinh

viên, học viên theo quy định;

j) Tổ chức hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập nghề nghiệp, đi thực tế;

k) Phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên; thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng dẫn;

*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế, cụ thể:

a) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành;

b) Đăng ký và triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp được giao, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

c) Chủ động tìm kiếm, khai thác các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Chủ động khai thác, triển khai thực hiện các Đề án hợp tác quốc tế theo quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện.

*) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, đánh giá, xếp loại sinh viên; thực hiện chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

a) Lập sổ trích ngang sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh các lớp, các hệ đào tạo để quản lý trong khoa;

b) Tổng hợp và đề nghị thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

c) Phối hợp với các đơn vị theo dõi và đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

d) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cấp khoa.

*) Quản lý công chức, viên chức, người lao động của đơn vị; thực hiện các chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động của Khoa theo thẩm quyền được phân cấp; quản lý và sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật và của Học viện.

*) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

2.3 Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- Ban Chủ nhiệm khoa:

- + PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn – Trưởng khoa, Bí thư chi bộ
- + PGS, TS. Trần Hải Minh – Phó Trưởng khoa, Phó Bí thư chi bộ
- + TS. Nguyễn Thị Như Huế - Phó Trưởng khoa.

- Đội ngũ giảng viên:

Khoa hiện có đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học (kể cả cán bộ kiêm nhiệm) giàu kinh nghiệm, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn tốt, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học được giao. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Khoa hiện nay có 62,5% giảng viên có học hàm Giáo sư, phó Giáo sư; 12,5% giảng viên có học vị Tiến sĩ; 25% giảng viên có học vị Thạc sĩ.

Ngoài ra, khoa Triết học còn có nhiều cộng tác viên là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên cao cấp đang công tác tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và nhiều cơ sở đào tạo có uy tín.

- Các bộ môn:

+ Bộ môn Triết học Mác – Lênin: giảng dạy và nghiên cứu môn Triết học Mác – Lênin, chuyên đề Duy vật biện chứng, chuyên đề Duy vật lịch sử, các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về Triết học.

+ Bộ môn Lịch sử Triết học: giảng dạy, nghiên cứu môn Lịch sử triết học Ấn Độ, Lịch sử Triết học Trung Quốc, Lịch sử Triết học Việt Nam, Lịch sử Triết học Hy Lạp – La Mã, Lịch sử Triết học Tây Âu Trung cổ – Phục hưng – Cận đại, Lịch sử Triết học cổ điển Đức, Lịch sử triết học Mác – Lênin, Triết học Phương Tây hiện đại ngoài mácxít.

+ Bộ môn Các khoa học Triết học: giảng dạy, nghiên cứu môn Logic Biện chứng, Logic hình thức, Tôn giáo học, Đạo đức học, Mỹ học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Môi trường và phát triển, Triết học sinh thái, Triết học trong khoa học tự nhiên, Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh, Phương pháp giảng dạy triết học.

2.4 Các loại hình đào tạo

- Bậc đại học:

+ Đào tạo hệ chính quy tập trung: thời gian đào tạo 4 năm và 2 năm (văn bằng 2).

+ Đào tạo hệ vừa làm vừa học: thời gian đào tạo 4,5 năm và 2,5 năm (văn bằng 2).

+ Chuyên ngành đào tạo: Triết học Mác – Lênin

Hiện khoa đã đào tạo được hơn 30 khóa đại học Khoa Triết học, chuyên Khoa Triết học Mác – Lênin.

- *Bậc sau đại học:*

+ Đào tạo Thạc sĩ Triết học, hệ tập trung, thời gian đào tạo 2 năm.

+ Đào tạo Tiến sĩ Triết học, hệ tập trung, thời gian đào tạo 3 năm

Từ năm 2009 đến nay (2020), Khoa đã đào tạo được 12 khóa cao học với gần 200 thạc sĩ.

Từ năm 2014 đến nay khoa đã có 7 khóa NCS với 35 NCS đã và đang học tại Khoa.

Hiện tại các thạc sĩ và tiến sĩ tốt nghiệp từ Khoa Triết học đã và đang giữ nhiều trọng trách trong các cơ quan trung ương; nhiều đơn vị ở địa phương trong phạm vi cả nước và có những đóng góp quan trọng cho Khoa Triết học.

2.5 Môn học chuyên ngành đặc thù

Khoa trực tiếp phụ trách giảng dạy nhiều môn chuyên ngành đặc thù như:

- Lịch sử triết học phương Đông
- Lịch sử triết học phương Tây
- Lịch sử triết học Mác - Lênin
- Chuyên đề Duy vật biện chứng
- Chuyên đề Duy vật lịch sử
- Triết học ngoài mác-xít hiện đại
- Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại...

2.6 Các hoạt động ngoại khóa

Khoa đã tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú như: Chủ trì, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên; Hoạt động câu lạc bộ Triết học; Tham quan, thực tập, kiến tập tại các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp, các trường ĐH, CĐ trong cả nước; Các hoạt động Đoàn, Hội: Thanh niên tình nguyện, văn nghệ xung kích, thể dục thể thao...

2.7 Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Khoa có thể trở thành:

- Giảng viên giảng dạy Triết học tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các trường Chính trị tỉnh, thành phố; các trung tâm bồi dưỡng Chính trị quận, huyện, ngành.
- Cán bộ tuyên giáo và cán bộ các ban Đảng các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội;
- Biên tập viên cho các tạp chí thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, lý luận chính trị, biên tập viên mảng lý luận chính trị của các báo, đài.
- Cán bộ công tác trong các cơ quan, tổ chức thuộc Hệ thống chính trị: Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên...

2.8 Thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng là một mảng hoạt động trọng tâm của Khoa Triết học. Hàng năm, Khoa giảng dạy hàng trăm lớp cử nhân, với gần 8000 giờ. Đối với cao học, Khoa giảng dạy hơn 1600 giờ/năm, tại chức hơn 1500 giờ/năm. Khoa cũng đã đào tạo được 6 khóa NCS với hơn 20 NCS đã bảo vệ thành công luận án và được nhận bằng tiến sĩ.

Chất lượng giảng dạy của Khoa không ngừng được nâng cao. Nhiều đồng chí không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy và thường xuyên có sự trao đổi, giúp đỡ, chia sẻ về nội dung chuyên môn, phương pháp giảng dạy giữa các thành viên của khoa. Có một số đồng chí giảng viên được đánh giá cao từ phía người học.

Các nhiệm vụ chuyên môn như biên soạn chương trình, đề cương môn học, làm câu hỏi, đáp án cho các học phần đều diễn ra đúng quy định và đảm bảo chất lượng.

Cụ thể, trong hơn 58 năm qua, Khoa đã:

- Đào tạo trên 3100 cử nhân, gần 200 thạc sĩ Triết học; hơn 20 tiến sĩ Triết học;
- Đào tạo hơn 25 cử nhân Triết học cho nước CHDCND Lào;
- Tham gia bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ các cơ quan Trung ương và địa phương;
- Tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học cho hàng chục nghìn nhà báo, biên tập viên xuất bản và giảng viên lý luận chính trị cho Đảng và Nhà nước.

2.9 Thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) được Khoa Triết

học xem là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để đóng góp trí tuệ và công sức trong thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo của Học viện và Khoa.

Khoa rất chú trọng hỗ trợ giảng viên (GV) trong các hoạt động NCKH. Hầu hết giảng viên trong Khoa đều là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp (từ cấp cơ sở đến cấp nhà nước trong và ngoài Học viện), 100% đề tài được hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài đạt chất lượng xuất sắc. Nhiều năm, khoa và một số giảng viên đã đạt thành tích cao trong NCKH. Trong thời gian qua, Khoa đã chủ trì 1 đề tài cấp nhà nước, 3 đề tài cấp Bộ, hàng chục đề tài cấp cơ sở, tổ chức hàng chục Hội thảo khoa học các cấp.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa Triết học. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Các hoạt động NCKH của GV Khoa Triết học được thực hiện theo quy định về Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Theo đó, giảng viên phải hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học như: nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, viết bài đăng tạp chí khoa học, tham luận hội thảo khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, sinh hoạt học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề v.v. Trong thời gian qua, cán bộ giảng viên của Khoa đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, công bố nhiều bài báo quốc tế, tham luận hội thảo quốc tế, chủ biên sách quốc tế xuất bản tại nước ngoài,... Những hoạt động trên đã góp phần nâng tầm hoạt động NCKH của Khoa nói riêng cũng như của Học viện nói chung.

Chất lượng các công trình NCKH của GV Khoa Triết học luôn được Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa giám sát, đánh giá theo quy định về quản lý khoa học của Học viện. Nhìn chung, những công trình khoa học này đều được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, đăng trên những tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN, nhiều báo cáo tại các hội thảo quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Đại đa số các công trình khoa học của GV Khoa Triết học đã được xã hội hóa, làm tài liệu học tập, tham khảo cho người học và những ai quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận chính trị, triết học. Một số thành tích cụ thể như:

- Xuất bản 13 giáo trình, hàng chục sách chuyên khảo, tham khảo;

- Chủ trì 1 đề tài cấp Nhà nước, 3 đề tài cấp Bộ, 80 đề tài cấp cơ sở, trên 100 bài báo khoa học.

2.10 Thành tích thi đua của Khoa

Với những đóng góp, cống hiến trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Khoa đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2 lần: 2014, 2020); Huân chương Lao động hạng Ba (2007); Huân Chương Lao động Hạng Nhì (2016).

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TÊU CHUẨN TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

CTĐT cử nhân ngành Triết học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thể hiện được các mục tiêu, các CĐR của CTĐT dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, thái độ theo khối ngành và theo lĩnh vực. Các CTĐT được xây dựng và thông qua sự thẩm định của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Triết học, Hội đồng Khoa học và đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo rằng các mục tiêu và CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Học viện, phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội.

Tiêu chí 1.1

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Kể từ năm 2016 đến năm 2020 chương trình đào tạo Khoa Triết học đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên thông, liên kết, và ngày càng hoàn thiện, qua 3 lần được chỉnh sửa bổ sung, cập nhật. Các chương trình này được Học viện Báo chí và Tuyên truyền các quyết định ban hành **[H1.01.01.01] [H1.01.01.02] [H1.01.01.03]**

Chương trình đào tạo cử nhân Triết học được xây dựng và xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng mục tiêu của CTĐT của luật Giáo dục Đại học; Thông tư số 14 năm 2010; Thông tư số 07 năm 2015; Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 **[H1.01.01.04]** Mục tiêu của CTĐT được thể hiện trong đề án tuyển sinh **[H1.01.01.05]**, trong các chương trình đào tạo trình độ đại học Khoa Triết học, và được rà soát chỉnh sửa ban hành trong các năm 2016 và 2018, 2020 **[H1.01.01.01] [H1.01.01.02] [H1.01.01.03]**. Mục tiêu chương trình đào tạo triết học hiện nay là:

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân triết học có năng lực giảng dạy và nghiên cứu triết học, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; hiểu được các nội dung lý luận về quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

PO1. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về quốc phòng an ninh và rèn luyện thể chất

PO2: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học.

PO3: Có kiến thức về tâm lý học sư phạm và lý luận dạy học đại học

PO4: Có kiến thức cơ bản về lý luận báo chí và truyền thông

PO5: Có kiến thức về khoa học triết học, tri thức và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để giảng dạy, nghiên cứu triết học và phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị

PO6: Có kiến thức về phương pháp giảng dạy triết học và lập kế hoạch bài giảng triết học

PO7: Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành triết học

PO8: Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực Triết học.

PO9: Có kỹ năng sư phạm, giảng dạy triết học

PO10: Có kỹ năng nghiên cứu, vận dụng lý luận vào thực tiễn

PO11: Có kỹ năng nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

PO12: Có kỹ năng biên tập bài báo, tạp chí khoa học (lý luận)

PO13: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, phân tích,

phản biện và tư duy sáng tạo

PO14: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

PO15: Có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái, làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

PO16: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong công tác.

PO17: Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lập kế hoạch và thực thi, đánh giá hiệu quả công việc.

Về vị trí việc làm và sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

+ Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học trong hệ thống giáo dục và đào tạo quốc dân, bao gồm hệ thống trường Đảng, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

+ Làm việc ở các cấp từ TW đến địa phương, như: Cơ quan nhà nước (lĩnh vực giáo dục, thông tin, truyền thông, lĩnh vực văn hóa, lĩnh vực hành chính – nội vụ); Cơ quan đảng (Tuyên giáo; dân vận; tổng hợp – văn phòng); Các đoàn thể chính trị - xã hội (Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, công đoàn); Ở các cơ sở giáo dục, đào tạo, các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội – nhân văn

+ Làm việc ở các cơ quan lý luận chính trị, các viện nghiên cứu, các tạp chí lý luận chính trị.

+ Làm việc ở các bộ phận tham vấn chính sách, nhân sự của các doanh nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu.

- Trình độ tin học

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

- Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu.

- Trình độ tin học

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

Như vậy, mục tiêu của CTĐT hiện nay được xây dựng là phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Khoa Triết học **[H1.01.01.06]**

Đồng thời có thể thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT của Khoa Triết học phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được chỉ rõ và xuyên suốt trong chức năng, nhiệm vụ của Học viện từ khi mới thành lập năm 1962 **[H1.01.01.07]** cho đến Chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2035 tầm nhìn 2050. Với sứ mạng của Học viện là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” **[H1.01.01.08]**

Mục tiêu của CTĐT của Khoa Triết học cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại điều 5, Luật GDĐH sửa đổi 2018 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” **[H1.01.01.09]**. Ngoài ra mục tiêu của chương trình đào tạo Khoa Triết học cũng đáp ứng được các yêu cầu quy định về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo Thông tư 07 /2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.10]** gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm.

Kể từ năm 2016 đến nay, mục tiêu CTĐT của Khoa Triết học đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp. Mục tiêu của CTĐT năm 2016 dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo như Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2018, mục tiêu của CTĐT ngành Triết học lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam

được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 [H1.01.01.09] [H1.01.01.10] [H1.01.01.11]

Để tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT, Học viện đều có kế hoạch và ban hành các văn bản Hướng dẫn rà soát, cập nhật chương trình và mục tiêu CTĐT [H1.01.01.12] [H1.01.01.13.DC]. Những lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT đều được xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp, xác định rõ ràng dựa trên cơ sở văn bản quy định liên quan đến việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia, hay các thông tư quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình này, Khoa Triết học cũng tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở một số trường khác để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp [H1.01.01.14.DC].

Mục tiêu của CTĐT của Khoa Triết học được xây dựng, chỉnh sửa đều thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của Khoa Triết học [H1.01.01.13.DC].

Mục tiêu đào tạo của ngành phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và đều được công bố công khai rộng rãi trên các cổng thông tin điện tử của Khoa và của Học viện, trong các bản mô tả CTĐT các năm 2018, 2020 [H1.01.01.15] [H1.01.01.16] [H1.01.01.17] [H1.01.01.18]

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT của Khoa Triết học đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra chương trình và nhấn mạnh chất lượng đào tạo ngành, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu và giảng dạy triết học trong lĩnh vực lý luận chính trị phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn của Khoa và của Học viện.

CTĐT được tiến hành đánh giá, rà soát để xây dựng, điều chỉnh các mục tiêu của CTĐT, ngày càng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học và phù hợp với Khung trình độ quốc gia. Ngoài ra, các mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan, nhất là của người sử dụng lao động nên có tính tiên tiến và gắn với thực tế yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại

Số lượng các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa Triết học sẽ tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.2

Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Mô tả

Từ năm 2018, Khoa Triết học đã nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng CDR cho các chương trình đào tạo trong đó có CTĐT của Khoa Triết học. CDR Khoa Triết học được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và ban hành qua các năm 2018 và 2020. Việc xây dựng CDR đều dựa theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với chuẩn đầu ra ngành đào tạo [H1.01.01.13]; dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo; các quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ tin học cho sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, [H1.01.02.01] và có sự tham khảo chuẩn đầu ra của một số trường khác [H1.01.02.02]. Quy trình xây dựng CDR được thực hiện theo các bước sau:

- Thực hiện thu thập thông tin, lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các buổi hội thảo xây dựng chương trình, phiếu khảo sát và các kênh khảo sát không chính thức khác; tham chiếu khung trình độ quốc gia và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cụ thể là bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo của bộ giáo dục ban hành theo thông tư 04-2016/TTBGĐT.

- Xác định mục tiêu CTĐT

- Xây dựng CDR theo nguyên tắc Smart (S; Rõ ràng, cụ thể; M: đo lường được, đánh giá được; A: Khả thi; R: Mang tính thực tiễn; T: có thể đạt được sau thời gian đào tạo). CDR được xây dựng dựa trên các thang đo tham chiếu về thang đo nhận thức Bloom, thang đo cảm xúc (Krathwohl), thang đo kỹ năng (Dave).

- Xây dựng và hoàn thiện CTĐT tích hợp CDR

Thực hiện quy định xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT của Học viện,

theo đó CTĐT của Khoa Triết học đã xây dựng các chuẩn đầu ra cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực [H1.01.01.03]. Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Khoa Triết học đều được xây dựng và xác định nhằm phản ánh được mục tiêu của CTĐT [H1.01.02.03].

Khoa Triết học đã xây dựng và ban hành CDR của CTĐT [H1.01.01.03]. Các chuẩn đầu ra được xây dựng bao gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức các kiến thức như: kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; các chuẩn đầu ra về kỹ năng bao gồm các kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành, các CDR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm được xác định như trong bảng sau:

STT	Nội dung
	Kiến thức
	<i>Kiến thức chung</i>
PLO 1	Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng cho việc định hướng cho việc học tập, làm việc theo ngành được đào tạo.
PLO 2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học.
	<i>Kiến thức ngành</i>
PLO 3	Vận dụng kiến thức về tâm lý học sư phạm và lý luận dạy học đại học vào phân tích, giải quyết tình huống trong quá trình giảng dạy.
PLO 4	Vận dụng kiến thức khoa học triết học vào phát triển tư duy và nhận định, giải quyết những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, môi trường sinh thái, hướng đến việc phát triển giá trị con người trong bối cảnh hiện nay
PLO 5	Vận dụng kiến thức lý luận truyền thông vào tiếp cận các hoạt động báo chí, xuất bản, truyền thông trong lĩnh vực lý luận chính trị
PLO 6	Phân tích, đánh giá các giai đoạn phát triển triết học trong lịch sử thông qua các tư tưởng, trường phái triết học tiêu biểu. Trên cơ sở đó, khẳng định giá trị và góp phần bổ sung, phát triển triết học Mác – Lênin trong bối cảnh hiện nay
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>
PLO 7	Vận dụng những tri thức và phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan

	đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước
PLO 8	Vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy triết học vào lập kế hoạch chi tiết bài giảng và giảng dạy triết học
	Kỹ năng
	<i>Kỹ năng chung</i>
PLO 9	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm
PLO 10	Kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và logic hệ thống, tư duy sáng tạo, và kỹ năng giải quyết vấn đề.
PLO 11	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo yêu cầu theo Thông tư số 01/2014/TT-BDGĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO 12	Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
	<i>Kỹ năng chuyên biệt của ngành</i>
PLO 13	Kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy triết học và vận dụng lý luận vào thực tiễn
PLO 14	Kỹ năng phân tích, đánh giá một cách tổng thể và giải quyết vấn đề liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước
PLO 15	Kỹ năng biên tập bài báo, tạp chí khoa học (lý luận)
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO 16	Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm trong môi trường làm việc khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
PLO 17	Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lập kế hoạch và thực thi, đánh giá hiệu quả công việc.

Như vậy, CDR Khoa Triết học được xác định rõ ràng bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CDR của CTĐT của Khoa Triết học bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT của Khoa Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Học viện, các chuẩn kiến thức về kiến thức chung và có các yêu cầu chuyên biệt là kiến thức

ngành, kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng thể hiện rõ cả kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành. Các CĐR của ngành đều gắn với mục tiêu của CTĐT [H1.01.02.03]

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mục tiêu cụ thể (POs)	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13	P L O 14	P L O 15	P L O 16	P L O 17
PO1	X																
PO2		X															
PO3			X														
PO4				X													
PO5				X		X	X										
PO6								X									
PO7												X					
PO8											X						
PO9													X				
PO10													X				
PO11														X			
PO12										X							
PO13									X								
PO14	X																
PO15															X		
PO16																X	
PO17																	X

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra Khoa Triết học, vấn đề tính liên thông của CĐR cũng được quan tâm tính đến, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình học song song, học thêm các văn bằng 2. Trước hết là tính liên thông giữa chuẩn đầu ra của các CTĐT thuộc Khoa Triết học, về cơ bản các chuẩn đầu ra về chuẩn kiến thức chung của Học viện, chuẩn đầu ra về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; chuẩn đầu ra về kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành; chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm được thống nhất trong các CTĐT của Khoa Triết học. Sự khác nhau cơ bản của các CĐR trong các chuyên ngành này là ở chỗ các chuẩn đầu ra về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên ngành đạt được năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn đặc biệt là trong

lĩnh vực lý luận chính trị [H1.01.02.04]. Đối với, các ngành đào tạo khác trong Học viện thì về cơ bản CDR của Khoa Triết học giống CDR với các ngành khác về chuẩn khối kiến thức giáo dục đại cương, các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chuẩn về ngoại ngữ tin học và chuẩn về thái độ chính trị [H1.01.02.04]. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên các ngành học khác khi tham gia học thêm các chuyên ngành của Khoa Triết học.

Chuẩn đầu ra của CTĐT là cơ sở để xây dựng đề cương chi tiết môn học, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Mỗi môn học đều được thiết kế để đáp ứng một hoặc nhiều chuẩn đầu ra của chương trình và được thể hiện cụ thể trong các môn học thuộc CTĐT. Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng cũng đáp ứng được các yêu cầu chuẩn đầu ra, điều này được thể hiện thông qua các mức độ đòi hỏi của từng học phần trong ma trận CDR của CTĐT [H1.01.02.05] chuẩn đầu ra của từng môn học này càng góp phần làm rõ chuẩn đầu ra của CTĐT. CDR của CTĐT của Khoa Triết học đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập; và mức độ tối thiểu các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có được sau khi hoàn thành chương trình Triết học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về CDR CTĐT cho thấy tỷ lệ hài lòng với CDR CTĐT là: 100% giảng viên hài lòng, sinh viên cuối khoá là 80.8%, cựu sinh viên là 85%, nhà tuyển dụng là 90% hài lòng với CDR của CTĐT [H1.01.02.06] [H1.01.02.07.DC] [H1.01.02.08.DC] [H1.01.02.09.DC] [H1.01.02.10.DC].

1.Điểm mạnh

Khoa Triết học đã xây dựng và ban hành CDR cho CTĐT của Khoa Triết học một cách bài bản, nghiêm túc, đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Khung trình độ quốc gia.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có khả năng đo lường và đánh giá. Các CDR đã bao quát được về kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; về kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành; về năng lực tự chủ, trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ, tin học.

1. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học phối hợp với Ban Quản lý - Đào tạo, Khoa Kiến thức Giáo dục đại cương của Học viện, Khoa Ngoại ngữ của Học viện và cố vấn học tập của các lớp để đưa ra giải pháp nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học của sinh viên, đảm bảo cho sinh viên đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học tốt nghiệp đúng thời hạn.

2. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3

Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Kể từ năm 2018, Học viện và Khoa Triết học cùng các Bộ môn đã chủ động trong việc xây dựng CĐR của CTĐT của Khoa Triết học. Trong quá trình này, Học viện, Khoa và các Bộ môn tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT. Học viện cũng đã ban hành quy định về việc rà soát này và ra các thông báo về rà soát chỉnh sửa CĐR của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của chương trình đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện qua các năm 2018, 2020 [H1.01.01.02.DC] [H1.01.01.03.DC]. Do đó chuẩn đầu ra ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các sinh viên định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

Để thực hiện việc xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT, Khoa đã lấy ý kiến khảo sát các bên có liên quan bao gồm: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, [H1.01.02.07.DC] [H1.01.02.08.DC] [H1.01.02.09.DC] [H1.01.02.10.DC]. Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm về xây dựng CTĐT trong đó có sự tham gia của giảng viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng [H1.01.01.13.DC]. Năm 2020, Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT của Khoa Triết học theo hướng dẫn về rà soát cập nhật CTĐT của Học viện [H1.01.01.13.DC]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT của Khoa Triết học ngày càng được hoàn thiện, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, của Khoa Triết học [H1.01.01.07.DC], phản ánh được yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng được chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.10.DC] do Chính phủ ban hành, và đáp ứng được nhu cầu thực tế xã

hội.

Bên cạnh đó, trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR Khoa Triết học còn có sự tham khảo các CĐR các CTĐT cùng khối ngành của các trường đại học có uy tín trong nước [H1.01.01.14.DC]

Chuẩn đầu ra của CTĐT của Khoa Triết học được xây dựng chú trọng đến việc trang bị về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; CĐR cũng nêu rõ vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp CTĐT của Khoa Triết học có thể tham gia [H1.01.01.03.DC]. Sau khi rà soát, điều chỉnh, CĐR đã tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... theo sự đóng góp của các bên liên quan. CĐR chương trình năm 2020 ngoài việc dựa theo quy định của thông tư 07 của Bộ GD&ĐT còn dựa vào CĐR cho chương trình đại học được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam do Chính phủ ban hành. Theo đó, nếu CĐR năm 2018 tách kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành thì CĐR năm 2020 gộp kiến thức này thành kiến thức ngành và xây dựng CĐR theo nhóm các môn học. Nếu CĐR năm 2020 đã được xây dựng hoàn thiện hơn với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; năng lực, đạo đức nghề nghiệp; năng lực công tác sau khi tốt nghiệp; nhấn mạnh hơn vào việc vận dụng tri thức vào phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông của sinh viên tốt nghiệp theo yêu cầu. Theo đó, CĐR năm 2020 Khoa Triết học Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 16 CĐR. Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn liền với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời các chuẩn đầu ra của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và thái độ. Do đó các CĐR của năm này được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn [H1.01.03.01],[H1.01.03.02].

Theo đó, đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều gắn liền với CĐR cụ thể mà học phần đó cung cấp cho người học, qua đó cung cấp cho người học nhận thấy rõ việc học tập có một ý nghĩa quan trọng và có ảnh hưởng tích cực đến quá trình học

tập, cũng như nhận thức của sinh viên [H1.01.03.03]. Trong quá trình rà soát chỉnh sửa CTĐT, đề cương chi tiết các học phần cũng được Khoa, các Bộ môn, các giảng viên điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu của CĐR [H1.01.03.04]. Dựa trên các yêu cầu chuẩn đầu ra của từng môn học cụ thể, CTĐT của Khoa Triết học cũng đã xây dựng được ma trận CĐR cho CTĐT, dựa vào đó có thể hình dung một cách khái quát về CĐR của ngành cho từng thời kỳ [H1.01.01.03].

Các chuẩn đầu ra ngày càng được xây dựng làm rõ và chi tiết hơn cho từng yêu cầu của CĐR trên cơ sở căn cứ vào các văn bản. Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR Khoa Triết học đều được Học viện, Khoa Triết học ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các cán bộ giảng viên và người học, người sử dụng lao động và xã hội thông qua website Học viện, của Khoa, sổ tay sinh viên các buổi giới thiệu chương trình đào tạo hay các ngày hội Open-day hàng năm [H1.01.03.04] [H1.01.03.05] [H1.01.03.06] [H1.01.03.07]. Điều này giúp cho người học, xã hội và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn và nắm bắt được các chuẩn về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Định kỳ khoảng 2 năm Học viện Báo chí và Tuyên truyền tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo, CĐR của các ngành học trong đó có Khoa Triết học. Việc điều chỉnh đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Khoa Triết học được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Tôn tại

Việc đạt được CĐR ngoại ngữ và tin học đối với một số sinh viên còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Học viện và Khoa Triết học phối hợp với khoa Kiến thức GDĐC, khoa Ngoại ngữ tổ chức tọa đàm về phương pháp học tập ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT của Khoa Triết học được xác định rõ ràng, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai rộng rãi trên website của Học viện.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT của Khoa Triết học được xác định: vẫn còn một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ. Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh như đã nêu ở các phần trên.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình là 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho giảng viên, sinh viên, đồng thời, là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT với các tổ chức, cơ quan. Với ý nghĩa đó, bản mô tả CTĐT ngành Triết học được điều chỉnh và hoàn thiện chu kỳ 2 năm/lần trên cơ sở các văn bản pháp luật của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các kết quả khảo sát các bên liên quan Trong giai đoạn 2016-2020, Bản mô tả chương trình đào tạo đã được rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện trong năm 2018 và 2020.

Tiêu chí 2.1

Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Sau khi Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành CTĐT của Khoa Triết học nói riêng và các chương trình đào tạo của Nhà trường nói chung theo các văn bản hướng dẫn của Học viện, Khoa Triết học đã tổ chức họp Hội đồng Khoa để xây dựng kế hoạch hoàn thiện chương trình đào tạo trong đó có bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01.DC]. Bản mô tả chương trình đào tạo Khoa Triết học được hoàn thiện trên cơ sở điều chỉnh cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo được ban hành năm 2018 và năm 2020 phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các văn bản

pháp luật của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.02.DC], [H2.02.01.03.DC].

Bản mô tả chương trình đào tạo Khoa Triết học là một văn bản bao gồm các nội dung: (1) Thông tin chung về chương trình đào tạo; (2) Tóm tắt mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình; (3) Chuẩn đầu ra của CTĐT; (4) Cấu trúc chương trình dạy học; (5) Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; (6) Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

[H2.02.01.04.DC].

Bản mô tả chương trình đào tạo Khoa Triết học năm 2020 được đánh giá là bản mô tả hoàn chỉnh của Khoa Triết học trong giai đoạn 2020 - 2022. Bản mô tả chương trình đào tạo đã đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, đã được cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo năm 2018, điều chỉnh theo sự thay đổi của các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Khoa Triết học năm 2020, phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung năng trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016 và phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng [H2.02.01.03.DC]. Sự hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo Khoa Triết học được thể hiện như sau:

Thứ nhất, mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo đã bám sát các tiêu chí được quy định đối với bậc 6 trong Khung năng trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016, phù hợp với đặc điểm riêng về ngành nghề và được thể hiện thông qua 8 mục tiêu nhỏ, được cơ cấu theo 3 nhóm: (1) Mục tiêu về kiến thức: 3 mục tiêu; (2) Mục tiêu về kỹ năng: 3 mục tiêu; (3) Mục tiêu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: 2 mục tiêu. Các mục tiêu có cấu trúc rõ ràng, thể hiện khả năng có thể lượng hóa và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo so với các bản mô tả chương trình đào tạo trước đó.

Thời gian đào tạo CTĐT ngành Triết học là 4 năm với 130 tín chỉ.

Thứ 2, chuẩn đầu ra của CTĐT

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Khoa Triết học năm 2020 đã thể hiện sự lượng hóa các mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học đạt được nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình có sự liên hệ chặt chẽ về cấu trúc và mức độ, được trình bày dễ hiểu cho cả đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển dụng và người học. Đây cũng là một trong những điểm hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo năm 2020.

Thứ 3, về cấu trúc chương trình dạy học

Trên cơ sở các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực được xác định, Hội đồng Khoa Triết học và đại diện các tổ bộ môn tổ chức họp nhằm xác định các khối kiến thức, các học phần trong mỗi khối kiến thức để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra và xác định mức độ đóng góp của mỗi khối kiến thức đối với chuẩn đầu ra, mỗi học phần cần thiết trong mỗi khối kiến thức đó, cấu trúc chương trình dạy học [H2.02.01.04.DC]. Để chuyển đổi các chuẩn đầu ra CTĐT vào chuẩn đầu ra các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa Triết học đã tiến hành hội thảo về xác định các khối kiến thức trong CTĐT, danh mục học phần tương ứng với các khối kiến thức trong CTĐT với thành phần tham dự là các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và giảng viên trong khoa. Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia hội thảo chủ yếu hướng tới nhóm nhà tuyển dụng thuộc các trường đại học, các cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội, viện nghiên cứu Triết học. Các học phần được chính thức đưa vào danh mục học phần trong CTĐT của Khoa Triết học các ý kiến đánh giá cho rằng học phần này là cần thiết đối với CTĐT của Khoa Triết học, góp phần quan trọng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra sau khi sinh viên tốt nghiệp [H2.02.01.01.DC] [H2.02.01.05.DC]

Từ danh mục các học phần theo các khối kiến thức, Khoa tiến hành tọa đàm để xác định chuẩn đầu ra các học phần và hỏi ý kiến các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các giảng viên theo các nhóm chuyên môn về mức độ đóng góp của mỗi học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT [H2.02.01.01.DC]. Đây cũng chính là cơ sở để triển khai xây dựng chương trình dạy học, xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của các học phần [H2.02.01.05.DC].

Cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học được xác định theo nguyên tắc: khối kiến thức chung khoa học Mác - Lênin và khối kiến thức giáo dục đại cương điển

ra trước. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được tổ chức ngay sau khối kiến thức giáo dục đại cương, đảm bảo cho sinh viên hoàn thành các học phần tiên quyết từ năm thứ nhất đến hết năm thứ hai, đủ điều kiện lựa chọn ngành học ở khối kiến thức ngành, bổ trợ và chuyên ngành (diễn ra từ năm thứ ba đến hết năm thứ tư) [H2.02.01.03.DC]. Trong bản mô tả CTĐT đã mô tả cụ thể cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học và danh mục các học phần trong chương trình dạy học đã được rà soát và chỉnh sửa không chỉ được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học Khoa Triết học, ý kiến của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, được chỉnh sửa, bổ sung sau khi so sánh đối chiếu với bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học của trường ĐH KHXH và NV Hà Nội theo các tiêu thức: mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT, cấu trúc chương trình dạy học trong bản mô tả CTĐT danh mục các học phần trong chương trình dạy học....[H2.02.01.06] [H2.02.01.07] [H2.02.01.08]

Thứ 4, Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình [H2.02.01.03.DC]: Sự thay đổi cơ bản trong phần này là sự lượng hóa về mức độ kiến thức, kỹ năng và năng lực cần đạt được tương ứng với mỗi học phần. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề cương các học phần, xây dựng cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học, xác định nội dung và hình thức kiểm tra, đánh giá.

Thứ 5, Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

Các học phần được mô tả tóm tắt về mục tiêu và những nội dung cơ bản làm căn cứ xây dựng đề cương chi tiết học phần [H2.02.01.03.DC]. Mục tiêu của các học phần được xác định trên cơ sở những chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực cần đáp ứng tương ứng với mỗi học phần trong chương trình đào tạo và được Hội đồng khoa học Khoa Triết học và các tổ bộ môn có liên quan thông qua theo các tiêu chí: đặc trưng của học phần, các mức độ chuẩn đầu ra tương ứng với mỗi học phần.

Theo thống kê khảo sát đối với các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa Triết học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, có 100 % ý kiến đánh giá về bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học có đầy đủ các thông tin cần thiết để sinh viên có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn, các sinh viên cũ, nhà tuyển dụng cũng có ý kiến phản hồi tốt về chương trình đào tạo với 100% người được hỏi đều cho rằng chương trình đào tạo Khoa Triết học mang tính cập nhật và tiên tiến, đáp ứng tốt nhu cầu về lao động của xã hội và đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra về

năng lực chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Các tiêu chí: mức độ đảm bảo các thông tin cần thiết của bản mô tả CTĐT, mức độ dễ hiểu của các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo, khả năng tạo thuận lợi cho người học xây dựng kế hoạch học tập, mức độ dễ tiếp cận của bản mô tả chương trình đào tạo đều được sinh viên hiện tại, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá đạt mức tốt đến rất tốt với mức điểm trung bình từ 3,98 đến 4,04 theo thang Likert 5 mức độ. [H2.02.01.07] [H2.02.01.08] [H2.02.01.09]

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học đảm bảo tính đầy đủ và tường minh, các nội dung đảm bảo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện và phù hợp với nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ma trận tích hợp các khối kiến thức, các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình đào tạo, được lượng hóa theo các chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực cho các học phần của chương trình.

3. Tồn tại

Bản mô tả CTĐT quá dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm khảo thí kiểm định chất lượng tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, súc tích.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2

Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Trên cơ sở bản CTĐT, Khoa Triết học đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần, chỉnh sửa, bổ sung nội dung đề cương học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành [H2.02.02.01.DC]. Đề cương chi tiết các học phần được chỉnh sửa, bổ sung qua năm 2018, 2020

[H2.02.02.02] [H2.02.02.05.DC]. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và CDR của từng học phần **[H2.02.01.04.DC] [H2.02.01.05.DC]**

Sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, cho đến năm 2020, các đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo cơ bản theo quy định, bao gồm các thông tin cơ bản, như sau: (1) Thông tin về giảng viên, (2) Thông tin chung về học phần, (3) Mục tiêu của học phần, (4) Chuẩn đầu ra, (5) Tóm tắt nội dung học phần, (6) Nội dung chi tiết và kế hoạch dạy học học phần, (7) Học liệu, (8) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, (9) Chính sách môn học, (10) Cấp phê duyệt, (11) Ngày phê duyệt **[H2.02.01.05.DC]**.

Đề cương học phần sau khi được nghiệm thu sẽ được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT của Khoa Triết học **[H2.02.01.04.DC] [H2.02.01.05.DC]**. Trong quá trình học, mọi sinh viên đều được giáo viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài.

Đề cương học phần được định kỳ rà soát theo quy trình như sau:

Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CDR và chương trình khung của CTĐT của Khoa Triết học. **[H2.02.02.01.DC]**

Khoa tổ chức họp về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan **[H2.02.02.04.DC] [H2.02.02.01.DC]**

Giảng viên phụ trách học phần thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP

Hội đồng khoa học Khoa họp nghiệm thu ĐCHP. Giảng viên phụ trách hoàn thiện ĐCHP trên cơ sở góp ý của Hội đồng Khoa học **[H2.02.02.01.DC]**

Học viện công bố ĐCHP trên website Học viện và giảng viên giới thiệu ĐCHP trong mỗi học phần. **[H2.02.02.04.DC]**.

Kết quả khảo sát người học cho thấy hệ thống đề cương chi tiết học phần trong CTĐT của Khoa Triết học được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, chuẩn đầu ra các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; (5) Sự tương thích giữa phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra. Mức độ đánh giá đạt trung bình 4.4 theo thang điểm 5 mức độ **[H2.02.02.03.DC]**.

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ giáo dục và

Đào tạo, HVBC VÀ TT về hình thức và nội dung của học phần.

Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Khoa Triết học và phù hợp với chuẩn đầu ra được các định cho mỗi học phần.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực Khoa Triết học như: Triết học kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội, môi trường, v.v; thể hiện đặc thù của Học viện BCTT như các học phần về lý luận báo chí và truyền thông, kỹ năng biên tập báo chí lý luận.

Thông tin trong hệ thống đề cương học phần đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Chuẩn đầu ra của học phần được lượng hóa giúp cho người học dễ hiểu và hoạch định các mục tiêu thực hiện chương trình học nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

3. Tồn tại

Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên Khoa Triết học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học tiếp tục hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần theo hướng: hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Triết học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Sau khi bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học đã được chỉnh sửa, bổ sung năm 2018, 2020 [H2.02.01.02.DC] [H2.02.01.03.DC] và hệ thống đề cương học phần đã được phê duyệt [H2.02.01.05.DC], Khoa Triết học thống nhất các kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT [H2.02.03.01] Bản mô tả CTĐT, hệ thống đề cương chi tiết học phần đã công bố công khai cho người học và

giảng viên và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của HVBCCTT [H2.02.03.02]; sổ tay sinh viên [H2.02.03.03], các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông tại cơ sở và tại Học viện, [H2.02.03.04] Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Học viện để cán bộ, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Học viện còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tuyến qua điện thoại và fan page về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, tuyển sinh [H2.02.03.05].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, giảng viên của Học viện mà các bên liên quan như nhà tuyển dụng đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo [H2.02.01.07.DC] [H2.02.01.08.DC].

2. Điểm mạnh

Việc thông tin công khai và chi tiết về bản mô tả chương trình đào tạo ngành và đề cương học phần đã được thực hiện tốt trên trang web của Học viện, sổ tay sinh viên, các tài liệu tuyển sinh để các bên liên quan dễ tiếp cận.

3. Tôn tại

Số lượng các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và ĐCHP chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học phối hợp với Trung tâm khảo thí và ĐBCL lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT của Khoa Triết học được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Theo CTĐT, phần lớn đề cương của các học phần đều có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để sinh viên có thể khảo cứu dễ dàng. Cơ sở dữ liệu cập nhật trong các chuyên ngành thuộc Khoa Triết học được cập nhật thường xuyên qua hệ thống thư viện Nhà trường.

Tuy nhiên, bản mô tả chương trình đào tạo vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên Website chưa dễ dàng, làm giảm hiệu quả của công tác tuyển sinh; Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên Khoa Triết học chưa nhiều.

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Triết học.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình 5 /7

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Triết học có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực. CTDH ngành Triết học được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTĐT bao gồm các học phần môn học được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quan trọng trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chương trình dạy học của Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ Khoa Triết học được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Học viện, phù hợp với Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H3.03.01.01.DC]. CTĐT của Khoa Triết học được ban hành theo các quyết định liên quan [H3.03.01.02.DC]

CTDH Khoa Triết học được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra một cách khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H3.03.01.03] [H3.03.01.04] Trong CTDH nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra của Khoa Triết học được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể gồm CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học được kí hiệu từ PLO 1 đến PLO 17. [H3.03.01.01.DC]. Trong đó CDR về kiến thức từ PLO 1 đến PLO 8, CDR về kỹ năng từ PLO 9 đến PLO 15, CDR về năng lực tự chủ từ PLO 16 đến PLO 17, đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của chương trình đào tạo [H3.03.01.02.DC].

Về cấu trúc, chương trình dạy học năm 2020 của Khoa Triết học được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 103 tín chỉ bắt buộc (tương đương chiếm 79,2%) và 27 tín chỉ tự chọn (chiếm 20,7%). Chương trình này là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018, sự điều chỉnh tập trung vào sự điều chỉnh các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình, điều chỉnh số giờ lý thuyết và thực hành nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân Khoa Triết học. Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT của Khoa Triết học được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập và khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 45 tín chỉ ($45/130 = 34,5\%$), khối kiến thức cơ sở ngành gồm 18 tín chỉ chiếm 13,8 %, khối kiến thức ngành gồm 31 tín chỉ chiếm 23,8%, khối kiến thức bổ trợ gồm 6 tín chỉ chiếm 4,6 %, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ chiếm 23,07%. Các khối kiến thức này góp phần đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm [[H3.03.01.02.DC]. Cụ thể:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được chuẩn đầu ra như:

Hiểu kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam làm nền tảng, định hướng cho việc học tập và làm việc theo ngành được đào tạo PLO1; Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh

vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học PLO2

+ Khỏi kiến thức ngành giúp người học đạt được chuẩn đầu ra như: Vận dụng kiến thức về tâm lý học sư phạm và lý luận dạy học đại học vào phân tích, giải quyết tình huống trong quá trình giảng dạy PLO3; Vận dụng kiến thức khoa học triết học vào phát triển tư duy và nhận định, giải quyết những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, môi trường sinh thái, hướng đến việc phát triển giá trị con người trong bối cảnh hiện nay PLO4; Vận dụng kiến thức lý luận truyền thông vào tiếp cận các hoạt động báo chí, xuất bản, truyền thông trong lĩnh vực lý luận chính trị PLO5; Phân tích, đánh giá các giai đoạn phát triển triết học trong lịch sử thông qua các tư tưởng, trường phái triết học tiêu biểu. Trên cơ sở đó, khẳng định giá trị và góp phần bổ sung, phát triển triết học Mác – Lênin trong bối cảnh hiện nay PLO6

+ Khỏi kiến thức chuyên ngành giúp người học vận dụng những tri thức và phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước (PLO7); Vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy triết học vào lập kế hoạch chi tiết bài giảng và giảng dạy triết học (PLO8). Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và logic hệ thống, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề (PLO 9; PLO 10); kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy triết học và vận dụng lý luận vào thực tiễn; kỹ năng phân tích, đánh giá một cách tổng thể và giải quyết vấn đề liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kỹ năng biên tập bài báo, tạp chí khoa học (lý luận) (PLO 13, PLO 14).

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể [H3.03.01.05] và CĐR người học cần đạt được sau mỗi học phần [H3.03.01.06.DC]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của người học. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CĐR về kiến thức của người học.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng

học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng [H3.03.01.06.DC].

Các chiến lược, phương pháp dạy học sử dụng trong CTĐT bao gồm:

Chiến lược dạy học tương tác bao gồm các phương pháp thuyết giảng tương tác và phương pháp thảo luận nhóm. Phương pháp thuyết giảng tương tác là phương pháp kết hợp thuyết trình (truyền thống) với các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, tình huống, hỏi đáp, phỏng vấn nhanh, sàng lọc phiếu, v.v.

Phương pháp thảo luận nhóm giúp các sinh viên bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của mình, phát huy tính độc lập, sáng tạo của sinh viên. Các sinh viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, thông tin với nhau để hoàn thiện hơn kiến thức của mình. Sử dụng phương pháp này sẽ tăng cường hoạt động tập thể, phát triển năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác.

Chiến lược dạy học gián tiếp gồm phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study) và giải quyết vấn đề sử dụng các tình huống cụ thể về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và tình huống dạy học. Phương pháp này giúp người học đạt được CĐR như: nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giải quyết các tình huống trong giảng dạy triết học. [H3.03.01.06.DC]

Chiến lược dạy học trải nghiệm, bao gồm các phương pháp dạy học thực hành, kiến tập, thực tế chính trị - xã hội, và thực tập nghề nghiệp nhằm hướng tới phát triển các năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm khác. [H3.03.01.06.DC]

Phương pháp sinh viên thuyết trình giúp người học tự tin, phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phân tích, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm. [H3.03.01.06.DC]

Những phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CĐR về kiến thức mà còn đạt được CĐR về kỹ năng như: phân tích, phản biện, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo và CĐR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giờ số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính

chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được lập theo từng tuần gắn với số giờ lý thuyết và thực hành [H3.03.01.06.DC].

CTDH được xây dựng dựa trên mối quan hệ nhất quán giữa CDR, phương pháp dạy và học và hình thức kiểm tra đánh giá. Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CDR của người học một cách hiệu quả [H3.03.01.07.DC] [H3.03.01.08.DC]

Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức:

$$\mathbf{Đ_{HP} = 0,6A + 0,3B + 0,1C}$$

Trong đó:

A: Điểm thi kết thúc học phần

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng giảng viên [H3.03.01.09]. Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Hình thức kiểm tra đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Trọng số, %	Quy định đánh giá	CDR
1	Điểm chuyên cần	10	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà và các hoạt động chuẩn bị bài, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	
2	Điểm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	30	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao.	

TT	Điểm thành phần	Trọng số, %	Quy định đánh giá	CDR
3	Điểm thực hành		- Tham gia 100% số giờ -Thực hiện đúng quy trình, có kết quả thực hành và được báo cáo đầy đủ.	
4	Điểm thuyết trình		-Chuẩn bị nội dung - Thuyết trình trước lớp	
5	Điểm kiểm tra giữa kỳ		- Kiểm tra theo đề, đáp án, thang điểm của giảng viên	
6	Điểm thi kết thúc học phần	60	- Thi viết, trắc nghiệm hoặc vấn đáp - Tiểu luận/bài tập lớn/sản phẩm/dự án	

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CDR:

Kiểm tra trắc nghiệm: Nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức nền tảng thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra viết tự luận: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học. **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra vấn đáp: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học. **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra thuyết trình: Kiểm tra khả năng hiểu, vận dụng kiến thức; kỹ năng phân tích, lập luận; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm học **[H3.03.01.06.DC]**

Tiểu luận: Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học **[H3.03.01.06.DC]**

Bài tập lớn: Bao gồm các sản phẩm thực hành như bài báo, tạp chí, bài giảng, giáo án, v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm **[H3.03.01.06.DC]**

Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập: Bao gồm các bài báo, bài giảng, giáo án, và báo cáo các đợt thực tế chính trị-xã hội, thực tập nghề nghiệp nhằm kiểm tra tổng hợp năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v. **[H3.03.01.06.DC]**

Khoá luận tốt nghiệp: Đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v. **[H3.03.01.06.DC]**

Các học phần đều có hình thức kiểm tra thường xuyên nhằm đánh giá sự tham gia tích cực của người học, thái độ, tinh thần học tập.

Như đã trình bày ở trên, CTDH Khoa Triết học được xây dựng với các nội dung cụ thể từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo và thời lượng đối với ngành học và từng học phần **[H3.03.01.02.DC]** được công bố công khai trên Website của nhà trường **[H3.03.01.10.DC]**, trong các buổi họp phản ánh tình hình sinh viên **[H3.03.01.11]**

CTDH Khoa Triết học được lấy ý kiến phản hồi dưới nhiều hình thức, bao gồm phiếu khảo sát đánh giá **[H3.03.01.12.DC]** **[H3.03.01.13.DC]** **[H3.03.01.14.DC]** **[H3.03.01.15.DC]**, thông qua buổi họp phản ánh tình hình sinh viên **[H3.03.01.11]**; thông qua buổi tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học. **[H3.03.01.01.DC]**

Phần lớn các ý kiến đều cho rằng CTDH là rõ ràng, các khối kiến thức, các học phần có lượng tín chỉ cân đối, đảm bảo được CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm; sinh viên được học một số môn có tính đặc thù của ngành. Do vậy, khi ra trường, sinh viên tiếp cận khá tốt với công việc đặc biệt là công việc thuộc các lĩnh vực lý luận chính trị **[H3.03.01.15.DC]**.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần chú trọng hơn nữa đến kỹ năng mềm của sinh viên, tăng cường tri thức thực tiễn, tình huống thực tế trong quá trình giảng dạy. Điều này đảm bảo sinh viên ra trường sẽ dễ dàng tiếp cận với công việc hơn.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học Khoa Triết học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và giờ tự học, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... những điểm mạnh đó là cơ sở tốt để đáp ứng yêu cầu của CĐR.

3. Tồn tại

Trọng số đánh giá chuyên cần trong ĐCHP hiện nay còn chưa hợp lý

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2021, khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đề xuất điều chỉnh điểm trọng số chuyên cần tăng từ 10% lên 20%

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí

Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Việc xây dựng CTĐH Khoa Triết học được thực hiện theo quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT, trong đó các học phần được xác định rõ mức đóng góp để đạt được CĐR [H3.03.01.01.DC]. Mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT được xem xét ở ba cấp độ: thấp (L), trung bình (M), cao (H) [H3.03.01.02.DC]. Đề cương các học phần đều thể hiện rõ mối liên hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.06.DC].

Trong chương trình dạy học, các nhóm học phần nói chung và từng học phần nói riêng đều thể hiện được sự đóng góp một cách rõ ràng cho việc đạt được CĐR. Cụ thể như sau:

Các môn Khoa học Mác - Lênin có CĐR là sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng, định hướng cho việc học tập, làm việc theo ngành được đào tạo.

Các học phần khoa học xã hội có mục tiêu sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học. Các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CĐR PLO2 [H3.03.01.02.DC].

Các học phần kiến thức ngành như các môn tâm lý học sư phạm, lý luận dạy

học đại học có mục tiêu giúp người học vận dụng kiến thức về tâm lý học sư phạm và lý luận dạy học đại học vào phân tích, giải quyết tình huống trong quá trình giảng dạy (PLO3); các học phần khoa học triết học như đạo đức học, mỹ học, tôn giáo học, triết học sinh thái, triết học con người... giúp người học vận dụng kiến thức khoa học triết học vào phát triển tư duy và nhận định, giải quyết những vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, môi trường sinh thái, hướng đến việc phát triển giá trị con người trong bối cảnh hiện nay (PLO4); các học phần lý luận báo chí và truyền thông giúp người học vận dụng kiến thức lý luận truyền thông vào tiếp cận các hoạt động báo chí, xuất bản, truyền thông trong lĩnh vực lý luận chính trị (PLO5); kỹ năng biên tập bài báo, tạp chí khoa học (lý luận) PLO 15. Các học phần lịch sử triết học giúp người học phân tích, đánh giá các giai đoạn phát triển triết học trong lịch sử thông qua các tư tưởng, trường phái triết học tiêu biểu. Trên cơ sở đó, khẳng định giá trị và góp phần bổ sung, phát triển triết học Mác - Lênin trong bối cảnh hiện nay (PLO6). Ngoài ra các học phần thuộc nhóm này còn hướng tới các CĐR như PLO 9, 10, 16, 17 [H3.03.01.02.DC].

Nhóm các học phần chuyên ngành, các học phần thay thế khóa luận giúp người học vận dụng những tri thức và phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước (PLO7); Vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy triết học vào lập kế hoạch chi tiết bài giảng và giảng dạy triết học (PLO8) Ngoài ra, nhóm học phần này còn giúp người học có kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy triết học và vận dụng lý luận vào thực tiễn (PLO13); Kỹ năng phân tích, đánh giá một cách tổng thể và giải quyết vấn đề liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước (PLO14)... Các học phần này hướng tới các chuẩn đầu ra PLO 16, 17 với mức độ từ L đến H [H3.03.01.02.DC].

Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và của CTDH nói chung [H3.03.01.02.DC].

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH Khoa Triết học được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CĐR của Học viện BCTT [H3.03.02.01] [H3.03.02.02]. Khi thiết kế CTDH, Khoa Triết đã xây dựng các ma trận phương pháp dạy học và CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá và CĐR [H3.03.01.07.DC] [H3.03.01.08.DC] nhằm đảm bảo phương

pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH đa dạng, phù hợp đảm bảo đáp ứng CDR. Đề cương học phần cũng thể hiện rõ sự phù hợp của các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong học phần với CDR [H3.03.01.06.DC].

CTDH Khoa Triết học được thiết kế dựa trên sự tham khảo CTĐT của Khoa Triết học của Trường Đại học KHXH & NV – ĐH Quốc gia Hà Nội [H3.03.02.03]. Sự giống và khác nhau giữa các học phần trong CTĐT của Khoa Triết học của HVBCCT và CTĐT Triết học của trường được thể hiện như sau:

Nội dung đối sánh	CTDH Khoa Triết học của HVBCCT	CTDH Khoa Triết học của ĐHKHXH và NV
Các học phần giống nhau	Chính trị học đại cương, Tôn giáo học, Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Mỹ học, Đạo đức học, PP giảng dạy triết học, Triết học trong KHTN, Triết học văn hoá, Triết học chính trị, Lịch sử Triết học Phương Đông, Lịch sử triết học phương Tây, Triết học phương Tây hiện đại, Tác phẩm kinh điển Mác – Lênin	Báo chí truyền thông đại cương, Những vấn đề triết học về toàn cầu hoá, Các lý thuyết đương đại về phát triển xã hội.
Các học phần khác nhau	Lý luận dạy học Đại học, Các loại hình truyền thông đương đại, Truyền thông trong lãnh đạo quản lý, Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí-truyền thông, Truyền thông và vận động, Nghệ thuật phát biểu miệng, Truyền thông chính sách, Biên tập văn bản báo chí, Thực tế chính trị- xã hội	Hiến pháp Nước CHXH CNVN, Phương thức SX Châu Á và làng xã ở Việt Nam, Logic học biện chứng, Triết học tôn giáo, Triết học Logic, Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, Nho giáo ở Việt Nam, Vấn đề dung thông tam giáo ở Việt Nam, Sự tiếp biến tư tưởng Đông – Tây

		ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, Phật giáo ở Việt Nam, Khái luận tư tưởng triết học và tôn giáo Nhật bản, Sự du nhập tư tưởng Ki tô giáo ở Việt Nam...
--	--	---

Sở dĩ có sự khác nhau là, CTĐT của Đại học KHXH & NV chuyên về nghiên cứu triết học, giảng dạy triết học còn CTĐT của HVBC và TT không chỉ đào tạo về nghiên cứu triết học, giảng dạy triết học mà còn đào tạo người làm công tác biên tập, xuất bản trong lĩnh vực lý luận chính trị.

CTDH Khoa Triết học đã được rà soát, điều chỉnh qua các năm 2016, 2018, 2020 [H3.03.01.02.DC] [H3.03.02.04.DC] [H3.03.02.05.DC] Quá trình rà soát, điều chỉnh có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, sinh viên cuối khoá, nhà tuyển dụng [H3.03.01.12.DC] [H3.03.01.14.DC] [H3.03.01.15.DC]. Sự thay đổi trong các học phần được thể hiện như sau:

Chương trình 2016 kiến thức chuyên ngành gồm 33 TC (27 bắt buộc và 6 tự chọn) thì trong CT 2018, 2020 khối kiến thức ngành là 31 TC (22 TC bắt buộc và tự chọn 9 TC), kiến thức chuyên ngành gồm 30 TC (27 bắt buộc và 3 tự chọn). Đối với khối kiến thức bổ trợ chương trình mới giảm từ 8 TC xuống còn 6 TC. Sở dĩ khối kiến thức ngành cao là đưa một số môn như mỹ học, tôn giáo học từ khối kiến thức cơ sở ngành sang, các môn lịch sử triết học cũng được đưa sang khối kiến thức ngành. Ở khối kiến thức này cũng bổ sung nhiều môn tự chọn mới như: Cơ sở lý luận báo chí, Khoa học lãnh đạo, Triết học văn hóa, Triết học sinh thái, Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị, Truyền thông chính sách

Đối với các môn tự chọn: Số tín chỉ như nhau nhưng một số môn chuyển sang khối kiến thức khác, như Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nguyên lý công tác tư tưởng chuyển lên khối kiến thức KHXH, môn mỹ học chuyển sang khối kiến thức ngành, một số môn bỏ (vật lý học, hóa học, sinh học đại cương) và bổ sung một số môn mới như Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, Truyền thông và vận động, Nghệ thuật phát biểu miệng ...

Các môn kiến thức chuyên ngành trong chương trình mới thì trong chương trình cũ cũng có, chỉ khác là một số môn nếu trong chương trình cũ nằm trong kiến thức chuyên ngành thì sang chương trình mới, tách ra và chuyển lên kiến thức ngành. Khối kiến thức bổ trợ bắt buộc trong chương trình 2018, 2020 giảm từ 4 TC xuống 3 TC, đưa môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại trong chương trình cũ xuống học phần thay thế, bổ sung môn triết học con người và một số môn tự chọn Biên tập văn bản báo chí, Triết học chính trị, Triết học giá trị vào khối kiến thức bổ trợ (là phù hợp với bối cảnh xã hội mới cũng như đáp ứng được mục tiêu về vị trí việc làm cũng như CĐR)

Học phần thay thế trong CT 2018, 2020 giảm từ 7 TC xuống 6 TC và thay thế môn Chủ nghĩa Mác phương Tây bằng môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại (đưa từ kiến thức bổ trợ xuống), CT mới bỏ môn Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị vì đã đưa vào kiến thức ngành

Các môn chuyên ngành đều tăng số tín chỉ thực hành và giảm số tín chỉ lý thuyết.

Sở dĩ CTDH có sự thay đổi này là để đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên trong bối cảnh mới. Hơn nữa CTDH được cải tiến theo hướng tăng khối lượng thực hành thảo luận, tăng cường học phần có CĐR là các kỹ năng.

Trước khi được công bố chính thức, CTDH của từng ngành, từng chuyên ngành đều được thông qua bởi bộ môn chuyên môn, Hội đồng Khoa học Khoa Triết học, Hội đồng khoa học Học viện Báo chí và Tuyên truyền, **[H3.03.01.01.DC]**.

Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, Khoa Triết học đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, sinh viên cuối khóa, giảng viên, nhân viên về CTDH hiện nay đang thực hiện **[H3.03.01.12.DC]** **[H3.03.01.14.DC]** **[H3.03.01.15.DC]**. Kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng cho thấy: 100% giảng viên; 86.9% sinh viên cuối khóa hài lòng mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng **[H3.03.01.13.DC]**.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được CĐR của người học. Điều này thể hiện rõ thông qua ma trận kỹ năng của CTDH.

Các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và nêu rõ tên cán bộ trực tiếp giảng dạy học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong từng học phần được quy định cụ thể.

3. Tồn tại

Hiệu quả của các hoạt động tự học của sinh viên ở một số học phần trong CTDH chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến

Từ năm 2021 trở đi, Tất cả các bộ môn trong Học viện có học phần trong CTĐT của Khoa Triết học và các giảng viên phụ trách học phần có hình thức kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CDR của việc sinh viên tự nghiên cứu trong mỗi học phần.

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí

Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 3.3

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

CTDH của Khoa Triết học được thiết kế dựa trên Quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhằm hướng tới việc đạt được CDR của CTĐT [H3.03.03.01.DC]. Nhằm đáp ứng các CDR về kiến thức, kỹ năng chung; kiến thức, kỹ năng ngành và chuyên ngành; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, CTDH được cấu trúc với các khối kiến thức: Kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ. Cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.01.02.DC], số tín chỉ và tỷ lệ cụ thể như sau:

Bảng 3.2: Cấu trúc kiến thức đào tạo Khoa Triết học năm 2020

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức đại cương	39	6	34,6
2	Kiến thức cơ sở ngành	12	6	13,8

3	Kiến thức ngành	22	9	23.8
4	Kiến thức chuyên ngành	27	3	23
5	Kiến thức bổ trợ	3	3	4.6

Trong tổng số TC của toàn bộ nội dung kiến thức đào tạo có 103 TC bắt buộc chiếm 79.2%, còn lại 27 TC tự chọn chiếm 20.7%.

+ Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế khá cân đối và hợp lý. Khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm tỷ lệ 34.6%, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ 65.4%.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 85 TC chiếm tỷ lệ 65.4%, trong đó khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành chiếm 37.7%, kiến thức bổ trợ gồm 6 tín chỉ chiếm 0.46% và khối kiến thức chuyên ngành chiếm 22.3%

+ Số TC dành cho thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp là 9 tín chỉ chiếm trên 6.92% tổng số TC của khối kiến thức chuyên ngành. Điều này thể hiện sự tập trung cho việc đạt CĐR của sinh viên dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành.

Các khối kiến thức cụ thể trong nội dung kiến thức đào tạo Khoa Triết học được thiết kế theo trình tự từ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, chương trình được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho sinh viên trong 3 học kỳ đầu tiên nhằm cung cấp kiến thức nền tảng và rèn luyện các kỹ năng chung. Các học phần cơ sở ngành và ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo nhằm trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng của Khoa Triết học. Hai học kỳ cuối của chương trình, sinh viên được cung cấp các học phần chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp với mục đích phát triển cho sinh viên kiến thức chuyên sâu theo chuyên ngành và các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng sinh viên vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào năm cuối cùng. Sự cân đối của các khối kiến thức, kết hợp với trình tự giảng dạy từng học phần, kế hoạch giảng dạy từng kì học [H3.03.01.02.DC]. Mục tiêu cũng như sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào CĐR

của CTĐT là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt kiến thức hướng tới đạt CDR một cách chắc chắn nhất có thể. [H3.03.03.01]

Khi xây dựng CTDH Khoa Triết học, Khoa đã tham khảo CTDH của trường đại học có uy tín trong và ngoài nước như: Đại học Khoa học xã hội và nhân văn [H3.03.02.03.DC], ĐH Essex University, nước Anh [H3.03.03.02].

Bảng 3.3: Thống kê, đánh giá mức độ tham khảo CTĐT của một số trường đại học (chỉ tính các học phần bắt buộc)

Trường- Khối kiến thức		Giáo dục đại cương		Giáo dục chuyên nghiệp		Tổng số	
		Số HP	Số TC	Số HP	Số TC	Số HP	Số TC
CTĐT của Khoa Triết học HV Báo chí và TT		12	39	21	65	33	104
Số HP/TC của Khoa Triết học trùng với CTDH của	Trường ĐH KHXH VÀ NV Hà Nội	12	39	12	44	24	83
	Essex University	5 học phần giống HVBC và TT				15	90
Chỉ tiêu đánh giá mức độ tham khảo của CTDH Khoa Triết học với	Trường ĐH KHXH VÀ NV Hà Nội	100%	100%	57%	68%	73%	80%
	Essex University	Essex University					45%

Số liệu thống kê, phân tích trong bảng 3.3. cho thấy rõ mức độ tham khảo CTDH của một số cơ sở đào tạo. Trong 33 học phần bắt buộc tương đương với 104 TC thuộc CTDH của Khoa Triết học có 26 học phần (83 TC) trùng với CTDH của Trường ĐH KHXH và NV.

Về cơ bản, khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH Khoa Triết học khá tương đồng với các khối kiến thức này của các CTDH khác. Điều này được minh

chứng bởi 100% số học phần (100% số TC) trong khối kiến thức giáo dục đại cương của CTDH Khoa Triết học trùng với CTDH của trường KHXH & NV.

Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên ngành, mức độ tham khảo của CTDH Khoa Triết học – HV BCTT với trường KHXH & NV ở mức 57% (tính theo số học phần) hoặc 68% (tính theo số TC).

Điểm khác biệt căn bản là ở các khối kiến thức chuyên ngành do mục tiêu đào tạo. Nếu Khoa Triết học ĐH KHXH và NV là trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên sâu của Khoa Triết học; khả năng ngoại ngữ và kiến thức cập nhật về triết học trên thế giới và ở Việt Nam, giúp sinh viên nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng HCM, từ đó có thể vận dụng tương đối tốt vào việc nhận thức và giải quyết những vấn đề hiện thực xã hội; đồng thời có khả năng hội nhập với khoa học triết học thế giới **[H3.03.03.03]**.

Như vậy, CTĐT trường ĐH KHXH và NV chủ yếu hướng tới đào tạo người giảng dạy, nghiên cứu Triết học. Tuy nhiên, Khoa Triết học HVBC VÀ TT ngoài mục tiêu đào tạo người nghiên cứu và giảng dạy triết học thì còn hướng tới người làm công tác biên tập trong các tạp chí, nhà xuất bản trong lĩnh vực lý luận chính trị. Chương trình đào tạo Khoa Triết học, Đại học Essex mặc dù cách tính số tín chỉ khác Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhưng vẫn có 5 học phần tương đồng về nội dung của chương trình đào tạo Khoa Triết học Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H3.03.03.04]**.

CTDH Khoa Triết học đến nay đã được chỉnh sửa 3 lần vào năm 2016, 2018 và 2020 xuất phát từ việc yêu cầu phải bắt kịp sự thay đổi về nhu cầu nguồn nhân lực trong xã hội, cập nhật xu hướng phát triển của ngành. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi chương trình đào tạo **[H3.03.01.01.DC]** **[H3.03.03.05]** **[H3.03.03.06.DC]**. Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được thực hiện như sau:

Bước 1. Định kỳ 2 năm/lần Học viện BCTT ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT **[H3.03.01.01.DC]** **[H3.03.03.05]** **[H3.03.03.06.DC]**

Bước 2. Khoa Triết học tổ chức họp rà soát, đánh giá lại cấu trúc và nội dung CTDH **[H3.03.01.01.DC]**, căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan **[H3.03.01.12.DC]** **[H3.03.01.13.DC]** **[H3.03.01.14.DC]** **[H3.03.01.15.DC]**.

Bước 3. Tổ chức hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT, lấy ý kiến đóng góp của

các bên liên quan, bao gồm cán bộ quản lý CT, chuyên gia, NTD [H3.03.01.01.DC];
 đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế [H3.03.03.03.DC]
 [H3.03.03.04.DC]

Bước 4. Điều chỉnh, cập nhật CTDH và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Triết và nghiệm thu bởi Hội đồng nghiệm thu của Học viện [H3.03.01.01.DC]

Bước 5. Giám đốc HVBC VÀ TT ra quyết định ban hành CTDH [H3.03.03.01.DC]; CTDH sau khi được nghiệm thu công khai cho các bên liên quan và đưa vào sử dụng [H3.03.01.10.DC]

Dưới đây là cấu trúc kiến thức đào tạo được chỉnh sửa qua các năm [H3.03.02.04.DC][H3.03.02.05.DC][H3.03.01.02.DC]

Bảng 3.4: Cấu trúc kiến thức đào tạo Khoa Triết học năm 2016, 2018, 2020

Khối kiến thức	Năm 2016		Năm 2018		Năm 2020	
	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %
Khối kiến thức giáo dục đại cương	60 tín chỉ	46.1	45 tín chỉ	34.6	45 tín chỉ	34.6
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	15 tín chỉ	11.5	15 tín chỉ			
- Khoa học xã hội và nhân văn	25 tín chỉ	19.2	15 tín chỉ			
<i>Bắt buộc:</i>	<i>17 tín chỉ</i>		<i>9 tín chỉ</i>			
<i>Tự chọn:</i>	<i>8/24 tín chỉ</i>		<i>6/18 tín chỉ</i>			
- Toán và khoa học tự nhiên	5 tín chỉ	3.8				

- Ngoại ngữ	15 tín chỉ	11.5	12/24 tín chỉ			
Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng						
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	70 tín chỉ	46.1		65.3	85 tín chỉ	65.4
- Kiến thức cơ sở ngành	15 tín chỉ	11.5	18 tín chỉ	13.8	18 tín chỉ	13.9
<i>Bắt buộc:</i>	<i>9 tín chỉ</i>		<i>12 tín chỉ</i>		<i>12 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>		<i>6/18 tín chỉ</i>	24.6	<i>6/18 tín chỉ</i>	
- Kiến thức ngành			32 tín chỉ		31 tín chỉ	23.8
<i>Bắt buộc:</i>			<i>23 tín chỉ</i>		<i>22 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>			<i>9/27 tín chỉ</i>		<i>9/27 tín chỉ</i>	
- Kiến thức chuyên ngành	35 tín chỉ	26.9	29 tín chỉ	22.3	30 tín chỉ	23.07
<i>Bắt buộc:</i>	<i>29 tín chỉ</i>		<i>26 tín chỉ</i>		<i>27 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>		3/9 tín chỉ		<i>3/9 tín chỉ</i>	
- Kiến thức bổ trợ	8 tín chỉ	6.1	6 tín chỉ	4.6	6 tín chỉ	4.62
<i>Bắt buộc:</i>	<i>4 tín chỉ</i>		<i>3 tín chỉ</i>		<i>3 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>4/8 tín chỉ</i>		3/9 tín chỉ	2.3	<i>3/9 tự chọn</i>	

Từ các bảng cấu trúc kiến thức đào tạo các năm 2016, 2018, 2020 có thể thấy sự thay đổi nhất định theo thời gian:

So với 2016 thì CTĐT 2018, 2020 số tín chỉ khối kiến thức đại cương giảm 15 TC, trong đó các môn KHXH và NV giảm từ 25 TC xuống 15 TC. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh giảm từ 20 TC xuống còn 15 TC (theo quy của Bộ

GD và ĐT). Môn KHTN được thay bằng môn tin học.

CTĐT 2020, các môn tự chọn khối kiến thức KHXH giảm từ 8 TC xuống còn 6 TC. Các môn trong khối kiến thức này có sự thay đổi khá nhiều do một số môn trong CT cũ bỏ (Lịch sử Việt Nam (chuyên đề); Lịch sử văn minh thế giới; Văn học nước ngoài (chuyên đề)...); một số môn chuyển sang khối kiến thức khác.

So với CTĐT năm 2016 khối kiến thức GDCN năm 2018 và 2020 tăng từ 70 TC lên 85 TC. Trong CTĐT 2014, 2016, khối kiến thức không chia thành kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ như CTĐT 2018 và 2020.

CTĐT 2018 khối kiến thức ngành là 32 TC (23 TC bắt buộc và tự chọn 9 TC), kiến thức chuyên ngành gồm 29 TC (26 bắt buộc và 3 tự chọn). CTĐT năm 2020 khối kiến thức ngành gồm 31 tín chỉ (22 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn). Sở dĩ có sự thay đổi này là do CTĐT năm 2020 rút 01 tín chỉ từ khối kiến thức ngành để chuyển sang khối kiến thức chuyên ngành, cụ thể là chương trình đào tạo năm 2020 đã tách học phần phương pháp giảng dạy thành 2 học phần: phương pháp giảng dạy và phương pháp giảng dạy thực hành và tăng 01 tín chỉ đối với học phần này. Như vậy đối với phương pháp giảng dạy đã tăng từ 6 tín chỉ lên 7 tín chỉ. Điều này nhằm đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đào tạo cử nhân triết học có năng lực giảng dạy và nghiên cứu triết học. Đối với khối kiến thức bổ trợ CT mới giảm từ 8 TC xuống còn 6 TC. Sở dĩ khối kiến thức ngành cao là đưa một số môn như mỹ học, tôn giáo học từ khối kiến thức cơ sở ngành sang, các môn lịch sử triết học cũng được đưa sang khối kiến thức ngành. Ở khối kiến thức này cũng bổ sung nhiều môn tự chọn mới như: Cơ sở lý luận báo chí, Khoa học lãnh đạo, Triết học văn hóa, Triết học sinh thái, Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị, Truyền thông chính sách

So với CTĐT 2014 và 2016 thì CTĐT 2020, các môn kiến thức chuyên ngành trong CT mới thì trong CT cũ cũng có, chỉ khác là một số môn nếu trong CT cũ nằm trong kiến thức chuyên ngành thì sang CT mới tách ra và chuyển lên kiến thức ngành.

Khối kiến thức bổ trợ bắt buộc trong CT 2018, 2020 giảm từ 4 TC xuống 3 TC, đưa môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại trong CT cũ xuống học phần thay thế, bổ sung môn triết học con người và một số môn tự chọn Biên tập văn bản báo chí, Triết học chính trị, Triết học giá trị vào khối kiến thức bổ trợ (là phù hợp với bối cảnh xã hội mới cũng như đáp ứng được mục tiêu về vị trí việc làm cũng như CDR)

Khóa luận thì CT 2018, 2020 giảm từ 7 TC xuống 6 TC

Học phần thay thế trong CT 2018, 2020 giảm từ 7 TC xuống 6 TC và thay thế

môn Chủ nghĩa Mác phương Tây bằng môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại (đưa từ kiến thức bổ trợ xuống), CT mới bỏ môn Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị vì đã đưa vào kiến thức ngành

Những sự thay đổi nói trên xuất phát từ nhu cầu của người học và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

Về tính liên thông, kết nối giữa CTĐT của Khoa Triết học với các CTĐT khác [H3.03.03.07] (cụ thể là chương trình đào tạo ngành kinh tế chính trị, ngành CNXHKKH, ngành LSD, ngành TTHCM) được cụ thể như sau:

- Về cấu trúc chương trình: Tổng khối lượng kiến thức là 120 tín chỉ được chia thành 3 khối chính là Kiến thức Giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và Kiến thức chuyên ngành thống nhất cho cả 5 ngành:

- Về các học phần trong chương trình đào tạo:

- Khối kiến thức khoa học Mác - Lênin: các học phần của 5 ngành hoàn toàn giống nhau

- KHXHNV: Về cơ bản các học phần của 5 ngành đều giống nhau. Tuy nhiên, CTĐT ngành 4 ngành còn lại có một vài sự khác biệt so với CTĐT của Khoa Triết học như môn: Lịch sử thế giới, Lịch sử văn minh thế giới, Hệ tư tưởng học, Dân tộc học đại cương, Quan hệ công chúng.

- Khối kiến thức cơ sở ngành: CTĐT của Khoa Triết học có một số môn khác biệt với CTĐT 4 ngành nói trên như: môn Kinh tế phát triển, Khoa học chính sách công, Kinh tế học, Kinh tế tài nguyên và môi trường, Luật kinh tế, Tác phẩm Hồ Chí Minh, Địa chính trị thế giới, Quản lý kinh tế, Lịch sử thế giới chuyên đề, Lịch sử Việt Nam chuyên đề.

Như vậy so sánh chương trình dạy học của Khoa Triết học và chương trình đào tạo ngành kinh tế chính trị, ngành CNXHKKH, ngành LSD, ngành TTHCM khối lượng kiến thức có thể chuyển đổi hoàn toàn khoảng gần 50%. Điều này thể hiện tính liên thông cao của chương trình dạy học Khoa Triết học theo chiều ngang.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học Khoa Triết học có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, giữa khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép sinh viên có khả năng tiếp nhận kiến thức đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Chương trình dạy học đảm bảo được tính liên thông giữa các ngành lý luận chính

trị.

3. Tôn tại

Thời lượng dành cho các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế tại các cơ sở ở một số học phần chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí

Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học của Khoa Triết học được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu chuẩn đầu ra và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các đối tượng liên quan. CTDH đảm bảo được tính liên thông từ cử nhân lên thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông với các ngành khác thuộc khối lý luận chính trị.

Tuy nhiên, trọng số đánh giá chuyên cần trong ĐCHP hiện nay còn chưa hợp lý; Hiệu quả của các hoạt động tự học của sinh viên ở một số học phần trong CTDH chưa cao; Tỷ lệ phương pháp dạy học thực hành của một số học phần tại các cơ sở chưa cao.

Từ năm 2021, khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đề xuất điều chỉnh điểm trọng số chuyên cần tăng từ 10% lên 20%; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt và điểm trung bình đạt 5/7 điểm

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC

Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa Triết học luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên. Các giảng viên luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp dạy học tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra, được nhà tuyển dụng đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Tiêu chí 4.1

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa Triết học được thể hiện qua sứ mạng của Học viện và được đề cập cụ thể trong chiến lược phát triển của Học viện đó là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” [H4.04.04.01] [H4.04.04.02]. Đặc điểm của nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trình độ học vấn và chuyên môn giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của quốc tế và thời đại, có khả năng đáp ứng được với công việc của đơn vị, tổ chức trong cả hiện tại và tương lai; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí, truyền thông. Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

Đối với CTĐT của Khoa Triết học, mục tiêu chung của ngành là "đào tạo cử nhân triết học có năng lực giảng dạy và nghiên cứu triết học, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; hiểu rõ quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng học tập suốt đời”. Ngoài ra cử nhân triết học còn được trang bị kiến thức, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp. [H4.04.01.03.DC]

Trong tất cả các học phần thuộc CTĐT của Khoa Triết học, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá sinh viên, mức độ kiến thức sinh viên cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương chi tiết học phần. [H4.04.01.05.DC] Sinh viên có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của học phần, hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Học viện và của Khoa Triết học vào trong các hoạt động học tập của mình. Tất cả các học phần trong CTĐT được thiết kế rõ ràng gồm giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, giờ tự học. Các phương pháp học tập tích cực như làm việc nhóm, thuyết giảng tương tác, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập, được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của CTĐT [H4.04.01.05.DC]

Để giới thiệu và phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục của ngành Triết học, Học viện đã công bố mục tiêu giáo dục trên website [H4.04.01.06], Khoa Triết học cũng tuyên bố mục tiêu giáo dục trên fanpage và đã tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành trong các buổi gặp mặt đầu khóa, trong các buổi tổng kết lớp, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ Triết học, trong "Tuần học tập chính trị đầu khóa" dành cho các tân sinh viên. [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09]

Tại các buổi "*Truyền thông tuyển sinh*" tổ chức hàng năm, các thông tin về mục tiêu đào tạo, cơ hội việc làm, vị trí việc làm của sinh viên Khoa Triết học được làm thành tờ rơi nhằm truyền tải và phổ biến rộng rãi các thông tin về mục tiêu đào tạo của ngành đến các nhà tuyển dụng, các em sinh viên [H4.04.01.10]. Bên cạnh đó, Khoa Triết học đã thực hiện việc truyền tải mục tiêu giáo dục này thông qua các buổi tọa đàm khoa học trong đó có sự tham gia của các nhà khoa học, đơn vị, các sinh viên, học viên và các giảng viên của Khoa; qua các đề tài khoa học mà khoa đã hướng dẫn sinh viên thực hiện [H4.04.01.11]; [H4.04.01.12]

CTĐT của Khoa Triết học đã thực hiện rà soát, cập nhật mục tiêu giáo dục vào năm 2016, 2018, 2020 [H4.04.01.13] [H4.04.01.14] [H4.04.01.15]. Sự thay đổi trong triết lý và mục tiêu giáo dục của CTĐT của Khoa Triết học được thể hiện như sau:

Năm 2020, mục tiêu tổng quát CTĐT nhấn mạnh năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; có khả năng học tập suốt đời

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Khoa Triết học đã được tuyên bố rõ ràng trên Website của Khoa, Học viện, được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và sinh viên. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và các bên liên quan hiểu rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn nên chưa nhận được sự quan tâm, chú ý nhiều từ công chúng.

Kế hoạch hành động

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học phối hợp với phòng công tác Công tác và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT

Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 4.2

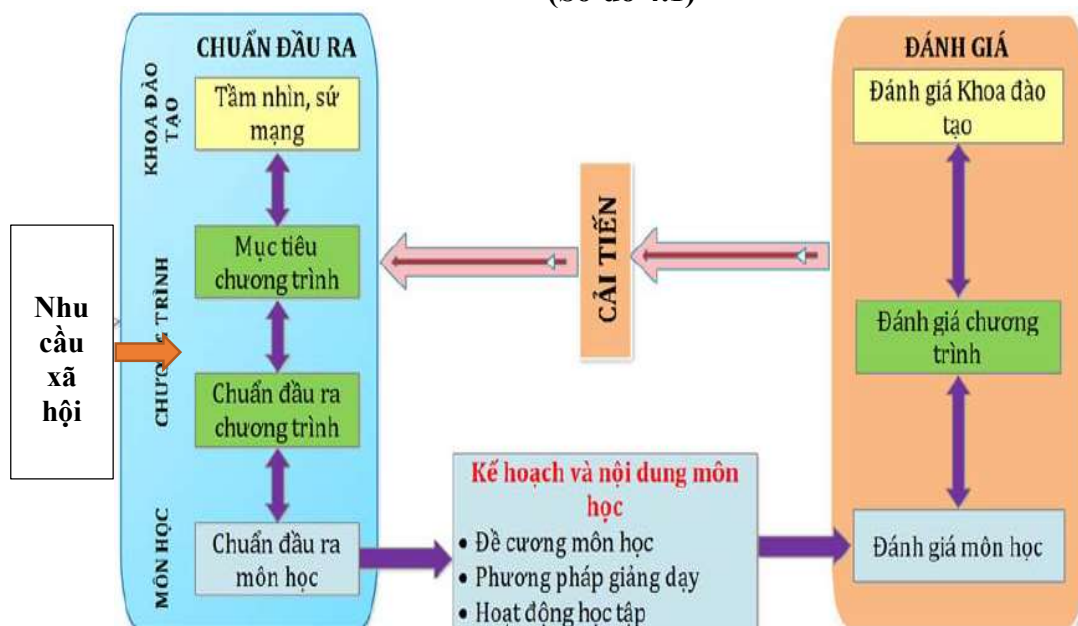
Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Triết học là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo đến chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng chương trình dạy học đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và hình thức kiểm tra, đánh giá.

Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để cải tiến chuẩn đầu ra chương trình [H4.04.02.01.DC]

(Sơ đồ 4.1)



Sơ đồ 4.1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Triết học

Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy đam mê học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

Chuẩn đầu ra của Khoa Triết học gồm 17 mục, được mô tả rõ ràng, bao quát các yêu cầu kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành Triết học Mác - Lênin; yêu cầu về kỹ năng chung; kỹ năng chuyên ngành cùng với yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm [H4.04.01.15]

Khi thiết kế CTDH, Khoa Triết đã xây dựng bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp dạy học, đảm bảo các phương pháp dạy học trong CTDH hướng tới đạt CĐR [H4.04.01.04.DC].

Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTĐT có sự đa dạng, phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.02] [H4.04.01.05.DC]. Sự đa dạng, phù hợp của các phương pháp trong CTĐT hướng tới CĐR được thể hiện như sau:

Các phương pháp dạy học tương tác bao gồm các phương pháp thuyết giảng tương tác và phương pháp thảo luận nhóm. Phương pháp thuyết giảng tương tác là phương pháp kết hợp thuyết trình (truyền thông) với các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, tình huống, hỏi đáp, phỏng vấn nhanh, sàng lọc phiếu.

Phương pháp thảo luận nhóm giúp các sinh viên bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của

mình, phát huy tính độc lập, sáng tạo của sinh viên. Các sinh viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, thông tin với nhau để hoàn thiện hơn kiến thức của mình. Sử dụng phương pháp này sẽ tăng cường hoạt động tập thể, phát triển năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác **[H4.04.02.08.DC]**

Các phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study) và giải quyết vấn đề sử dụng các tình huống cụ thể về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và tình huống dạy học. Phương pháp này giúp người học đạt được CDR như: nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giải quyết các tình huống trong giảng dạy triết học. **[H4.04.01.05.DC]**
[H4.04.02.08.DC]

Các phương pháp dạy học trải nghiệm, bao gồm các phương pháp dạy học thực hành, kiến tập, thực tế chính trị - xã hội, và thực tập nghề nghiệp nhằm hướng tới phát triển các năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm khác. SV được kiến tập, thực tập tại địa phương, đáp ứng yêu cầu về các kỹ năng của chương trình và mục tiêu đào tạo. **[H4.04.01.05.DC]** **[H4.04.02.08.DC]**

Phương pháp sinh viên thuyết trình giúp người học tự tin, phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phân tích, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm. **[H4.04.01.05.DC]**
[H4.04.02.08.DC]

Những phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CDR về kiến thức mà còn đạt được CDR về kỹ năng như: phân tích, phản biện, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo và CDR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

Để có phương pháp giảng dạy và vận dụng linh hoạt cho SV nói trên giảng viên trong khoa đều đồng tổ chức và tham gia các buổi tọa đàm, các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy **[H4.04.02.09]**.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất khi học các học phần khoa học Mác - Lênin thì phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm để giúp sinh viên dễ dàng hiểu kiến thức một cách có hệ thống. Đối với, các học phần thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành, ngoài phương pháp thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm, giảng viên vận dụng nhiều phương pháp khác như: giải quyết vấn đề, tình huống, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập để phát huy năng lực tự học, nghiên cứu, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm, tư duy sáng tạo, phản biện, kỹ năng thuyết trình và phân tích, giải quyết vấn đề và vận

dụng lý luận vào thực tiễn [H4.04.02.03]

Ma trận phương pháp và khối kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ lệ	PLOs																	
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Kiến thức giáo dục đại cương			H	H							M	L	M	M				L		
2	Kiến thức cơ sở ngành				M	M	H	M				M	M						M	M	M
3	Kiến thức ngành						H	M			M				M	L		L	M	M	
4	Kiến thức chuyên ngành					M			H	H	M				M	M					
5	...																				
TOTAL																					

Mức độ đóng góp của khối kiến thức với CĐR chương trình

H – mức độ đóng góp cao

M – mức độ đóng góp trung bình

L – mức độ đóng góp thấp

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện từ năm thứ hai với số lượng khoảng 30% sinh viên tham gia với những công trình khoa học phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT [H4.04.02.05].

Bên cạnh đó, năm 2020 do dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới, Học viện đã nhanh chóng ban hành Quy chế dạy học trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams [H4.04.02.06]. Ban Quản lý Đào tạo đã gửi lịch đăng ký giảng dạy online đến các Khoa để triển khai và theo dõi tiến độ giảng dạy trực tuyến. Việc dạy học trực tuyến đã giúp cho Học viện và Khoa đảm bảo tiến độ CTĐT của năm, đồng thời các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện linh hoạt. Hình thức thi viết được chuyển sang hình thức thi tiểu luận, bài tập lớn, vấn đáp online để phù hợp với bối

cảnh chung. Khoa Triết học đã có 100% giảng viên đăng ký giảng trực tuyến và có giảng viên được khen thưởng về có thành tích trong giảng dạy trực tuyến [H4.04.02.07]. Hiện nay Học viện vẫn tiếp tục chủ trương cho giảng viên đăng ký giảng online 30% số tiết online trên tổng số giờ giảng. Điều này giúp giảng viên và sinh viên chủ động ứng biến trong điều kiện mới và vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học để nâng cao hiệu quả và đáp ứng CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng, linh hoạt, tăng cường các phương pháp dạy học tích cực, kỹ năng thực hành nhằm nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

Các hoạt động dạy và học được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên. Bên cạnh đó, ở một số môn đại cương, số lượng sinh viên trong một lớp học tương đối nhiều, gây ảnh hưởng đến quá trình tương tác của giảng viên với sinh viên

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học tiếp tục, thường xuyên thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các CDR trong CTĐT hướng người học chủ động tự học và tự nghiên cứu; Ban Quản lý Đào tạo cần nghiên cứu bố trí một lớp dạy với số lượng sinh viên vừa đủ; Học viện, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và thực hành hỗ trợ giảng viên các phương tiện để áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, trải nghiệm thực tế.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực

tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, nhận diện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm

Nhằm đảm bảo các phương pháp, hoạt động dạy và học trong CTDH được thiết kế giúp người học đạt được các kỹ năng và năng lực học tập, nghiên cứu suốt đời, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR **[H4.04.03.01]**. Căn cứ theo Hướng dẫn, Khoa Triết trong quá trình xây dựng, cập nhật CTĐT đã xác định các PPDH phù hợp hướng tới đạt các CĐR về kỹ năng và năng lực học tập suốt đời **[H4.04.01.04.DC] [H4.04.02.01.DC]**

Các hoạt động dạy và học trong chương trình Khoa Triết học đa dạng, phù hợp giúp đạt các CĐR về kỹ năng và năng lực học tập suốt đời, cụ thể:

Các hoạt động thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề, sinh viên thuyết trình, báo cáo rèn luyện Kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm **[H4.04.01.05.DC]**

Hoạt động thực hành giúp phát triển các kỹ năng chuyên ngành, bao gồm kỹ năng dạy học Triết học, kỹ năng biên tập báo chí **[H4.04.01.05.DC]**

Hoạt động trải nghiệm thực tế, hoạt động thực tế chính trị xã hội, hoạt động câu lạc bộ ngoại khoá giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, vận dụng lý luận vào thực tiễn, tư duy logic, phản biện

Hoạt động động dự án, thực tập, khóa luận phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng dạy học, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng học nghiên cứu... **[H4.04.01.05.DC]**

Hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn **[H4.04.01.05.DC] [H4.04.03.02]**

Tất cả đề cương chi tiết các môn học cho sinh viên Khoa Triết học đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự học, thời lượng tự học được tính theo công thức: 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết, giờ tự học = giờ lý thuyết x 2 + giờ thực hành x 0,5) **[H4.04.01.05.DC]** Đặc biệt trong học phần thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập hoặc tốt nghiệp, Khoa Triết học đều có các nội

dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề khóa luận tốt nghiệp, rèn kỹ năng làm việc độc lập, năng lực tự nghiên cứu hướng đến khả năng học tập suốt đời [H4.04.01.05.DC] [H4.04.03.03] [H4.04.03.04]

Về hoạt động giảng dạy, giảng viên dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức cơ bản, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho sinh viên tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện của Học viện hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các giảng viên. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học nâng cao năng lực học tập và nghiên cứu rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên có liên quan đến việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, sau khi kết thúc 1 môn học, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo đều thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đối với giảng viên [H4.04.03.05] với kết quả 86,5% năm 2019 và 89,7% năm 2020 người học hài lòng. Kết quả này cho thấy phương pháp giảng dạy của giảng viên đã góp phần rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Sinh viên Khoa Triết học được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học [H4.04.03.06]

Hàng năm, Học viện và khoa đều tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên, rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình. Các cuộc thi Olympic Triết học, NCKH sinh viên được tổ chức nhằm tăng cơ hội học hỏi cho người học, cọ sát với các tình huống thực tế cũng như rèn luyện kỹ năng viết và tổ chức báo cáo. Bắt đầu từ năm 2018, Khoa đã tổ chức cuộc thi "*Hùng biện Triết học*", cuộc thi này nhằm thúc đẩy và phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo trong sinh viên, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình [H4.04.03.07]. Tất cả các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng tự học suốt đời.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng và có tính định hướng cao, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Khoa Triết học tích cực động viên người học tham gia hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ để rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của

người học

3. Tồn tại

Còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa, Phòng Công tác Chính trị – Hỗ trợ sinh viên, Ban Quản lý Đào tạo, Đoàn Thanh niên cần tổ chức và giám sát chặt chẽ hơn việc sinh viên tham gia các hoạt động chung của Khoa và Học viện.

Ban Quản lý đào tạo cần sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Với mục tiêu giáo dục đại học là nhằm phát triển tri thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cho người học. Mục tiêu giáo dục Khoa Triết học được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai tới các bên liên quan, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CĐR, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, việc tuyên bố mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn; Do số sinh viên trong 1 lớp khá đông, không gian lớp hơi nhỏ và giảng viên chưa được trang bị các phương tiện để áp dụng các phương pháp tích cực, các hoạt động trải nghiệm thực tế; Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên; còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021 trở đi, Khoa Triết học phối hợp với phòng công tác Công tác và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT; tổ chức và giám sát chặt chẽ hơn việc tham gia các hoạt động chung của Khoa và Học viện; Ban QLĐT cần sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn.

Kết quả đánh giá của 3 tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 ở trên cho thấy CTĐT của Khoa Triết học đã đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn 4.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5/7 điểm

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Triết học, HVBC&TT nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với CDR học phần và CTĐT. Việc đánh giá này được Khoa Triết học chú trọng đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đạt được các mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT của Khoa Triết học, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi các học phần thay thế tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp. Các quy định này thống nhất trong toàn Học viện, được nêu rõ trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]; Mỗi lớp sinh viên khi nhập trường đều được phát 01 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H5.05.01.02.DC]. Các thông tin liên quan đến công tác khảo thí cũng như những nội dung liên quan đến kết quả học tập của sinh viên đều được đăng tải trên website của nhà trường. Ngoài ra, ngay khi bắt đầu mỗi học phần các giảng viên chủ động cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết của học phần, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: tỷ trọng điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần [H5.05.01.03.DC]

Để hoàn thành chương trình học tập Khoa Triết học, sinh viên phải tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình [H5.05.01.04.DC]. Điểm đánh giá học phần được quy định rõ trong các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình: điểm A về đánh giá ý thức của sinh viên trong quá trình học từ tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, tích cực đóng góp xây dựng bài, điểm B là điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm C là điểm thi kết thúc học phần. Các bài kiểm tra và bài thi đánh giá kiến thức sinh viên thu nhận được và kỹ năng hình thành được từ các học phần. Cụ thể, tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ nêu trên. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.03.DC]

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng Chuẩn đầu ra của Học viện [H5.05.01.05.DC]. Theo đó, xuất phát từ CĐR của CTĐT, Khoa Triết lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra [H5.05.01.06].

Ma trận chuẩn đầu ra – Hình thức kiểm tra đánh giá

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Đánh giá thường xuyên																	
1	Kiểm tra chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x				
2	Bài tập về nhà	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x			x	x
3	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x		x			x			x	
B	Đánh giá tổng kết																	

4	Kiểm tra khách quan: <i>Câu hỏi trắc nghiệm/câu hỏi ngắn</i>	x											x	x						
5	Kiểm tra viết tự luận	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x				
6	Kiểm tra vấn đáp						x		x		x	x			x					
7	Thuyết trình	x							x	x	x				x	x	x	x	x	
8	Tiểu luận				x		x	x		x					x	x		x	x	
9	Bài tập lớn: <i>Nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thao diễn</i>																	x	x	x
10	Khoá luận/sản phẩm tốt nghiệp															x	x		x	x

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong CTĐT:

- Kiểm tra viết tự luận: Chiếm 57/67, chiếm 76.1 %, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng giao tiếp **[H5.05.01.07]**

- Kiểm tra vấn đáp: Chiếm 9%, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng giao tiếp **[H5.05.01.08]**

- Kiểm tra thuyết trình: Chiếm 4.5 % nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm **[H5.05.01.09]**

- Tiểu luận: Chiếm 13,4 %, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nghiên cứu **[H5.05.01.10]**

- Trắc nghiệm: Chiếm 1.5% **[H5.05.01.11]**

- Bài tập thực hành, sản phẩm: Chiếm 16.5 %, nhằm đánh giá các kỹ năng nghiệp vụ như giảng dạy, biên tập báo chí, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn,

tư duy sáng tạo. [H5.05.01.12]

Đánh giá cuối khóa bao gồm khóa luận tốt nghiệp nhằm đánh giá, chiếm 1.5%

[H5.05.01.13]

Căn cứ theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của HVBCCTT, các giảng viên lựa chọn phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với CDR của học phần [H5.05.01.05.DC]. Mỗi ĐCHP đều ghi rõ các phương pháp kiểm tra đánh giá, yêu cầu, tiêu chí đánh giá và có các ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với từng CDR của học phần. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.03.DC] [H5.05.01.14.DC]

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi [H5.05.01.15]. Trên cơ sở đó, các khoa chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom: Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ tái hiện kiến thức đến phân tích, đánh giá, sáng tạo tùy vào CDR của học phần. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của người học. Hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá [H5.05.01.17.DC].

Sinh viên đủ điều kiện được giao đề tài khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần, tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp đánh giá việc sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành Triết học vào thực tiễn kinh tế - chính trị - xã hội đất nước đồng thời đánh giá được khả năng làm việc, nghiên cứu độc lập của sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua: điểm đánh giá quá trình làm khóa luận, điểm chấm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.18.DC]; [H5.05.01.01.DC]

Việc xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên trước khi ra trường được quy định rõ trong quy chế, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Sinh viên

phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt ≥ 2.0 , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học [H5.05.01.04.DC]; [H5.05.01.19] Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước:

b1. Sau khi có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Ban Quản lý Đào tạo tổng hợp bảng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên, rà soát, kiểm tra đối chiếu kết quả chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, CDR ngoại ngữ, CDR tin học gửi cho các Khoa và các sinh viên để sinh viên được biết và tự kiểm tra, tự đối chiếu.

b2. Sau khi có kết quả phản hồi từ các Khoa, Ban Quản lý Đào tạo trình Hội đồng xét tốt nghiệp của Học viện xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên trong toàn Học viện;

b3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá trong CTĐT của Khoa Triết học được định kỳ rà soát, cải tiến dựa trên sự tham khảo ý kiến các bên liên quan [H5.05.01.20.DC] [H5.05.01.21.DC] [H5.05.01.22] Sự cải tiến trong công tác kiểm tra đánh giá được thể hiện tăng cường hình thức thi tiểu luận, thuyết trình, báo cáo sản phẩm [H5.05.01.14.DC].

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học với các phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2020

STT	Năm	Nội dung	Đơn vị: %	
			Hài lòng	Mức độ hài lòng trung bình

1	2020	Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	89.66	4.24
		Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	93.10	4.28
		Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	96.55	4.28
		Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	86.21	4.17
		Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	86.21	4.21
		Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	93.10	4.21
		Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	96.55	4.31
		Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	93.10	4.24
		Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	93.10	4.28

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học với sinh viên Khoa Triết học cho thấy trên 93,1% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất đặc thù môn học và nội dung kiểm

tra/thi đánh giá tổng hợp được kiến thức và kỹ năng sinh viên phải đạt theo chuẩn đầu ra [H5.05.01.20.DC] [H5.05.01.21.DC]

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa và các phòng ban chức năng đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021 trở đi, Học viện, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng, Ban QLĐT Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng NHCH với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CDR.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi các học phần thay thế tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]; [H5.05.02.01]; [H5.05.02.02] [H5.05.02.03] trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03.DC]. Các quy định này được công bố công khai trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02.DC], trên website Học viện [H5.05.01.02]. Kế hoạch về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp đều được đăng tải trên website của Học viện và được gửi đến các Khoa [H5.05.02.05] [H5.05.02.06]. Ngoài ra, sau khi nhận được

các thông báo này của Học viện, Khoa cũng thông báo đến sinh viên của khoa. Cụ thể, mỗi học kỳ sinh viên có 12-16 tuần học đối với các môn 3 tín chỉ và 8-9 tuần học đối với các môn 2 tín chỉ, tùy thuộc vào tỉ lệ lý thuyết và thực hành của mỗi học phần. Sau khi kết thúc thời gian học sinh viên bắt đầu vào kỳ thi học kỳ. Trong đó thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho 1 tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Ngoài ra, từ năm 2016 Học viện ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại sinh viên theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 để dễ dàng triển khai hình thức dạy học phù hợp với đối tượng sinh viên **[H5.05.02.08]**. Mục tiêu của việc đánh giá này chính là kiểm tra mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng người học các học phần và CDR chung của Khoa Triết học.

Điểm đánh giá học phần được tính theo công thức $0,1A+0,3B+0,6C$. Trong đó A, B, C là các điểm thành phần được quy định trong các quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Tỷ trọng của các điểm A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế và quy định nêu trên. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp,...) và được giảng viên giảng dạy học phần đó cung cấp cho lớp **[H5.05.01.03.DC]**.

Đề thi được quy định đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học **[H5.05.01.15.DC]**; **[H5.05.01.05.DC]**. Đối với các học phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá kết quả học phần của người học được dựa trên các tiêu chí: thời gian kiến tập, thực tập, mức độ tìm hiểu thực tế, thái độ trong quá trình kiến tập, thực tập của người học, báo cáo tổng hợp kết quả thực tập, kiến tập của sinh viên có nhận xét của cơ sở thực tập, kiến tập. Học viện ra thông báo về kế hoạch khảo thí các học phần giảng dạy trong học kỳ và năm học, các thông báo này được đăng trên website của Học viện **[H5.05.02.04]**. Học viện đã ban hành Quy định công tác khảo thí, trong đó có quy định về kết thúc học phần, có chỉnh sửa, bổ sung định kỳ **[H5.05.02.01.DC]**. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.02.01.DC]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần khảo thí của toàn Học viện do Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công

tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá [H5.05.01.17.DC]

Học kỳ cuối khóa, các sinh viên đủ điều kiện được nhận đề tài để làm khóa luận tốt nghiệp, còn các sinh viên không đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình đào tạo của Khoa Triết học. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và in thành 3 quyển đóng bìa mềm nộp tại khoa chuyên môn sẽ được tổ chấm tốt nghiệp chấm dựa trên các tiêu chí về cấu trúc, nội dung khóa luận, trích dẫn tài liệu tham khảo, câu văn, từ ngữ và thái độ (đối với nhận xét hướng dẫn) [H5.05.01.18.DC]. Sinh viên không hoàn thành khóa luận tốt nghiệp do điều kiện khách quan được giảng viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khóa luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 6 (hoặc 7) tín chỉ thay thế khóa luận tốt nghiệp. Điểm chấm khóa luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học. [H5.05.01.01.DC] [H5.05.01.18.DC]

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy năm 2019 – 2020 có 90% số sinh viên được khảo sát hài lòng về quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.20.DC] [H5.05.01.21.DC]

Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập đã được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên. Kết quả phúc khảo được thông báo trực tiếp đến từng sinh viên và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban Quản lý Đào tạo [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên và sinh viên, các quy định về đánh giá kết quả học tập ngày càng được hoàn thiện và được thông báo tới người qua nhiều kênh khác nhau. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT của Khoa Triết học là rõ ràng và được Học viện thông báo công khai tới người học, được giảng viên công bố khi giới thiệu về học phần, đề cương chi tiết của học phần vào đầu học kỳ.

3. Tôn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo, Khoa Triết học tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, khoa và cố vấn học tập tăng cường đôn đốc sinh viên đăng nhập website của Học viện để theo dõi quy định về đánh giá kết quả học tập.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.3

Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

Trước năm 2016, việc ra đề thi, tổ chức cho thi, chấm thi do Trung tâm Khảo thí và KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm; Năm 2018 các học phần thuộc môn cơ sở ngành và chuyên ngành do các Khoa phụ trách việc ra đề, tổ chức thi, đánh hỏi phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban Quản lý Đào tạo sắp xếp chung cho toàn trường. Đến nay, công tác này đã có thay đổi rõ rệt. Hiện nay, phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được ngành Triết học tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.01.05.DC].

Phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được Khoa Triết học tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: Thi tự luận, tiểu luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, sinh viên thuyết trình, sản phẩm. [H5.05.01.14.DC]. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý kiến của các giảng viên giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03.DC].

Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành [H5.05.01.15.DC]. Để đảm bảo độ giá trị, các đề thi, bài thi, kiểm tra đều được thiết

kế dựa trên CDR của học phần, bao phủ các nội dung kiến thức trọng tâm. Mỗi bài thi, kiểm tra đều nêu rõ yêu cầu, tiêu chí đánh giá **[H5.05.01.03.DC]**

Hiện nay, đề thi một số học phần được cấu trúc theo các mức độ tái hiện kiến thức, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo. Căn cứ kế hoạch của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục **[H5.05.01.15.DC]**, các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả học tập. Nhóm cán bộ giảng dạy phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (Với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp khoa và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết). Sau khi được sự nhất trí của khoa, ngân hàng câu hỏi và đề thi được chuyển tới Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo quản lý, lựa chọn ngẫu nhiên cho các học phần thi. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần **[H5.05.03.01] [H5.05.03.02.DC]**

Quy trình bổ sung, cập nhật và sửa đổi cũng được tiến hành tuân tự như trên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ chỉ quản lý cơ sở dữ liệu, nội dung của cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập do nhóm cán bộ giảng dạy và Khoa quản lý phụ trách. Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập của các học phần khảo thí được lưu trữ và quản lý tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo **[H5.05.01.15.DC] [H5.05.03.02.DC]**

Hiện nay, đề thi các học phần được cấu trúc theo chuẩn đầu ra môn học. Căn cứ kế hoạch của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả học tập. Nhóm cán bộ giảng dạy phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (Với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn, và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết) **[H5.05.03.01]**

Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, ngân hàng câu hỏi và đề thi viết đối với các môn đại cương được chuyển tới Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo quản lý, lựa chọn, in cho các kỳ thi **[H5.05.02.01.DC]**. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần. Quy trình bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi cũng được tiến hành

tuần tự như trên. Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập của các học phần khảo thí được lưu trữ và quản lý tại Ban quản lý đào tạo (bản gốc) và Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (bản sao) và toàn bộ dữ liệu về kết quả thi được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện **[[H5.05.02.01.DC]]**.

Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, đáp án thông qua phần mềm chuyên dụng với số lượng từ 3 đến 5 đề thi cho mỗi học phần đối với các môn trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Đối với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, vì đã có ngân hàng đề thi nên lãnh đạo khoa hoặc tổ trưởng bộ môn tổ hợp thành ba đề thi (đối với hình thức thi tự luận) và trước giờ thi lãnh đạo khoa sẽ chọn ra một đề trong ba đề thi đó. Thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 120 phút, có cấu trúc đề thi rõ ràng, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo có trách nhiệm quản lý, sao in đề thi đối với các môn đại cương còn các môn cơ sở ngành do khoa đảm nhiệm **[H5.05.02.01.DC] [H5.05.03.02.DC]**. Đến thời điểm tổ chức thi, cán bộ trông thi của mỗi phòng thi sẽ lấy túi đề và bóc niêm phong trước sự chứng kiến của người dự thi. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, bài thi và đề sẽ được các bộ coi thi thu lại, chuyển về Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo để rọc phách và niêm phong bài thi đối với các học phần kiến thức đại cương. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ coi thi chuyển bài thi và các bài thi về văn phòng Khoa chủ quản, cán bộ được phân công sẽ rọc phách và niêm phong bài thi. Bài thi được chắm trong khoảng thời gian 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi **[H5.05.02.01.DC]**. Việc thực hiện quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần, đã giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

KQHT của người học được đánh giá được chia thành các mức độ theo điểm trung bình của các tiêu chí bao gồm kết quả bài thi kết thúc học phần, kết quả bài kiểm tra và tinh thần học tập, mức độ chuyên cần trong suốt quá trình tham gia lớp học phần đó **[H5.05.01.03.DC]**. Bài thi kết thúc học phần được cán bộ giảng dạy phụ trách môn học chắm tập trung tại các địa điểm theo quy định. Mỗi bài thi sẽ có 2 cán bộ giảng dạy chắm điểm. Nếu điểm do hai người chắm lệch nhau quá 1 điểm đối với môn tự luận và quá 0.5 điểm đối với môn thi trắc nghiệm thì bài thi đó sẽ được chủ nhiệm bộ môn hoặc trưởng khoa xem xét và kết luận về kết quả.

Khi các bài thi đã được chấm theo quy định, cán bộ vào điểm sẽ vào điểm trên phần mềm. Điểm bài thi được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, và đồng thời in 01 bản gốc tại Ban Quản lý đào tạo và 02 bản photo để lưu tại Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và văn phòng khoa [H5.05.03.05]. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi điểm sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo. Người học đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả, nếu người học có yêu cầu, có thể làm thủ tục phúc khảo kết quả đánh giá học phần. Cụ thể, người học liên hệ với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo để làm đơn đề nghị. Trong thời gian 15 ngày, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo kết hợp với Thanh tra và các Khoa quản lý học phần để tổ chức chấm thi phúc khảo. Bài thi được tổ chức chấm phúc khảo xem xét từng quy trình: đánh phách, vào điểm, hồi phách, nội dung ... Kết quả chấm phúc khảo sẽ là kết quả của đánh giá bài thi và được các thành viên tổ chức chấm phúc khảo. Kết quả này được thông báo tới người học tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên [H5.05.02.01.DC].

Đối với một số môn học chuyên ngành và thực hành giảng dạy, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức vấn đáp. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại phòng học. Người học chia thành các nhóm nhỏ, lần lượt mỗi người học sẽ trình bày kết quả của mình trước hội đồng chấm thi; điểm đánh giá được xác định bằng điểm trung bình của tất cả các thành viên của hội đồng và tuân thủ theo quy định về đánh giá học phần vấn đáp [H5.05.01.15.DC] [H5.05.03.02.DC]

Việc phân công hướng dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội được thực hiện trước mỗi kỳ kiến tập, thực tập thông qua các buổi họp khoa và có quyết định cụ thể về giảng viên hướng dẫn kiến tập thực tập của Học viện [H5.05.03.06] [H5.05.03.07]. Các học phần liên quan đến kiến tập, thực tập sẽ là tổng hợp các đầu điểm của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan, đơn vị, giảng viên hướng dẫn của Khoa, cố vấn học tập lớp và lãnh đạo khoa [H5.05.03.05].

Đối với khóa luận và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức tổ chức chấm khóa luận và thi thay thế khóa luận tập trung. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại văn phòng khoa. Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký chấm bài đọc lập rồi lấy ý kiến thống nhất về kết quả khóa luận. Hồ sơ chấm điểm được tập hợp và lưu trữ theo quy định đánh giá khóa luận

tốt nghiệp [H5.05.03.08]

Sự đa dạng, mức độ tin cậy, công bằng, khách quan của đề thi, công tác tổ chức thi được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp Khoa, hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa Triết học, của Học viện [H5.05.03.04]; H5.05.01.17.DC].

Số sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần rất ít. Sau khi nhận được thông báo từ Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trường Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập sẽ được lưu lại tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo và Ban Quản lý Đào tạo [H5.05.02.09.DC]; [H5.05.03.03]. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.09.DC].

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học đối với sinh viên Khoa Triết học cho thấy trên 92% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo sự đa dạng, độ tin cậy và công bằng [H5.05.01.20.DC] [H5.05.01.21.DC]

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo độ giá trị, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung của CTĐT của Khoa Triết học.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa Triết học bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc công bố kết quả đánh giá của người học nằm trong quy định về quy trình khảo thí kết thúc học phần đối với hệ chính quy của Học viện **[H5.05.02.01.DC]**. Sinh viên có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc khảo và công bố điểm cho sinh viên là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. Kết quả học tập của sinh viên được Học viện thông báo kịp thời và công khai bằng cách đăng tải trên phần mềm Quản lý đào tạo với cổng thông tin sinh viên và khoa chủ quản **[H5.05.04.01]**. Kết quả học tập của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Đối với trường hợp xin phúc khảo bài thi, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức phúc khảo bài thi và thông báo điểm phúc khảo trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo thông báo trực tiếp cho từng sinh viên, Ban Quản lý Đào tạo và Khoa chủ quản **[H5.05.02.01.DC]**.

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Học viện, Khoa đều bố trí các buổi để CVHT họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm **[H5.05.04.02]**. Thông qua kết quả học tập này CVHT sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, Khoa và Học viện cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa sinh viên, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của sinh viên về vấn đề kết quả học tập được phản hồi kịp thời **[H5.05.04.03] [H5.05.04.04]**. Thông qua những cuộc đối thoại này, Khoa Triết học và các phòng ban chức năng trong Học viện cung cấp giải đáp thắc mắc của sinh viên, giúp sinh viên nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi kết quả học tập, chuyển những thắc mắc của sinh viên về việc phản hồi kết quả học tập tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối được thực hiện một

cách nghiêm túc theo quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Theo quy định, sau khi Tổ chấm khóa luận tốt nghiệp của Khoa tổ chức đánh giá, kết quả khóa luận tốt nghiệp sẽ được công bố ngay cho sinh viên và được gửi về Ban Quản lý Đào tạo, và trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trường; căn cứ vào những văn bản đó, Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Học viện quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CĐR cũng được Học viện công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Học viện.

Đối với những sinh viên trong diện tồn đọng, cảnh báo, cố vấn học tập sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức để nhắc nhở sinh viên. Đồng thời thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên, lãnh đạo khoa cũng yêu cầu sinh viên hoặc cán bộ lớp giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của sinh viên. Lãnh đạo Khoa cũng thường đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở sinh viên thông qua cán bộ lớp và cố vấn học tập. [H5.05.04.05]

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập dưới hình thức phát phiếu điều tra có thể thấy trên 93,1% số sinh viên được khảo sát hài lòng với tiêu chí thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp cải thiện kết quả học tập [H5.05.01.20.DC [H5.05.01.21.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến việc công bố kết quả chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; đồng thời tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ nên đã hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời và thông qua nhiều hình thức khác nhau để người học cải thiện việc học tập.

3. Tồn tại

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho người học trong việc tiếp cận kết quả học tập

Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020, Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo của Học viện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy định về việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập được Học viện quy định trong Quy trình khảo thí của Học viện [H5.05.03.03.DC] và được công bố trên Website của HV BC & TT [H5.05.05.01.DC]. Ngoài ra, CVHT, giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến sinh viên trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, buổi nói chuyện đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ, [H5.05.05.02]; Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau: Đối với điểm đánh giá được giảng viên thông báo trực tiếp tới sinh viên như điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng, điểm thi hết môn của các môn thi vấn đáp, hoặc điểm đánh giá của Tổ chấm khóa luận tốt nghiệp. Nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi đó. Đối với điểm bài thi kết thúc học phần theo hình thức thi viết, sau khi người học nhận được điểm bài thi hết môn trên hệ thống của Học viện, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo và Ban Quản lý Đào tạo [H5.05.01.01.DC] [H5.05.03.03.DC], nếu có thắc mắc về điểm số, sinh viên có thể làm đơn phúc khảo bài thi gửi lên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo trong thời gian quy định. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trong sổ tay sinh viên, trên Website của Học viện [H5.05.01.02.DC] [H5.05.05.01.DC] [H5.05.05.03]. Tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo luôn có cán bộ trực để có thể tiếp nhận các khiếu nại của người học.

Hàng kỳ, vẫn có các trường hợp sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần, tuy nhiên, số lượng đơn khiếu nại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số bài thi trong kỳ đó [H5.05.02.09.DC]. Sau khi nhận được thông báo từ Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập

sẽ được lưu lại tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo và Ban Quản lý Đào tạo. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.09.DC]; [H5.05.03.03.DC].

Việc tổ chức thi cũng thực hiện theo kế hoạch chung của trường và đề thi cũng được niêm phong, bài thi được đọc phách, và việc chấm thi sẽ được tiến hành tại văn phòng bộ môn quản lý học phần đối với môn chuyên ngành và cơ sở ngành và tại Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng với những môn đại cương. Kết quả đánh giá được các đơn vị phụ trách công tác chấm thi gửi trực tiếp đến Ban Quản lý Đào tạo. Nếu có nhu cầu phúc khảo, người học có thể làm các thủ tục tương tự ở Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Thông báo về việc phúc khảo đối với các học phần cũng được Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo thông báo trên Website và thông báo tới các Khoa

Ngoài ra, sinh viên có thể phản ánh các ý kiến liên quan đến khiếu nại về kết quả học tập thông qua các buổi họp lớp, cố vấn học tập hoặc các buổi họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng giữa Ban Chủ nhiệm Khoa Triết học, CVHT và Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp sinh viên [H5.05.05.04].

Qua khảo sát người học về thủ tục khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại KQHT có thể nhận thấy sinh viên cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và sinh viên cho rằng các khiếu nại được giải quyết thỏa đáng [H5.05.01.20.DC [H5.05.01.21.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua website Học viện, sổ tay sinh viên, các phòng chức năng, qua CVHT, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho tân sinh viên. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập. Khoa Triết học luôn đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy trình chuẩn về thời gian và quá trình xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học nhưng vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại kết quả học tập

dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp máy chủ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo để nâng cao hiệu quả trong các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập, kết quả giải quyết khiếu nại của người học.

Học viện, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo, cố vấn học tập cần tiếp tục tăng cường phổ biến và đôn đốc sinh viên tìm hiểu các quy định liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập tới sinh viên.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Triết học được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Triết học luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các giảng viên. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Tuy nhiên, tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý, lượng sinh viên truy cập vào website của người học còn hạn chế; Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT

Những hạn chế này sẽ được Học viện, Khoa Triết học, các phòng ban chức năng lên kế hoạch hành động khắc phục từ năm 2021

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5/7.

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ và phát triển đội ngũ giảng viên trong trường đại học, nên vấn đề quy hoạch, phát triển đội ngũ này luôn được Học viện và Khoa quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050 và Chiến lược phát triển khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050 [H6.01.01.01] [H6.01.01.02]. Định hướng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện là: (i) *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có năng lực quản trị Học viện hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện theo các định hướng chiến lược;* (ii) *Chuẩn hóa và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên;* (iii) *Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí và truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng tham gia giảng dạy quốc tế, nghiên cứu quốc tế* [H6.01.01.01]. Để thực hiện định hướng đó, Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản sau: Đề án vị trí việc làm; Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; Quy định liên quan đến thỉnh giảng [H6.06.01.03]; [H6.06.01.05]; [H6.06.01.06]; [H6.06.01.08]; [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10]. Các văn bản này đề cập đến công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm của Học viện, của từng đơn vị trong trường. Ngoài ra, hàng năm, tại hội nghị CBVC, Học viện báo cáo tổng kết và định hướng công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực [H6.06.01.04].

Quy trình tuyển dụng cán bộ được thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi Ban Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt [H6.06.01.08]

Đối với Khoa Triết học, trong chiến lược phát triển của mình, Khoa luôn chú

trọng phát triển đội ngũ cán bộ GV cả về số lượng và chất lượng nhằm mục tiêu “Xây dựng vững chắc đội ngũ giảng viên triết học đạt chuẩn chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế”. [H6.06.01.02]. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện. Điều này được thể hiện thông qua chiến lược phát triển cũng như báo cáo hội nghị CBVC hàng năm của Khoa [H6.06.01.02], [H6.06.01.04]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa được thực hiện theo quy trình rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà nước, Học viện CTQG Hồ Chí Minh và Học viện [H6.06.01.08]; [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10].

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng, rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Triết học, qua các giai đoạn (2014, 2016, 2018, 2020), trong các cuộc họp tổ bộ môn (tổ bộ môn Triết học Mác - Lênin, bộ môn Lịch sử triết học, bộ môn các khoa học Triết học), tổng kết năm học, hội nghị CBVC hàng năm, việc quy hoạch đội ngũ giảng viên cho ngành Triết học đều được nghiên cứu kỹ, đề cập rõ ràng và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định [H6.06.01.20] [H6.06.01.02] [H6.06.01.08]. Trên thực tế, kế hoạch quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên ngành Triết học được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển nhân lực của các tổ bộ môn và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển của Khoa, Học viện.

Chất lượng giảng viên ngành Triết học trong thời gian qua đã có sự phát triển mạnh mẽ. Thời điểm hiện tại, tổng số giảng viên của đơn vị là 08 giảng viên cơ hữu. Đa phần cán bộ giảng dạy của ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hiện độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu là: 48; cơ cấu về giới là: 04 nam (50%) và 04 nữ (50%) [H6.06.01.22]. Các giảng viên trẻ luôn có tinh thần cầu thị, muốn khẳng định bản thân, giàu nhiệt huyết, sáng tạo, tâm lý và đặc biệt có trình độ ngoại ngữ, tin học thành thạo, có phương pháp giảng dạy tích cực, thu hút người học.

Tính đến thời điểm hiện tại, 100% cán bộ giảng dạy của ngành đều có trình độ trên đại học. Số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ ngày càng tăng. Năm 2018, khoa đã có 1 cán bộ giảng dạy bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Triết học nhưng đã mất do tai nạn. Số giảng viên cơ hữu có chức danh phó giáo sư là 05 (62,5%), đây là một tỷ lệ rất cao so với mặt bằng chung của toàn Học viện. Đồng thời, Trong giai đoạn 2015 - 2020, Khoa Triết học có số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 01 (chiếm 12,5%) và số giảng viên đạt trình độ thạc sĩ là 01 (chiếm 12,5%); số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh

là 01 (12,5%); [H6.06.01.12]. Xét về ngạch giảng viên, hiện nay ngành Triết học có 05 giảng viên cao cấp, 01 giảng viên chính, 01 giảng viên đã xét hồ sơ đủ tiêu chuẩn và đang chờ nâng hạng chính thức lên GVC, 01 giảng viên [H6.06.01.12]. Nhiều cán bộ được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ môn, khoa và Học viện [H6.06.01.06.DC].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ GV cho ngành Triết học, Ban Chủ nhiệm khoa luôn chú trọng công tác phát triển GV. Căn cứ để Ban Chủ nhiệm khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức là: (i) đảm bảo đội ngũ kế cận có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, chuyên môn cao; (ii) đảm bảo số lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính; (iii) dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ GV sắp nghỉ hưu [H6.06.01.11] [H6.06.01.04.DC]. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của ngành, đến năm 2024, toàn bộ GV cơ hữu đều đạt học vị tiến sĩ; đến năm 2030, sẽ có thêm từ 01 đến 02 GV đạt chức danh phó giáo sư; mỗi bộ môn đều có giảng viên đạt chức danh phó giáo sư hoặc giảng viên cao cấp [H6.01.01.02.DC].

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa còn hợp tác với nhiều GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học [H6.06.01.13]; [H6.06.01.23]. Nhìn chung, công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển đội ngũ GV của ngành Triết học về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ GV ngành Triết học ngày càng được chuẩn hóa và nâng cao.

Về công tác đánh giá cán bộ, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng nhằm ghi nhận, tạo động lực cho đội ngũ GV phấn đấu, hoàn thành tốt trách nhiệm đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng: Học viện đã xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá nhằm phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng chính xác nhất, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ cán bộ, viên chức [H6.06.01.19], [H6.06.01.24] Đối với cán bộ quản lý (Ban Chủ nhiệm khoa) ngoài kênh đánh giá cán bộ, viên chức như đã nêu, Học viện còn đánh giá thông qua lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị theo định kỳ [H6.06.01.27]. Đối với GV cơ hữu, hàng năm, khoa đều tiến hành đánh giá năng lực, ý thức, thái độ, phù hợp với quy định của Học viện [H6.06.01.28]. Kết quả đánh giá giúp Học viện nắm được thực trạng năng lực, uy tín của giảng viên và cán bộ quản lý nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác phát triển đội ngũ.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Khoa cũng được thực hiện một cách nghiêm túc, theo đúng quy định [H6.06.01.09]. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo bộ môn, khoa đều được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng, đúng theo quy định của Học viện. Tháng 4/2017, Khoa tiếp nhận PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn về làm Trưởng khoa. Cũng trong năm này, Học viện tiếp tục bổ nhiệm lại PGS, TS. Trần Hải Minh giữ cương vị Phó Trưởng khoa. Đến năm 2019, Học viện bổ nhiệm TS. Nguyễn Thị Như Huế lên vị trí Phó Trưởng khoa Triết học nhiệm kỳ 05 năm. [H6.06.01.16].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch. Hàng năm, Học viện có kế hoạch cụ thể về kéo dài thời gian hoặc chấm dứt hợp đồng với giảng viên nghỉ hưu. Chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng chính sách hiện hành. Giai đoạn 2015 đến nay, khoa có 02 giảng viên chuyển công tác [H6.06.01.17], 02 giảng viên nghỉ hưu [H6.06.01.17]; 03 giảng viên kéo dài thời gian làm việc [H6.06.01.18].

Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV của ngành Triết học về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ GV của ngành ngày càng được nâng cao và chuẩn hóa. Tỷ lệ GV có học hàm phó giáo sư, học vị tiến sĩ ngày càng được nâng lên. Từ năm 2015 đến nay, số lượng cán bộ giảng viên ngành Triết học không có biến động nhiều, dao động trong khoảng từ 09 đến 10 người.

Việc bổ nhiệm, tuyển dụng không chỉ nhằm mục đích tăng cường công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng trong thời điểm hiện tại, mà còn hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ kế cận để đảm đương khối lượng công việc của một số cán bộ giảng dạy sắp đến tuổi nghỉ hưu và của cán bộ được điều động đảm nhận cương vị lãnh đạo khác trong trường. Các vị trí lãnh đạo, giảng viên được tuyển dụng/điều chuyển vị trí việc làm đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, quy định tuyển dụng của Khoa và Học viện [H6.06.01.11] [H6.06.01.08].

Học viện và Khoa luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, Học viện, Khoa đã tiến hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước [H6.06.01.14]; [H6.06.01.15]. Học viện cũng ban hành các quy chế khen thưởng nhằm động viên,

khích lệ đội ngũ cán bộ giảng viên khi đạt chức danh phó giáo sư, giáo sư, đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, đạt giải thưởng trong cuộc thi giảng dạy các cấp, trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng... [H6.06.01.19].

Song song với sự khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi của Học viện và Khoa, bản thân giảng viên ngành Triết học cũng luôn ý thức trau dồi, nâng cao trình độ, kỹ năng. Trong giai đoạn đánh giá (2016-2020), Khoa không có giảng viên được cử đi học dài hạn (do các giảng viên đều đã hoàn thành hoặc đang học NCS). Về các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước: gần như 100% giảng viên của ngành đều tham gia lớp bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị được tổ chức thường niên tại Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Bộ giáo dục và Đào tạo, 100% GV đã có bằng cao cấp, trung cấp lý luận chính trị, 100% GV đều tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước như: kinh điển Mác - Lênin,... [H6.06.01.15]. Đến nay, 100% GV có đầy đủ các chứng chỉ bắt buộc theo quy định: nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ [H6.06.01.12.DC]

Ngoài ra, Học viện cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của GV về công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên định kỳ và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ quy hoạch nhằm đánh giá công tác quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.25].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch GV của ngành Triết học (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế và phù hợp với các quy định của Khoa, Học viện giúp ngành Triết học chủ động về công tác cán bộ. Khoa Triết học có đội ngũ giảng viên trình độ cao, với 62,5% giảng viên có học hàm PGS đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác

Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Học viện để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm sắp xếp công việc hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn có sự mất cân đối về độ tuổi, dẫn tới nguy cơ hẫng hụt đội ngũ GV có kinh nghiệm, trình độ, có học hàm PGS, GS.

4. Kế hoạch hành động

Khoa kết hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ trong việc rà soát lại công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên để đảm bảo có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cân đối về độ tuổi, tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi ngành, Khoa, Học viện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nghiên cứu, bổ sung các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ giảng viên trẻ đầu tư nghiên cứu khoa học và nâng cao học hàm, học vị.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 6.2

Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành Triết học được áp dụng theo đúng quy định trong Quy chế giảng viên của Học viện, trong đó quy định rõ giờ giảng dạy, NCKH cho từng đối tượng. Cụ thể: (i) đối với giảng viên cao cấp - hạng I (GS, PGS, TS): giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS là 270 giờ, NCKH là 950 giờ; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90 giờ; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với PGS là 270 giờ, NCKH là 900 giờ, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110 giờ; đối với TS lần lượt là 290, 850 và 210 giờ. (ii) Đối với GVC (Hạng II): GV có học vị TS: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260. (iii) Đối với GV (Hạng III): GV có học vị TS: 270, 600 và 360 giờ; GV chưa đạt trình độ TS: 270, 600 và 360 giờ [H6.06.02.01].

Bên cạnh quy chế giảng viên, nhằm nâng cao hiệu quả công việc của giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và của Khoa, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành xây dựng và ban hành đề án vị trí việc làm đối với cán bộ, giảng viên Học viện nói chung và cán bộ, giảng viên Triết học nói riêng. [H6.06.02.02]. Đây là căn cứ để sắp xếp đúng vị trí, năng lực của giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công việc của giảng viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ của Học viện.

Thời điểm hiện tại, *tổng số cán bộ cơ hữu* của ngành Triết học là 09 cán bộ, giảng viên, trong đó số lượng phó giáo sư là 05 (62,5%), tiến sĩ là 01 (12,5 %); số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 01 (12,5 %), số giảng viên là thạc sỹ là 01 giảng viên [H6.06.01.22.DC].

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, khoa còn hợp tác với nhiều giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học như: Đại học KHXH và NV (ĐHQG Hà Nội), Viện Triết học (Học viện CTQG Hồ Chí Minh), Đại học Sư phạm Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương, Viện Triết học... [H6.06.01.23.DC].

Bảng 6.3. Thống kê giảng viên ngành Triết học tính đến tháng 12/2020

Tiêu chí phân loại	Số lượng GV toàn trường chưa QĐ		Giảng viên KN7 chưa QĐ		GV ngành Triết học chưa QĐ		Hệ số qui đổi		Số lượng GV toàn trường sau QĐ		Số lượng GV KN7 sau QĐ				Số lượng GV ngành Triết học sau QĐ			
	KN	MC	CH	TG	CH	TG	CH	TG	KN	MC	CH	TH	MC	Tổng KN7	CH	TG	MC	Tổng Triết học
GS	1	0	1	5	0	0	5	1	5	0	5	5	-	10.0	0	0	-	0
PGS	40	1	40	59	5	1	3	0.6	120	3	120	35.4	3.9	159.3	15	0.6	0.3	15.9
TS	126	17	123	117	1	0	2	0.4	252	34	246	46.8	39.5	332.3	2	0	1.5	3.5
ThS	115	39	109	24	2	0	1	0.2	115	39	109	4.8	38.6	152.4	2	0	1.5	3.5
CN	7	1	7	9	0	0	0.3	0	2.1	0.3	2.1	0	0.3	2.4	0.3	0	0.0	0.3
Tổng	289	58	280	214	8	1			494	76.3	482	92	82.3	656.4	19.3	0.6	3.3	23.2
	347		494		9				570		574				19.9			

Hiện nay số GV cơ hữu của ngành Triết học có 08 người, trong đó 05 PGS, 01 TS, 02 ThS (01 GV là thạc sỹ đang theo học chương trình đào tạo NCS). Số lượng GV quy đổi hiện nay là 09 người nếu chỉ tính riêng cho Khoa Triết học; và là 23,2 người tính cho tổng số GV tham gia đào tạo (Bảng 6.3) [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Số lượng sinh viên đại học chính quy của Khoa năm 2020 là 130 SV [H6.06.02.03]. Tỷ lệ SV/GV chính quy quy đổi cho GV cơ hữu của Khoa Triết học là 14,5 SV/GV; nếu tính chung toàn bộ giáo viên tham gia giảng dạy là 6.5 SV/GV.

Giai đoạn 2015 đến nay, *quy mô đào tạo ngành Triết học* khá ổn định, trong khi nhu cầu xã hội có xu hướng tăng lên, thể hiện thông qua điểm đầu vào và số lượng sinh viên dự tuyển, nhập học theo từng năm [H6.06.02.08]. Năm học 2015 - 2016, số lượng sinh viên cao hơn hẳn so với các năm học khác là do tại thời điểm đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện thử nghiệm tăng chỉ tiêu cho ngành Triết học [H6.06.02.11]; [H6.06.02.12].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2016 đến nay, khối lượng giảng dạy của giảng viên ngành Triết học đều vượt so với quy định, số giờ vượt nhiều nhất thường tập trung ở các giảng viên có học hàm, học vị cao hoặc giảng viên lâu năm [H6.06.02.13]. Theo số liệu thống kê, bình quân số giờ giảng dạy quy đổi của một GV Khoa Triết học năm học 2015 - 2016 là gần 1005,85 giờ, tuy nhiên khối lượng này đang có xu hướng giảm dần, đến năm học 2019 - 2020 con số này chỉ còn khoảng trên 880,12 giờ/GV và theo dự báo con số này tiếp tục giảm trong các năm tiếp theo (Bảng 6.5) [H6.06.02.03]. Mặc dù khối lượng giảng dạy lớn, nhưng giảng viên ngành Triết học vẫn đảm bảo chất lượng giảng dạy. Điều này được thể hiện thông qua khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên và đối với các học phần được học theo từng học kỳ [H6.01.02.14]. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để khoa, các tổ bộ môn đánh giá, cải tiến, điều chỉnh trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 6.5. Khối lượng giảng dạy, NCKH bình quân của GV cơ hữu ngành Triết học giai đoạn 2015 -2020

DVT: giờ quy đổi

Khối lượng	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Khối lượng giảng dạy quy đổi	1005,85	862,58	834,69	595,98	880,12
Khối lượng NCKH quy đổi	890,62	768,33	1208,88	2478,57	1087,14

Bên cạnh giảng dạy, *nghiên cứu khoa học* cũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với đội ngũ giảng viên ngành Triết học. Điều này đã được quy định rõ trong Quy chế giảng viên của Học viện [H6.06.02.06]. Đây chính là cơ sở, căn cứ để Học viện, Khoa và các tổ bộ môn đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm của đội ngũ giảng viên trong đơn vị mình. Trong quy chế cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động tính ra giờ quy đổi, từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động; cách quy đổi tính khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm dựa trên các công trình công bố, các hoạt động khoa học mà giảng viên đã thực hiện trong năm học đó.

Mặc dù trong giai đoạn 2016 đến nay, giảng viên ngành Triết học phải đảm đương khối lượng công việc giảng dạy lớn, nhưng theo số liệu thống kê (Bảng 6.6, 6.7, 6.8, 6.9), thì giảng viên rất tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể: tham gia thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ, chủ trì thực hiện 22 đề tài cấp cơ sở, xuất bản 25 sách chuyên khảo, 01 sách giáo trình, công bố 04 bài báo quốc tế, 43 bài báo tạp chí khoa học trong nước, 78 bài hội thảo các cấp.

Cùng với những hoạt động khoa học khác, khối lượng giờ nghiên cứu khoa học quy đổi bình quân của một giảng viên trong năm luôn cao hơn so với quy định, đặc biệt trong hai năm học gần đây (2018 - 2019 và 2019 - 2020) (Bảng 6.5) [H6.06.02.03].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV khoa Triết học được

xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Học viện và được giám sát bởi khoa, các đơn vị chức năng trong Học viện góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Học viện có các quy định cụ thể về tính toán khối lượng giảng dạy, NCKH và có văn bản về việc phân loại đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, NCKH của giảng viên. Do đó có căn cứ để cải tiến các hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù khối lượng nghiên cứu khoa học của GV ngành Triết học vẫn vượt so với quy định, tuy nhiên số lượng đề tài NCKH cấp cao như cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, số lượng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa Triết học cần xúc tiến thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để có thể thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp cao hơn và có thêm nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

Từ năm 2021 - 2030, do định hướng phát triển của Học viện, khoa Triết học là một trong những khoa đào tạo chủ chốt của Học viện với cả ba cấp độ đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu sinh, nên Khoa đề nghị Học viện cho phép tuyển dụng thêm các giảng viên có học hàm, học vị từ Tiến sĩ trở lên để đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng trong đào tạo. Cũng trong giai đoạn này, Khoa sẽ hỗ trợ để 1 đến 2 giảng viên đạt chức danh phó giáo sư.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 6.3

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực, trình độ là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Để thực

hiện điều đó, Học viện đã xây dựng và ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.01.08.DC].

Trong công tác tuyển dụng, hàng năm, Hội đồng tuyển dụng của Học viện sẽ lập kế hoạch, xây dựng quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Tiêu chí tuyển dụng được xây dựng dựa trên quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H6.06.03.01]; [H6.06.01.08.DC]. Trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật). Cụ thể: (1) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; (2) Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ đại học, ứng viên phải tốt nghiệp cơ sở đào tạo công lập, hệ chính quy, tập trung, loại khá trở lên, không thi lại quá 2 môn (trong đó có môn chuyên ngành) hoặc tốt nghiệp các cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển. Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngoài yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành thỏa mãn điều kiện trên, ứng viên còn phải có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuyên ngành phù hợp; (3) Trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ C trở lên một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc; (4) Trình độ tin học tương đương trình độ B, sử dụng thành thạo chương trình tin học văn phòng và ứng dụng CNTT để soạn bài giảng và giảng dạy; (4) Có khả năng sư phạm, không nói ngọng, không nói lắp, bảo đảm các yêu cầu ngoại hình; (5) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; (6) Có lý lịch rõ ràng [H6.06.01.08.DC].

Kế hoạch tuyển dụng của Học viện được gửi tới các đơn vị trong toàn trường, được đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình), trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc [H6.06.03.01] [H6.06.01.05.DC]. Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình và các quy định của pháp luật như Nghị định 116, Nghị định 29, Luật viên chức 2012, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 và Quy định của Học viện về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.01.08.DC][H6.06.03.05]. Kết quả tuyển dụng được thông báo tới các ứng viên trúng tuyển, công bố công khai đến các đơn vị.

Để đảm bảo tính chính xác và rõ ràng trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm, Học

viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm từ năm 2018 nhằm rà soát lại toàn bộ đội ngũ cán bộ viên chức; từ đó có kế hoạch phân bổ, điều chỉnh, bổ sung nguồn lực, bố trí công việc phù hợp cho các năm tiếp theo. Đề án vị trí việc làm quy định tiêu chuẩn năng lực được xác định theo từng vị trí, nhóm công việc [**H6.06.01.03.DC**].

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý thực hiện đúng quy trình, đảm bảo công khai và dân chủ. Điều đó được thể hiện thông qua Quyết định quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức Đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc Học viện, Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý [**H6.06.01.07.DC**] [**H6.06.03.04**].

Trên thực tế, quy trình tuyển dụng được tiến hành như sau: hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng về Ban Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền cần phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định và các tiêu chuẩn cụ thể khác do Tổ bộ môn, Khoa đề xuất [**H6.06.01.08.DC**] [**H6.06.01.11.DC**]. Ngoài ra, các ứng viên phải có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; lịch sử hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và đơn vị mà ứng viên xin dự tuyển. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Học viện, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học. Đối với các ứng viên tuyển dụng vào vị trí giảng viên ngành Triết học, thì ngoài các yêu cầu chung theo quy định, trước khi đăng ký tuyển dụng, Hội đồng Khoa họp bàn đưa ra các yêu cầu riêng tùy thuộc vào yêu cầu phát triển cụ thể của ngành trong từng giai đoạn. Điều đó được thể hiện trong Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ [**H6.06.03.03**].

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch (đại diện Ban Giám đốc Học viện), Phó Chủ tịch (Trưởng Ban Tổ chức – cán bộ); đại diện lãnh đạo thanh

tra Học viện, đại diện lãnh đạo đơn vị bố trí công chức, viên chức sau khi trúng tuyển, 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng (cán bộ bộ phận Ban Tổ chức - Cán bộ) [H6.06.01.08.DC]. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên. Đối với vị trí giảng viên, ứng viên phải trải qua phần thi giảng phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, giảng viên tham gia dự giảng, biên soạn đề cương bài giảng, được một giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn. Giảng viên tập sự phải thông qua bài giảng (giáo án) và giảng thử tại tổ bộ môn trước khi lên lớp chính thức.

Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, để đảm bảo yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên cũng như phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của khoa Triết học, Học viện đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự vào vị trí lãnh đạo Khoa (Trưởng, Phó Khoa) và tổ bộ môn [H6.06.01.16]; [H6.06.03.02]. Tất cả các vị trí được bổ nhiệm đều đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo đúng quy định. Quá trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt [H6.06.03.03]; [H6.06.01.07.DC].

Nhìn chung, việc tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ ngành Triết học đảm bảo đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của ngành, Khoa và Học viện. Giảng viên được tiếp nhận và cán bộ được bổ nhiệm đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Điều này được thể hiện thông qua kết quả đạt được trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các giảng viên được tuyển dụng trong giai đoạn này đều phát triển tốt. Các giảng viên đã tham gia tích cực công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Thông qua khảo sát sinh viên về người dạy và các học phần cho thấy, các giảng viên được tuyển dụng đã đáp ứng được số lượng, chất lượng giảng dạy [H6.06.02.14.DC].

Công tác bổ nhiệm của ngành Triết học được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H6.06.03.03];[H6.06.01.25.DC]. Các vị trí được bổ nhiệm là lãnh đạo Khoa, Tổ trưởng tổ bộ môn của ngành Triết học đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Thành tích tập thể và cá nhân được ghi nhận là minh chứng cho sự tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chính xác của Học viện [H6.06.03.06], [H6.06.03.07].

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H6.06.03.04]. Học viện đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện Ban Giám đốc, Ban Tổ chức – Cán bộ cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Học viện xét duyệt. Phiếu giới thiệu là một kênh tham khảo của Giám đốc Học viện trước khi xác định nhân sự bổ nhiệm. Quy định này đảm bảo cho quy trình bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo Khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Học viện.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng, quy hoạch cán bộ có tính kế hoạch, công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế của Học viện. Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm làm căn cứ cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm.

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Học viện.

Có các căn cứ để đánh giá, phân loại với đội ngũ CBGV nói chung, người được tuyển dụng, bổ nhiệm nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2016 – 2020, việc tuyển dụng cán bộ của Khoa chủ yếu thực hiện qua tiếp nhận, luân chuyển cán bộ nên chưa thông báo rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban Tổ chức – Cán bộ cần phối hợp với Khoa để có các hình thức thông báo tuyển dụng rộng rãi hơn nữa, giúp nhiều ứng viên có thể tiếp cận được thông tin tuyển dụng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.4

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

Mô tả

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa Triết học, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu, then chốt [H6.06.01.02.DC]. Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, yêu cầu về năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá trong các văn bản như: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy; Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền. [H6.06.04.01] [H6.06.02.01].

Năng lực giảng viên của Học viện được đánh giá ở hai phương diện chính là năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học. (i) Năng lực sư phạm bao gồm năng lực giảng dạy, thiết kế chương trình, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, năng lực giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học, v.v; (ii) Năng lực NCKH bao gồm năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, thực hiện các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công bố khoa học trong nước và quốc tế. Những năng lực này của giảng viên được đánh giá ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại giảng viên [H6.06.04.02]. Học viện cũng quy định cách thức đánh giá năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ở các trình độ, hạng ngạch khác nhau thông qua định mức giờ chuẩn giảng dạy (bao gồm giờ đứng bục và giờ quy đổi) và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (bao gồm các hoạt động khoa học được quy đổi) [H6.06.02.01]. Cụ thể:

Ngoài quy định về giờ chuẩn trong công tác giảng dạy và NCKH, Học viện còn đánh giá năng lực GV thông qua giờ quy đổi công tác học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác, trên cơ sở đó để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đây là những căn cứ để Học viện quản lý, phân công, bố trí giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo,

nghiên cứu khoa học và cũng là cơ sở để Học viện đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm. Đồng thời, những quy định trên là cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Việc đánh giá năng lực giảng viên ngành Triết học dựa vào khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học hàng năm của Học viện, Khoa, giảng viên ngành Triết học thực hiện khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên cơ sở định mức giờ chuẩn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo hạng mức chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn từ 2015- nay, giảng viên ngành Triết học đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của Học viện [H6.06.02.03] [H6.06.02.13].

Để đáp ứng yêu cầu về năng lực, đội ngũ giảng viên ngành Triết học không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Từ năm 2015-nay, ngành Triết học có thêm 03 giảng viên có học hàm Phó giáo sư, 01 giảng viên thăng hạng giảng viên chính; 01 giảng viên đã bảo vệ luận án tiến sỹ cấp cơ sở. Đến nay 100% giảng viên có trình độ trên đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp. [H6.06.01.12.DC]; [H6.06.04.03].

Bảng 6.13. Thống kê năng lực của đội ngũ giảng viên ngành Triết học

Trình độ, học vị, chức danh	Năm học					
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	
Giáo sư	0	0	0	0	0	
Phó giáo sư	2	2	4	4	5	
Tiến sĩ	4	4	1	1	1	
Thạc sĩ	3	3	3	2	2	
Đại học	1	1	0	0	0	
Tổng số	10	10	8	7	8	

Học viện quan tâm chú trọng đến năng lực đội ngũ giảng viên thông qua các quy định chuẩn năng lực sư phạm, chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công

nghệ thông tin. Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về năng lực sư phạm, ngoại ngữ, tin học và tiêu chuẩn chức danh, Học viện đã ban hành các văn bản quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên. Thực hiện quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, Học viện thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm cũng như các năng lực khác giúp cho công tác đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng hiệu quả.

Hiện nay, 100% giảng viên của ngành Triết học có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước khi tham gia đứng lớp, đáp ứng đầy đủ quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo Thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ [H6.06.04.01]; [H6.06.01.12.DC]. Bên cạnh đó, từ 2015 – nay, giảng viên ngành Triết học cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp ngắn hạn như: Bồi dưỡng phương pháp quản lý đào tạo theo tín chỉ, Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác – Lênin, Tư tưởng HCM, Phương pháp giảng dạy triết học theo chương trình CLLCT mới, Bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược, Bồi dưỡng chính sách công,... [H6.06.01.15.DC].

Bảng 6.14. Thống kê số lượng GV Khoa Triết học tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ 2015 -2020

STT	Tên lớp	Đối tượng	Thời gian tổ chức	Số lượng học viên	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Bồi dưỡng phương pháp quản lý đào tạo theo tín chỉ	Giảng viên, Cố vấn học tập	2015	03	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
2	Nghiên cứu sinh triết học	Giảng viên	2015	01	Ban Tổ chức Cán bộ	Học viện KHXH
3	Văn bằng 2 Ngôn ngữ Anh	Giảng viên, Cán bộ	2015	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền

4	Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác – Lênin, Tư tưởng HCM	Cán bộ, Giảng viên	2015	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCM
5	Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên chính	Cán bộ,	2015	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCM
6	Tập huấn giảng viên các môn LLCT	Giảng viên	2016	02	Ban Tổ chức - Cán bộ	Bộ GD và ĐT
7	Phương pháp giảng dạy triết học theo chương trình CLLCT mới	Giảng viên	2016	09	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCM
8	Phương pháp giảng dạy chuyên ngành triết học	Cán bộ, Giảng viên	2017	07	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCM
9	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy	Giảng viên	2017	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
10	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	Giảng viên	2017	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCM
11	Bồi dưỡng chính sách công	Cán bộ, Giảng viên	2018	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
12	Bồi dưỡng giảng viên các môn lý luận chính trị, giáo dục chính trị	Cán bộ, Giảng viên	2018	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	ĐH KHXH và NV phối hợp với Bộ GD và ĐT, Ban Tuyên giáo TW
13	Bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược	Giảng viên	2018	02	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
14	Tập huấn giảng viên các môn LLCT	Cán bộ, Giảng viên	2019	01	Ban Tổ chức - Cán bộ	Bộ GD và ĐT

15	Tập huấn giảng viên tham gia giảng dạy thí điểm các môn LLCT	Cán bộ, Giảng viên	2019	04	Ban Tổ chức - Cán bộ	Bộ GD và ĐT
16	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh GVCC (hạng I)	Cán bộ, Giảng viên	2019	03	Ban Tổ chức - Cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
17	Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác – Lênin, Tư tưởng HCM	Cán bộ, Giảng viên	2020	03	Ban Tổ chức - Cán bộ	HV CTQGHCN

Hàng năm, Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên theo đúng quy định về đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng. Học viện quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại xét thi đua, khen thưởng của từng giảng viên và tập thể. Theo đó, giảng viên được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể. Có 4 mức đánh giá: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; và không hoàn thành nhiệm vụ và được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua a/Chiến sỹ thi đua toàn quốc; b/Chiến sỹ thi đua cấp Học viện CTQG; c/Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và d/Lao động tiên tiến. Trên cơ sở tự đánh giá của GV và nhận xét của đồng nghiệp, Ban Chủ nhiệm Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Học viện bình xét quyết định xếp loại thi đua [H6.06.03.07.DC], [H6.06.04.6], [H6.06.04.07]; [H6.06.04.08]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình; đồng thời giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và nắm bắt tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

Việc đánh giá năng lực giảng viên ngành Triết học từ phía Học viện (thi giảng viên dạy giỏi), Khoa (dự/thi giờ giảng) và sinh viên (khảo sát) cũng được thực hiện thường xuyên [H6.06.04.04] [H6.06.04.05]; [H6.06.02.14.DC]. Với mỗi học phần, giảng viên thường khảo sát sinh viên mức độ cần thiết của môn học hai lần: bắt đầu và giữa/hoặc kết thúc học phần bằng các hình thức đa dạng (phiếu khảo sát, slide, viết ý kiến vào giấy...), trên cơ sở đó tổng hợp và đối sánh với kết quả khảo sát chính thức của Học viện thông qua Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo. Đánh giá của sinh viên đối với giảng viên/các học phần thuộc ngành Triết học được thực hiện công khai, khách quan, minh bạch. Kết quả khảo sát bằng phiếu/online giai đoạn

2015 - nay cho thấy, mức đánh giá của sinh viên đối với giảng viên ngành Triết học đều đạt ở mức tốt [H6.06.02.14.DC]. Đó là minh chứng cho việc giảng dạy một cách nghiêm túc (theo đúng quy định của Học viện) và đảm bảo chất lượng của giảng viên ngành Triết học. Qua đó góp phần giúp Khoa đánh giá một cách chính xác năng lực của đội ngũ giảng viên tại đơn vị mình.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh để hoàn thiện hơn năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

1. Điểm mạnh

Năng lực của giảng viên ngành Triết học được xác định rõ ràng, đầy đủ và được đánh giá bởi chính cá nhân giảng viên, Học viện, Khoa và sinh viên theo đúng quy định.

2. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV còn hạn chế nên gặp khó khăn khi tiến hành công bố khoa học quốc tế.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban TCCB và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên. Khoa và Học viện tiếp tục mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên: phương pháp giảng dạy, khai thác cơ sở dữ liệu để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

4. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5,5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để giảng viên

hoàn thành tốt công việc của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ, giảng viên tập sự trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học luôn được Học viện xem là nhiệm vụ then chốt.

Phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa Triết học được xác định rõ trong Chiến lược phát triển của Học viện, của Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Báo cáo tổng kết năm học và Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H6.06.01.01.DC]; [H6.06.01.02.DC] [H6.06.01.20.DC) [H6.06.01.07.DC]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo từng giai đoạn phát triển. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa luôn bám sát Đề án vị trí việc làm của Học viện [H6.06.01.03]. Trong giai đoạn từ năm 2015 – nay, Khoa đã xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên: “Đến năm 2030, 50% những giảng viên có học vị tiến sĩ sau 5 năm đạt chức danh phó giáo sư; đến năm 2035, những giảng viên công tác ở khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ; từ năm 2020 đến 2030, mỗi bộ môn đều có giảng viên đạt chức danh Phó giáo sư hoặc giảng viên cao cấp; số lượng tiến sĩ từ 8 lên 12; Phó giáo sư: từ 3 lên 5. Cán bộ giảng dạy từ 13 lên 17.”[H6.06.05.01] [H6.06.01.02.DC]. Các kế hoạch này đã được các GV của Khoa triển khai thực hiện, thể hiện thông qua sự lớn mạnh của đội ngũ GV từ năm 2015 đến nay. Trong 5 năm qua (từ 2015 – nay), đội ngũ GV trẻ của Khoa Triết học đã không ngừng hoàn thiện, nâng cao trình độ, Khoa đã có thêm 01 GV bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 03 GV có học hàm PGS, 01 GV chính. Đến nay, đội ngũ GV Khoa Triết học là 08 GV, 100% cán bộ giảng dạy có trình độ trên đại học (trong đó có 5 PGS (62,5%), 1 tiến sĩ (12,5%) và 2 thạc sĩ (25%). Toàn bộ GV của Khoa Triết học đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định.[H6.06.01.12.DC]

Chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên có năng lực, trình độ chuyên môn cao là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói chung và khoa Triết học nói riêng. Để đáp ứng nguyện vọng được đào tạo, nâng cao trình độ của giảng viên, Học viện luôn xác định cụ thể các lĩnh vực đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ giảng dạy. Hàng năm, Ban Tổ chức - Cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp đào tạo ngắn hạn ở trong và ngoài nước, gửi Phiếu khảo

sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm tới từng đơn vị [H6.06.05.02]; [H6.06.01.11]; [H6.06.05.03]. Để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên ngành Triết học đều tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước do Học viện tổ chức/cử. Cụ thể:

Học viện, Khoa có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn. Để đẩy nhanh tiến độ giảng viên đạt chuẩn học vị, Học viện có nhiều chính sách khuyến khích như ưu đãi về tài chính, giờ giảng. Đối với giảng viên là học viên cao học, nghiên cứu sinh hệ tập trung: được ưu tiên cho việc tập trung nghiên cứu trong thời gian theo quyết định nhập học của cơ sở đào tạo, được hưởng chế độ khi tham gia giảng dạy như giảng viên mời, được Học viện chi trả học phí theo quy định của Nhà nước, được hưởng các chế độ tương đương khi bình xét thi đua... [H6.06.02.01]. Ngoài ra, giảng viên đi học cao học và nghiên cứu sinh sẽ được thưởng khi hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [H6.06.01.19.DC]. Đối với các chương trình học bổng nước ngoài, Học viện công khai thông báo tới các đơn vị, tạo điều kiện, khuyến khích để cán bộ giảng viên trẻ tham gia dự tuyển [H6.06.05.04].

Nhu cầu phát triển chuyên môn, NCKH của đội ngũ GV còn được Học viện, Khoa quan tâm, tạo điều kiện như: cử tham gia hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; hỗ trợ công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế; cử tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH trong và ngoài nước; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH các cấp; khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học...

Tổng kinh phí hỗ trợ của Học viện cho các hoạt động trên trong năm 2015 là 13,375 tỷ đồng; năm 2016 là 15,847 tỷ đồng; năm 2017 là 13,453 tỷ đồng; năm 2018 là 17,058 tỷ đồng; năm 2019 là 12,551 tỷ đồng [H6.06.05.05]. Kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV ngành Triết học được thể hiện ở bảng thống kê dưới đây:

Đối với ngành Triết học, Khoa chủ trương khuyến khích, động viên giảng viên tham gia các khóa học dài hạn như cao học, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước cũng như các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, bồi dưỡng chức danh,...100% GV ngành Triết học đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ mà Học viện tổ chức. Một số giảng viên

của Khoa sau khi hoàn thành học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý như Trưởng, Phó Khoa, Bộ môn. Như vậy, nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên ngành Triết học được đánh giá và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.[H6.06.01.12.DC], [H6.06.01.15.DC].

Để đảm bảo/nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước, năm 2018, 2019, Học viện đã tiến hành khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng đối với hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của giảng viên ở mức khá cao. **[H6.06.05.06]**.

2. Điểm mạnh

Học viện có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên ngành Triết học được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, động viên, khen thưởng...). Hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên nhanh chóng, hiệu quả. Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên thiết thực, phong phú.

3. Điểm tồn tại

Hình thức tổ chức một số khóa đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của các giảng viên. Ví dụ: một số khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp về mặt thời gian do việc bố trí lớp học trong giờ hành chính sẽ khó đảm bảo GV tham gia thường xuyên, một số lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, GV chưa được hỗ trợ kinh phí.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện phối hợp với khoa Triết học tiến hành khảo sát GV nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học.

Học viện, khoa tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để GV có thể tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

Thay đổi hình thức tổ chức các lớp học ngoại ngữ thành đào tạo theo nhu cầu riêng của từng giảng viên, tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV sau mỗi khóa học để đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 6.6

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Với từng chức danh nghề nghiệp, Học viện có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Hàng năm, kết quả công việc của đội ngũ giảng viên ngành Triết học trong giảng dạy, NCKH được khoa đánh giá, phân loại theo quy định [H6.06.02.01]; [H6.06.01.03]; [H6.06.06.01]. Kết quả công việc của GV được đánh giá căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc theo năm học/năm hành chính [H6.06.06.04].

Đầu năm học, trên cơ sở khối lượng giảng dạy được Học viện giao, Trưởng bộ môn/Khoa tiến hành phân công cho GV theo quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Học viện, GV còn phải hoàn thành khối lượng cụ thể trong NCKH như: viết bài báo đăng tạp chí chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham gia hội thảo, sinh hoạt học thuật, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ dài hạn, ngắn hạn, trong và ngoài nước [H6.06.06.03.DC]; [H6.06.06.04.DC].

Đầu năm, giảng viên thực hiện đăng ký thi đua theo các danh hiệu như lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.02]. Cuối năm hành chính (trước đây là xét theo năm học), Khoa và Học viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Học viện với các quy định cụ thể về khối lượng công việc, khen thưởng, kỷ luật; trên cơ sở đó làm cơ sở bình xét, đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ của GV theo các mức sau:

- Mức A: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Mức B: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Mức C: Hoàn thành nhiệm vụ
- Mức D: Không hoàn thành nhiệm vụ

GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc khác luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: LĐTT, CSTĐCS, Giấy khen của Học viện Báo chí và Tuyên

truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động, Điển hình tiên tiến 5 năm,... Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao [H6.06.04.07];[H6.06.03.07.DC]. Xem xét khen thưởng chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý,... [H6.06.06.05] [H6.06.06.06] [H6.06.03.07.DC] [H6.06.06.07], [H6.06.01.06.DC]. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ GV sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng năm có vai trò động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.

Quy trình đánh giá cán bộ GV hàng năm được đưa ra trong các quy định, quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm [H6.06.04.02]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại Hội đồng thi đua đơn vị để đồng nghiệp nhận xét, đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại [[H6.06.03.07.DC]. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: (1) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (2) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; (3) Hoàn thành nhiệm vụ và (4) Không hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí cụ thể về đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua mà Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm: tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H6.06.06.05] [H6.06.03.07.DC].

Nhờ những quy định đánh giá, phân loại GV mà năng lực trong giảng dạy và NCKH của giảng viên ngành Triết học ngày càng được hoàn thiện. Trong 5 năm qua, giảng viên ngành Triết học liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS, LĐT, nhiều GV được khen thưởng bậc cao như bằng khen của HVCTQGHC, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động Hạng Nhì [H6.06.06.05]; [H6.06.06.06].

Để đảm bảo quản trị công việc theo kết quả của GV được dân chủ, khách quan; trước khi ban hành các văn bản quy định về chế độ làm việc, đánh giá cán bộ GV, quy chế khen thưởng, quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm v.v, Học viện đều tiến hành gửi công văn góp ý dự thảo tới Khoa [H6.06.06.08]. Ý kiến đóng góp của GV được

tổng hợp thành văn bản gửi Ban Tổ chức - Cán bộ để hoàn thiện, trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành [H6.06.06.10]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đóng góp ý kiến của GV còn được thực hiện qua nhiều hình thức khác như thông qua Báo cáo tổng kết hội nghị CBVC của Khoa và Học viện, Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học [H6.06.06.03.DC] [H6.06.01.04.DC]; thông qua khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên đối với cán bộ quản lý; khảo sát ý kiến phản hồi của GV về công tác quản lý; hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH; khảo sát ý kiến phản hồi của GV và sinh viên về hoạt động hỗ trợ của cán bộ khối phòng, ban. Các kết quả thu được từ khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực của các GV đối với công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH của Học viện [H6.06.06.09]. Trên cơ sở những ý kiến đóng góp đó, Học viện đã tiến hành cải tiến trong công tác thi đua khen thưởng hàng năm nhằm sát thực, phù hợp với thực tế [H6.06.06.09].

Tính đến thời điểm hiện nay, Học viện không có đơn từ khiếu nại nào về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Về cơ bản, công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được đánh giá tốt.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV. Điều đó không chỉ tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH, mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được thực hiện tốt.

Phần lớn giảng viên ngành Triết học đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, nghiên cứu khoa học). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, LĐT, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước thời hạn. Tập thể khoa Triết học đã được nhận nhiều khen thưởng như: Huân chương Lao động Hạng Nhì, Bằng khen của Thủ tướng,...

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các giảng viên cùng tổ bộ môn với các giảng viên của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa sẽ dự thảo về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công

trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn với các giảng viên của Khoa.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 6.7

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH được Học viện xem là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. [H6.06.01.01.DC] [H6.06.01.02.DC].

Hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo của Học viện và Khoa Triết học. Khoa rất chú trọng hỗ trợ GV ngành Triết học trong các hoạt động NCKH [H6.06.07.01]. Hầu hết giảng viên trong Khoa đều là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài đạt chất lượng xuất sắc [H6.06.07.01]; [H6.06.07.02] [H6.06.07.03]. Nhiều năm, khoa và một số giảng viên đã đạt thành tích cao trong NCKH (thành tích tập thể, cá nhân) [H6.06.07.04].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong khoa Triết học. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Các hoạt động NCKH của GV khoa Triết học được thực hiện theo Quy chế về Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.07.05]. Theo đó, giảng viên phải hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học như: nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, viết bài đăng tạp chí khoa học, tham luận hội thảo khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, sinh hoạt học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề v.v [H6.06.02.01]. Trong kế hoạch NCKH hàng năm, GV phải đề ra những mục tiêu nghiên cứu cụ thể nhằm ít nhất đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học...) [H6.06.07.01]. Học viện đã ban hành quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ GV trong trường. Cụ thể, đối với GV cao cấp, giáo sư/phó giáo sư là 900 giờ; GV

chính là 700 giờ; GV là 600 giờ. Trong quy định cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động. Trên cơ sở giờ quy định về NCKH, Học viện tiến hành đối sánh với kết quả thực hiện công tác NCKH của GV, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. **[H6.06.02.01.DC]**.

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp của GV được thực hiện theo đúng quy định. Căn cứ vào kế hoạch NCKH hàng năm, Ban QLKH gửi thông báo chỉ tiêu cùng các tiêu chí cụ thể cho từng loại hình đề tài tới các đơn vị trong trường; GV đề xuất và thuyết minh đề tài KH với Hội đồng KH - ĐT khoa; sau khi được Hội đồng KH - ĐT Khoa thông qua, các đề tài KH được tổng hợp và đăng ký với Ban QLKH; Ban QLKH được sự uỷ quyền của Hội đồng Khoa học _đào tạo xét duyệt đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Học viện; Lãnh đạo Học viện ra quyết định giao đề tài cũng như các nhiệm vụ KH khác **[H6.06.07.01]**, **[H6.06.07.07]** **[H6.06.07.08]** **[H6.06.07.09]** **[H6.06.07.10]**. Với quy trình xét duyệt chặt chẽ và yêu cầu cụ thể về sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng của đề tài KH của Học viện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của GV ngành Triết học được giám sát thông qua Hội đồng KH - ĐT Khoa. Ban Quản lý KH thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH của các đơn vị trong trường. Đối với đề tài NCKH các cấp, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện theo thời gian quy định của Học viện (bằng văn bản và có minh chứng gián tiếp); đồng thời được đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể, những khó khăn trong quá trình thực hiện để đảm bảo chất lượng nghiên cứu **[H6.06.07.06]** **[H6.06.07.07]**.

Cuối năm, Khoa và Học viện sử dụng kết quả NCKH làm một trong những căn cứ đánh giá trong công tác thi đua, khen thưởng như: danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua ... nhằm khuyến khích GV tích cực tham gia vào các hoạt động NCKH. **[H6.06.04.02]**

Chất lượng các công trình NCKH của GV ngành Triết học luôn được Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa giám sát, đánh giá theo quy định về quản lý khoa học của Học viện. Nhìn chung, những công trình khoa học này đều được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, đăng trên những tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN, nhiều báo cáo tại các hội thảo quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Đại đa số các công trình khoa học của GV ngành Triết học đã được xã hội hóa, làm tài liệu học tập, tham khảo

cho người học và những ai quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận chính trị, triết học. Kết quả NCKH của đội ngũ GV ngành Triết học trong 5 năm gần đây được thống kê tại các bảng từ 6.20 - 6.23 dưới đây: [H6.06.07.02.DC]; [H6.06.07.03.DC].

Bảng 6.20. Thống kê số lượng đề tài NCKH của Khoa Triết học từ 2015-2020

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	1
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	1	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	4	4	4	5	5
4	Tổng	4	4	5	5	6
5	Bình quân/GV	0,4	0,45	0,56	0,63	0,75

(Ghi chú: * Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước)

Bảng 6.21. Thống kê lượng đầu sách của Khoa Triết học được xuất bản từ 2015 - 2020

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Sách chuyên khảo	1	1	14	7	2
2	Sách giáo trình	0	0	0	1	0
3	Tổng	1	1	14	8	2
4	Bình quân/GV	0,1	0,12	1,6	1	0,25

Bảng 6.22. Thống kê số lượng bài của GV Khoa Triết học được đăng tạp chí từ 2015 - 2020

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	0	0	0	4

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	8	5	5	7	4
3	Tạp chí /tập san của cấp trường	3	2	2	5	2
4	Tổng	11	7	7	12	10
5	Bình quân/GV	1,1	0,78	0,78	1,33	0,75

Bảng 6.23. Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế khoa Triết học từ 2015 - 2020

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Hội thảo quốc tế	2	0	4	8	7
2	Hội thảo trong nước	4	4	17	4	18
3	Hội thảo cấp HV	8	8	8	10	8
4	Hội thảo cấp Khoa	9	8	13	10	17
5	Tổng	23	20	42	32	50
5	Bình quân/GV	2,3	2,2	4,67	4,57	6,25

Theo số liệu thống kê 4 hạng mục ở trên (đề tài, sách, bài đăng tạp chí, báo cáo khoa học), thì năm 2018, 2019, GV ngành Triết học có nhiều công trình khoa học công bố nhất. Cụ thể trong hai năm này, số lượng sách, bài báo, báo cáo khoa học đều có xu hướng tăng, trong khi các đề tài khoa học vẫn ổn định. Tuy nhiên, so với kết quả NCKH của ngành Xã hội học trong trường, thì số lượng các công trình của đội ngũ GV ngành Triết học vẫn còn thấp hơn (Bảng 6.24).

Bảng 6.24. Đối sánh các công trình khoa học đã công bố giữa ngành Triết học và ngành Xã hội học giai đoạn 2015 - 2020

TT	Công trình khoa học	Ngành Triết học					Ngành Xã hội học				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
I	Đề tài khoa học										
1	Cấp Nhà nước	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2	Cấp Bộ	0	0	1	0	0	1	2	3	5	6
3	Cấp cơ sở	4	4	4	5	5	8	10	10	5	8
4	Tổng	4	4	5	5	6	9	12	13	10	14
II	Sách xuất bản										
1	Sách chuyên khảo	1	1	14	7	2	5	0	5	0	0
2	Sách giáo trình	0	0	0	1	0	1	4	1	2	0
3	Tổng	1	1	14	8	2	6	4	6	2	0
III	Bài đăng trên các tạp chí khoa học										
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	0	0	0	4	0	1	5	3	2
2	Tạp chí khoa học cấp	11	7	7	12	6	10	8	19	6	5

	ngành trong nước										
3	Tổng	11	7	7	12	10	10	9	24	9	7
IV	Báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế										
1	Hội thảo quốc tế	2	0	4	8	7	1	2	5	3	5
2	Hội thảo trong nước	1	2	3	3	6	4	4	17	4	18
3	Tổng	3	2	7	11	13	5	6	22	7	23

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị Thư ký khoa học nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động NCKH trong năm của trường, thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học, các quy định mới liên quan đến NCKH; khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường cũng như những phương hướng, nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Giảng viên ngành Triết học không những đáp ứng tốt năng lực giảng dạy mà còn đáp ứng tốt năng lực NCKH và luôn coi NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người GV.

Nhìn chung, GV ngành Triết học luôn vượt mức giờ NCKH hàng năm do Học viện quy định. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và đảm bảo chất lượng các công trình nghiên cứu: tham gia đề tài khoa học các cấp, sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo khoa học tại hội thảo KH trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là của những giảng viên có học hàm, học vị cao.

4. Kế hoạch hành động

Khuyến khích GV tích cực đăng ký tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, viết nhiều bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các GV có nhiều thành tích trong NCKH.

Từ năm 2021, Học viện và Khoa khuyến khích việc thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để định hướng GV ngành Triết học tham gia thực hiện đề tài các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV ngành Triết học đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa triết học luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên ngành Triết học tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động NCKH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ GV ngành Triết học đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Bên cạnh những điểm tích cực trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: (i) Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. Thông tin tuyển dụng trước năm 2020 chưa được thông tin rộng rãi để thu hút số lượng ứng viên có năng lực chuyên môn cao tham gia ứng tuyển. (ii) Về đội ngũ GV ngành Triết học, tỉ lệ GV có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành Triết học chưa nhiều.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện và Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét điều chỉnh thời gian của các lớp tập

huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí thì cả 7 đều đạt, điểm trung bình đạt 5,28 /7

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Đội ngũ nhân viên đóng vai trò quan trọng và khẳng định được vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Học viện. Hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, NCKH của giảng viên và sinh viên. Đội ngũ này là những người làm việc tại khoa Triết học và tại các đơn vị khác trong trường. Học viện, khoa Triết học chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống nhân viên hỗ trợ nhằm đạt chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là các chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên của khoa Triết học nói chung và ngành Triết học nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đó là những nhân viên có tinh thần phục vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại, số lượng nhân viên của ngành Triết học là 19, trong đó của Khoa là 04 và của các đơn vị trong trường là 15.[H7.07.01.09]

Tiêu chí 7.1

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Năm 2017, Học viện có Quyết định về việc chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó bao gồm kế hoạch hành động về xây dựng nguồn nhân lực. Giải pháp nêu rõ: (i) Học viện cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể; (ii) Xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; (iii) Có chính sách phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách rõ ràng [H7.07.01.01.DC].

Dựa trên kế hoạch hành động về phát triển nguồn nhân lực, Học viện, Khoa

Triết học đã tiến hành xây dựng và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học [H7.07.01.02.DC]. Về phía Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm rà soát, xác định nhu cầu đội ngũ cán bộ viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng; đồng thời tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc [H7.07.01.03.DC].

Về phía khoa Triết học, rà soát vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Khoa, Biên bản họp hội nghị CBVC hàng năm và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.02.DC] [H7.07.01.03.DC] [H7.07.01.04.DC].

Đầu năm học, Học viện thường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với Đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.09], [H7.07.01.03.DC], [H7.07.01.07], [H7.07.01.05.DC]. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Học viện.

Việc đề xuất nhân sự của các đơn vị được Ban Tổ chức - Cán bộ tổng hợp và trình lên Ban Giám đốc, trên cơ sở đó làm căn cứ xây dựng kế hoạch nhân sự của Học viện. Hàng năm, Học viện công bố kế hoạch tuyển dụng chung cho toàn trường, trong đó bao gồm đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.01.07]. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo trong Hội nghị giao ban cán bộ quản lý, bằng văn bản tới các đơn vị trong trường và trên trang thông tin điện tử của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Học viện có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Quy định về việc bổ nhiệm, tuyển dụng công chức, viên chức [H7.07.01.05.DC]. Để giúp đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc, Học viện thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng như: tin học văn phòng, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài chính - kế toán, pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục... Ngoài ra, Học viện cũng có các chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học dài hạn như: cử nhân chuyên ngành hai, thạc sĩ, tiến sĩ... [H7.07.01.08.DC]

Đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) của ngành Triết học đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp chương trình đào tạo ngành Triết học gồm giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, chuyên viên văn phòng khoa, nhân viên tại các phòng ban, trung tâm như Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Trung tâm Thông tin – Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Phòng Quản trị và Quản lý KTX. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [H7.07.01.09]; [H7.07.01.10.DC].

Trung tâm Thông tin Khoa học luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên ngành Triết học. Các công cụ tra cứu tài liệu được cải tiến định kỳ. Do vậy để đáp ứng yêu cầu công việc, đội ngũ nhân viên thư viện phải có trình độ chuyên môn cao và phải được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ. Hàng năm, theo quy định của Học viện, Trung tâm Thông tin Khoa học đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về khả năng phục vụ bạn đọc để kịp thời điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của người học và giảng viên [H7.07.01.17.DC]. Trung tâm Thông tin Khoa học phân bổ nhân viên phụ trách các khoa trong trường để thuận lợi trong quá trình triển khai công việc, trong đó số lượng nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học là 03 người.

Bên cạnh Trung tâm Thông tin Khoa học của Học viện, Khoa cũng có tủ sách phục vụ cho việc tra cứu của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh trong đó bao gồm các tài liệu về Triết học, lý luận chính trị. Chuyên viên văn phòng Khoa kiêm nhiệm hỗ trợ công việc này. [H7.07.01.15.DC]. Theo quy định, sinh viên có thể lên VP khoa để mượn tài liệu trong thời gian học tập tại trường. Tài liệu của khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu của người học [H7.07.01.13]

Các phòng ban chức năng khác cũng luôn tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho chương trình đào tạo ngành Triết học. Ban Quản lý đào tạo, Phòng CNTT (Văn phòng), Phòng Thực hành, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý KTX đều phân công nhân

viên trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến ngành Triết học. [H7.07.01.09]

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo ngành Triết học có trình độ từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên và chứng chỉ tin học văn phòng trở lên. Trong số đó, nhiều nhân viên có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính. Nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học tại các phòng, ban, trung tâm trên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. [H7.07.01.10.DC].

Đối với Khoa Triết học, bên cạnh 01 chuyên viên văn phòng, còn có 03 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, trong đó 02 giảng viên vừa là cố vấn học tập kiêm nhiệm giáo viên chủ nhiệm. Chủ trương của Khoa là cố vấn học tập đồng thời kiêm nhiệm giáo viên chủ nhiệm nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý, hỗ trợ sinh viên; giúp sự tương tác, chia sẻ, trao đổi giữa Khoa/Ngành Triết học và người học được sát sao, kịp thời nhất. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ này đều có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B2 trở lên, trình độ tin học từ C trở lên. Với trình độ chuyên môn và năng lực tin học, ngoại ngữ của mình, cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học [H7.07.01.14], [H7.07.01.09.DC] [H7.07.01.10.DC]. Với tư cách là cố vấn học tập, nhân viên hỗ trợ phải có hiểu biết sâu về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo nhằm tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập. Với tư cách là giáo viên chủ nhiệm, nhân viên hỗ trợ phải có khả năng quản lý, tư vấn giải quyết các vấn đề khác ngoài học tập của sinh viên như: xây dựng đội ngũ cán sự lớp, kỷ luật, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa... Chuyên viên văn phòng Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa (1buổi/tuần) [H7.07.01.15.DC].

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ khác, cụ thể: 01 thư ký khoa học, 01 phụ trách công tác phát triển Đảng sinh viên (Chi ủy), 01 phụ trách truyền thông, 01 phụ trách công tác sinh viên, 01 thủ quỹ [H7.07.01.15.DC]. Những nhân viên này có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển Đảng và các hoạt động ngoại khóa...

Dưới đây là thống kê số lượng và danh sách trích ngang (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) của đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Triết học:

**Bảng 7.2. Danh sách trích ngang cán bộ hỗ trợ chương trình đào tạo ngành
Triết học đến 11/2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành TN		
1	2	3	4	6	7	11	12
I	Cố vấn học tập						
1	Vũ Thị Hồng Nhung		x	Thạc sỹ	Triết học	CNTT cơ bản	Đại học
2	Nguyễn Thị Như Huế		x	Tiến sỹ	Triết học	CNTT cơ bản	Đại học
3	Trần Thị Giang		x	Thạc sỹ	Triết học	CNTT cơ bản	B1
II	Văn phòng Khoa - Hỗ trợ CTĐT						
4	Đỗ Thị Thu Hà		x	Thạc sỹ	Triết học	CNTT cơ bản	B1
III	Cán bộ thư viện						
5	Vũ Thị Hồng Luyên		x	Thạc sỹ	Thư viện học	CNTT nâng cao	B1
6	Lê Thị Phương Hào		X	Thạc sỹ	Công nghệ TT	Thạc sỹ CNTT	CN tiếng Anh
7	Phạm Thị Hằng		x	Thạc sỹ	Lưu trữ học	B	B
IV	Cán bộ phòng thực hành						
8	Nguyễn Thái Hà	x		Thạc sỹ	Báo chí		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành TN		
1	2	3	4	6	7	11	12
9	Nguyễn Thị Thanh Loan		x	Cử nhân	Tin học	Kỹ sư CNTT	C
V	Cán bộ Công nghệ thông tin						
10	Lê Khánh Hùng	x		Cử nhân	Xã hội học		B1
11	Vũ Hồng Thái	x		Thạc sỹ			
VI	Phòng Đào tạo đại học						
12	Lưu Thị Bích Thủy	x		Thạc sỹ	Xuất bản	B	B1
VII	Cán bộ ban QLKH						
13	Trần Thị Quỳnh Trang		x	Thạc sỹ	Xây dựng đảng	B	B1
VIII	Cán bộ phòng CTCT						
14	Thái Hồng Đức	x		Thạc sỹ	Chính trị học	B	C
15	Lê Thị Ninh Thuận		x	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Cơ bản	CN
16	Lê Trung Thu		x	Thạc sỹ	Xã hội học	B	B
IX	Cán bộ Trung tâm KT-KĐCL						
17	Trần Thị Thảo Anh		X	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	C	B1
18	Trần Đình Đức	x		Thạc sỹ	Lịch sử Đảng	B	B

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành TN		
1	2	3	4	6	7	11	12
19	Hoàng Việt Linh	x		Cử nhân	Sư phạm Vật Lý	CNTT cơ bản	B1

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành Triết học luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H7.07.01.14]; H7.07.01.16];

Đội ngũ nhân viên được định kỳ đánh giá thông qua kết quả xếp loại hàng năm và thông qua đánh giá của sinh viên [H7.07.01.11.DC] [H7.07.01.12] [H7.07.01.17.DC].

Theo thống kê (Bảng 7.3), kết quả xếp loại hàng năm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và tương ứng với kết quả đó là các mức thi đua – khen thưởng, đa số là LĐTT.

Bảng 7.3. Thống kê kết quả xếp loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học hàng năm giai đoạn 2015 - 2020

TT	Họ tên	KQ đánh giá, xếp loại				KQ thi đua, khen thưởng					
		2017	2018	2019	2020	2015	2016	2017	2018	2019	2020
I	Cán bộ thư viện										
1	Vũ Thị Hồng Luyến	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
2	Lê Thị Phương Hào	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
3	Phạm Thị Hằng	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
II	Cán bộ phòng thực hành										
4	Nguyễn Thái Hà	HTTNV	HTTNV	HTTNV		HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	

5	Nguyễn Thị Thanh Loan	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
III	Cán bộ CNTT										
6	Vũ Hồng Thái	HTTNV	HTXSN V	HTTNV		LĐTT	LĐTT	CSTĐ	CSTĐ	LĐTT	
7	Lê Khánh Hùng	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
VI	Cán bộ Ban QLĐT										
8	Lưu Bích Thủy	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
V	Cán bộ Ban QLKH										
9	Trần Thị Quỳnh Trang	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
VI	Cán bộ phòng CTCT										
10	Thái Hồng Đức	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
11	Lê Thị Ninh Thuận	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
12	Lê Trung Thu	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
VII	Cán bộ Trung tâm KT - ĐBCL										
13	Trần Thị Thảo Anh	HTTNV	HTTNV	HTTNV		HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
14	Trần Đình Đức	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	
15	Hoàng Việt Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	

VII I	Giáo viên chủ nhiệm/C ố vấn học tập										
16	Nguyễn Thị Như Huế	HTTNV	HTTNV	HTXSN V		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	HTXSN V
17	Trần Thị Giang	HTTNV	HTTNV	HTTNV		HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	HTTNV
18	Vũ Thị Hong Nhưng	HTTNV	HTTNV	HTXSN V		LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	HTTNV
IX	Giáo vụ khoa/Văn phòng khoa										
19	Đỗ Thị Thu Hà	HTTNV	HTTNV	HTTNV		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

Bên cạnh kết quả đánh giá xếp loại hàng năm của Học viện, đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Triết học còn được thể hiện thông qua khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên. Thống kê (Bảng 7.3) cho thấy, tỷ lệ % hài lòng của sinh viên về đội ngũ nhân viên hỗ trợ tăng dần: năm 2017 là 60.00 %, năm 2018: 68.70 %, năm 2019: 77.33%, năm 2020: 84.80%. [H7.07.01.17] [H7.07.01.12]

Bảng 7.3. Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ nhân viên hỗ trợ

STT	Nội dung	Năm			
		2017	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ % hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ	60.00	68.70	77.33	84.80
2	Mức độ hài lòng trung bình	3.60	3.90	4.00	4.30

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện việc phân tích dự báo nhu cầu và quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ tương đối đầy đủ qua các chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn. Các

chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ được cụ thể hóa theo các năm. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ ngày càng tốt nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ.

Nhờ có chiến lược và kế hoạch phát triển rõ ràng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT Ngành Triết học luôn đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ CTĐT.

Đội ngũ cán bộ thư viện, công nghệ thông tin và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Đội ngũ nhân viên đã hỗ trợ sinh viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện tại khoa, trường giúp sinh viên có thành tích học tập tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Chuyên viên văn phòng khoa chưa được tham gia một số lớp bồi dưỡng, tập huấn như nghiệp vụ thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Khoa kiến nghị với Học viện tổ chức các lớp bồi dưỡng như: nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Học viện có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng qui trình, quy định. Nhờ đó, Học viện có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Trước tiên, công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo các văn bản nhà nước: Nghị định 116 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, Nghị định 29 về việc sử dụng, tuyển

dụng và quản lý viên chức, Luật viên chức, Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018; Quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của Học viện CTQG HCM. Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành Quy chế về tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền phù hợp với các quy định của Nhà nước và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh **[H7.07.02.02]; [H7.07.01.05.DC]**

Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên xuất phát từ nhu cầu của khoa, phòng, ban, trung tâm. Sau khi khảo sát trực tiếp nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Ban Tổ chức - Cán bộ sẽ triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm **[H7.07.01.03.DC]**.

Đối với ngành Triết học, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định của Khoa và Học viện.

*Để đảm bảo xây dựng Quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được chính xác, phù hợp trong các giai đoạn khác nhau, Học viện đã tiến hành phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên **[H7.07.02.01]**. Sau khi gửi bản Dự thảo tới các đơn vị trong Học viện, Ban Tổ chức – Cán bộ sẽ tổng hợp các ý kiến đóng góp, trên cơ sở đó xây dựng Quy định và trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành chính thức.*

*Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường **[H7.07.01.05.DC] [H7.07.01.06.DC]**.*

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Học viện chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý và đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Cán bộ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý, được đơn vị giới thiệu sẽ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng và minh bạch trong Quy định về công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh **[H7.07.01.06.DC]**. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được công khai và gửi tới các đơn vị trong trường, đồng thời Học viện cũng tiến hành họp Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ quản lý **[H7.07.02.03]**.

Từ năm 2015 đến nay, số lượng nhân viên hỗ trợ được xác định là phù hợp với nhu cầu thực tế của chương trình đào tạo. Đề án vị trí việc làm cũng xác định số lượng nhân viên hỗ trợ thực tế là tương đối phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm. [H7.07.01.03.DC].

2. Điểm mạnh

Văn bản liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Học viện xác định và công khai. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng trong thông tin tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định thông qua nhu cầu hoạt động của Học viện, ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện. Những nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

Trường có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo.

Trường đã tuyển dụng được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Học viện tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm, thực hiện điều chuyển nhân viên kiêm nhiệm công việc giữa các phòng, ban, trung tâm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Bên cạnh đội ngũ giảng viên, ngành Triết học luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Quy trình đánh giá nhân viên hỗ trợ hàng năm được đưa ra trong các Quy định và quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức HV BC&TT và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm [H7.07.03.01.DC]; [H7.07.03.02.DC]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp đề các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến; (3) Trường đơn vị quyết định đánh giá, phân loại nhân viên. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua do Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H7.07.01.10.DC] [H7.07.01.11.DC] [H7.07.03.03.DC].

Hiện nay, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ vào cuối năm hành chính. Ban Tổ chức – Cán bộ gửi Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua tới các đơn vị. Tại đơn vị, thủ trưởng kết hợp với công đoàn tiến hành tổ chức bình xét toàn bộ nhân viên của đơn vị mình. Tiêu chí, quy trình đánh giá như đã trình bày ở trên đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân là căn cứ quan trọng để tham mưu, đề xuất nâng cao hiệu quả công tác; kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật, bình xét các danh hiệu thi đua; chi thu nhập tăng thêm và thực hiện các chính sách khác đối với nhân viên hỗ trợ.

Bên cạnh đánh giá từ phía cá nhân, đơn vị chủ quản, Học viện, thì năng lực, thái độ, kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá thông qua khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và người học. Nhân viên hỗ trợ được đánh giá, xếp loại hàng năm thông qua các loại hình khác nhau sẽ làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.[H7.07.01.17.DC]; [H7.07.03.05.DC]

Hiện nay, CTĐT ngành Triết học có 01 chuyên viên văn phòng khoa. Chuyên viên văn phòng khoa có trình độ thạc sĩ, có chứng chỉ tiếng Anh B1, có chứng chỉ tin học cơ bản. 03 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, trong đó có 02 cố vấn học tập kiêm nhiệm công tác giáo viên chủ nhiệm đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên (100%), trong đó có 01 tiến sĩ, 02 thạc sĩ (trong đó 01 thạc sĩ đã bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở) [H7.07.01.10.DC].

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ đảm nhận, hàng năm, đội ngũ nhân viên đều được tham gia các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng - an ninh..., được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ; có nhiều người được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, được tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, được tham gia thực hiện các đề tài

NCKH... [H7.07.01.08.DC]. Nhiều cán bộ được xếp loại HTSXNV, HTTTN, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến [H7.07.01.11.DC]. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Học viện đối với đóng góp thành tích của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Nhìn chung, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên văn phòng đều đảm bảo năng lực hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo (Bảng 7.4).

Năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học tại các phòng, ban khác trong trường: Ban Quản lý – Đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Trung tâm Thông tin - Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá, Phòng CNTT (Văn phòng) đều đáp ứng năng lực được quy định trong đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC].

Bên cạnh đó, Học viện và Khoa Triết học đã thực hiện khảo sát với người học và giảng viên về mức độ hài lòng đối với năng lực của nhân viên hỗ trợ. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 2 năm gần

đây (2018, 2019) lần lượt là 66,67% và 100%. [H7.07.03.05.DC]. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 4 năm gần đây 2017, 2018, 2019, 2020 lần lượt là 60.00%, 68.70%, 77.30% và 84.80% [H7.07.01.17.DC]. Từ số liệu đó cho thấy, mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Triết học tăng dần theo các năm.

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Học viện.

Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển chuyên môn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên. Hiện nay, 04 nhân viên hỗ trợ của khoa đang được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia học nghiên cứu sinh cũng như tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan.

Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ trẻ, năng động, nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa sẽ sắp xếp thời gian cụ thể cho cố vấn học tập trong việc hỗ trợ sinh viên.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 7.4

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Học viện có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ công tác đào tạo luôn được Học viện quan tâm. Điều đó được thể hiện trong mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ - viên chức đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 trong Chiến lược của Học viện cũng như Đề

án vị trí việc làm năm 2018 [H7.07.01.01.DC], [H7.07.01.01.DC]; [H7.07.01.03.DC]. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Học viện xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01]. Bên cạnh đó, Học viện cũng quan tâm, xem xét đến nhu cầu phát triển của cá nhân, được thể hiện thông qua việc phê duyệt đề nghị đi học các khóa đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xây dựng trên cơ sở đối chiếu giữa thực trạng đội ngũ nhân viên của Học viện so với tiêu chuẩn quy định của Nhà nước [H7.07.04.01]. Kế hoạch mở/cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thông báo rộng rãi trên website của Học viện và gửi đến các đơn vị liên quan để nhân viên có kế hoạch đăng ký tham gia, đơn vị lập danh sách đăng ký gửi về Ban Tổ chức – Cán bộ [H7.07.04.03]. Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, Học viện đã cử nhiều nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: đại học chuyên ngành II và sau đại học, các lớp ngắn hạn về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài chính - kế toán, công tác pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục v.v [H7.07.01.08.DC]; [H7.07.04.04]. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên còn được Học viện khuyến khích thi thăng hạng. Việc tham gia các khóa bồi dưỡng này đã giúp nâng cao hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Việc triển khai các hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Học viện nói chung và ngành Triết học nói riêng do Ban Tổ chức – Cán bộ phụ trách thực hiện. Tuy nhiên, các đơn vị phụ trách nhân sự liên quan đến đội ngũ nhân viên cho CTĐT ngành Triết học cũng đồng thời có những kế hoạch phát triển đội ngũ riêng của mình, phù hợp với chiến lược chung của Học viện.

Trong năm 2020, toàn trường có 111 lượt cán bộ lãnh đạo và nhân viên hỗ trợ được cử đi tham gia 12 khóa tập huấn ngắn hạn và tham gia các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ [H7.07.01.08.DC]; [H7.07.04.04].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Học viện đã tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại tại Hội nghị CBVC, giữa Ban Giám đốc với sinh viên, giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên chính quy trong khoa nhằm lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của cán bộ giảng viên và sinh viên đối với đội

ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo của Học viện và của Khoa [H7.07.03.04.DC] [H7.07.04.05] [H7.07.04.06]. Ngoài ra, Học viện còn khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.05.DC]; [H7.07.01.17.DC].

Học viện tiến hành tổ chức/cử đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động hỗ trợ; luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước bằng cách tạo điều kiện về chế độ chính sách: thời gian, khối lượng công việc, kinh phí học tập, bồi dưỡng [H7.07.01.08.DC]; [H7.07.04.07].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên được đảm bảo thực hiện.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV.

3. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa sau khi tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về hiệu quả của các hoạt động trên, mà chủ yếu là do các chuyên gia/giáo viên giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi từ người tham gia để thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như chất lượng của bài giảng của mình.

4. Kế hoạch hành động

Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Từ năm 2021, Ban Tổ chức – Cán bộ cần tiến hành lấy ý kiến phản hồi của những người tham gia về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.5

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Học viện, các phòng, ban, trung tâm và khoa Triết học luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện ban hành quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với đội ngũ nhân viên, đồng thời cũng có những quy định cụ thể về các tiêu chí liên quan đến đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng [H7.07.05.01] [H7.07.05.02] [H7.07.03.01.DC] [H7.07.03.02.DC]. Hàng năm, Học viện, khoa Triết học, các phòng, ban, trung tâm triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt/xuất sắc công việc được giao sẽ nhận được những danh hiệu xứng đáng: lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, được nâng lương trước thời hạn [H7.07.03.03.DC] [H7.07.01.11.DC].

Học viện, khoa Triết học, các phòng, ban, trung tâm, thực hiện đánh giá định kỳ kết quả triển khai công việc và xem xét thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Dựa vào kết quả thực hiện của nhân viên, các đơn vị và Học viện thành lập Hội đồng tiến hành họp xét công tác đánh giá xếp loại, thi đua – khen thưởng [H7.07.05.05]. Về cơ bản, các bước bình xét được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trưởng đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban Tổ chức – Cán bộ, trên cơ sở đó Ban Tổ chức – Cán bộ tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định [H7.07.05.05]; (4) Ban Tổ chức – Cán bộ công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong

trường bằng văn bản [H7.07.01.11.DC].

Để thuận tiện cho việc theo dõi và giám sát quá trình làm việc của đội ngũ nhân viên cũng như giúp đội ngũ nhân viên nắm được các công việc để chủ động thực hiện, Học viện đã xây dựng đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC]. Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể khối lượng công việc đối với từng vị trí việc làm. Đây cũng là cơ sở đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được Học viện đánh giá thông qua khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên cuối khoá [H7.07.01.17.DC].

Học viện đã ban hành quy định công khai, rõ ràng về chế độ làm việc của đội ngũ nhân viên, cụ thể thời gian làm việc sáng từ 8h - 12h, chiều từ 13h - 17h [H7.07.05.02]. Ngoài việc đánh giá đội ngũ nhân viên qua kết quả công việc, Học viện còn đánh giá thời gian làm việc thông qua hình thức chấm công, kiểm tra đột xuất [H7.07.05.06]. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Học viện, Khoa và các phòng, ban, trung tâm.

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng, nhân viên hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của Học viện về nâng bậc lương trước thời hạn sẽ được xét theo quy định [H7.07.05.07] [H7.07.05.08]. Dựa vào kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, hàng năm Học viện tính toán và chi trả mức thu nhập tăng thêm tương ứng nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.04.07.DC].

Việc quản trị theo kết quả công việc và quá trình làm việc đã góp phần khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của chương trình đào tạo ngành Triết học. Có thể thấy sự cải thiện đó thông qua một số kết quả sau: (i) Các vấn đề thắc mắc, góp ý của cán bộ giảng viên và người học được thể hiện tại các buổi đối thoại, tọa đàm liên quan đến hoạt động hỗ trợ của nhân viên đối với chương trình đào tạo ngành Triết học hầu hết đã được giải quyết và thay đổi, các ý kiến thắc mắc năm sau không còn bị lặp lại so với năm trước thể hiện các vấn đề đó đã được cải thiện [H7.07.04.05.DC]; (ii) Việc quy định chấm công thời gian làm việc hàng ngày khiến cho đội ngũ nhân viên phải thực hiện nghiêm túc hơn về thời gian làm việc, giảm hiện tượng đi sớm về muộn, điều đó được thể hiện qua bảng chấm công thời gian làm việc

hàng ngày [H7.07.05.06]; (iii) Có những phản hồi tích cực về hoạt động của đội ngũ nhân viên thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ 2015-nay [H7.07.01.17.DC][H7.07.03.05.DC].

Để đảm bảo quy chế dân chủ trong việc đóng góp ý kiến của đội ngũ cán bộ viên chức, trước khi ban hành các quy định về thi đua - khen thưởng hoặc quy định đánh giá thực hiện công việc, Học viện công bố bản dự thảo gửi về các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp, sau đó tổng hợp điều chỉnh trước khi ban hành các quy định chính thức. [H7.07.05.09]

Học viện có những cải tiến, thay đổi trong việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những cải tiến trong quy trình, quy định triển khai đánh giá xếp loại thể hiện ở những nội dung: (i) quy định về đối tượng đánh giá, phân loại; (ii) tiêu chuẩn đánh giá xếp loại; (iii) tỷ lệ đánh giá xếp loại và (iv) quy trình đánh giá, xếp loại [H7.07.05.10]. Những cải tiến này dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện và đảm bảo tính hợp lý hơn của công tác đánh giá.

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng, công khai giúp công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Học viện.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ rất khó đạt được danh hiệu thi đua cao nhất (chiến sĩ thi đua cấp cơ sở) theo quy định của công tác thi đua - khen thưởng.

Học viện cần có biện pháp/hệ thống theo dõi sự cải tiến/tiến bộ của nhân viên sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện cần có những thay đổi về quy định thi đua - khen thưởng cho phù hợp để tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đạt được danh hiệu chiến

sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2021, Học viện cần xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Triết học đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Triết học tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh trên, thì vẫn còn một số tồn tại như: (i) Đội ngũ cố vấn học tập của ngành Triết học đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng; (ii) Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua; (iii) Học viện chủ yếu quan tâm tới đội ngũ nhân viên thuộc các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, chưa có sự quan tâm đúng mức cho đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện, Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và ngành Triết học nói riêng; (ii) Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (iii) Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư

viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5,1/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Năm 2014, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ để đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xu thế của thời đại. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân và thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục. Người học có thể tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo: từ việc cơ cấu các môn học dựa trên hệ thống tự chọn đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tùy theo điều kiện, năng lực tài chính và quỹ thời gian của mình.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, Học viện, khoa Triết học đã xây dựng cho ngành Triết học chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể và phương pháp xét tuyển công khai. Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Sinh viên ngành Triết học được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt: được tư vấn và hỗ trợ kịp thời, thường xuyên; được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm quản lý đến đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ văn phòng khoa, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan trong trường. Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý, xã hội tích cực, cảnh quan trong khuôn viên sạch, đẹp, tiện ích, từ đó đảm bảo chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Học viện được thể hiện cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01]. Thông tin về tuyển sinh các ngành học, trong đó có ngành Triết học luôn cụ thể, rõ ràng: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng... Các

thông tin này cũng được công bố công khai và thường xuyên cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng như: cổng thông tin tuyển sinh (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website Học viện Báo chí và Tuyên truyền, fanpage khoa Triết học, trong cuốn *Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH* các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh... [H8.08.01.10] [H8.08.01.11]; [H8.08.01.12].

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho tất cả các ngành đào tạo của trường, trong đó có ngành Triết học [H8.08.01.17].

Quy trình xây dựng tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được thực hiện theo các bước sau: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên → Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp → Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo → (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh [H8.08.01.03] [H8.08.01.04] [H8.08.01.05] [H8.08.01.06] [H8.08.01.07].

Hoạt động tuyển sinh được giám sát và phân tích hàng năm thông qua việc thống kê kết quả tuyển sinh từng năm theo các ngành cụ thể như: số lượng thí sinh trúng tuyển (nguyện vọng 1, nguyện vọng bổ sung, tuyển sinh, tuyển thẳng, dự bị đào tạo, lưu học sinh Lào), số lượng thí sinh nhập học [H8.08.01.05]. Bên cạnh đó, để phục vụ cải tiến chất lượng tuyển sinh, Học viện họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm đánh giá kết quả, phương thức, tiêu chí tuyển sinh, các kênh tuyển sinh của năm trước và đề xuất phương án tuyển sinh năm mới [H8.08.01.05].

Để đảm bảo số lượng, chất lượng đầu vào, ngoài chính sách tuyển sinh, Học viện và khoa cũng sử dụng nhiều biện pháp quảng bá tuyển sinh khác nhau: AJC open day, livestream, tư vấn tuyển sinh (tại chỗ, đi đến các tỉnh thành) cho học sinh PTTH và phụ huynh [H8.08.01.10]; [H8.08.01.11]; [H8.08.01.12]. Hoạt động này đã giới thiệu những nội dung chi tiết trong chính sách tuyển sinh cũng như CTĐT ngành Triết

học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Hoạt động tuyển sinh Ngành Triết học có sự tham gia tích cực của Khoa và giảng viên trong khoa. Khoa đã thành lập Ban Truyền thông và Sinh viên, trong đó có nội dung liên quan đến tuyển sinh, thiết kế poster, tờ rơi, cử giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn tại các sự kiện như AJC open day, livestream hoặc tới các trường PTTH để tư vấn cho thí sinh ...[H8.08.01.10] [H8.08.01.11].

Số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển, nhập học, điểm chuẩn của ngành Triết học đều được Ban QLĐT tổng kết, báo cáo lãnh đạo Học viện và lãnh đạo khoa Triết học nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.05][H8.08.01.08]. Số liệu thống kê tại bảng 8.4 cho thấy số lượng và chất lượng đầu vào của người học Ngành Triết học tương đối ổn định qua các năm và khá cao so với mặt bằng chung.

Bảng 8.4: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học của ngành Triết học giai đoạn 2015-2020

Năm	Số lượng thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2015	122	59	1:2,44	43	18; 17,5; 18	19,88
2016	105	83	1:2,10	37	18; 17,5; 18	19,7
2017	115	43	1:2,88	31	20	21,54
2018	120	50	1:3	36	16	18,33
2019	106	58	1:2,65	48	18	19,2
2020	113	74	1:2,83	56	19,65	21,87

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, chuyên gia, cựu SV, Khoa và Học viện tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực về cử nhân triết học, lý luận chính trị của thị trường lao động.

Từ năm 2016 đến nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh ĐH, Học viện đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông Quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ ĐH chính quy cho ngành Triết học [H8.08.01.02]. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định [H8.08.01.06]. Học viện cũng áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả thông tin của ngành Triết học như: số lượng tuyển

sinh, tổ hợp môn xét tuyển, cách tính điểm trúng tuyển, điểm chuẩn ... đều được công bố công khai và cập nhật hàng năm [H8.08.01.01].

Phương thức tuyển sinh chính quy ngành Triết học trong 2 năm gần đây (2019 và 2020) là xét tuyển căn cứ trên kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, xét học bạ đối với học sinh trường chuyên/năng khiếu. Tổ hợp môn xét tuyển cho ngành Triết học cũng có sự mở rộng hơn khi cùng sử dụng cả 3 tổ hợp là C15 (Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội), A16 (Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên), D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán).

Ngoài ra, cũng giống như các ngành đào tạo khác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, ngành Triết học còn hai diện tuyển sinh khác là tuyển thẳng và xét tuyển theo học bạ THPT. Đối với diện tuyển thẳng, thí sinh có giải kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia được tuyển thẳng. Đối với diện xét tuyển theo học bạ THPT, thí sinh từ các trường chuyên/năng khiếu đạt học lực loại giỏi, hạnh kiểm loại tốt trong cả ba năm học THPT. Việc điều chỉnh, bổ sung chính sách tuyển sinh của Học viện nhằm mục đích nâng cao chất lượng đầu vào và gia tăng số lượng thí sinh.

Bảng 8. 1. Mức quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh để xét tuyển (năm 2019)

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh			Điểm quy đổi
	TOEFL ITP	TOEFL IBP	IELTS	
1	475 – 499	53 - 60	4.5	7.0
2	500 -524	61 - 68	5.0	8.0
3	525 – 549	69 - 76	5.5	9.0
4	>=550	>=77	>=6.0	10.0

Bảng 8.2. Mức quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh để xét tuyển, cộng điểm (năm 2020)

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh			Điểm quy đổi để xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	Điểm khuyến khích xét theo học bạ (cộng vào điểm tổng)
	TOEFL ITP	TOEFL IBT	IELTS		

1	485-499	35-45	5.0	7,0	0,1
2	500-542	46-59	5.5	8,0	0,2
3	543-560	60-78	6.0	9,0	0,3
4	561-589	79-93	6.5	10,0	0,4
5	≥ 590	≥ 94	≥ 7.0	10,0	0,5

Bảng 8.3: Bảng so sánh chính sách tuyển sinh ngành Triết học giai đoạn 2015 – 2020 [H8.08.01.02]

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Đối tượng tuyển sinh	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: 5 kỳ (trừ kì cuối) có điểm TB từng kì \geq 6.0 và hạnh kiểm Khá
Phạm vi tuyển sinh	Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước
Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD và ĐT	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD và ĐT	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng
				Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD và ĐT: (1), (2), (3) áp dụng	Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD và ĐT: (1), (2), (3) áp dụng	Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD và ĐT: (1), (2), (3) áp dụng

					Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng học sinh trường chuyên/năng khiếu công lập và học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học	Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng học sinh THPT học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học
				Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng	(3) áp dụng thêm ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt giải Nhất Nhì Ba HS Giỏi quốc gia	(1) (2) áp dụng tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ tương đương IELTS 6.5, học lực khá, HK tốt 5 kỳ (trừ kỳ cuối lớp 12) (3) Ưu tiên xét tuyển: thí sinh giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh Giỏi quốc gia. (3) có thêm xét tuyển kết hợp Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và Kết quả học tập THPT với thí sinh có IELTS từ 6.5 trở lên, tiếng Pháp: DELF-B1 trở lên, TB chung từng năm học lớp 10,11, và kỳ I 12 từ 8.0 trở lên. Hạnh kiểm từng năm học lớp 10,11, và kỳ I 12 đạt Tốt.

Tổ hợp môn thi/ xét tuyển	(1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01	(1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01	(1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01	(1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01	(1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01	((1): C15, A16, D01 (2): A01, C00, D01, D04, D78, D83 (3): A00, C00, D01
Điểm trúng tuyển	(1): 18; 17,5; 18 (2): 18,5 và C00 (21,5) (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)	(1): 18; 17,5; 18 (2): 18,5 và C00 (21,5) (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)	(1):20 (2): 21,25 (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)	(1):16 (2): 16; 17; 18 (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)	(1):18 (2): 18; 18,25, 19; 21,5; 22,25 (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)	(1):19,65 (2): A01 (19); C00 (22.25); D01 (21.5); D04 (18); D78 (18.25); D83 (18) (3): A00 (19,25); C00 (25); D01 (19,5)
Điểm ưu tiên	Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng vào điểm thi/điểm xét tuyển (Điểm ưu tiên từ 0.25 đến 2 điểm)					(1)(2) Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng vào điểm thi/điểm xét tuyển từ 0,05 đến 0.1 điểm (3) theo quy định của Bộ (Điểm ưu tiên từ 0.25 đến 2 điểm)

Điểm khuyến khích	Không	Đối với xét tuyển đối với kỳ thi THPT quốc gia, (1)(2) cộng thêm điểm với: Giải Khuyến khích HS giỏi QG: 0.3đ Giải Nhất, Nhì, Ba HS giỏi cấp tỉnh: 0.2đ Giải Khuyến khích HS Giỏi cấp tỉnh: 0.1đ
Đối tượng ưu tiên	Theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, Cao đẳng do Bộ GD và ĐT ban hành	

(1): Ngành Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(2): Ngành Triết học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc gia Hà Nội

(3): Ngành Triết học, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.

Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công bố công khai trong toàn xã hội. Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa với việc quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, giúp ngành Triết học tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh còn được cập nhật hàng năm trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học, tạo nên tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

1. Điểm tồn tại

Các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực, đam mê chuyên ngành Triết học vào học còn hạn chế.

Cần mở rộng thêm tới đối tượng là phụ huynh của thí sinh khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh.

2. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, khoa Triết học và Học viện cần tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho ngành Triết học.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về chuyên ngành Triết học Mác - Lênin và Khoa Triết học.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh của Học viện để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp.

Cần tiếp tục hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm để đảm bảo hiệu quả công tác tuyển sinh ĐH chính quy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 8.2

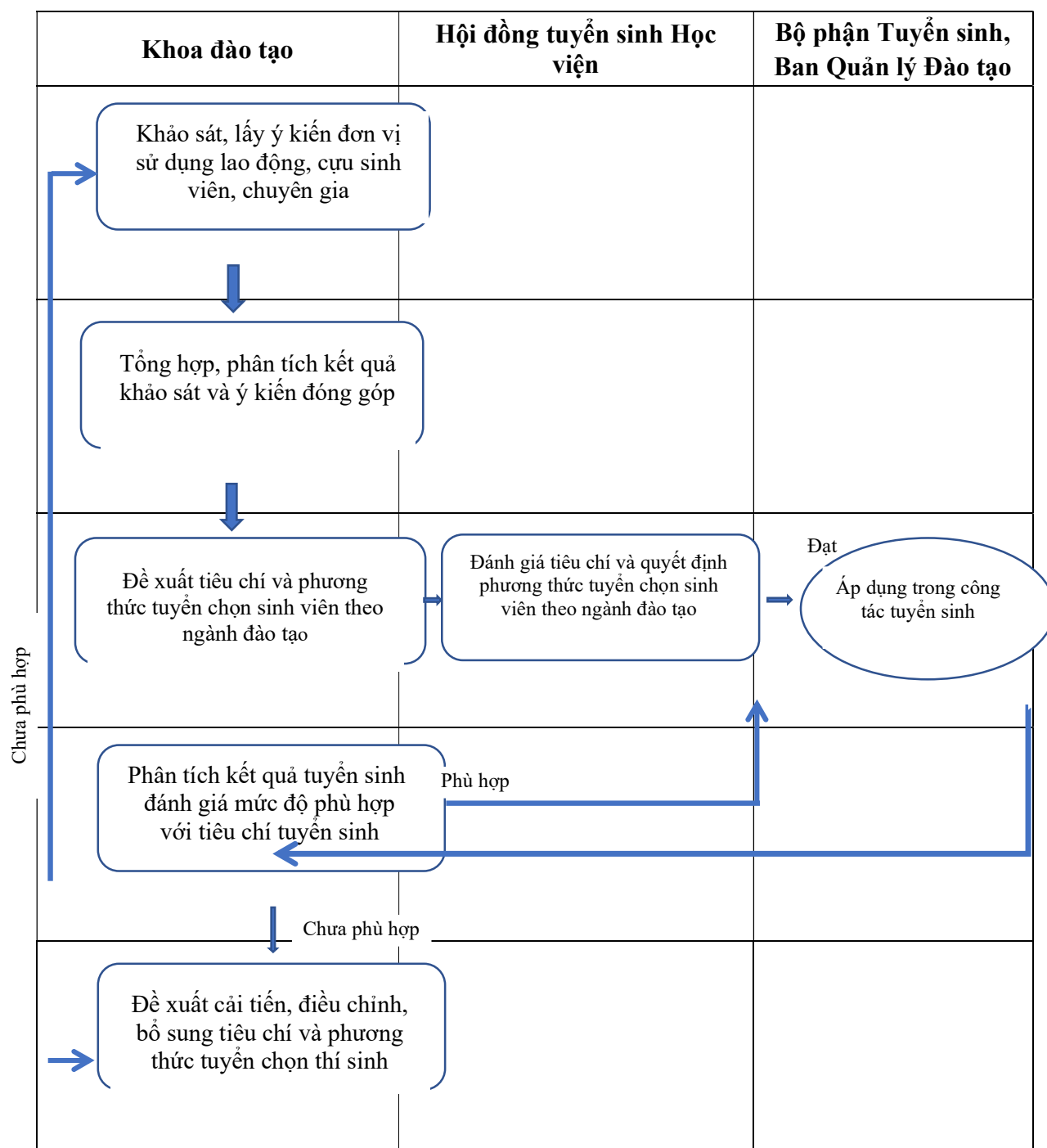
Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Để đảm bảo tính khoa học, khách quan, chính xác, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện thực hiện dựa trên góp ý của các khoa đào tạo, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên... Trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, các bước tiến hành của quy trình gồm: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên → Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp → Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo → (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3), Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh [H8.08.01.03] [H8.08.01.04] [H8.08.01.05] [H8.08.01.06] [H8.08.01.07].

Dưới đây là sơ đồ minh họa quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học:

Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học



Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của các ngành đào tạo trong trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện [H8.08.02.01] [H8.08.01.01.DC].

Đối với ngành Triết học, từ năm 2014 về trước, phương pháp tuyển chọn người

học được thực hiện theo 2 phương thức: thi tuyển và xét tuyển thẳng. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng: đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi khối C, D trong kỳ thi tuyển sinh ĐH chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện. Với phương pháp xét tuyển thẳng, tiêu chí tuyển chọn người học ngành Triết học được áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là các thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia.

Từ năm 2015 đến nay, Học viện thay đổi phương pháp tuyển chọn người học cho ngành Triết học. Cụ thể: áp dụng phương pháp xét tuyển với ba hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia, xét tuyển thẳng và xét tuyển theo học bạ PTTH. Với phương pháp xét tuyển thẳng: vẫn áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo như năm 2014. Với phương pháp xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia: tiêu chí tuyển chọn người học ngành Triết học được dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi thuộc các tổ hợp C15, A16, D01 của kết quả kỳ thi PTTH, có cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành **[H8.08.01.01.DC]**.

Thí sinh dự tuyển có thể tra cứu kết quả xét tuyển tại trang tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ: <http://tuyensinhajc.edu.vn/> **[H8.08.02.04]**. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Học viện Báo chí và Tuyên truyền gửi giấy báo đến thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo nhập học **[H8.08.01.08.DC]**.

Dựa trên quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (Sơ đồ 8.1), Học viện, Khoa luôn có sự rà soát, điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sao cho phù hợp với năm tuyển sinh sau đó **[H8.08.01.05.DC]**. Như vậy mới đảm bảo sự hợp lý trong quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của các ngành đào tạo nói chung và ngành Triết học nói riêng.

Tính đến thời điểm này, Học viện và Khoa Triết học chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét, đánh giá không tốt nào về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Triết học **[H8.08.02.03]**.

2. Điểm mạnh

Hiện nay, Học viện và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Triết học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Triết học được công bố rộng rãi, công khai, là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Triết học rõ ràng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nên kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực, có kiến thức và ngoại ngữ vào học ngành Triết học.

3. Điểm tồn tại

Tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban QLĐT kết hợp với Khoa Triết học tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, phù hợp với ngành Triết học.

Khoa đề xuất với Hội đồng Tuyển sinh Học viện: bổ sung thêm tổ hợp môn thi khác như tổ hợp A01, D04, D78, D83 để xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia trong kỳ tuyển sinh năm 2021.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 8.3

Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng lộ trình và bắt đầu triển khai lộ trình chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ từ năm 2014 đối với hệ đại học chính quy. Như vậy, bắt đầu từ năm 2014, về cơ bản tất cả các hệ đào tạo ngành Triết học đã tổ

chức chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ với nhiều ưu điểm. Để phát huy tối đa ưu điểm của hình thức đào tạo theo tín chỉ, Học viện, khoa Triết học đã áp dụng hệ thống giám sát phù hợp theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện cũng như kết quả, khối lượng học tập của sinh viên ngành Triết học. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của sinh viên ngành Triết học là sự kết hợp của 3 cấu phần: (1) Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát [H8.08.03.01]; (2) Các công cụ phương tiện hỗ trợ quản lý theo học chế tín chỉ như phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.17], tài khoản cá nhân sinh viên [H8.08.03.13]; (3) Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát như văn phòng Khoa, Ban Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm...[H8.08.03.02]; [H8.08.03.03]; [H8.08.03.04]; [H8.08.03.05].

- **Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành nhiều quy định hướng dẫn cách thức xác định kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên để làm cơ sở cho việc giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ [H8.08.03.01];[H8.08.03.29]. Tất cả các quy định này được tập hợp trong cuốn Sổ tay sinh viên và được phát miễn phí sau khi sinh viên nhập học. Cụ thể đối với ngành Triết học, người học sẽ phải hoàn thành 130 TC trong 4 năm (8 học kỳ chính). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học ngành Triết học được đánh giá theo 3 thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp sinh viên không đạt, phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên ngành Triết học được Học viện công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên theo thang điểm 4 [H8.08.03.01] [H8.08.03.23]. Bên cạnh việc ban hành các quy định về xác định điểm học tập và rèn luyện, Học viện và Khoa cũng ban hành CTĐT phù hợp [H8.08.03.14] [H1.01.01.23]. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với sinh viên ngành Triết học không vượt quá 23 TC. Khối lượng học tập này được thiết kế để người học với lực học trung bình có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế). Bên cạnh

đó, trong CTĐT ngành Triết học, kế hoạch học tập được phổ biến cho toàn thể SV của ngành để thông qua đó, bản thân SV, Khoa chủ quản và Học viện có thể so sánh, đánh giá khối lượng học tập của SV trong suốt thời gian s [H8.08.03.24].

- **Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát**

Học viện, Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp để theo dõi sự tiến bộ, kết quả, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên Ngành Triết học. Học viện đã xây dựng, phát triển hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ (phần mềm Maxman) để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên [H8.08.03.17], [H8.08.03.13]. Phần mềm này tích hợp nhiều phân hệ quản lý (quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý điểm rèn luyện, quản lý điểm học tập...) và được phân quyền các hệ quản lý cho Ban Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ SV, Khoa Triết học. Bên cạnh đó, sinh viên ngành Triết học cũng được cung cấp tài khoản cá nhân, nhờ đó có thể truy cập cổng thông tin sinh viên bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông báo như: lịch thi, lịch sinh hoạt lớp, thời khóa biểu, đăng ký thi, đăng ký học, CTĐT và đặc biệt là kết quả, quá trình học tập của mình (điểm trung bình tích lũy, điểm từng môn học, điểm rèn luyện, kết quả xử lý học vụ...) [H8.08.03.13]. Đầu mỗi kỳ, sinh viên tiến hành đăng ký số lượng TC cho kỳ học trên cổng thông tin sinh viên, sau đó in nộp Bản đăng ký TC cho cố vấn học tập. Trên cơ sở đó, cố vấn học tập duyệt đăng ký tín chỉ và nộp Bản tổng hợp cho Ban QLĐT. [H8.08.03.18]

Cuối mỗi học kỳ và năm học, sinh viên tự đánh giá bản thân trên hai phương diện: kết quả học tập và rèn luyện; sau đó tập thể lớp, cố vấn học tập xem xét, đánh giá vào phiếu rèn luyện cuối kỳ, cuối năm học của sinh viên [H8.08.03.25].

- **Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát**

Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Triết học là đội ngũ cố vấn học tập [H8.08.03.25] [H8.08.03.04.DC]. Đại đa số cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm. Là những cán bộ giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, nên cố vấn học tập có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá theo học chế TC. Đội ngũ cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo. Việc tư vấn học tập được tiến hành

đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay phản ánh sinh viên định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng) [H8.08.03.25] [H8.08.03.15] [H8.08.03.16].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua: (1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác sinh viên, công tác NCKH [H8.08.03.15]; (2) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện liên chi đoàn Khoa Triết học) nhằm nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện cũng như lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của người học để kịp thời giải đáp, điều chỉnh hay báo cáo, đề xuất lên Học viện. Ngoài ra, cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm của ngành Triết học cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện [H8.08.03.17].

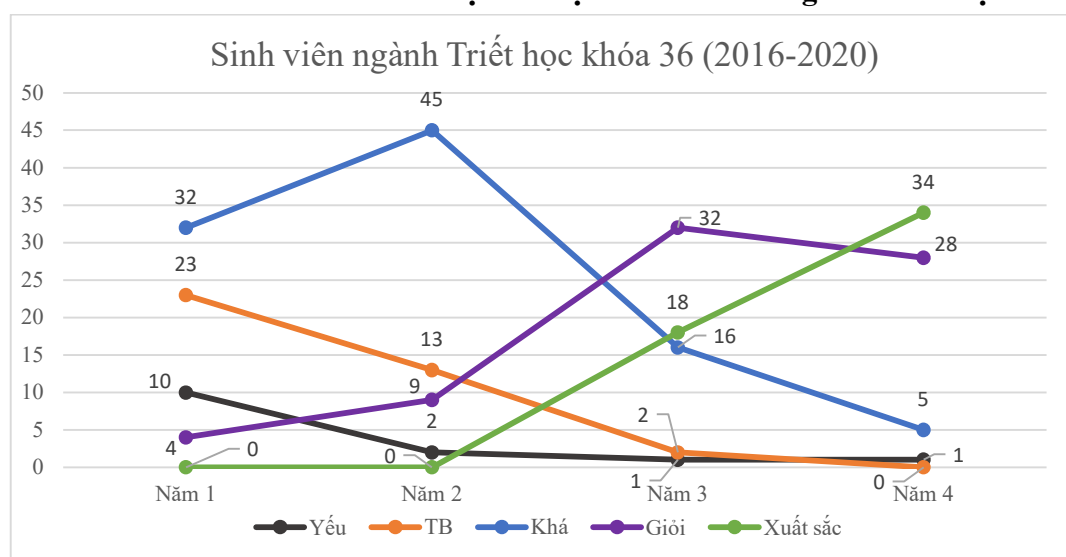
Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Ban Quản lý Đào tạo được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của sinh viên [H8.08.03.02] Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV [H8.08.03.03].

Sau mỗi học kỳ, Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Khoa Triết học đánh giá và đưa ra các quyết định về kết quả rèn luyện của sinh viên căn cứ trên thành tích học tập và quá trình rèn luyện [H8.08.03.09] [H8.08.03.19]; trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỷ luật sinh viên ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học) [H8.08.03.26] [H8.08.03.15]. Cuối học kỳ, Ban Quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, khoa Triết học xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng TC cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định...) của sinh viên, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những sinh viên thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa. Số liệu về kết quả sinh viên các khóa, tỷ lệ sinh viên thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa và Học viện để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và phương hướng cho năm học tới.

Như vậy, nhờ có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn

luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau: thông qua Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên (cấp trường) và hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP Khoa (cấp khoa), mà sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát để điều chỉnh kịp thời. Kết quả học tập của sinh viên ngành Triết học có sự tiến bộ dần dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của sinh viên năm cuối thường giảm hơn rất nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm. (Sơ đồ 8.2).

Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của sinh viên ngành Triết học



Hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục còn giúp tỷ lệ sinh viên ngành Triết học hoàn thành chương trình học đúng tiến độ hàng năm khá cao với tỷ lệ từ 64,4% trở lên. Riêng năm 2018, tỷ lệ sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của ngành Triết học chỉ đạt 64,4% và thấp hơn so với các năm học trước là do nhiều sinh viên còn nợ các chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, nên chưa đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp theo đúng kế hoạch.

Bảng 8.5. Bảng so sánh tỷ lệ sinh viên ngành Triết học hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây

Khóa SV	Số liệu nhập học		Số liệu SV hoàn thành CTĐT*		Tỷ lệ %
	Năm nhập học	Số lượng SV	Năm	Số lượng SV	
K32*	2012	47	2016	44/47	93,6

K33*	2013	39	2017	39/39	100
K34*	2014	45	2018	36/45	80,0
K35*	2015	43	2019	24/31	77,4
K36*	2016	37	2020	21/37	56,8
K37	2017	31	Chưa tốt nghiệp		-
K38	2018	36	Chưa tốt nghiệp		-
K39	2019	48	Chưa tốt nghiệp		-
K40	2020	56	Chưa tốt nghiệp		-

(* đã học xong 130 TC và tốt nghiệp)

2. Điểm mạnh

Việc ban hành công khai, đầy đủ quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Học viện cùng với sự hỗ trợ hữu ích của phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân sinh viên và sự nhiệt tình, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát đã giúp Học viện, Khoa giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên ngành Triết học.

Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên ngành Triết học trên phần mềm quản lý đào tạo được chia sẻ cho chuyên viên VP khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên tục, nên kịp thời nắm bắt sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng (Maxman) chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp các yêu cầu trong quản lý đào tạo.

Kế hoạch hành động

Năm 2021, Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Thông tin Khoa học, Phòng CNTT và Hỗ trợ giảng dạy, Phòng Quản trị và Quản lý KTX phối hợp, xây dựng và triển khai đề án đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ khoa, đơn vị chức năng và giảng viên lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo cũng như hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời.

4. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 8.4

Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Quy trình/kế hoạch cũng như công tác thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp cải thiện kết quả học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được thể hiện rõ trong Quy định đào tạo đại học hệ tín chỉ [H8.08.03.01].

Để giúp sinh viên ngành Triết học học tập, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp, thì ngoài hoạt động giảng dạy trên lớp, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có nhiều hỗ trợ để cải thiện kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Học viện giao nhiệm vụ cho nhiều đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Khoa Triết học, Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Văn phòng, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo [H8.08.04.01] [H8.08.03.02.DC] [H8.08.03.04.DC] [H8.08.04.15] [H8.08.04.16]. Chính vì vậy, sinh viên ngành Triết học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, thi đua và các hoạt động ngoại khóa.

Để giúp sinh viên mới nhập học sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Phòng Công tác – Chính trị và Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, cũng như cung cấp thông tin cho tân sinh viên về các chính sách dịch vụ hỗ trợ (ký túc xá, kiểm tra sức khỏe, BHYT, miễn giảm học phí....) [H8.08.04.03]. Trong ngày nhập trường, Đoàn thanh niên Học viện, Liên chi đoàn khoa Triết học có rất nhiều hoạt động giới thiệu về các câu lạc bộ của Học viện và Khoa như: đội văn nghệ xung kích, CLB lễ tân, truyền thông, bóng đá nam/nữ, tiếng Anh v.v để sinh viên ngành Triết học có thể lựa chọn, ứng tuyển theo năng lực và sở thích của mình [H8.08.04.04] [H8.08.04.06].

Đối với các hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học và đào tạo: sau khi sinh viên nhập học, Khoa tổ chức gặp mặt giữa BCN Khoa, cố vấn học tập và sinh

viên nhằm giới thiệu/trao đổi các quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT [H8.08.04.04]. Bên cạnh đó, trang website của Học viện, tài khoản của sinh viên cũng cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, kết quả học tập, đánh giá, khen thưởng, kế hoạch tốt nghiệp v.v. Trước mỗi học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo xây dựng thời khóa biểu và gửi tới giảng viên, sinh viên. Sau mỗi học kỳ, sinh viên nhận được đầy đủ kết quả học tập trên trang cá nhân của phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.04.05].

Sinh viên được BCN Khoa, cố vấn học tập nhiệt tình tư vấn, giải quyết các vấn đề liên quan: lựa chọn môn học, đăng ký TC, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CDR, học bổng, học lại, học vượt, học song bằng, xóa cảnh báo, các vấn đề liên quan đến qui chế đào tạo... [H8.08.04.07]. Sinh viên được cung cấp số điện thoại của cố vấn học tập, chuyên viên VP khoa hoặc dễ dàng tra cứu trên website của Khoa, Học viện tên cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm cùng với thông tin liên lạc (email, số điện thoại) để có thể liên lạc nhận được sự tư vấn ngoài giờ học [H8.08.04.08].

Ngoài ra, thông qua mạng xã hội (facebook, viber, zalo...), mỗi lớp đều thiết lập một nhóm bao gồm toàn bộ sinh viên và cố vấn học tập để thông báo các thông tin liên quan cũng như trao đổi, chia sẻ những vấn đề riêng của lớp [H8.08.04.07].

Sinh viên ngành Triết học được khuyến khích nghiên cứu khoa học và được hỗ trợ cũng như cung cấp các điều kiện tốt để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên ngành Triết học. Hàng năm, sau khi nhận được thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học của đơn vị, Khoa sẽ gửi bản đăng ký, trong đó có nhiệm vụ khoa học của sinh viên (bao gồm đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học sinh viên) cho Ban Quản lý khoa học. Sau khi Hội đồng Khoa học trường phê duyệt, Ban Quản lý khoa học sẽ gửi kế hoạch hoạt động khoa học trong năm tới từng đơn vị để triển khai. Số lượng đề tài trung bình của sinh viên ngành Triết học tham gia trong giai đoạn 2015 đến nay là 1-2 đề tài/năm và số sinh viên tham gia khoảng 4-5 sinh viên/năm [H8.08.04.14]. Bên cạnh các đề tài khoa học, sinh viên ngành Triết học còn tham gia viết bài tham luận cho hội thảo khoa học sinh viên cấp cơ sở, cụ thể: năm 2019, 2020: có 40 tham luận với gần 80 sinh viên tham gia. [H8.08.04.11]. Đây là cơ hội tốt để sinh viên bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học: biết cách viết một tham luận báo cáo tại hội thảo, cách trình bày các kết quả nghiên cứu của mình, qua đó giúp cải

thiện khả năng học tập, nghiên cứu của sinh viên ngành Triết học.

Sinh viên ngành Triết học cũng được Khoa, Học viện khuyến khích tham gia các kỳ thi bổ ích, thiết thực, liên quan đến chuyên ngành học như: Olympic Triết học, nghiên cứu khoa học sinh viên... [H8.08.04.06] [H8.08.04.11]. Đó thực sự là những sân chơi thú vị, bổ ích và lành mạnh dành cho sinh viên, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm, học hỏi và hội nhập. Với mục đích động viên, khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình, Học viện đã có những chính sách khen thưởng kịp thời như: trao học bổng, giấy khen, giải thưởng cho tập thể và cá nhân có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học tốt [H8.08.04.19] [H8.08.04.21] [H8.08.04.30].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng, ban với đại diện sinh viên tất cả các lớp trong trường. Tại buổi gặp gỡ - đối thoại này, Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của sinh viên liên quan đến đào tạo, rèn luyện, đời sống v.v, đồng thời cập nhật những thông tin mới nhất về chính sách, CTĐT [H8.08.04.22.DC]. Sau buổi đối thoại, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm tổng hợp những ý kiến, đóng góp, đề xuất của sinh viên trong báo cáo tổng kết và gửi các đơn vị chức năng để phối hợp giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng đào tạo. [bổ sung báo cáo tổng hợp ý kiến].

Học viện ủy quyền cho Phòng Công tác – Chính trị và Hỗ trợ sinh viên thực hiện công tác làm thủ tục xác nhận vay vốn tín dụng giáo dục cho sinh viên, đảm bảo cho 100% sinh viên thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại trường [H8.08.03.26.DC]. Đồng thời, Phòng Công tác – Chính trị và Hỗ trợ sinh viên cũng là đầu mối phối hợp với khoa đào tạo trong việc rà soát lập danh sách sinh viên thuộc diện được học bổng khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn....

**Bảng 8.6. Thống kê các hoạt động hỗ trợ sinh viên ngành Triết học
giai đoạn 2015-nay**

STT	Nội dung	Số lượng sinh viên				
		2015-	2016-	2017-	2018-	2019-

		2016	2017	2018	2019	2020
1	Hỗ trợ chi phí học tập	05	05	03		
2	Miễn giảm học phí cho sinh viên học đại học chính quy	160	149	135	118	130
3	Học bổng Quỹ tám lòng việt ĐTHVN	01				
4	Tài trợ của quỹ Bầu ơi	04				
5	Hỗ trợ chi phí học tập của HVBCvàTT	02				
6	Học bổng Liên Việt Postbank		01			
7	Học bổng Vừ A Dính				01	
8	Học bổng KF - SAMSUNG	01				
9	Học bổng khuyến học họ Dương			02		
10	Hỗ trợ vay vốn	03	06	03	01	
	Tổng	176	161	143	120	130

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho sinh viên cũng được Học viện và Khoa quan tâm. Khoa luôn chú trọng tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp như: thực tế môn học, kiến tập, thực tập... Định kỳ hàng năm, Khoa Triết học phối hợp với Đoàn Thanh niên chịu trách nhiệm tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên ngành Triết học: định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc. Sinh viên ngành Triết học tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp khá đầy đủ [H8.08.04.09]; [H8.08.04.10];

Bảng 8.7. Thống kê số lượng sinh viên ngành Triết học tham gia các buổi tư vấn

STT	Nội dung	Đối tượng	Năm học					
			2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020 - 2021
1	Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa	Sinh viên năm thứ nhất	43	37	31	36	48	56
2	Tư vấn hướng nghiệp	Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ tư	90	76	76	79	79	Chưa thực hiện
	Tổng cộng		133	113	107	115	127	56

Ngoài ra, Học viện, khoa Triết học còn tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện và các hoạt động ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ sinh viên, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, chào K, tham gia các câu lạc bộ đội nhóm, Olympic Triết học...[H8.08.04.10]. Nhìn chung, sinh viên ngành Triết học đều tham gia tích cực vào các hoạt động này.

Bên cạnh hai hoạt động chính là học tập và nghiên cứu khoa học, thì những hoạt động khác như: tham gia các kỳ thi, các hoạt động tình nguyện, ngoại khóa cũng rất bổ ích, thiết thực, giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học, hình thành và phát triển kỹ năng mềm. Tổng hòa các lí do đó, nên tỷ lệ sinh viên năm thứ 2,3,4 đạt kết quả học tập từ khá trở lên tăng hơn so với năm thứ nhất (sơ đồ 8-2); tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp trong 03 năm gần đây của ngành Triết học khá cao (từ 85%-95%) [H8.08.03.13] [H8.08.04.23].

Hàng năm, Học viện và Khoa đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học, Thống kê kết quả rèn luyện của sinh viên, Thống kê kết quả tốt nghiệp của sinh viên [H8.08.03.27.DC]; [H8.08.03.09.DC]; [H8.08.04.26]

Năm 2019, khảo sát ý kiến người học ngành Triết học về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp do Học viện, Khoa Triết học tổ chức cho kết quả là thực sự tốt cho sinh viên (tỷ lệ 68,7% người được hỏi đồng ý). Các hoạt động Đoàn, đội nhóm giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với SV ngành Triết học trong cải thiện học tập và triển vọng việc làm (tỷ lệ 81,82% người được hỏi đồng ý); sinh viên ngành Triết học

được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 85,20 người được hỏi đồng ý) [H8.08.04.24] [H8.08.04.25].

Tỉ lệ sinh viên ngành Triết học tốt nghiệp có việc làm cao, đặc biệt trong năm 2018 (87.50 %) và 2019 (95%), trong đó tỉ lệ đúng chuyên ngành đạt trên 30% [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, thi đua, tư vấn hỗ trợ học tập, hỗ trợ SV tìm hiểu cơ hội/định hướng nghề nghiệp, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt với sinh viên Triết học, việc rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học được nâng cao với sự tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên trong những năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về nhu cầu, nội dung và hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên phối hợp với Văn phòng Đảng – Đoàn thể và các khoa chuyên môn duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 8.5

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

•Môi trường cảnh quan

Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn có ý thức tạo ra môi trường cảnh quan đẹp giúp sinh viên có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khóa. Trong những năm qua, Học viện không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho

sinh viên được học tập, rèn luyện như tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Học viện với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi có nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá. [H8.08.05.01]; [H8.08.05.03]

Tổng diện tích đất của trường: 57.310m². Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 14.552,19m². Các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4, được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học trên 100 chỗ, 35 phòng học 70 chỗ, 47 phòng học nhỏ (39 phòng trên 40 chỗ, 8 phòng trên 30 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn và 17 phòng thực hành trong đó có 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa, quạt ... Các thông tin này được đề cập trên Đề án tuyển sinh, phần giới thiệu về CSVC của trường.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên Việt Nam: 1106 chỗ.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên nước ngoài: 86 chỗ.

- Số chỗ ở dự kiến cho sinh viên nhập học năm 2020: 300 chỗ trong phòng đều được trang thiết bị đầy đủ, có wifi.

C SVC phục vụ cho công tác rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao của người học bao gồm 1 hội trường lớn 800 chỗ thiết kế theo kiểu sân khấu, 1 sân KTX, 1 sân vận động có trang bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi/sự kiện văn nghệ, văn hóa, xã hội; luyện tập và tổ chức các giải thể thao cấp khoa, cấp trường đều đặn hàng năm. [H8.08.05.01] [H8.08.05.02]

Bảng 8.8. Thống kê phòng học của Học viện

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00

1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quy định văn hóa công sở, trong đó nhấn mạnh đến cách thức ứng xử thầy - trò, quy định đối với trang phục, thẻ cán bộ, thẻ sinh viên nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường cũng được công bố công khai nhằm tạo không khí nghiêm túc, an ninh và trật tự [H8.08.05.04].

• **Môi trường tâm lý, xã hội**

Khoa Triết học, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên đóng vai trò tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp [H8.08.05.18] [H8.08.04.07.DC] [H8.08.03.26.DC].

Mỗi lớp đều có ban cán sự và ban chấp hành chi đoàn [H8.08.05.21]. Ban chấp hành chi đoàn luôn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho chi đoàn mình. Một số hoạt động tiêu biểu thường niên như: Olympic Triết học, chào K, hội trại, các giải thi đấu bóng đá nam/nữ ... [H8.08.05.22]. Những hoạt động này đã gắn kết các thành viên trong lớp, trong liên chi, tạo ra bầu không khí vui vẻ, năng động và lành mạnh cho sinh viên ngành Triết học. Như vậy, các hoạt ngoại khóa đã tạo dựng môi trường tâm lý tốt cho sinh viên. Các hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ... cũng giúp cho sinh viên có cơ hội nâng cao sức khỏe và giảm bớt căng thẳng trong học tập và cuộc sống.

Cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm gặp sinh viên định kỳ hàng tháng/hoặc trong những tình huống phát sinh để nắm bắt tình hình và động viên tâm lý cho sinh viên [H8.08.04.07.DC]. Nếu sinh viên gặp khó khăn, thì lớp, cố vấn học

tập/giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm chia sẻ, động viên các em vượt qua hoặc đưa ra các biện pháp tháo gỡ.

Khu kí túc xá được lắp đặt mạng wifi tạo điều kiện thuận lợi thoải mái cho sinh viên trong quá trình học tập và sinh hoạt. Học viện tiến hành đặt các biển cảnh báo phòng cháy chữa cháy tại tất cả các tầng nhà: nhà hành chính A1, các khu giảng đường, thư viện, ký túc xá, studio theo đúng quy định **[H8.08.05.23]**. Điều này tạo ra một môi trường tâm lý an toàn, thoải mái cho sinh viên và cán bộ, giảng viên.

Học viện, Khoa Triết học thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn sinh viên yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập các câu lạc bộ (CLB Triết học...), thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể như các giải thể thao (bóng đá nam, nữ), hội diễn văn nghệ, cắm trại và các hoạt động tình nguyện (ví dụ thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, sinh viên bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học... **[H8.08.04.10.DC][H8.08.05.22]**). Tất cả những hoạt động trên đều góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và một môi trường lành mạnh, nhân văn để sinh viên được sống, học tập và rèn luyện nhằm phát huy hết khả năng, trí tuệ của mình.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm cũng như cho toàn bộ sinh viên trong trường theo định kỳ **[H8.08.05.25]**. Thực hiện luật bảo hiểm y tế, trong 5 năm qua đã có gần 700 SV của ngành Triết học tham gia bảo hiểm y tế **[H8.08.05.26]**. Nhiều sinh viên trong số đó đã được khám, chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế. Phòng Y tế hỗ trợ sinh viên giải quyết các thủ tục liên quan đến bảo hiểm y tế và là nơi xử lý ban đầu, tư vấn các vấn đề sức khỏe cho người học. Hàng năm, Phòng Y tế báo cáo kết quả về công tác y tế theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm sự cố về y tế trong 5 năm qua **[H8.08.05.13]**.

Học viện, Văn phòng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và công an phường, quận, thành phố nhằm đảm bảo tốt an ninh, tạo môi trường xã hội trật tự, an toàn cho người học tại trường, khu vực kí túc xá và khu vực sinh viên ngoại trú xung quanh trường **[H8.08.05.28]**.

Với môi trường tâm lý thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, được

người học đánh giá tốt với 77,3.% người học hài lòng vào năm 2019 [H8.08.05.14]. Tỷ lệ này đã đạt tới 84,80% vào năm 2020. Tất cả những điều đó cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của đội ngũ nhân viên phòng ban, cán bộ quản lý đã tạo được tâm lý thoải mái, tin tưởng, an tâm cho sinh viên để các em tích cực cố gắng trong học tập và rèn **luyện** [H8.08.05.29].

Giảng viên cũng có đánh giá tốt về môi trường xã hội, cảnh quan, tâm lý của Học viện [H8.08.05.16].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi. Hệ thống chăm sóc sức khỏe tạo điều kiện

3. Điểm tồn tại

Mạng wifi tại một số khu vực đôi lúc còn hơi yếu, chưa ổn định, nhất là khi có đông người truy cập vào cùng lúc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Phòng Quản trị và Quản lý KTX cần tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất bổ sung nâng cấp hệ thống wifi để phục vụ tốt hơn nhu cầu người học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng sinh viên là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Triết học. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên trong suốt thời gian được đào tạo tại trường. Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Bên cạnh những điểm mạnh đó, vẫn còn một số tồn tại cơ bản như: (i) Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các

thí sinh giỏi, yêu thích ngành Triết học thi tuyển (ii) Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa; ...

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đó, Khoa và Học viện cần triển khai các kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và hạn chế những tồn tại. Cụ thể: (i) Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi; (ii) Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời; (iii) Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống wifi.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 6/7.

TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền có hệ thống thư viện, hệ thống trang thiết bị thực hành, cơ sở vật chất đã được Học viện từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, Học viện đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp, môi trường văn hóa trong Học viện.

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thực hành của Học viện đã từng bước đi vào nề nếp. Trung tâm Thông tin – Khoa học của Học viện khang trang đáp ứng tốt nhu cầu của giảng viên và người học. Ký túc xá được đầu tư xây dựng và cải tạo thoáng mát, sạch sẽ. Việc khai thác CSVC của Học viện đã từng bước đi vào khoa học, hiệu quả.

Với sự quan tâm của Học viện, Khoa Triết học đã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của

ngành Triết học. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, hệ thống tài liệu khoa học... mà ngành Triết học hiện có và sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1

Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền bố trí các giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc cùng trang thiết bị kèm theo đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV theo qui định. Cơ sở vật chất dành cho CTĐT ngành Triết học được dùng chung với cơ sở vật chất trong toàn Học viện. Cụ thể, Học viện bố trí những giảng đường lớn để đảm bảo nhu cầu học tập của sinh viên với số lượng lớn (trong đó có sinh viên của ngành Triết học ví dụ như các giảng đường B1, B3, B5, B8. Ngược lại, các môn chuyên ngành cho SV ngành Triết học có số lượng SV ít hơn (từ 30 - 50 SV) được bố trí linh hoạt ở các phòng phù hợp với nhu cầu đào tạo [H9.09.01.01] [H9.09.01.02] [H9.09.01.05]. Số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc phục vụ đào tạo của HVBCCTT như sau:

Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Diện tích xây dựng phục vụ đào tạo của HVBCCTT bao gồm Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng làm việc là 19.339,00 m². Trong đó diện tích phòng học là 11,957,9m² trên tổng sinh viên chính quy là **7557, diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv [H9.09.01.09]**. Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện.

Số lượng và diện tích phòng học của Học viện đáp ứng yêu cầu dạy và học của tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành Triết học (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, bảng chống lóa và màn chiếu, đầy đủ hệ thống quạt, điều hòa hệ thống âm thanh, chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo của ngành Triết học [H9.09.01.06].

Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phòng học	SL	Trang thiết bị	Số lượng
Giảng đường, phòng học	86	Bàn	2,859
		Ghế	6,296
		Máy chiếu	99
		Loa đài	96
		Hệ thống chiếu sáng	

Trong mỗi phòng học, giảng đường, đều có nội quy, quy định việc sử dụng

CSVCS, trang thiết bị. Các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường, lớp học được quản lý, kiểm tra hàng ngày bởi tổ cán bộ Trung tâm Thực hành và hỗ trợ đào tạo và các công nhân vệ sinh [H9.09.01.10]. Do đó, trang thiết bị hỏng hóc được sửa chữa kịp thời. Thống kê trong giai đoạn 2015-2020, số phòng học sử dụng chung toàn Học viện đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của ngành Triết học. Cụ thể tuần suất sử dụng phòng học sử dụng riêng cho ngành Triết học so với toàn Học viện chiếm từ 3% (học kỳ 2 năm học 2016-2017) và cao nhất đến 11% (học kỳ 2 năm học 2018-2019).

Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, CBVC. Năm 2011, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 11 tầng, Học viện đã có khu hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Hội thảo. Học viện đã ban hành biểu quản lý, sử dụng tòa nhà hành chính làm việc, đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành Triết học [H9.09.01.03] [H9.09.01.04] [H9.09.01.11].

Khoa Triết học có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp đủ để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa được phân 01 phòng làm việc, 03 phòng dành cho BCN Khoa, tại tòa nhà A1. Trong đó có một phòng 15 m², một phòng 51,84m², hai phòng là 25,92m² (bình quân 12,88m²/giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy tính, bàn ghế, trang thiết bị văn phòng có kết nối mạng internet, phòng làm việc chung có 02 máy in, 02 phòng làm việc của Ban chủ nhiệm khoa, 01 máy photo. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế hệ thống điều hòa trung tâm hiện đại, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy đã được kiểm định [H9.09.01.08].

Trang thiết bị và các phòng làm việc đáp ứng tốt định mức theo quy định của Học viện và đảm bảo điều kiện về ánh sáng để đáp ứng CSVCS tốt nhất cho GV, cán bộ có điều kiện tốt để phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Bảng 9.3: Thống kê CSVCS khoa Triết học

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	04	
2	Tổng diện tích sử dụng	m ²	103	
3	Diện tích bình quân	m ² /người	12,88	
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15	
5	Ghế các loại	Chiếc	40	
6	Tủ	Cái	17	
7	Máy tính để bàn	Cái	03	
8	Máy tính xách tay	Cái	01	
9	Máy in	Cái	04	
10	Máy photo	Cái	01	
11	Điện thoại để bàn	Cái	03	
12	Các loại trang thiết bị khác: Quạt	Cái (bộ)	05	

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân bổ hợp lý và có sơ đồ rõ ràng [H9.09.01.01]; [H9.09.01.02]; [H9.09.01.03].

Hàng năm, phòng Quản trị sẽ tổng hợp lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị [H9.09.01.11]. Các hoạt động đầu tư, cải tạo này phải nằm trong kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt từ đầu năm. Dựa trên đề xuất các đơn vị, Phòng Quản trị kiểm tra thực tế, lên phương án và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa. Việc nghiệm thu sẽ được phối hợp giữa Phòng Quản trị và đơn vị có đề xuất đầu tư sửa chữa. Hàng năm, Học viện dành từ 10 đến 15 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo của Học viện [H9.09.01.12] [H9.09.01.13]. Hệ thống phòng làm việc của Khoa Triết học trong giai đoạn vừa qua cũng được Học viện trang bị thêm những thiết bị cần thiết như: máy tính, máy in, bàn ghế, tủ,... [H9.09.01.08] .

Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
Máy chiếu	11	273	17	428	4	98	14	236	15	367
Loa đài	51	257			30	222	39	200	15	521
Phần mềm	1	53	118	528	3	846				
Điều hoà	17	425			11	362	284	6844		
Máy in					1	48				
Máy photô										
Các loại trang thiết bị khác										
Tổng	81	1.038	203	1.713	88	2.143	465	8.944	65	1.412

Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Năm	Danh mục	Kinh phí (VNĐ)

		2,212,059,000
2015	Cải tạo Phòng TH hỗn hợp nhà B1	198,000,000
	Cải tạo XD nhà B2 cũ - B8	71,910,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà B5,B6	1,942,149,000
2016	Cải tạo 03 phòng khách tầng 3 nhà A3	584,959,000
2017	Không	0
2018	Cải tạo lớp học nhà B1	823,620,000
2019	Cải tạo, nâng cấp nhà B3	3,448,806,000

Các bộ phận chức năng của Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học đối với mức độ đáp ứng yêu cầu về cơ sở chất của cán bộ, GV và SV. Năm 2018 có 61,67% trong số GV tham gia khảo sát đánh giá hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu đã đáp ứng tốt đối với nhu cầu đào tạo và NCKH. Con số trên trong năm 2019 là 74,00% [H9.09.01.14]. Năm 2018 có 54,48% trong số SV tham gia khảo sát đánh giá trang thiết bị tin học, CNTT (phần mềm, wifi, v.v.) đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH. Con số trên trong năm 2020 là 90,30% [H9.09.01.15].

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Học viện nói chung và ngành Triết học nói riêng.

Hệ thống điều hòa trong hệ thống giảng đường đáp ứng tốt cho SV khi học tập trong những ngày hè nóng bức.

Việc bố trí phòng học được thực hiện khoa học cùng với nỗ lực của Trung tâm hỗ trợ và thực hành đào tạo đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học,...

3. Điểm tồn tại

Các giảng đường khu nhà B1 còn thiếu bố trí hệ thống chống ồn.

Diện tích các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các nghiên cứu sinh, học viên cao học còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, đối với hệ thống giảng đường, Học viện cần lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng phương án bố trí thêm các phòng tự học cho sinh viên. Đồng thời, Phòng Quản trị cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

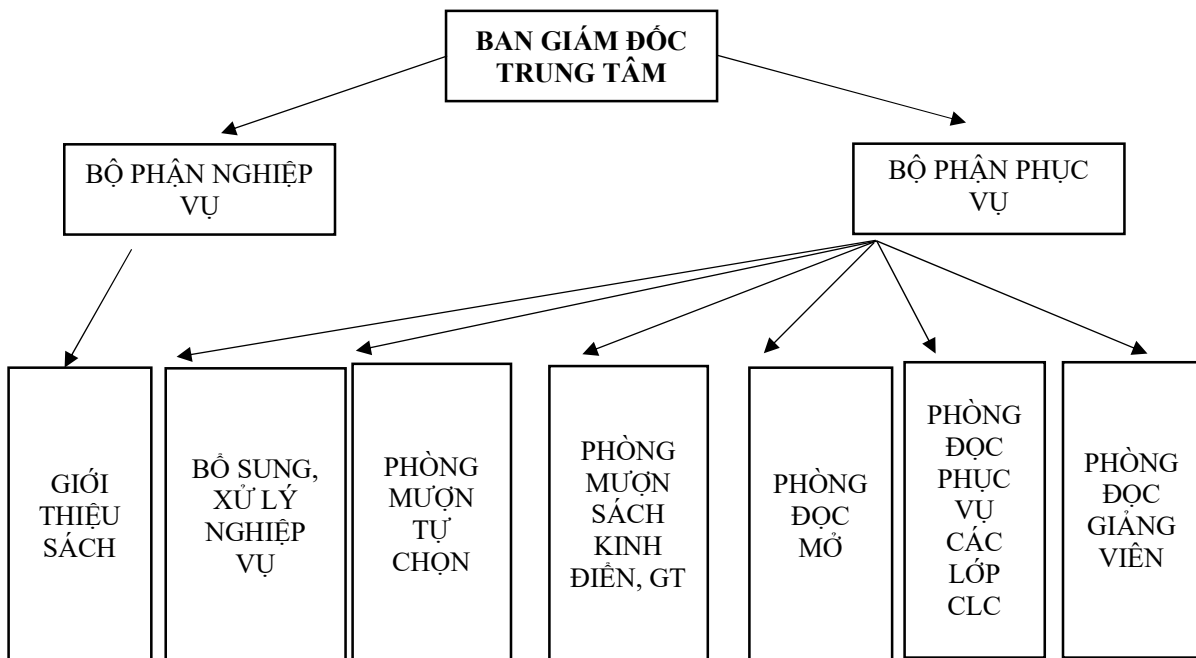
Tiêu chí 9.2

Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện tại Trung tâm Thông tin khoa học (thư viện) trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi [H9.09.02.01].

Sơ đồ 9.6 : Sơ đồ Trung tâm Thông tin khoa học



Nhằm đảm bảo việc nâng cao trải nghiệm đọc và nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên toàn trường nói chung và giảng viên cán bộ, sinh viên ngành Triết học nói riêng, thư viện luôn nỗ lực cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

Bảng 9.7: Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện từ năm 2016 đến 2020 [H9.09.02.15]

STT	Tên văn bản	Số lượng	Thời gian ban hành	Nơi ban hành
1	Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp Decal màu	1	2016	HVBC&TT
2	Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp Chỉ từ, Mục in, tem mã vạch	1	2016	HVBC&TT
3	Quyết định lựa chọn đơn vị đóng báo, tạp chí lưu	1	2016	HVBC&TT
4	Quyết định đơn vị xử lý tài liệu phòng mượn tự chọn	1	2017	HVBC&TT
5	Quyết định lựa chọn đơn vị đóng tài liệu	1	2018	HVBC&TT
6	Quyết định lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu phòng đọc mở	1	2018	HVBC&TT
7	Quyết định lựa chọn đơn vị photo tài liệu	1	2019	HVBC&TT
8	Quyết định lựa chọn đơn vị đóng tài liệu	1	2019	HVBC&TT
9	Quyết định đơn vị xử lý tài liệu kho nhiều bản	1	2019	HVBC&TT
10	Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ từ	1	2019	HVBC&TT
11	Quyết định lựa chọn đơn vị nâng cấp thư viện số	1	2019	HVBC&TT
12	Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí (4 quý)	1	2020	HVBC&TT
13	Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu	1	2020	HVBC&TT

14	Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp sách ngoại văn	1	2020	HVBC&TT
----	--	---	------	---------

Thư viện thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, bổ sung đầy đủ, kịp thời giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện. Đặc biệt, thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc mở, phòng đọc báo - tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng phục vụ các lớp chất lượng cao, phòng đọc giảng viên... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hóa tạo thuận lợi cho việc quản lý bạn đọc và tài liệu, giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng tài liệu đạt hiệu quả. Thư viện có nguồn tài liệu phong phú bao gồm: giáo trình; sách tham khảo; khóa luận tốt nghiệp; luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ; đề tài khoa học; tạp chí; ấn phẩm; bản tin... Đây là nguồn thông tin khoa học quý giá phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Bảng 9.8. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU IN	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1913	2.579
2	Giáo trình	671	12.987
3	Khóa luận tốt nghiệp	2.100	2.389
4	Luận án tiến sĩ	85	85
5	Luận văn thạc sĩ	3.975	4095
6	Sách tham khảo	14.516	95.530
7	Sách ngoại văn	1.289	2046
8	Báo, Tạp chí, bản tin	110	374
9	Thông tin chuyên đề	57	500

Thư viện của Học viện ứng dụng phần mềm quản lý tài liệu số, với hệ thống giáo trình, sách tham khảo phong phú đa dạng .

Bảng 9.9. Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU SỐ	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1193	1193
2	Giáo trình	473	473
3	Khóa luận tốt nghiệp	32	32
4	Luận án tiến sĩ	74	74
5	Luận văn thạc sĩ	3.414	3.414
6	Sách tham khảo	1.585	1.585
7	Sách ngoại văn	447	447
8	Tạp chí	39	39
9	Thông tin chuyên đề	47	47

Từ năm 2013, Thông tin khoa học ứng dụng phần mềm thư viện số Dspace để quản lý các tài liệu số, phục vụ bạn đọc tra cứu và đọc toàn văn tài liệu qua mạng internet; tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến thư viện. Năm 2019, phần mềm được nâng cấp lên phiên bản 5.9 giúp bạn đọc có thể truy cập tài liệu số trên điện thoại di động. Địa chỉ truy cập: **thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace**.

Từ năm 2018 đến nay, Thông tin khoa học sử dụng phần mềm thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm định kỳ và công thông tin điện tử, để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong Thông tin khoa học qua mã vạch, các tài liệu in được cập nhật thường xuyên, kịp thời phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu, quản lý quá trình lưu thông mượn, trả tài liệu của bạn đọc. Địa chỉ truy cập: **thuvienajc.hcma.vn**.

CSVC của Trung tâm Thông tin khoa học đã được cải tạo, nâng cấp. Hệ thống mạng máy tính của Trung tâm bao gồm 02 máy chủ cài đặt phần mềm quản lý thư viện điện tử, thư viện số, 63 máy trạm phục vụ công tác nghiệp vụ và tra cứu của bạn đọc, trong đó có 48 máy dành cho bạn đọc tra cứu trực tuyến. Hệ thống này được kết nối Internet qua đường truyền cáp quang có tốc độ 50 Mbps. Các phòng phục vụ lắp

đặt camera, trang bị quạt, điều hòa, đèn điện đạt tiêu chuẩn. [H9.09.02.03].

Hàng năm, trên cơ sở khảo sát nhu cầu bổ sung tài liệu của khoa Triết học, Trung tâm Thông tin khoa học đề nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền bổ sung tài liệu cho ngành Triết học. Trong giai đoạn 2016 đến 2020, thư viện của Học viện đã bổ sung 2.118 đầu sách (tương đương 17.306 bản sách) trong số đó, 389 đầu sách (tương đương 2.515 bản) phục vụ cho đào tạo, học tập và NCKH của GV và SV ngành Triết học. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn luôn được đổi mới [H9.09.02.07] [H9.09.02.08] [H9.09.02.11] đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Kinh phí Học viện dành cho việc bổ sung số lượng sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu (gồm cả sách, tạp chí được biếu, tặng) trong đó có cả ngành Triết học được mô tả trong Bảng 9.12 [H9.09.02.13].

Bảng 9.11: Thống kê tài liệu và kinh phí bổ sung hàng năm Khoa Triết học trong giai đoạn 2016-2020

Loại tài liệu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Bản in	Bản số	Bản in	Bản số	Bản in	Bản số	Bản in	Bản số	Bản in	Bản số
	<i>Đầu tài liệu/cuốn</i>		<i>Đầu tài liệu/cuốn</i>		<i>Đầu tài liệu/cuốn</i>		<i>Đầu tài liệu/cuốn</i>		<i>Đầu tài liệu/cuốn</i>	
Sách	71	699	102	698	77	367	90	531	48	215
Tạp chí	123	242	121	239	123	243	125	245	110	374
Luận án, luận văn, KLTN	22	22	18	18	29	29	12	12	9	9
Đề tài NCKH	7	7	7	7	8	8	8	8	3	3
Kinh phí đầu tư (VND)	49.396.000		96.563.000		77.469.500		136.355.000		29,632,000	

Bảng 9.12: Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành Triết học từ năm 2016 - 2020

STT	Tên đầu mục	Số tiền năm 2016 (VND)	Số tiền năm 2017 (VND)	Số tiền năm 2018 (VND)	Số tiền năm 2019 (VND)	Số tiền năm 2020 (VND)
1	KP Mua Báo, tạp chí	382.324.500	336.800.890	334.358.138	390.743.340	284,262,790
2	KP Mua sách tiếng Việt	49.396.000	96.563.000	77.469.500	136.355.000	29,632,000
3	KP số hóa tài liệu	99.450.000	199.050.000	198.975.000	296.750.000	290,000,000
4	KP mua sách điện tử	0	42.152.100	0	0	0
5	KP mua sách ngoại văn	0	59.159.000	125.688.000	0	0

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV ngành Quan hệ quốc tế mới nhập học cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện [H9.09.02.04] [H9.09.02.05]. Ngoài ra, cán bộ thư viện hướng dẫn trực tiếp bạn đọc cách sử dụng thư viện tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Thư viện có quy định loại tài liệu, số lượng đầu sách, thời gian được mượn cho từng đối tượng bạn đọc. Thời gian phục vụ bạn đọc được thông báo ở nội quy thư viện, trên website của thư viện và tại các phòng phục vụ [H9.09.02.05].

Theo quy định, tài liệu in bạn đọc được mượn giáo trình, sách tham khảo về nhà; với tài liệu số bạn đọc chỉ được đọc trực tuyến toàn văn, không được tải về. Đối

với các cơ sở dữ liệu điện tử bạn đọc sẽ sử dụng qua các đường link trên thư viện số [H9.09.02.05].

Ngoài ra, Thư viện đã mở rộng hợp tác với các Trung tâm Thông tin - Thư viện, Thư viện Quốc gia, thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản, Liên hiệp Thư viện trường đại học... [H9.09.02.16] để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường tài trợ sách báo và trao đổi các nguồn sách báo, tài liệu giữa các thư viện.

Đặc biệt thư viện tại Khoa Triết học cung cấp những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành Triết học như tài liệu về Lịch sử triết học, Các tạp chí chuyên ngành triết học, Lý luận chính trị... cùng với hàng trăm đầu khóa luận tốt nghiệp ĐH, Tiểu luận môn học, Luận văn, Báo cáo kiến tập, thực tập, Đề tài nghiên cứu... để dành cho SV ngành Triết học tham khảo trong quá trình học tập như bảng 9.13 [H9.09.02.09].

Bảng 9.13: Thống kê số lượng khóa luận, luận văn, luận án và đầu sách được bổ sung hàng năm tại thư viện của khoa Triết học giai đoạn 2016 – 2020

Năm	Khóa luận tốt nghiệp ĐH (quyển)	Luận văn, luận án	Đề tài NCKH, GV SV (đầu tài liệu)	Sách (đầu tài liệu)	Kỷ yếu Hội thảo KH khoa Triết học
2016	08	14	05	01	01
2017	09	14	05	14	01
2018	13	12	05	07	01
2019	08	3	07	02	01
2020	09	12	03	02	01
Tổng	47	55	25	26	5

Hàng năm, Trung tâm Thông tin khoa học đã tổ chức trao đổi, lấy ý kiến của CB, GV và SV về hoạt động của Thư viện để khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả thăm dò về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành Triết học cho thấy: sinh viên, giảng viên ngành Triết học về cơ bản hài lòng về mức

độ đáp ứng của thư viện. Năm 2018 có 76,50 % tỷ lệ SV và 75,00% giảng viên hài lòng về thư viện; năm 2020 là 82,76% sinh viên và 70,00% giảng viên. [H9.09.02.17] [H9.09.02.18].

2. Điểm mạnh

Trung tâm Thông tin khoa học có nguồn tài liệu đa dạng. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành Triết học. Bên cạnh đó, tủ sách tại khoa Triết học cũng cung cấp nguồn tài liệu học tập chuyên ngành quý giá và hữu ích cho sinh viên của ngành Triết học.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ thống phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện (hệ thống tra cứu, đường truyền tại thư viện ổn định cho phép người học và giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến qua thư viện điện tử và truy cập, sử dụng toàn văn tài liệu trên thư viện số). Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, cán bộ thư viện chủ động hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Thư viện còn thiếu các cơ sở dữ liệu điện tử; việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Trung tâm Thông tin khoa học nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu tiếng nước ngoài; tiếp tục xây dựng kho tài nguyên số. Thư viện, tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị trong Học viện để bổ sung tài liệu và nâng cấp hạ tầng mạng, đường truyền tốc độ cao, wifi để đảm bảo truy cập trang Thư viện điện tử, Thư viện số phục vụ hoạt động đào tạo.

Khoa Triết học đề xuất Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Triết học: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 9.3

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH đồng thời nâng cao kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại cho SV trước khi tốt nghiệp. Hiện nay, Học viện báo chí và Tuyên truyền có tổng số phòng thực hành là 19 và số lượng phòng học là 86 [H9.09.03.01]

Hệ thống phòng thực hành trong Học viện báo chí và Tuyên truyền đáp ứng được nhu cầu thực hành của SV thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành Triết học. Học viện được trang bị các thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành Triết học trong quá trình học các học phần khối cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành như: Phương pháp giảng dạy Triết học thực hành. Thời gian vừa qua, hệ thống các Phòng thực hành của Học viện đã được Khoa Triết học sử dụng hiệu quả trong công tác đào tạo, giúp SV ngành Triết học thực hành một số kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, Học viện báo chí và Tuyên truyền có 05 phòng máy tính phục vụ thực hành tin học, 04 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ [H9.09.03.01]; [H9.09.03.02] để phục vụ SV ngành Triết học trong quá trình học các môn tin học, ngoại ngữ.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thí nghiệm, Học viện, Khoa Triết học đã thông qua quy định về quản lý và sử dụng tài sản công [H9.09.03.04]. Các phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý [H9.09.03.01]. Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy quy định việc sử dụng CSVC, trang thiết bị [H9.09.03.05]. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng [H9.09.03.06]. Các danh mục trang thiết bị tại phòng thực hành phục vụ cho ngành Triết học cũng luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng để trên

cơ sở đó có các kế hoạch đề xuất cho việc đầu tư hay sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.03.07]; [H9.09.03.08].

Các phòng thực hành luôn có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.06]. Hàng năm Học viện báo chí và Tuyên truyền, khoa Triết học có khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Đến năm 2020, Trên 80% GV và SV ngành Triết học được khảo sát đều đồng ý, phòng thực hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng tốt và rất tốt [H9.09.01.10].

Số lượng và thiết bị phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học của ngành Triết học. Cụ thể, theo thống kê mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, khi được hỏi về mức độ đáp ứng của Phòng thực hành về trang bị các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thì câu trả lời là đáp ứng đến 81,82 % ở năm 2019 và con số này năm 2020 là 93,10% [H9.09.01.10]. Hàng năm, Học viện báo chí và Tuyên truyền đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành. Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị thường xuyên hàng năm trung bình khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa trung bình một năm từ năm 2015 đến 2017 là khoảng 5 tỷ đồng. Riêng năm học 2018-2019, do đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống phòng học các khu giảng đường A3, A4, B11, B3, đặc biệt là đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC tại nhà A1, nên số kinh phí giành cho cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định năm 2019 tổng mức là 23,2 tỷ đồng [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho giảng dạy đào tạo NCKH ngành Triết học đã được trang bị phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hàng năm. Hoạt động của Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành kỹ năng nghiệp vụ lý luận chính trị nói chung và Triết học nói riêng cho người học.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, việc tiếp cận và sử dụng thiết bị thực hành kỹ thuật cao (studio) còn hạn chế nên chưa khai thác triệt để và hiệu quả các phòng thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Trên cơ sở kế hoạch nguồn kinh phí NCKH và đầu tư CSVC, hàng năm Khoa sẽ đề xuất đầu tư thêm cho phòng thực hành của Khoa bằng việc đầu tư phòng thực chuyên biệt của khoa, mua sắm, bổ sung thêm máy tính hiện đại, máy chiếu cùng các dụng cụ thực hành, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH của ngành Triết học.

Từ năm 2021, Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thu hút hơn nữa việc sử dụng phòng thực hành, để nâng cao hiệu suất sử dụng phòng đồng thời giúp SV bổ sung các kỹ năng thực hành phục vụ cho công việc sau này.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm

Tiêu chí 9.4

Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện có 610 máy tính, 280 máy in, 120 máy chiếu và 24 máy photocopy. Tất cả các Bộ môn trong Khoa Triết học đều được trang bị máy tính, máy in, các thiết bị làm việc cần thiết khác. Cụ thể Khoa Triết học hiện nay số máy tính phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu của GV và phục vụ công tác điều hành quản lý là 04 máy [H9.09.04.03]. Tất cả các GV đều có máy tính cá nhân (được Học viện cung cấp hoặc tự trang bị).

Học viện có 05 phòng máy tính phục vụ SV thực hành, học tập các môn học trong đó có các môn học của ngành Triết học như Tin học cơ bản; 01 phòng máy tính cho GV và SV ngành Triết học tìm kiếm tài liệu ở Thư viện, trên Internet; 01 phòng máy chuyên dụng cho học ngoại ngữ [H9.09.01.05].

100% các máy tính của Học viện đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: quản lý đào tạo, ...(căn cứ vào danh mục phần mềm, bổ sung tên phần mềm) [H9.09.04.03].

Tất cả các máy tính của Học viện đều được nối mạng và sử dụng Internet miễn phí để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc,

hội trường [H9.09.04.01]. Tất cả CBVC và SV đều có địa chỉ email của Học viện [H9.09.04.05]. Học viện cũng có mạng không dây kết nối Internet cho SV tại Thư viện và KTX.

Học viện có hệ thống mạng máy tính nội bộ và giao cho phòng công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Học viện quản trị hệ thống này [H9.09.04.01]. Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa. Kinh phí đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống tin học hàng năm của Học viện từ 1 đến 5 tỷ đồng [H9.09.04.06]

Bảng 9.15: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học
(Công nghệ thông tin, phần mềm) - Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
1	Thiết bị CNTT	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Ổ cứng										
2	Phần mềm	1	53	118	529	3	846	0	0	1	180
	Phần mềm chấm thi, dạy học	1	53			1	95				
	Phần mềm thi trắc nghiệm					1	55				
	Phần mềm quản lý tài sản									1	180

Phần mềm Quản lý Thư viện						1	696				
Phần mềm học tiếng Anh			118	529							
Phần mềm khác:...											

Năm 2019, 2020, Học viện tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về mức độ hài lòng với trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, vv). Thống kê kết quả cho thấy, năm 2019 có 81,82% số SV ngành Triết học được hỏi ý kiến hài lòng với trang thiết bị tin học của Học viện. Con số đó năm 2020 là 89,66% [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa đầu tư tập trung và liên tục CSVC, hạ tầng cho công nghệ thông tin; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi,... được đảm bảo, hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp (bao gồm các phòng thi, các phòng máy tính, các phòng hỗ trợ kỹ thuật tại các tòa nhà).

Chất lượng mạng internet đảm bảo khi có sự cố về mạng luôn được nhân viên phòng Công nghệ thông tin thuộc VP Học viện hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa Triết học làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa tiếp tục lập kế hoạch đề xuất Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Năm 2021, Phòng Công nghệ thông tin thuộc VP Học viện đề xuất với Học

viện tiếp tục tăng cường, nâng cấp và cải thiện hệ thống mạng wifi trong Học viện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Học viện luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ môi trường, sức khỏe, an toàn tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Phòng y tế, Ban Quản lý KTX có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, đặc biệt lưu ý đảm bảo an toàn cho người khuyết tật. [H9.09.05.03]; [H9.09.05.01].

Về môi trường, Học viện luôn chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát, cảnh quan xanh, sạch, đẹp phù hợp mọi đối tượng trong đó có người khuyết tật [H9.09.05.04]. Hệ thống thùng rác được bố trí trong khuôn viên Học viện (trên giảng đường, khu phòng làm việc...) tại những nơi thuận tiện. Bên cạnh đó, Học viện ký hợp đồng hàng năm với công ty vệ sinh môi trường để thu gom rác thải và đảm bảo các phòng học, phòng làm việc... luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học [H9.09.05.06]. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn, vệ sinh môi trường ở KTX cũng được Học viện hết sức quan tâm. Hàng năm, Văn phòng Học viện đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo công tác vệ sinh trường học, trong đó có nội dung kiểm tra công tác vệ sinh tại KTX SV và đảm bảo thực hiện đúng Luật vệ sinh an toàn thực phẩm tại nhà ăn [H9.09.05.05] [H9.09.05.06] [H9.09.05.07]. Học viện có Phòng Y tế riêng để đáp ứng nhu cầu trợ giúp kịp thời của GV và SV khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.08]. Ngoài ra, Phòng y tế liên kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực Học viện và khu vực KTX SV [H9.09.05.09]. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ. Đồng thời, Học viện duy trì tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa trong đó có người khuyết tật. [H8.08.05.10].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh

môi trường... [H9.09.05.01] [H9.09.05.02].

Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Vì vậy, việc giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Học viện luôn đảm bảo tốt nhất. Bên cạnh đó, phòng Bảo vệ và Học viện còn phối hợp với công an phường trong công tác quản lý tạm trú SV ở trong KTX; thường xuyên báo cáo công tác an ninh, trật tự trong Học viện với phòng PA 83, Công an thành phố Hà Nội. Trong các dịp lễ Tết và trong các hoạt động lớn, Học viện đều có thông báo đến từng thành viên, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo. [[H9.09.05.11]; [H9.09.05.12]

Với số lượng 16 người chuyên trách [H9.09.05.12], lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Học viện. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Khu vực tuần tra, kiểm soát bao gồm: (1) cổng chính: Kiểm soát các phương tiện vào ra Trường 24/24 giờ; (2) khu vực nhà A1: Kiểm soát thực hiện nội quy vào ra của CB, GV và SV và khách đến làm việc trong giờ hành chính, cứu hộ thang máy khi gặp sự cố; (3) toàn bộ khuôn viên sân trường, các giảng đường, KTX SV: tuần tra, hướng dẫn, sắp xếp ô tô của CBVC và khách đỗ đúng nơi quy định [H9.09.05.13]. Để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn tối đa cho khu giảng đường, phòng thực hành, KTX, sân vận động (nằm trong khu KTX).

Học viện hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV cũng như cán bộ [H9.09.05.14]; [H9.09.05.15]. Học viện đã phối hợp với Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn, Sở Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, xây dựng phương án PCCC. Hệ thống các thiết bị PCCC được đảm bảo tại tất cả các khu giảng đường, thư viện, KTX, các phòng thực hành theo đúng quy định [H9.09.05.16.]. Các thiết bị PCCC như bình chữa cháy xách tay các loại, hệ thống họng nước vách tường,... đã được trang bị đầy đủ và được rà soát bổ sung, thay thế. Như vậy, công tác phòng chống cháy nổ tại Học viện được đảm bảo tốt nhất, không để xảy ra các sự cố. [H9.09.05.16] [H9.09.05.17] Học viện Báo chí và tuyên truyền cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho người học trong đó có

người khuyết tật tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện. Phòng Cảnh sát PCCC & CHCN, Sở Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội, thường xuyên kiểm tra công tác PCCC của Học viện, cấp giấy chứng nhận huấn luyện PCCC cho CB, GV và SV và kiểm tra các thiết bị báo cháy tự động [H9.09.05.18]. Học viện thường xuyên tổ chức tổng kết công tác bảo vệ trật tự trị an và PCCC [H9.09.05.19].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV. Đối với SV mới nhập học, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện đều phổ biến nội quy, quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn và niêm yết các văn bản liên quan tại các vị trí dễ đọc nhất [H9.09.05.20].

Bên cạnh đó Học viện Báo chí và Tuyên truyền thường xuyên khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV. Cụ thể năm 2018, có 83,33% giảng viên ngành Triết học hài lòng về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV. Đến năm 2019, tỷ lệ này đã lên tới 100% giảng viên ngành Triết học tham gia khảo sát. [H9.09.05.21]; [H9.09.05.22]. Với kết quả phản hồi là cơ sở giúp Học viện từng bước cải tạo, nâng cấp, bổ sung công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV để đáp ứng nhu cầu tốt nhất.

2. Điểm mạnh

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, ban quản lý KTX đều được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ do Công an thành phố tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ phận bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của Học viện trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện luôn bố trí thời gian để truyền đạt đến SV về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Học viện.

Học viện có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, diện tích cây xanh bao phủ khuôn viên toàn Học viện và được chăm sóc tốt, tạo môi trường, cảnh quan, không gian học tập và công tác tốt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên

Đội ngũ Ban quản lý giảng đường, phòng Y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch-đẹp.

3. Điểm tồn tại

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Còn có một số SV chưa mua bảo hiểm y tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Công tác chính trị - SV kết hợp với Phòng Y tế tiếp tục đôn đốc đảm bảo 100% SV mua bảo hiểm y tế.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Triết học hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về lý luận chính trị. Thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình 5,8/7điểm

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HV BC và TT) nói chung và Khoa Triết học nói riêng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thường xuyên điều chỉnh nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo trong đó có ngành Triết học. Việc điều chỉnh được diễn ra định kỳ trên cơ sở lắng nghe và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi

và cập nhật. Bên cạnh đó chương trình đào tạo ngành Triết học tại HVBC và TT cũng bám sát vào triết lý và mục tiêu giáo dục Học viện cũng như của khoa.

Học viện cùng với Khoa đã liên tục có các hoạt động đảm bảo cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo với các nội dung triển khai cụ thể như sau:

- Duy trì cơ chế phản hồi có tính hệ thống từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên đang học, cựu người học, các đơn vị tổ chức sử dụng lao động cũng như các bên liên quan khác) làm căn cứ để giúp thiết kế tốt và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đảm bảo tính cập nhật và phù hợp;

- CTDH được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CĐR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;

- Quá trình dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;

Các kết quả NCKH được áp dụng trong chương trình dạy học, đồng thời cải tiến việc dạy và học ngành Triết học tại HVBC và TT

Tiêu chí 10.1

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển chương trình dạy học nói riêng được Học viện Báo chí và Tuyên truyền rất quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. Bên cạnh việc huy động các nhà khoa học, chuyên gia và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo qui trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Học viện, một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình cũng như đổi mới, cải tiến chương trình là chú ý xem xét đến ý kiến phản hồi, nhu cầu của các bên liên quan. Cụ thể, Học viện đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của

các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình **[H10.10.01.01]**, **[H10.10.01.02]** **[H10.10.01.03]**.

Cụ thể, từ năm 2018, công tác đánh giá chương trình đào tạo đã được nhà trường chú trọng. Cụ thể, Học viện đã ban hành Quyết định số 6520/QĐ-HVBCCTT, ngày 28/12/2018 về Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền kèm theo kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần. **[H10.10.01.03]**. Kể từ quyết định này, năm 2019, công tác đảm bảo chất lượng đã được triển khai một cách đồng bộ, hệ thống. Học viện đã ban hành Quyết định số 4237 - QĐ/HVBCCTT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo ngày 30/9/2019, trong đó nhấn mạnh công tác kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo sẽ là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát và làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát các đối tượng có liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện, chương trình đào tạo, tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp,... **[H10.10.01.01]** **[H10.10.01.02]**. Đây là sự đổi mới so với các năm trước đó, khi công tác kiểm định được chú trọng. Trước đó, năm 2017, Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành quy định về công tác khảo thí của Học viện kèm theo quyết định số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT, trong đó mới chỉ quy định về công tác khảo thí, chưa có quy định về công tác kiểm định chất lượng đào tạo. **[H10.10.01.02]**, **[H10.10.01.03]**.

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, bao gồm: **[H10.10.01.04]**

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần **[H10.10.01.05]**:

Nội dung: Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ người học đang theo học tại HVBCCTT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo **[H10.10.01.06]**:

Nội dung: CĐR, nội dung, cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học,

phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách **[H10.10.01.07]**

Nội dung: Chương trình dạy học, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên [Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp] **[H10.10.01.08]**.

Nội dung: Mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, chương trình đào tạo

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09]**

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Trong các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo với khoa đào tạo trong việc thu thập thông tin phản hồi từ người học, cựu người học, người sử dụng lao động và cán bộ viên chức. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành Triết học trình độ đại học.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo là đơn vị đầu mối xây dựng mẫu phiếu khảo sát, hàng năm tổ chức thực hiện và phân tích kết quả khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì do Khoa tiến hành

khảo sát và gửi phiếu lên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo để xử lý số liệu và viết báo cáo. Các phương pháp khảo sát đa dạng, bao gồm trực tuyến qua cổng thông tin điện tử, gọi điện thoại, gửi email và gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Báo cáo kết quả khảo sát được gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về chương trình đào tạo và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [H10.10.01.04].

Ngoài ra, Khoa Triết học cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về chương trình học, các môn giảng dạy trực tiếp thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng, những bất cập về chương trình, tiến độ, kiến tập, thực tập nhằm có những cơ sở thực tiễn điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp và hiệu quả, lấy người học làm trung tâm, kết quả khảo sát của riêng khoa sẽ là căn cứ đối sánh có thêm các thông tin phản hồi từ cựu sinh viên ra trường nhằm có thêm căn cứ điều chỉnh chương trình [H10.10.01.11]; [H10.10.01.14].

Kết quả phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho thấy những tín hiệu tích cực đối với chương trình đào tạo và sản phẩm đầu ra. Ví dụ như kết quả khảo sát người sử dụng lao động (năm 2018) do khoa tiến hành cho thấy **không có một ý kiến nào không hài lòng** với cựu sinh viên tốt nghiệp khoa Triết học, thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về từng mặt cụ thể như: mức độ hài lòng về kiến

thức, kỹ năng, kỹ năng mềm, năng lực chuyên môn. Có 50% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng sinh viên tốt nghiệp tại khoa ra trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay, 50% ý kiến cho rằng sinh viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và cần đào tạo thêm để thích ứng tốt hơn và không có một ý kiến nào phản hồi sinh viên phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng mới có thể làm việc được.

Đối với khảo sát phản hồi của sinh viên đang học sau mỗi học kỳ đối với mỗi môn học và giảng viên giảng dạy cũng như chịu trách nhiệm môn học: kết quả cập nhật trực tuyến và giáo viên hoàn toàn có thể truy cập trang thông tin tài khoản cá nhân để xem phản hồi của sinh viên sau mỗi môn học về tất cả các khía cạnh: môn học đáp ứng mục tiêu đặt ra, tài liệu đầy đủ, phù hợp; hình thức kiểm tra đánh giá chính xác và toàn diện; giảng viên có kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại có hiệu quả; mức độ kiến thức, kỹ năng được cung cấp có khả năng vận dụng trong thực hành nghề nghiệp tương lai ... Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, giảng viên nắm bắt được điểm mạnh, hạn chế trong từng môn học, lên kế hoạch thay đổi nâng cao chất lượng trong kỳ giảng dạy tiếp theo hoặc có những thay đổi mang tính toàn diện hơn trong những đợt điều chỉnh, sửa đổi chương trình mang tính định kỳ.

Đối với sinh viên cuối khoá, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học tập chuyên ngành, khảo thí tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên nhằm thu nhận và nắm bắt ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo, kết quả đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất, giảng viên, đội ngũ giảng viên, đội ngũ nhân viên, KTV. Trong năm 2017 - năm đầu tiên tiến hành đánh giá thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của sinh viên còn ít (22 sinh viên). Tuy nhiên, đến năm 2018, số lượng sinh viên tham gia phản hồi đã cao hơn rất nhiều (35 sinh viên tham gia khảo sát trên tổng số 45 sinh viên lớp Triết 34). Kết quả khảo sát cho thấy có 72,4% sinh viên hài lòng với CTĐT, còn lại sinh viên hài lòng nhưng còn một vài băn khoăn, tỉ lệ không hài lòng gần như không đáng kể. Sinh viên có nhận xét rất tích cực về đội ngũ giảng viên về cả phương pháp giảng dạy và năng lực chuyên môn. Chương trình học giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp tương lai. **[H10.10.01.06]**.

Các đề xuất của sinh viên trong các cuộc khảo sát từ 2018 trở lại đây chủ yếu tập trung vào mong muốn tăng thời gian thực hành, trải nghiệm thực tế, giảm thời

gian học lý thuyết. Do vậy, khi có điều chỉnh chương trình, lãnh đạo và giảng viên khoa đã bàn bạc và trao đổi nhằm có điều chỉnh tăng hợp lý thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế cho sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của sinh viên. Trong phiên bản CTĐT mới nhất của ngành Triết học năm 2020 đã được điều chỉnh với rất nhiều môn được tăng số giờ thực hành căn cứ trên phản hồi của sinh viên: ví dụ nhiều môn học đã được tăng số lượng giờ thực hành so với trước. Môn 3 tín chỉ (1,5 lý thuyết; 1,5 thực hành/thực tế, tương ứng với 22,5 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành), ví dụ một số môn kiến thức ngành, chuyên ngành như: Mỹ học, Lịch sử Triết học Mác – Lênin, Chuyên đề duy vật biện chứng, Chuyên đề duy vật lịch sử, Phương pháp pháp giảng dạy Triết học... **[H10.10.01.13]**

Đối với khảo sát sinh viên sau khi kết thúc chương trình đào tạo phản hồi về tổng thể: kết quả đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ..., Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo đã tiến hành khảo sát phản hồi của 4 khoá sinh viên ra trường gần đây nhất các năm 2017, 2018, 2019, 2020 (tương ứng sinh viên K33, sinh viên K34, sinh viên K35 và sinh viên K36). Tổng hợp kết quả cho thấy với sự cải tiến chương trình đào tạo, tỷ lệ phản hồi của sinh viên các khoá sau luôn cao hơn so với các khoá trước. Cụ thể mức độ hài lòng chung của sinh viên với toàn bộ khoá học được cải thiện rõ rệt và có xu hướng tăng lên: điểm số trung bình về mức độ hài lòng chung với CTĐT các khoá lần lượt là: 3,3/5 điểm (K33); 3,72/5 điểm (K34); 4,2/5 điểm (K35); 4,4/5 điểm (K36). Đây là một phần kết quả có được từ việc chỉnh sửa và cải tiến chương trình đào tạo lấy sinh viên làm trung tâm **[H10.10.01.06]**

Như vậy, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo đã phối hợp với khoa chủ quản dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo học viện triển khai hiệu quả hệ thống các cơ sở dữ liệu, thông tin phản hồi đầy đủ từ các bên liên quan về chương trình đào tạo. Đây là căn cứ để điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện, của khoa chủ quản, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của người học, người sử dụng lao động và sự phát triển của xã hội nói chung.

Tất cả các ý kiến phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan được Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổng hợp lại. Học viện, Khoa sử dụng để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình xây dựng, cập nhật

CTĐT [H10.10.01.03]. Cụ thể trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành Triết học đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp (năm 2016, 2018, 2020). Nếu như mục tiêu của CTĐT năm 2014 mới chỉ nêu một cách vắn tắt thì đến năm 2018 dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo như Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGD và ĐT. [H10.01.01.15] các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành Triết học lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016. [H10.01.01.16]

Trong quá trình điều chỉnh thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Triết học có thể nhận thấy: [H10.01.01.12] [H10.01.03.13].

CTDH ngành Triết học đã được rà soát, điều chỉnh qua các năm 2016, 2018, 2020. Quá trình rà soát, điều chỉnh có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng, sinh viên cuối khoá 2017, 2018, 2019, 2020, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng năm 2018, 2019. Sự thay đổi trong các học phần được thể hiện như sau:

CT 2014, 2016 kiến thức chuyên ngành gồm 33 TC (27 bắt buộc và 6 tự chọn) thì trong CT 2018, 2020 khối kiến thức ngành là 28 TC (20 TC bắt buộc và tự chọn 8 TC), kiến thức chuyên ngành gồm 30 TC (27 bắt buộc và 3 tự chọn). Đối với khối kiến thức bổ trợ CT mới giảm từ 8 TC xuống còn 6 TC. Sở dĩ khối kiến thức ngành cao là đưa một số môn như mỹ học, tôn giáo học từ khối kiến thức cơ sở ngành sang, các môn lịch sử triết học cũng được đưa sang khối kiến thức ngành. Ở khối kiến thức này cũng bổ sung nhiều môn tự chọn mới như: Cơ sở lý luận báo chí, Khoa học lãnh đạo, Triết học văn hóa, Triết học sinh thái, Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị, Truyền thông chính sách

Đối với các môn tự chọn: Số TC như nhau nhưng một số môn chuyển sang khối kiến thức khác, như Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nguyên lý công tác tư tưởng chuyển lên khối kiến thức KHXH, môn mỹ học chuyển sang khối kiến thức ngành, một số môn bỏ (vật lý học, hóa học, sinh học đại cương) và bổ sung một số môn mới

như Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, Truyền thông và vận động, Nghệ thuật phát biểu miệng ...

Các môn kiến thức chuyên ngành trong CT mới thì trong CT cũ cũng có, chỉ khác là một số môn nếu trong CT cũ nằm trong kiến thức chuyên ngành thì sang Ct mới, tách ra và chuyển lên kiến thức ngành. Khối kiến thức bổ trợ bắt buộc trong CT 2018, 2020 giảm từ 4 TC xuống 3 TC, đưa môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại trong CT cũ xuống học phần thay thế, bổ sung môn triết học con người và một số môn tự chọn Biên tập văn bản báo chí, Triết học chính trị, Triết học giá trị vào khối kiến thức bổ trợ (là phù hợp với bối cảnh xã hội mới cũng như đáp ứng được mục tiêu về vị trí việc làm cũng như CDR)

Học phần thay thế trong CT 2018, 2020 giảm từ 7 TC xuống 6 TC và thay thế môn Chủ nghĩa Mác phương Tây bằng môn Các lý thuyết phát triển xã hội đương đại (đưa từ kiến thức bổ trợ xuống), CT mới bỏ môn Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị vì đã đưa vào kiến thức ngành

Các môn chuyên ngành đều tăng số tín chỉ thực hành và giảm số tín chỉ lý thuyết.

Sở dĩ CTDH có sự thay đổi này là để đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên trong bối cảnh mới. Hơn nữa CTDH được cải tiến theo hướng tăng khối lượng thực hành thảo luận, tăng cường học phần có CDR là các kỹ năng.

Trước khi được công bố chính thức, CTDH của từng ngành, từng chuyên ngành đều được thông qua bởi bộ môn chuyên môn, Hội đồng Khoa học Khoa Triết học, Hội đồng khoa học Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, ngành Triết học đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, sinh viên cuối khóa, giảng viên, cán bộ quản lý về CTDH hiện nay đang thực hiện.

[H10.01.01.4] [H10.01.01.5] [H10.01.01.6] [H10.01.01.7] [H10.01.01.8]
[H10.01.01.9]

2. Điểm mạnh

Học viện đã sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: bảng hỏi, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

Các bên liên quan được xác định đầy đủ và thu thập được đa chiều cạnh ý kiến của tất cả các bên liên quan nhằm có được thông tin khách quan nhất: ý kiến của người học trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của người học đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến sinh viên sau một năm ra trường; ý kiến giảng viên; ý kiến của đơn vị sử dụng lao động.

Ý kiến phản hồi đã được Học viện, khoa chủ quan và giảng viên quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành Triết học còn hạn chế

Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Học viện, Khoa trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành Triết học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa Triết học có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa cố vấn, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thu thập và chia sẻ ý kiến phản hồi và xử lý kịp thời, tổng hợp được các thông tin phản hồi nhằm có những tham mưu mang tính chiến lược thay đổi, cải tiến CTDH đạt hiệu quả cao hơn nữa.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Học viện có hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo **[H10.10.01.03.DC]** và chương trình dạy học với hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, CĐR ngành, thiết kế và phát triển CTDH, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, phát triển chương trình, thực hiện so sánh đối chiếu với các CTĐT tương tự trong nước, quốc tế...

Quy trình được xác định gồm 9 bước như sau:

- 1) Khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch xây dựng CTĐT;*
- (2) Xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT;*
- (3) Thiết kế chương trình khung;*
- (4) Đối sánh với các CTĐT khác trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT;*
- (5) Xây dựng Đề cương chi tiết học phần;*
- (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện CTĐT;*
- (7) Thẩm định CTĐT;*
- (8) Phê duyệt và ban hành;*
- (9) Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ **[H10.10.02.02]**.*

CTĐT cần được đánh giá, cập nhật định kỳ, ít nhất 2 năm/lần. Quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT được thực hiện như sau:

- (1) Lập kế hoạch đánh giá, cập nhật CTĐT;*
- (2) Đánh giá chương trình đào tạo hiện hành;*
- (3) Dự thảo nội dung cập nhật;*
- (4) Phê duyệt và ban hành*

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện có vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo, xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của Học viện. Chủ tịch Hội đồng khoa học là Giám đốc Học viện và thành viên là các Trường khoa, phòng, ban trong Học viện. Những thay đổi, điều chỉnh lớn trong CTĐT đều được Hội đồng khoa học và đào tạo thảo luận và bàn bạc kỹ lưỡng trước khi thông qua **[H10.10.02.01]**. Trước năm 2018, Ban Quản lý đào tạo được giao là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức xây dựng, cập nhật CTĐT. Ban QLĐT có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá và ban hành các hướng dẫn liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Theo yêu cầu của việc kiểm định chất lượng đào tạo, trong giai đoạn 2018-2020, việc xây dựng, rà

soát, cập nhật CTĐT được giao cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo làm đơn vị chủ trì, làm đầu mối nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng đào tạo **[H10.10.02.03]; [H10.10.02.04]**

Khoa và các bộ môn có nhiệm vụ đề xuất các nội dung xây dựng, cải tiến, điều chỉnh chương trình dựa trên ý kiến phản hồi các bên liên quan. Khoa tổ chức thực hiện thiết kế, rà soát cập nhật CTĐT thông qua việc thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế đề cương chi tiết học phần cho các giảng viên phụ trách môn học và họp thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật **[H10.10.02.06]**. Khoa cũng tổ chức tọa đàm, hội thảo mở rộng mời các chuyên gia, cán bộ quản lý chương trình, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp xây dựng CTĐT **[H10.10.02.07]**. Các ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia v.v. được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Học viện tổ chức nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H10.01.02.08]**. Hội đồng nghiệm thu tối thiểu gồm 5 thành viên là giáo sư, phó giáo sư, các tiến sỹ, đúng ngành/chuyên ngành; đại diện đơn vị sử dụng lao động. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký và một số ủy viên. Trong đó, 2 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau ngoài học viện. Các CTĐT sau khi được nghiệm thu, chỉnh sửa sẽ được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành và đưa vào sử dụng **[H10.01.02.08]**.

Trong quá trình thực hiện, Học viện đã liên tục thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH. Cụ thể năm 2018, Học viện đã phối hợp cùng các Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo công văn số 6520, QĐ-HVBCTT (ngày 28/12/2018) **[H1.01.02.13]**; Sau đó chương trình tiếp tục được chỉnh sửa theo yêu cầu của công văn số 2643/QĐ - HVBCTT vào năm 2020 và hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học (công văn số 2645/HD - HVBCTT ngày 31/5/2020) **[H1.01.02.14]**. Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển chương trình đào tạo dựa trên Chuẩn đầu ra thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống

Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT cũng căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên về các môn học qua các học kỳ giảng dạy thông qua các phản hồi của sinh viên đối với các môn học sau mỗi cuối học kỳ, đặc biệt là phản hồi của sinh viên cuối khoá

sau khi học xong toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy [H10.10.01.05.DC]. Ví dụ như ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong chương trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ lớp Triết học K38, Triết học K39, và đặc biệt là lớp Triết học K40).

Năm 2020, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các Khoa phối hợp với Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2020.

Có thể nhận thấy, giai đoạn trước năm 2016, CTDH của ngành Triết học được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung nghĩa là giảng viên chỉ cần sử dụng các phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất khiến người học tiếp thu một cách thụ động, cụ thể đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2013 trở về trước quy định rất rõ ràng người học phải làm gì khi học một học phần nào đó và kèm theo là nội dung tóm tắt của học phần.

Tuy nhiên từ 2014 đến nay trải qua 3 lần rà soát (2016, 2018, 2020), điều chỉnh lớn, Học viện, Khoa đào tạo đã xác lập thiết kế CTDH tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu (hoặc CĐR) cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...)
[H1.01.02.19] [H1.01.02.20] [H1.01.02.21]

2. Điểm mạnh

Khoa phối với các bộ phận chức năng trong Học viện đã liên tục chỉ đạo rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT nói chung và CTDH nói riêng, đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến quá trình đánh giá cải tiến CTDH đang áp dụng tại Học viện.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, tạo ra CTDH có tính khoa học, tiên tiến. Quá trình dạy - học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, do vậy CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

Chưa tận dụng và khai thác triệt để thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua phân tích thông tin có hệ thống theo các năm nhằm huy hiệu quả cao trong thiết kế, điều chỉnh và cải tiến CTDH của ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo sẽ nghiên cứu phối hợp với Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi với các đối tượng bổ sung là GV kiêm nhiệm, GV thỉnh giảng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Từ năm 2021, Bộ phận khảo thí sẽ nghiên cứu phối hợp với khoa xem xét có hướng phân tích thông tin phản hồi một cách hệ thống hơn nhằm tận dụng hiệu quả trong xây dựng thiết kế và phát triển CTDH nhằm hỗ trợ trong việc đạt được mục tiêu CĐR.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.3

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR).

1. Mô tả

Hoạt động dạy và học của giảng viên và người học của trường nói chung và khoa nói riêng được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy do Ban Quản lý Đào tạo lập theo từng kì. Thông tin về kế hoạch giảng dạy được Ban Quản lý Đào tạo gửi cho từng khoa, cập nhật trên website, từng sinh viên theo học phần [H10.10.03.10].

Để quản lý một cách hệ thống việc dạy và học của giảng viên và sinh viên các

lớp, Học viện đã cung cấp mã số và hòm thư điện tử của HV cho sinh viên và giảng viên. Do vậy sinh viên tham gia đăng ký học, theo dõi lịch học và tiến độ, kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên trên phần mềm đào tạo thông qua tài khoản đã cấp cho từng cá nhân. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng hướng đến đáp ứng tối đa CDR cho từng môn, thông tin chi tiết sẽ được giảng viên giới thiệu vào buổi đầu tiên dạy môn học tại lớp để sinh viên nắm được. Trên cơ sở đó, sinh viên cùng tham gia vào quá trình học và đồng thời giám sát, đánh giá môn học đáp ứng các CDR vào cuối mỗi kỳ học **[H10.10.01.05.DC]**.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành Quy định về rà soát đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của người học **[H10.10.03.04]**. Định kỳ 2 năm/lần trong các lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa rà soát lại chương trình ĐT, bao gồm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp và tương thích với CDR. Căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa và tổ bộ môn họp để đánh giá lại phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và đề xuất những thay đổi, bổ sung cho phù hợp **[H10.10.03.04.DC]**. Trên cơ sở đó, các GV thực hiện điều chỉnh, cập nhật các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, thể hiện qua đề cương chi tiết học phần. Trong ĐCHP ghi rõ phương pháp dạy học tương ứng với từng nội dung và chuẩn đầu ra học phần; phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng với chuẩn đầu ra. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi HP trong CTĐT ngành Triết học được đa dạng hóa theo yêu cầu chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu HP đề ra, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được trình bày chi tiết trong mỗi đề cương chi tiết học phần, trong Quy chế đào tạo của Học viện, Quy định về kiểm tra đánh giá, Quy định về tổ chức quản lý thi kết thúc HP **[-H10.10.03.05]; [H10.10.03.06]; [H10.10.03.07]; [H10.10.03.08]**

Học viện cũng chỉ đạo Khoa và các bộ phận chức năng (Ban Quản lý Đào tạo, Phòng Thanh tra, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo) đã thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều hình thức, cụ thể là:

- Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học để tổng kết rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo của các ngành đào tạo toàn trường. Tại hội nghị, đại diện các khoa đào tạo/ cá nhân GV có thể nêu lên những bất cập trong quá trình

giảng dạy từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp mục tiêu, nội dung và tương thích với CDR **[H10.10.03.13]**

- Việc đánh giá quá trình dạy học còn thông qua kênh dự giờ lên lớp của các GV được các Khoa/Bộ môn tổ chức định kì. Thông qua hoạt động dự giờ (đặc biệt những GV trẻ) nhằm đóng góp ý kiến, học hỏi rút kinh nghiệm cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của SV **[H10.10.03.14]**.

- Bên cạnh đó Phòng Thanh tra, Ban Quản lý đào tạo của Học viện cũng thường xuyên thành lập các đoàn thanh tra kiểm tra hoạt động giảng dạy theo thời khóa biểu trên các giảng đường **[H10.10.03.11]; [H10.10.03.12]**

Nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá và hướng dẫn các Khoa, rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn: Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Số 5621/HD-HVBCCTT, ngày 10/11/2019); Hướng dẫn số 2663/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020 hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần (số 2647/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020; Quy định về công tác khảo thí, Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi. Các văn bản này đảm bảo chất lượng của dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy định từ đánh giá quá trình đến đánh giá kết thúc HP. Các hình thức đánh giá, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc HP và khi cần có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra. **[H10.10.03.05]; [H10.10.03.06]; [H10.10.03.07]; [H10.10.03.08]**

Ngoài ra trong công tác cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm, Học viện quy định rõ trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm từng lớp nắm được tình hình học tập của sinh viên, động viên sinh viên có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những sinh viên có ý thức học tập chưa tốt hoặc ở dạng chờ xử lí, đồng thời giải đáp những băn khoăn của sinh viên hoặc làm cầu nối với giáo viên giảng dạy nếu có vấn đề khúc

mắc. Đồng thời, thu nhận cả các ý kiến phản hồi từ SV về quá trình dạy - học, quá trình đánh giá KQHT đang diễn ra, báo cáo ban chủ nhiệm khoa giải quyết trong trường hợp cần thiết **[[H10.10.03.09]; [H10.10.01.14.DC]**.

Mỗi một học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ người học qua khảo sát đánh giá trên trang đào tạo của Học viện. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, bao gồm cả mức độ phù hợp, hiệu quả của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thông báo theo tài khoản cá nhân GV trên trang đào tạo để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của mình cho phù hợp với mục tiêu và CĐR. Kết quả này không chỉ cung cấp đến cho giáo viên thông qua phần mềm đào tạo mà bộ phận khảo thí và ban chủ nhiệm khoa cũng nắm được, là cơ sở để có những cải tiến đổi mới CTĐT. **[H10.10.01.05.DC]**.

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (người học, cựu người học, GV) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa Triết học và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CĐR của ngành Triết học đã công bố. Trong giai đoạn đánh giá 2015 - 2020, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá ngành Triết học đã có sự thay đổi, cải tiến về phương pháp kiểm tra, đánh giá. Cụ thể, khi thiết kế CTDH, Khoa Triết đã xây dựng bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp dạy học, đảm bảo các phương pháp dạy học trong CTDH hướng tới đạt CĐR **[H10.10.03.18]**.

Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTĐT có sự đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. **[H10.10.03.18]**. Sự đa dạng, phù hợp của các phương pháp trong CTĐT hướng tới CĐR được thể hiện như sau:

- Các phương pháp dạy học tương tác bao gồm các phương pháp thuyết giảng tương tác và phương pháp thảo luận nhóm. Phương pháp thuyết giảng tương tác là phương pháp kết hợp thuyết trình (truyền thống) với các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, tình huống, hỏi đáp, phỏng vấn nhanh, sàng lọc phiếu.

Phương pháp thảo luận nhóm giúp các sinh viên bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của mình, phát huy tính độc lập, sáng tạo của sinh viên. Các sinh viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, thông tin với nhau để hoàn thiện hơn kiến thức của mình. Sử dụng phương pháp này sẽ tăng cường hoạt động tập thể, phát triển năng lực giao tiếp,

làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác.

Các phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study) và giải quyết vấn đề sử dụng các tình huống cụ thể về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và tình huống dạy học. Phương pháp này giúp người học đạt được CĐR như: nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giải quyết các tình huống trong giảng dạy triết học.

Các phương pháp dạy học trải nghiệm, bao gồm các phương pháp dạy học thực hành, kiến tập, thực tế chính trị - xã hội, và thực tập nghề nghiệp nhằm hướng tới phát triển các năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm khác.

Phương pháp sinh viên thuyết trình giúp người học tự tin, phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phân tích, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm.

Bên cạnh đó, việc kết hợp mô hình lớp học truyền thống với lớp học đảo ngược góp phần không nhỏ tới việc đạt được CĐR về tri thức, về kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm. Lớp học đảo ngược là mô hình lớp học chuyển đổi từ cách thức giảng dạy, học tập truyền thống lớp sang hình thức học tương tác trực tuyến ngoài lớp học, kết hợp với sự củng cố kiến thức và bài tập trên lớp. Đối với lớp học đảo ngược, người học là trung tâm. Sinh viên xem các bài giảng mà thầy cô cung cấp trước đó; nghiên cứu, học những khái niệm cơ bản, những thuật ngữ, kiến thức thực tế trước khi đến lớp. Sinh viên có vai trò tích cực vào việc xây dựng kiến thức khi họ tham gia vào các hoạt động học tập theo quan điểm, cách thức của họ. Qua đó, phát triển khả năng làm việc độc lập, kỹ năng nghiên cứu, tự học.

Những phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CĐR về kiến thức mà còn đạt được CĐR về kỹ năng như: phân tích, phản biện, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo và CĐR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm. **[H10.10.03.18].**

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong năm học (định kì 2 lần/năm học). Trong nội dung của Phiếu đánh giá có bao gồm nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của sinh viên **[H10.10.03.15]**. Kết quả phân loại rèn luyện của sinh viên theo học

kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn để Khoa, Học viện xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng cho sinh viên.

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, GV) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá Kết quả học tập đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa Triết học và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CDR của chuyên ngành Triết học đã công bố.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, đánh giá KQHT được Học viện, Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo, Khoa phối hợp với cố vấn học tập, các phòng ban liên quan kiểm tra giám sát và đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Đồng thời có một số biện pháp phù hợp để đảm bảo sau quá trình đào tạo ngành Xã hội học, người học khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CDR đã công bố của ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản hồi chủ yếu thu thập từ người học và người học mới tốt nghiệp chưa có các đối tượng khác như các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục, bản thân các GV tham gia phản hồi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Khoa Triết học sẽ tiếp tục tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định, các nội dung đào tạo, đặc biệt cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học.

Từ năm 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đến trên 95% các GV trong Học viện tham gia hoạt động đào tạo ngành Triết học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 10.4

Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Đối với một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với giảng viên, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học của Khoa, của Học viện.

Học viện có Quy chế quản lý hoạt động NCKH ban hành năm 2011, trong đó phạm vi điều chỉnh của quy chế bao gồm: Hoạt động quản lý khoa học; hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (tài chính, hậu cần); hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực khoa học **[H10.10.04.01]**. Để hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện BC và TT được chặt chẽ hơn, năm 2017, Học viện đã ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện BC và TT **[H10.10.04.02]**.

Hàng năm, Học viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KH phù hợp với chiến lược chung từng giai đoạn và nhiệm vụ từng năm học, các kế hoạch này được xem xét góp ý từ các nhà khoa học, các GV và hội đồng khoa học khoa. Sau khi các khoa, đơn vị nhận được thông báo về kế hoạch NCKH vào đầu năm, khoa sẽ thông báo định hướng nghiên cứu đến các thành viên trong khoa. Các thành viên là giảng viên khoa đăng ký đề tài theo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy của khoa trong năm học (chủ yếu là giáo trình phục vụ công tác giảng dạy). Hội đồng khoa học của khoa học sẽ xét duyệt và đề xuất để Hội đồng khoa học Học viện sẽ duyệt và quyết định giao đề tài cho khoa và các cá nhân làm chủ nhiệm **[H10.10.04.03]**, **[H10.10.04.04]**, **[H10.10.04.05]** **[H10.10.04.06]**.

Thêm vào đó, Học viện rất quan tâm đến việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến nhiệm vụ dạy và học. Cụ thể là đã ưu tiên những công trình NCKH cấp cơ định hướng giáo trình trong CTĐT hiện thời **[H10.10.04.08]**. Đề tài NCKH của khoa Triết học chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Đề tài sau khi được nghiệm thu sẽ được nộp bản cứng và bản mềm lên thư viện phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên **[H10.10.04.06]**.

Trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020, giảng viên khoa Triết học đã tham gia hoàn thành tổng cộng 25 đề tài nghiên cứu khoa học là những giáo trình giảng dạy nội bộ, giáo trình in sách, tài liệu tham khảo cho các môn giảng dạy ngành Triết học. Dưới đây là trích dẫn 15 công trình và cũng là giáo trình, tài liệu tham khảo được thực hiện trong 3 năm gần đây nhất (2018 - 2020) của giảng viên khoa Triết học [H10.10.04.06].

Bảng 10.1: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học của GV khoa Triết học trong năm 2019 - 2020

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm	Loại đề tài	Chủ nhiệm đề tài/ Thành viên tham gia
	Vấn đề phân bổ các nguồn lực đảm bảo CBXH ở Việt Nam hiện nay	2018	Cơ sở	Nguyễn Minh Hoàn
	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên báo chí ở Việt Nam hiện nay	2018	Đề tài cấp Bộ	Trần Hải Minh
	Phương pháp giảng dạy Triết học (phần lý thuyết)	2018	GTNB	Nguyễn Thị Như Huế
	Chuyên đề: Cơ sở lý luận và thực tiễn về dân chủ trong Đảng ở Việt Nam	2016 - 2018	Cấp bộ Viện Triết học – Viện Hàn lâm KHXH	Nguyễn Minh Hoàn
	Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị	2018	GTNB	Ngô Đình Xây
	Phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2018	TLTK	Vũ Thị Thu Hương
	Khảo sát tình trạng việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học Khoa Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2015 - 2018	2018	Đề tài KSTT	Trần Thị Giang

Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên khối lý luận ở Học viện Báo chí hiện nay	2019	Cơ sở	Trần Thị Giang
Giáo dục ý thức thẩm mỹ cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2019	Cơ sở	Nguyễn Thị Như Huế
Giá trị của Triết học cổ điển Đức trong thế giới đương đại	2019	Cơ sở	Vũ Thị Hồng Nhung
Triết học và khoa học tự nhiên	2019	ĐHGTT	Ngô Đình Xây
Triết học giáo dục hiện đại và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng triết lý giáo dục của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay	2019	Đề tài cơ sở trọng điểm	Trần Hải Minh
Một số vấn đề triết học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam	2020	Cơ sở trọng điểm	Nguyễn Minh Hoàn
Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Triết học	2020	ĐHGTT - CH	Nguyễn Thị Như Huế
Bản thể luận Triết học	2020	ĐHGTT- CH	Bùi Thị Thanh Hương

Trong các hoạt động NCKH của khoa Triết học, NCKH sinh viên là một trong những hoạt động được quan tâm đặc biệt. Hàng năm, sinh viên khoa Triết học luôn tham gia nghiên từ 1 đến 2 đề tài dưới sự hỗ trợ của giảng viên trong khoa. Việc tham gia NCKH của sinh viên nhằm tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực lý luận chính trị, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của sinh viên, hình thành và phát triển năng lực tự học cho người học, ứng dụng kiến thức đã được trang bị vào xử lý các vấn đề thực tiễn [H10.10.04.10].

Bảng 10.2: Thống kê danh mục đề tài NCKH sinh viên khoa Triết học trong giai đoạn 2015 – 2020

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm	Chủ nhiệm đề tài	Người hướng dẫn
1	Chủ nghĩa thực dụng và ảnh hưởng của nó đến lối sống sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay	2015	Hoàng Thị Phương Hà Lớp Triết học K32	TS. Trần Hải Minh
2	Phương pháp học tập Triết học Mác – Lênin theo hình thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2016	Nguyễn Quang Tiên Lớp Triết học K33	TS. Nguyễn Thị Như Huế
3	Giáo dục ý thức trách nhiệm xã hội thông qua hoạt động ngoại khóa cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2017	Dương Thị Thiêm Lớp Triết học K34	TS. Nguyễn Đức Luận
4	Giáo dục đạo đức nghề báo cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2018	Vũ Thị Thoán Lớp Triết học K35	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung
5	Một số yếu tố tác động đến kết quả học tập môn Triết học Mác – Lênin của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2019	Nguyễn Trung Anh Lớp Triết học K36	TS. Nguyễn Thị Như Huế
6	Ý thức tự học của sinh viên khoa Triết học Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay: Thực trạng và giải pháp	2019	Nguyễn Thị Hương Lan Lớp Triết học K37	PGS, TS. Trần Hải Minh
7	Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2020	Đặng Thị Thùy Lớp Triết học K38	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung

Ngoài đề tài khoa học là giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ môn học, giảng viên giảng dạy chuyên ngành Triết học còn tích cực tham gia nhiều hình thức đề tài khác ở các cấp và đặc biệt tích cực tham gia công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, chia sẻ kết quả nghiên cứu với

cộng đồng khoa học trong và ngoài nước. Dưới đây là một số tổng hợp các kết quả cơ bản về NCKH trong giai đoạn từ 2015 - 2020.

Bảng 10.3: Thống kê về NCKH của CBGV Khoa Triết học giai đoạn 2015 - 2020

TT	Phân loại	Số lượng					
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng
I	Đề tài NCKH						
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	1	1
2	Đề tài cấp Bộ	0	0	1	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	4	4	4	5	5	22
II	Tạp chí khoa học						
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	0	0	0	4	4
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	11	7	7	12	6	43

Bảng 10.4. Thống kê lượng đầu sách của Khoa Triết học được xuất bản trong giai đoạn 2015 - 2020

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Sách chuyên khảo	1	1	14	7	2
2	Sách giáo trình	0	0	0	1	0
3	Tổng	1	1	14	8	2

Bảng 10.5: Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên khoa Triết học giai đoạn 2015 - 2020

T T	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Hội thảo quốc tế	2	0	4	8	7
2	Hội thảo trong nước	4	4	17	4	18
3	Hội thảo cấp Học viện	8	8	8	10	8
4	Hội thảo cấp Khoa	9	8	13	10	17
	Tổng	23	20	42	32	50

Với những lợi ích rõ ràng của việc gắn kết đào tạo và NCKH, Học viện, Khoa đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Các kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo khoa học lưu trữ tại thư viện của Học viện, đồng thời được đưa vào danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của khoa [H10.10.04.06]; [H10.10.04.08]; [H10.10.04.11]

Hàng năm, trong các đợt tổng kết thành tích nghiên cứu khoa học, khoa Triết học luôn có giảng viên trong danh sách khen thưởng toàn trường về thành tích nghiên cứu khoa học và ứng dụng nghiên cứu khoa học vào giảng dạy [H10.10.04.13].

2. Điểm mạnh

GV, SV ngành Triết học đã tham gia tích cực trong hoạt động NCKH, kết quả NCKH đã được vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học. Khoa đã biên soạn phần lớn giáo trình nội bộ cho các môn chuyên ngành, cung cấp một lượng tài liệu tham khảo lớn cho sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học. Ứng dụng các sản phẩm khoa học vào giảng dạy đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Còn ít các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ).

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Học viện, Khoa Triết học cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa Triết học lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 10.5

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ sở vật chất và các tiện ích phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một hợp phần quan trọng tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập, NCKH của GV và SV tại HVBC và TT nói chung và khoa Triết học nói riêng vì đây là những tiện ích sinh viên, giảng viên tiếp cận và sử dụng hàng ngày cho việc dạy - học, tự học, tự nghiên cứu.

Có thể chia làm 3 nhóm:

- Cơ sở vật chất thể hiện ở: hệ thống phòng làm việc, phòng học, ký túc xá, không gian chung

- Tiện ích phục vụ học tập, giảng dạy: sách và tài liệu tham khảo, các phòng máy tính và phần mềm đi kèm

- Dịch vụ hỗ trợ: dịch vụ trả mượn sách tại thư viện, trung tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập, dịch vụ phục vụ các hoạt động thể dục thể thao...

[H10.10.05.03] [H10.10.05.04] [H10.10.05.05]

Về cơ sở vật chất và tiện ích phục vụ học tập và giảng dạy, giảng viên và sinh viên khoa Triết học học được trang bị tương đối đầy đủ và đáp ứng tốt những nhu cầu giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên. Cụ thể về cơ sở vật chất chung và dành

riêng cho khoa đã được thống kê trong các minh chứng [H10.10.05.05]
[H10.10.05.06]

Bảng 10.6: Diện tích các phòng học, thực hành, thư viện, KTX của HVBC và TT

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Riêng khoa Triết học, đội ngũ giảng viên, sinh viên ngoài việc sử dụng tiện ích chung của toàn trường thì có được giao sử dụng các cơ sở vật chất như sau:

Bảng 10.8: Cơ sở vật chất và tiện ích dành cho giảng viên, sinh viên ngành Triết học tính đến 12/2020

Đơn vị tính: nghìn đồng

Tên	Số lượng	Giá trị
Bàn >1,4m	09	69,840
Bàn <1,4m	06	12,072
Ghế xoay	13	12,142
Ghế đệm	07	2,940
Ghế tựa da	20	37,000
Máy tính xách tay	01	22,968
Máy tính bàn	03	32,537
Máy in	04	41,684
Máy photo	01	88,655
Tivi	0	0
Đài catsét	0	0
Bộ điều tần	0	0
Quạt cây	05	3,200
Tủ đựng tài liệu, giá sách bằng gỗ	13	79,937
Giá sách nhôm kính	04	19,179
Các loại trang thiết bị khác	0	0
Tổng cộng	90	422,152

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các tiện ích cần thiết cho việc giảng dạy và học tập: máy chiếu, loa, điều hoà. Khoa được phân sử dụng 1 phòng thực hành máy tính được trang bị máy tính được cài đặt chương trình và được kết nối internet phù hợp cho sinh viên thực hành.

100% các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: Quản lý đào tạo Marxman, phần mềm quản lý khoa học, phần mềm kế toán, v.v.[H10.10.05.08]

Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, có hệ thống mạng máy tính nội bộ cung cấp dịch vụ internet (trong đó có mạng không dây) cho tất cả các phòng máy, nhà làm việc, hội trường, Thư viện và các KTX. Tất cả CBGV và sinh viên đều có địa chỉ email trong hệ thống mạng thông tin nội bộ của Học viện. Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công tác nội bộ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Bộ môn. **[H10.10.05.09]**.

Dịch vụ hỗ trợ và các dịch vụ tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học khác như: dịch vụ trả mượn sách tại thư viện, trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập. Để đánh giá chất lượng dịch vụ này, Học viện đã ban hành quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo (TT Thông tin – Khoa học, hệ thống CNTT). Định kỳ hàng năm, Học viện triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía GV và người học nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy **[[H10.10.05.10], [H10.10.05.11], [H10.10.05.12]**

Ví dụ: trong khảo sát sinh viên cuối khoá về toàn bộ các nội dung mức độ hài lòng về Cơ sở vật chất phòng học, hệ thống trang thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học, các dịch vụ hỗ trợ khác,...được thực hiện trên thang đánh giá được xây dựng từ: 1- không hài lòng đến 5- rất hài lòng và điểm số chạy từ 1 đến 5 tương ứng với mức hài lòng tăng dần. Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của sinh viên về từng khía cạnh cụ thể như sau tính theo điểm giá trị trung bình điểm số đánh giá từng tiêu chí và tổng điểm trung bình đánh giá của sinh viên chung về cơ sở vật chất. Kết quả tổng hợp lại ở bảng dưới đây:

Bảng 10.9: Đánh giá, phản hồi của người học ngành Triết học (cuối khoá) về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất	Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí qua các năm 2017 - 2020			
	2017	2018	2019	2020
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.36	4.50	4.18	4.48
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.18	4.41	4.14	4.45

3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.55	4.31	4.14	4.38
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.00	4.00	4.05	4.41
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.09	4.06	4.14	4.38
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.71	4.00	4.00	4.24
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3.82	4.09	4.05	4.31
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.33	4.09	4.18	4.17
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	-	-	3.77	4.17
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	-	-	-	4.45
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	-	-	-	4.48
Tổng điểm trung bình	4.13	4.18	4.07	4.36

So sánh kết quả đánh giá từ năm 2017 đến năm 2020, xu hướng chung cho thấy điểm số trung bình đánh giá đối với từng tiêu chí cụ thể đều có xu hướng tăng lên và điểm trung bình chung đánh giá tổng thể về cơ sở vật chất cũng như dịch vụ tiện ích có xu hướng tăng lên (từ 4,13 điểm năm 2017 lên đến 4,36 điểm năm 2020). Riêng tiêu chí đánh giá "Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)" và tiêu chí đánh giá "Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ" cũng được đánh giá tăng lên đáng kể. Điều này cho thấy việc quan tâm của Học viện trong việc nâng cấp, cải thiện hệ thống cơ sở vật chất và các dịch vụ tiện ích nhằm phục vụ cho việc dạy và học đang ngày càng đáp ứng được yêu cầu.

Đánh giá về dịch vụ hỗ trợ, khảo sát sinh viên hàng năm cũng thu thập thông tin về đội ngũ cán bộ hỗ trợ ở các khâu: cán bộ văn phòng, nhân viên hành chính, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thư viện ... Kết quả đánh giá phản hồi của sinh viên về đội ngũ phục vụ khá tốt, ví dụ năm 2020, điểm số trung bình đối với từng nhóm cán bộ hỗ trợ về kiến thức/ trình độ và thái độ đều đạt 4.3/5 điểm (tương ứng với mức độ hài lòng). **[H10.10.05.11]**.

Bên cạnh đó, Học viện cũng đã thực hiện giám sát kiểm tra đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học thông qua các cuộc kiểm tra Trung tâm Thông tin – Khoa học, Kí túc xá,...Sau mỗi đợt thanh tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ những điểm đơn vị đã thực hiện tốt cũng như chỉ các tồn tại của đơn vị, từ đó yêu cầu các đơn vị có những giải trình và có kế hoạch khắc phục trong các cuộc họp công tác tháng **[H10.10.05.14]**.

Học viện cũng đã triển khai nhiều kênh thông tin nắm bắt ý kiến của người học về chất lượng các dịch vụ cũng như nắm bắt nhu cầu của SV từ đó có biện pháp cải thiện kịp thời chất lượng các dịch vụ phục vụ người học như: các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng, qua Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm... **[H10.10.05.15]; [H10.10.05.16]**. Ngoài ra, tại các phòng giảng viên trên các giảng đường, Học viện luôn công khai sổ trực và số điện thoại của cán bộ phụ trách trang thiết bị, cơ sở vật chất... **[H10.10.05.17]**. Bất kể gặp sự cố hỏng hay trục trặc cơ sở vật chất (loa, máy chiếu, phòng học có vấn đề ...), giảng viên giảng dạy đều có thể gọi báo trực tiếp cán bộ phụ trách để khắc phục khẩn cấp ngay hoặc có kế hoạch thay sớm nhất. Ngoài ra, sinh viên sau mỗi giờ học trả thiết bị về phòng quản lý thiết bị dạy học cũng có thể báo trực tiếp hoặc ghi sổ sự cố các thiết bị cần thay hay cần kỹ thuật kiểm tra. Thông thường các vấn đề đơn giản sẽ được đội ngũ kỹ thuật trực khắc phục ngay để đảm bảo quá trình dạy và học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng. Đối với những vấn đề phức tạp hay cần thay thế, việc khắc phục cũng diễn ra ngay trong tuần **[H10.10.05.17]**.

Kết quả phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về cơ sở vật chất trong giai đoạn 2016 - 2020, với năm gần nhất 2019 về cơ bản giảng viên và đội ngũ nhân viên có phản hồi tốt về cơ sở vật chất, với mức độ hài lòng trung bình đạt 3,76/5 điểm. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên cũng có những ý kiến đề xuất về nâng cấp cơ sở vật chất

hiện có, ví dụ như: nâng cấp mạng internet không dây với tốc độ tốt hơn phục vụ học tập, nghiên cứu; nâng cấp phòng làm việc thông thoáng hơn; nâng cấp trang thiết bị dạy học (chuyển sang sử dụng mic không dây và hệ thống âm thanh tại phòng học tốt hơn ...) Đây là một số ý kiến đóng góp để bộ phận chức năng Học viện xem xét, có kế hoạch nâng cấp trong thời gian tới [H10.10.05.12].

Ngoài ra, từ năm 2016 đến nay, Học viện liên tục thực hiện nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị dành cho phòng học, thể hiện thông qua các hợp đồng mua sắm và các gói thầu mua sắm, nâng cấp cụ thể trong minh chứng [H10.10.05.20] [H10.10.05.21]

Một số những cải tiến nổi bật của Học viện về cơ sở vật chất trong thời gian qua nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học:

- Học viện nâng cấp mạng internet và trang bị đồng bộ cho mỗi giảng viên và sinh viên của trường một tài khoản thư điện tử, mật khẩu để truy cập hệ thống học trực tuyến, tải và chia sẻ tài liệu học tập khi cần.

- Hệ thống thư viện đã cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo lên hệ thống truy cập trực tuyến để người học có thể truy cập đọc tài liệu từ xa, sử dụng nguồn học liệu thuận tiện, đặc biệt cho việc học từ xa.

- Từ năm 2018, Học viện đã trang bị hệ thống điều hoà tại 100% các phòng học sinh viên phục vụ việc học và dạy trong mùa hè.

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho khoa Triết học như đề cập trong bảng thống kê của riêng khoa [H10.10.05.06]. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho sinh viên ngành Triết học cũng được bổ sung liên tục hàng năm [H10.10.05.21]. Từ năm 2015 - 2019, Học viện đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện, giúp người dạy, người học và cán bộ nghiên cứu có môi trường nghiên cứu, tra cứu hiện đại và thuận tiện hơn [H10.10.05.22]

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở ý kiến phản hồi các bên liên quan, Học viện đã cơ bản trang bị đủ cơ bản các thiết bị hỗ trợ và nâng cấp dịch vụ, tiện ích phục vụ quá trình học và dạy đạt hiệu quả, trong đó có chú trọng đến: hệ thống thư viện, phòng học, mạng internet và tài khoản mạng cho sinh viên, không gian và cảnh quan chung của trường.

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành định kỳ và có cơ chế báo bất thường hay kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, đổi mới hàng năm.

Những nhu cầu của người học về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi của người học. Học viện đã tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho hoạt động dạy và học của ngành Triết học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu. Tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Học viện đã cố gắng phủ sóng wifi toàn Học viện, những hạn chế này có ảnh hưởng một phần đến chất lượng dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Văn phòng phối hợp với Trung tâm Thông tin – Khoa học, Bộ phận Quản trị và các Khoa sẽ xây dựng qui trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy - học tập của Học viện trong kế hoạch công tác hàng năm hệ thống và bài bản hơn, trong đó đưa vào bộ câu hỏi đánh giá các nội dung đánh giá cụ thể và chi tiết hơn về từng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và người vận hành dịch vụ để có giải pháp đúng và kịp thời.

Năm 2021, Văn phòng phối hợp kết hợp với Trung tâm Thông tin – Khoa học xây dựng kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập và tối ưu hệ thống mạng hiện nay.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 10.6

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Năm 2012, Học viện thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (năm 2018, được đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng

đào tạo) làm đơn vị đầu mối quản lý các hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện **[H10.10.06.01]; [H10.10.06.02]**. Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan **[H10.10.06.03]**. Theo đó, hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát bao gồm:

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần **[H10.10.06.06]**

Nội dung: Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ người học đang theo học tại HVBCCTT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo **[H10.10.06.07]**

Nội dung: CĐR, nội dung, cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách **[H10.10.06.08]**

Nội dung: Chương trình dạy học, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên [Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp] **[H10.10.06.09]**

Nội dung: Mức độ đáp ứng CĐR, tình trạng việc làm, chương trình đào tạo

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng [H10.10.06.10]

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau: [H10.10.06.04]

Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi Trung tâm KT-KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang Trung tâm KT-KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được Trung tâm KT-KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm. Trên cơ sở đó, Trung tâm KT-KĐCL viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

+ Các khoa, phòng ban chức năng có nhiệm vụ sử dụng kết quả khảo sát phản hồi làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Đối với CTĐT ngành Triết học, khi cải tiến, bổ sung nhằm hoàn thiện nội dung của CTDH các ý kiến phản hồi, các đóng góp đều được Khoa Triết học nghiên cứu xem xét cho phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu của xã hội, nhất là các khảo sát và hỏi ý kiến trực tiếp các nhà tuyển dụng - thông thường sẽ được Khoa Triết học tiến hành khảo sát trực tiếp thông qua hội chợ việc làm hàng năm do Học viện tổ chức - thông qua đó Khoa sẽ nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề, các yêu cầu đòi hỏi thực tế của công việc, của xã hội đối với người học

Trong những đợt rà soát, chỉnh sửa năm 2018, 2020 khoa đã khi tiến hành khảo sát đánh giá mục tiêu, nội dung, phương pháp, cấu trúc của CTĐT, nhu cầu nhân lực của ngành Triết học và các yêu cầu đối với cử nhân ngành Triết học với các nhà tuyển dụng. Qua mỗi đợt khảo sát lấy ý kiến của nhà sử dụng lao động đối với cử nhân Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện, Khoa có thêm những thông tin đánh giá về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp, cũng như những đóng góp quý báu từ các cơ quan, người sử dụng lao động đối với hoạt động đào tạo của ngành Triết học Đây chính là những cơ sở quan trọng để từ đó Bộ môn, Khoa cải tiến chất lượng, xây dựng mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo ngày càng phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động và nhu cầu xã hội. Chẳng hạn, các ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cũng như các yêu cầu đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học trong đợt khảo sát năm 2020 tập trung vào việc phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc theo nhóm, có năng lực tư duy sáng tạo, phản biện; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm ... **[H10.10.06.10]**. Các đánh giá và góp ý này được Khoa triết học và các Bộ môn tiếp thu và có những điều chỉnh trong việc xây dựng các mục tiêu của CTĐT năm 2020 **[H1.01.01.13]**.

Bên cạnh các cuộc khảo sát, ý kiến phản hồi còn được thu nhận thường xuyên thông qua hộp phản ánh sinh viên hàng tháng, với sự có mặt của đại diện lãnh đạo khoa, cố vấn học tập các lớp và đại diện các lớp. Các vấn đề nảy sinh, tồn đọng đều được từng lớp báo cáo chi tiết, cố vấn học tập tổng hợp, bổ sung và lãnh đạo khoa đưa ra hướng chỉ đạo, giải quyết **[H10.10.06.14]**

Có thể nói, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện, các bộ phận chức năng quan tâm hoàn thiện và cải tiến nâng cao cả về nội dung và cách thức triển khai thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có

những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về chương trình đào tạo và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [H10.10.06.12].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng các dịch vụ, tiện ích phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện nói chung và ngành Triết học nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế do khả năng tiếp cận các nhà sử dụng lao động của Khoa còn chưa cao. Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung như CĐR chưa mang đặc thù, cụ thể của ngành.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Học viện, các bộ phận chức năng, Khoa Triết học cần phối hợp cập nhật điều chỉnh một số nội dung trong Phiếu khảo sát, lấy ý kiến để đem lại hiệu quả thông tin phản hồi cao hơn.

Từ năm học 2020 - 2021, Học viện cần có kế hoạch sử dụng kết quả khảo sát phản hồi từ các bên liên quan hiệu quả hơn. Trung tâm KT- KĐCLĐT cần sớm gửi kết quả khảo sát các bên liên quan, người học, giảng viên và tổng hợp kết quả thành một báo cáo chung tóm tắt các điểm nổi bật về bộ phận lãnh đạo trường và các khoa/phòng ban liên quan, trong đó có khoa Triết học. Trung tâm KT- KĐCLĐT cần tăng cường chức năng giám sát, nhắc nhở các đơn vị về việc sử dụng kết quả khảo sát

trong kế hoạch điều chỉnh CTĐT, hoặc có phản hồi về kết quả khảo sát gửi về Trung tâm KT- KĐCLĐT, trong đó có những kế hoạch hành động kịp thời đối với các kiến nghị cũng như kết quả có được từ các cuộc khảo sát.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Triết học sẽ tăng cường các hình thức, biện pháp kết nối với các nhà tuyển dụng để đảm bảo thu thập thông tin phản hồi từ nhiều nhà tuyển dụng hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5.5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 10

Học viện, Khoa Triết học đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Triết học để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành Triết học luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, cả 6 đều đạt, điểm trung bình là 5.33/7

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Hàng năm, Ban đào tạo kết hợp với khoa chủ quản thống kê và thực hiện giám sát việc đạt CDR, thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ sinh viên thôi học, lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CDR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện đề tài.

Học viện, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo phối hợp cùng khoa Triết học đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Triết học.

Tiêu chí 11.1

Tỉ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Ban Quản lý Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học và kết quả học tập của sinh viên, bao gồm tỉ lệ tốt nghiệp và thi học [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Học viện công bố trong Báo cáo công tác đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.04] [H11.11.01.05].

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của sinh viên toàn trường và sinh viên các ngành đào tạo luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Ban đào tạo phối hợp với khoa chủ quan. Vấn đề này được quy định trong chức năng của ban đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của khoa chủ quản, cố vấn học tập trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp hay kết nối thông tin, nguồn lực trợ giúp giải quyết các khó khăn nhằm tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.01] [H11.11.01.06], [H11.11.01.07].

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên thi học của các ngành đào tạo cũng là các chỉ tiêu được tập trung bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp Hội nghị tổng kết công tác đào tạo của Học viện [H11.11.01.04].

Về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, Ban Quản lý Đào tạo là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, cố vấn học tập phối hợp với ban chủ nhiệm khoa kiểm tra thông tin, xác nhận với Ban Quản lý Đào tạo. Trên cơ

sở thông tin xác nhận, Ban Quản lý Đào tạo sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai, đồng thời gửi về Khoa [H11.11.01.08] [H11.11.01.09].

Thông thường hàng năm, trong các báo cáo tổng kết công tác đào tạo, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn cũng như tỉ lệ sinh viên thôi học của toàn trường đều được đưa ra báo cáo và thảo luận và tìm nguyên nhân khắc phục nếu có vấn đề bất thường [H11.11.01.04]. [H11.11.01.10]

Trên cơ sở dữ liệu của Ban Quản lý đào tạo, một số thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, đối sánh giữa các ngành trong cùng trường và cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo đã được tổng kết theo các năm giai đoạn 2016 - 2020 như dưới đây.

**Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học
trong giai đoạn 2016-2020**

Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng sinh viên duy trì đến cuối khoá	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp			Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ tổng đầu vào	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ số sv duy trì cuối
				3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)		
2012 - 2016 (K32)	52	47	44	0	44	3	84.6%	93.61%
2013-2017 (K33)	47	39	39	0	39	8	82.97%	100%
2014-2018 (K34)	51	45	36	0	29	16	70.6%	80.0%
2015-2019 (K35)	43	31	23	0	21	8	53.49%	74.19%
2016-2020 (K36)	37	31	21	0	21	0	56.76%	67.74%

Khoa chủ quản cũng đã nắm được số liệu sinh viên tốt nghiệp của ngành Triết học các năm gần đây thông qua các thống kê đào tạo gửi về khoa (danh sách sinh viên tốt nghiệp theo các đợt). Ban Chủ nhiệm Khoa cũng đã nhận thấy bắt đầu từ khoá

K34 trở đi, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bắt đầu sụt giảm. Nguyên nhân cơ bản là do sinh viên chưa hoàn thành các học phần trong CTĐT và CDR về tin học, đặc biệt CDR ngoại ngữ với yêu cầu đạt chuẩn B1.

Ngoài ra, Khoa cũng tiến hành đối chiếu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học với ngành khác trong trường nhằm có được số liệu so sánh mặt bằng chung về tình trạng sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp.

Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Triết học với các CTĐT trong trường, ngoài trường giai đoạn 2016-2020

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá		
	CTĐT được đánh giá Triết học	CTĐT của Trường ngành XHH	CTĐT của Khoa Triết học - Trường trong nước (ĐH KHXH và NV Hà Nội)
2012 - 2016	93.61%	94%	78,94%
2013- 2017	100%	85%	53,84%
2014- 2018	80.0%	72%	53,19%
2015- 2019	74.19%	48,7%	54,05%
2016- 2020	67.74%	48%	33,84%

Hiện tại trên website của trường Đại học KHXH và NV, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học đã được công bố trong báo cáo ba công khai cho các khóa từ khóa 2012 - 2016 đến khóa 2016 - 2020. Đối sánh giữa tỉ lệ tốt nghiệp ngành Triết học (HVBC và TT) và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học của trường ĐH KHXH và Nhân văn, kết quả cho thấy trong 2 năm học khảo sát: 2015 – 2019; 2016 - 2020 gần như tương đương nhau, tỉ lệ tại HVBC TT so với trường Nhân văn cao hơn không nhiều (67,74% so với 54,04%). Chỉ có hai khóa 2012- 2016 và 2013 – 2017 tỷ lệ tốt nghiệp ngành Triết học của HVBC và TT cao vượt trội so với tỷ lệ tốt nghiệp ngành Triết học của Trường ĐH KHXH và NV. Sở dĩ có sự khác biệt như vậy là do hai khóa

học này CTĐT ngành Triết học của HVBC và TT vẫn áp dụng theo hình thức đào tạo niên chế và chưa áp dụng CDR ngoại ngữ và tin học theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 11.3: Thống kê tỷ lệ thôi học của người học ngành Triết học trong giai đoạn 2016-2020

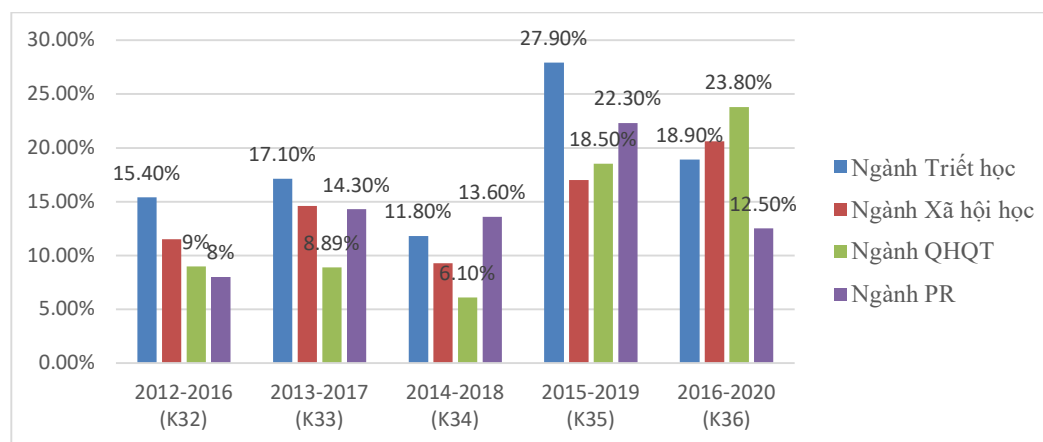
Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng sinh viên cuối khóa	Số SV và Tỷ lệ SV thôi học/đình chỉ học/bảo lưu kết quả	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học sau			
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2012-2016 (K32)	52	44	8 sv	4 sv	3 sv	1 sv	0 sv
			15,4%	7,7%	5,8%	1,9%	0%
2013-2019 (K33)	47	39	8 sv	5 sv	2 sv	1 sv	0 sv
			17,1%	10,8%	4,3%	2,2 sv	0%
2014-2018 (K34)	51	45	6 sv	1 sv	2 sv	0 sv	0 sv
			11,8%	1,96%	3,92%	0%	0%
2015-2019 (K35)	43	31	12 sv	3 sv	2sv	1 sv	0 sv
			27,9%	6,98%	4,65%	2,32%	0%
2016-2020 (K36)	37	30	7 sv	0 sv	0 sv	3 sv	0 sv
			18,9%	0%	0%	8,1%	0%

Bảng thống kê trên cho thấy về cơ bản, số lượng sinh viên thuộc diện thôi học (tự thôi học, bị buộc thôi học do kỷ luật hoặc bị đình chỉ học 1 năm hay bảo lưu kết quả) không nhiều, mỗi năm học trung bình có từ 1-2 sinh viên mỗi lớp rơi vào trường hợp trên. Sinh viên rơi vào trường hợp thôi học hoặc bảo lưu kết quả nói trên không tập trung vào giai đoạn cố định nào mà rải rác qua nhiều năm với nhiều lý do đa dạng: sinh viên chuyển trường; sinh viên đi du học, sinh viên tìm cơ hội việc làm có thu nhập thay vì đi học, sinh viên gặp vấn đề sức khỏe cần điều trị dài ngày, sinh viên lập gia đình Tuy nhiên, bảng thống kê trên cũng cho thấy tỉ lệ thôi học, bảo lưu của sinh viên ngành Triết học có xu hướng cao hơn trong những năm gần đây (Triết K35

tỷ lệ là 27,9% và Triết K36 tỷ lệ là 18,9%) và đây là vấn đề đã được trao đổi, bàn bạc và giao trách nhiệm cho cố vấn học tập tư vấn thường xuyên cho sinh viên để hạn chế trường hợp sinh viên rơi vào hoàn cảnh nói trên.

Bảng 11.4: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học/bảo lưu của CTĐT ngành Triết học với các CTĐT trong Học viện

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học			
	Ngành Triết học	Ngành Xã hội học	Ngành QHQT	Ngành PR
2012-2016 (K32)	15,4%	11,5%	9%	8%
2013-2017 (K33)	17,1%	14,6%	8,89%	14,3%
2014-2018 (K34)	11,8%	9,3%	6,1%	13,6%
2015-2019 (K35)	27,9%	17%	18,5%	22,3%
2016-2020 (K36)	18,9%	20,6%	23,8%	12,5%



Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2015 - 2020

Về sinh viên bảo lưu, thôi học, cố vấn học tập là đầu mỗi năm tình hình, tư vấn với sinh viên và gia đình sinh viên trong trường hợp cần thiết. Sinh viên thôi học hiện nay với rất đa dạng lý do, cố vấn học tập là đầu mỗi năm thông tin thông qua tìm hiểu trực tiếp với sinh viên có ý định thôi học, gián tiếp qua lớp, bạn bè và trao đổi với gia đình. Với những lý do phù hợp: chuyển trường, ngành học không phù hợp, đi du học ..., CVHT sẽ tư vấn các thủ tục cần thiết. Đối với những lý do liên quan đến tâm lý, các vấn đề cá nhân, gia đình, cố vấn sẽ tìm hiểu và tìm phương án hỗ trợ, báo BCN

khoa cũng như tư vấn thêm cùng gia đình để tìm cách cùng giải quyết, hỗ trợ sinh viên ở mức tối ưu nhất **[H11.11.01.16]**. Các trường hợp sinh viên này cũng sẽ được cố vấn thông báo với khoa chủ quản nắm tình hình và tư vấn thêm các hướng giải quyết hay trợ giúp phù hợp. Khoa sẽ và cố vấn sẽ hỗ trợ tư vấn sinh viên nộp đơn và hoàn thiện các thủ tục cần thiết gửi lên Ban Quản lý đào tạo để xin thôi học hay bảo lưu kết quả học tập.

Các quyết định thôi học, bảo lưu kết quả học tập sẽ được Học viện ra quyết định và thông báo về khoa chủ quản **[H11.11.01.22]**.

Về sinh viên có các nguy cơ bỏ học hoặc bị đuổi học do rơi vào các trường hợp: nghỉ học không phép nhiều và có nguy cơ nghỉ quá thời gian quy định; số lượng tín chỉ tích lũy thấp hơn quy định; nợ nhiều học phần; có nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn do chưa hoàn thành các CĐR tin học, ngoại ngữ, cố vấn học tập là đầu mỗi năm bắt thông tin thông qua các kênh từ lớp, Ban Quản lý đào tạo và tự giám sát định kỳ kết quả tổng kết học tập của sinh viên lớp trên phần mềm. Trên cơ sở thông tin nắm bắt, cố vấn học tập định kỳ báo cáo trong các buổi họp phản ánh sinh viên theo tháng hay tổng kết hàng năm để BCN khoa cùng đội ngũ cố vấn, cán bộ lớp sẽ đưa ra định hướng giải pháp và hỗ trợ cụ thể **[H11.11.01.10]**. Trên cơ sở phân tích thực trạng những tồn đọng, khó khăn, vướng mắc chung của sinh viên ảnh hưởng đến những thực trạng tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học trong đó bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan, BCN khoa và cố vấn học tập cũng đưa ra những giải pháp, định hướng cho sinh viên, đặc biệt sinh viên các khoá sau cố gắng khắc phục sớm để không rơi vào những nguy cơ dẫn đến buộc thôi học hay ra trường muộn. Trong những năm gần đây, vấn đề tồn đọng lớn nhất sinh viên gặp phải là nợ học phần và nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến cho sinh viên không ra trường đúng hạn. Để khắc phục tình trạng này, Ban Quản lý Đào tạo các học kỳ gần đây (trong năm 2018 - 2020) đã tích cực hỗ trợ, thống kê số sinh viên có nhu cầu học bổ sung các môn còn nợ hoặc học cải thiện điểm, trên cơ sở nhu cầu học bổ sung của sinh viên để ra trường đúng hạn, Học viện sẽ mở các lớp học với các học phần đủ số lượng sinh viên đăng ký và thông báo cụ thể trên website của Học viện **[H11.11.01.18]** **[H11.11.01.19]**. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng sinh viên ngành Triết học nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến tỉ lệ ra trường không đúng hạn còn cao, ngay đầu năm học 2020, Học viện đã ban

hành văn bản chi tiết hướng dẫn về CDR tin học, ngoại ngữ, các đợt thi CDR Học viện sẽ tổ chức trong năm để sinh viên các khoá chuẩn bị ra trường có kế hoạch bố trí học và thi sớm [H11.11.01.20].

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo, do vậy việc quản lý SV, tỷ lệ SV tốt nghiệp, sinh viên thôi học được cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Trách nhiệm của cố vấn học tập, BCN khoa và Ban Quản lý Đào tạo trong việc thống kê, giám sát, hỗ trợ sinh viên trong diện cảnh báo được quy định, đồng thời các bên liên qua đều phối hợp nhịp nhàng với nhau nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và đưa ra các giải pháp cụ thể trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng sinh viên tồn đọng nhằm khắc phục và cải thiện tình trạng tồn đọng đạt hiệu quả.

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, sinh viên tồn đọng được xác lập, theo dõi sát sao, phản ánh đến nhiều đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc giám sát quá trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Khoa Triết học vẫn đang gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành Triết học của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Triết học đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học

kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, quá trình học tập tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp của ngành Triết học được quy định rõ ràng, công bố công khai tới người học trong các văn bản quy định của Học viện, trong đó các quy định cụ thể được đề cập đến trong quy chế đào tạo đại học về tín chỉ. Ngoài ra, sinh viên ngay từ tuần học tập đầu tiên sau khi nhập học đã được cung cấp sổ tay sinh viên, trong đó có quy định cụ thể về: điều kiện học vượt; điều kiện học kéo dài; số tín chỉ tối thiểu trong học kỳ được đăng ký, thời gian học tối đa kéo dài đối với sinh viên ngành Triết học [H11.11.02.01], [H11.11.02.02].

Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của SV trong đó Ban Quản lý đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý học tập, quản lý tốt nghiệp của SV. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác, logic và thông báo công khai cho người học (SV có thể dùng mã SV và mật khẩu để truy cập, xem điểm tích lũy, xem các thông tin khác liên quan đến học tập, tốt nghiệp của bản thân mình [H11.11.02.03].

Từ năm học 2016 - 2017, Học viện, Khoa Triết học đã tăng cường triển khai và giám sát công tác cố vấn học tập thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng [H11.11.02.07]. Trợ giúp thông tin, tư vấn sinh viên về các quy định liên quan đến điều kiện hoàn thành các CDR và số lượng học phần (bắt buộc, tự chọn) để được công nhận tốt nghiệp cũng là một nội dung được quy định trong ra, chức năng, nhiệm vụ của cố

vấn học tập trong việc hỗ trợ tích cực tới từng sinh viên có nhu cầu giúp sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với từng bạn. [H11.11.02.05] [H11.11.02.06].

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình /năm của các ngành trong trường và so sánh, đối sánh với cùng ngành đào tạo ở đơn vị khác cũng được khoa chủ quản, Ban Quản lý đào tạo và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Triết học. Dưới đây là một số số liệu tổng kết về thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Triết học so với các ngành khác trong trường và so với cùng ngành ở cơ sở đào tạo khác.

Bảng 11.5: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Triết học với ngành khác trong Khoa và trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp)

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBC và TT			
	CTĐT ngành Triết học	CTĐT ngành Xã hội học	CTĐT ngành QHQT	CTĐT ngành PR
2012 - 2016 (K32)	4,01	4	4	4
2013-2017 (K33)	4,02	4,01	4	4
2014-2018 (K34)	4,16	4,38	4,4	4,3
2015-2019 (K35)	4,24	4,1	4,05	4,06
2016 - 2020 (K36)	Chưa có đủ số liệu do SV chưa tốt nghiệp đúng hạn	Chưa có đủ số liệu do SV chưa tốt nghiệp đúng hạn	4	4

Trong Hội nghị tổng kết đào tạo và Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Khoa đều thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học ngành Triết học cũng như các ngành khác trong trường là vấn đề ưu tiên thảo luận trong các hội nghị, trên cơ sở đó BCN khoa có những chỉ đạo, cố vấn học tập đưa ra những giải pháp và trực tiếp có những tư vấn sớm đối với những khoá sinh viên hiện đang học ngành Triết học để xây dựng lộ trình phù hợp, tăng cường khả năng ra trường đúng

thời hạn. [H11.11.02.06], [H11.11.02.07] [H11.11.02.10]. Khoa và cố vấn học tập thông báo cho sinh viên còn nợ học phần tích cực trả nợ môn thông qua đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn. Trên cơ sở đối sánh thời gian tốt nghiệp, Học viện hàng năm đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện thời gian tốt nghiệp như: mở các lớp học tự nguyện, tạo điều kiện cho sinh viên học vượt, đề nghị các cố vấn học tập và khoa chủ quản sát sao hơn nữa trong việc rà soát, động viên sinh viên. [H11.01.02.04]

Những nguyên nhân cơ bản của sinh viên ngành Triết học tốt nghiệp chậm, muộn được tổng kết chủ yếu nằm ở một số học sinh không kịp bố trí học bổ sung các học phần còn nợ lại do thời gian các lớp học chưa phù hợp với bản thân, còn lại phần lớn sinh viên nợ CĐR ngoại ngữ và tin học do đăng ký thi muộn hoặc thi những lần đầu không qua. [[H11.11.02.12]; [H11.11.02.13]

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ kết quả học tập của sinh viên, có kế hoạch sớm thông báo cụ thể, rõ ràng đến sinh viên về yêu cầu CĐR nhằm giúp sinh viên lên kế hoạch sớm đạt CĐR, tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc vượt trước thời hạn nếu mong muốn.

Khoa Triết học và cố vấn học tập của khoa có kinh nghiệm, nhiệt tình và luôn hỗ trợ kịp thời cho người học, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành Triết học tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Triết học và phát triển sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Từ năm học 2021 - 2022, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo kết hợp với khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành Triết học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.3

Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Học viện đã giao nhiệm vụ xác lập thông tin của người học sau tốt nghiệp cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo.

[H11.11.03.01] [H11.11.03.02]

Nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm trong việc xác lập thông tin của cựu SV là:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu về người học đã tốt nghiệp theo từng năm học để công khai trước xã hội và báo cáo cho Bộ Giáo dục và đào tạo; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động;

(2) Khảo sát, thống kê về việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của người học sau tốt nghiệp được Trung tâm thực hiện như sau: **[H11.11.03.04]**

Bảng 11.6: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của người học sau tốt nghiệp

TT	NỘI DUNG
1	Xây dựng và hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát.
2	Xây dựng dữ liệu SV chuẩn bị tốt nghiệp (danh sách SV, điện thoại, địa chỉ liên hệ...)
3	Tiến hành khảo sát SV tốt nghiệp sau 1 năm
4	Tổng hợp phân tích kết quả.
5	Báo cáo Ban Giám đốc, Bộ GD và ĐT và thông tin đến các bộ phận chức năng

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp. Trước năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi Trung tâm KT-KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho Trung tâm KT-KĐCLĐT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện [H11.11.03.05]

**Bảng 11.6: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp
Ngành Triết học so với ngành XHH đào tạo tại HVBC TT**

Các tiêu chí	Tốt nghiệp 2016		Tốt nghiệp 2017		Tốt nghiệp 2018		Tốt nghiệp 2019	
	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	44	47	39	73	36	34	23	19
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá)	93,61 %	94%	100%	85%	80,0%	72%	74,2%	48,7%
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	86	20	48	73	41	19	16	28
4. Tỷ lệ người học có việc làm (%) (trong số phản hồi)	73,2%	95%	87,5%	95%	95,1%	94,74 %	81%	82%
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	33%	61%	31%	59%	38%	22%	32,5%	30%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	67%	39%	69%	41%	62%	78%	57,5%	70%

Kết quả khảo sát có thể cho thấy người học sau tốt nghiệp của ngành đào tạo trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ cao, luôn đạt ở mức từ khoảng 90% trở lên. Sinh viên tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt sinh viên khoá tốt nghiệp năm 2019 (điều tra vào năm 2020 sau 1 năm tốt nghiệp), có hơn 80% ý kiến cho rằng kỹ năng, kiến thức đáp ứng phần lớn công việc.

Mặc dù tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao, tuy nhiên vẫn còn có những sinh viên làm trái ngành đào tạo. Kết quả khảo sát gần nhất vào năm 2020 (đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2019) cho thấy một trong những lý do quan trọng sinh viên làm trái nghề hoặc chưa đi làm là do: cơ hội việc làm đúng ngành nghề thấp (20%), mặt khác có đến 35% sinh viên muốn thử sức ở những công việc với nhiều cơ hội hơn, mức lương hấp dẫn hơn, đồng thời một tỉ lệ đáng chú ý (20%) sinh viên chưa muốn đi làm và vẫn đang tiếp tục học cao hơn, học thêm các kỹ năng cơ bản khác để tăng cơ hội được tuyển dụng vào vị trí mong muốn.

Để tăng tỷ lệ SV có việc làm và làm đúng chuyên ngành đào tạo, Học viện, Khoa chủ quản và các bộ phận chức năng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị để thảo luận phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các giải pháp được đề xuất và đưa vào thực hiện để giúp tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp như sau:

- Tổ chức các toạ đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho SV,
- Dẫn các đường link tuyển dụng sinh viên chuyên ngành Triết học Mác - Lênin về trang thông tin của khoa và sinh viên khoa
- Giới thiệu sinh viên các đơn vị, cơ sở tuyển dụng chuyên ngành Triết học trên tờ thông tin truyền thông của khoa để sinh viên tìm hiểu
- Tăng cường giới thiệu và dẫn sinh viên đến các cơ sở tuyển dụng chuyên ngành Triết học trong các đợt thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành, thực tập tốt nghiệp để sinh viên làm quen và bồi dưỡng các kỹ năng thực tế cần thiết.
- Ký các biên bản ghi nhớ/ ký kết hợp tác giữa Khoa và nhà tuyển dụng nhằm tăng cường cơ hội thực tập nghề nghiệp và giới thiệu việc làm
- Tăng cường cơ hội sinh viên toàn trường tham gia các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm nhằm tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên sau khi ra trường

- Đưa các thông tin tuyển dụng có liên quan đến ngành đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền lên các mục thông tin phù hợp (ví dụ như tuyển dụng) tại trang web của Học viện Báo chí và Tuyên truyền để sinh viên chuẩn bị ra trường và cựu sinh viên tiếp cận và tham gia tuyển dụng

[[H11.11.03.08]; [H11.11.03.09] [H11.11.03.10], [H11.11.03.11], [H11.11.03.12].

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa đào tạo luôn chú trọng đến kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên ngành Triết học rèn luyện kỹ năng thông qua nhiều hoạt động ngoại khoá, tiếp xúc với thông tin tuyển dụng và nhà tuyển dụng để định hướng bồi dưỡng thêm các năng lực, kỹ năng và kiến thức đáp ứng các nhu cầu tuyển dụng khác nhau, tăng cường cơ hội việc làm và thích ứng với môi trường làm việc ngay sau khi ra trường.

Tỷ lệ sinh viên ngành Triết học ra trường hài lòng với kiến thức, kỹ năng được đào tạo tương đối cao, tỉ lệ có việc làm sau 1 năm là cao, luôn ở mức trên 90% (trong tổng số sinh viên đã tốt nghiệp tốt nghiệp).

3. Điểm tồn tại

Do việc liên lạc với sinh viên đã ra trường còn gặp nhiều khó khăn (sinh viên thay đổi điện thoại, hòm thư liên lạc), do vậy thông tin thu nhận được còn chưa đầy đủ.

Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp của ngành với các CTĐT ngoài trường trong nước và quốc tế do không thu thập được thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo sẽ phối hợp chặt chẽ với Khoa Triết học cùng với mạng lưới cựu sinh viên, Phòng Công tác Chính trị và hỗ trợ sinh viên nhằm có được thông tin và số liệu đầy đủ hơn về người học ngành Triết học sau khi tốt nghiệp, trong đó đặc biệt thông tin về việc làm, khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng của sinh viên ra trường. Trên cơ sở thông tin đầy đủ, phản ánh chính xác hơn kết quả đầu ra của ngành Triết học, các bên liên quan sẽ phân tích cơ sở dữ liệu qua các năm, từ đó có được những giải pháp hiệu quả trong cải tiến chương trình dạy và học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm giúp sinh viên làm quen với phương pháp và tư duy khoa học, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nghiên cứu khoa học sinh viên cũng là cơ hội để sinh viên tập dượt và trải nghiệm vai trò, trách nhiệm đóng góp và vận dụng kiến thức mang tính lý luận, lý thuyết vào giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Học viện nói chung và khoa Triết học nói riêng đã rất quan tâm đầu tư, phát triển nghiên cứu khoa học trong sinh viên đa dạng về loại hình, chú trọng chất lượng nghiên cứu. Cụ thể, hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên cũng như của sinh viên HVBCCTT được xem là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển HVBCCTT và khoa Triết học [H11.11.04.01]. [H1.1.01.02]

Ngoài ra hoạt động NCKH của giảng viên, cán bộ và sinh viên HVBCCTT, bao gồm cả năng lực nghiên cứu và khen thưởng, kỷ luật ... được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học ban hành vào năm 2011 và "Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC và TT" ban hành năm 2017 [H11.11.04.03],[H11.11.04.04].

Hàng năm Ban Quản lý KH xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên và gửi thông báo về các khoa chủ quản và Hội đồng khoa học khoa. Sau khi nhận được kế hoạch, Khoa chủ quản thông báo đến cố vấn học tập để phổ biến đến cho sinh viên các lớp để nghiên cứu, tham khảo ý kiến với thầy cô trong khoa, cố vấn học tập và chuẩn bị nội dung để đăng ký tham gia. Sinh viên sẽ chủ động tìm kiếm chủ đề nghiên cứu, tư vấn với cố vấn học tập và các thầy cô giáo trong khoa về giảng viên hướng dẫn phù hợp. Các đề tài được sinh viên đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với giảng viên hướng dẫn, sau đó đề xuất lên khoa. Trên cơ sở đề xuất của sinh viên, Hội đồng Khoa học Khoa Triết học, Hội đồng khoa học Học viện xét duyệt và ra quyết

định danh mục đề tài NCKH cho phép thực hiện hàng năm [H11.11.04.05], [H11.11.04.07].

Trong giai đoạn 2015 – 2020, đã có 07 đề tài NCKH sinh viên khoa Triết học làm chủ nhiệm tham gia NCKHSV với 27 sinh viên tham gia. Ban QLKH kết hợp với khoa chủ quản thông qua thư ký khoa học và chủ tịch hội đồng khoa học khoa cùng hỗ trợ, thông tin, đôn đốc theo dõi, giám sát và tư vấn NCKH cho sinh viên kịp thời, hiệu quả trước, trong và sau khi thực hiện đề tài, xã hội hoá kết quả nghiên cứu [H11.11.04.05]. [H11.11.04.06]. [H11.11.04.07]. [H11.11.04.08].

Bảng 11.8: Bảng thống kê đề tài NCKH sinh viên ngành Triết học trong giai đoạn 2015 – 2020

S T T	Họ và tên sinh viên	Lớp	Chức vụ	Tên đề tài	Năm NCKH	GV hướng dẫn
1	Hoàng Thị Phương Hà	Triết K32	CNĐT	Chủ nghĩa thực dụng và ảnh hưởng của nó đến lối sống sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay	2015	TS. Trần Hải Minh
2	Trần Thị Nga	Triết K32	TV			
3	Nguyễn Đức Thành	Triết K32	TV			
4	Ngô Thị Thảo Mai	Triết K32	TV			
5	Tạ Thị Hải Yến	Triết K32	TV			
6	Nguyễn Quang Tiến	Triết K33	CNĐT	Phương pháp học tập Triết học Mác – Lênin theo hình thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2016	TS. Nguyễn Thị Như Huế
7	Vũ Thành Công	Triết K33	TV			
8	Vũ Văn Tiến	Triết K33	TV			
9	Lò Thương Thương	Triết K33	TV			

10	Trần Thị Thanh Thảo	Triết K33	TV			
11	Dương Thị Thiềm	Triết K34	CNĐT	Giáo dục ý thức trách nhiệm xã hội thông qua hoạt động ngoại khóa cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2017	TS. Nguyễn Đức Luận
12	Vũ Huy Tuấn	Triết K34	TV			
13	Nguyễn Văn Đô	Triết K34	TV			
14	Lý Thị Niêm	Triết K34	TV			
15	Đỗ Thị Đoan Trang	Triết K34	TV			
16	Vũ Thị Thoán	Triết K35	CNĐT	Giáo dục đạo đức nghề báo cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2018	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung
17	Phạm Thị Kim Thiện	Triết K35	TV			
18	Xín Thị Phương	Triết K35	TV			
19	Lường Kim Duyên	Triết K35	TV			
20	Vũ Thị Hương	Triết K35	TV			
21	Nguyễn Trung Anh	Triết K36	CNĐT	Một số yếu tố tác động đến kết quả học tập môn Triết học Mác - Lênin của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2019	TS. Nguyễn Thị Như Huệ
22	Nguyễn Thị Lan Hương	Triết K37	CNĐT	Ý thức tự học của sinh viên khoa Triết học Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay: Thực trạng và giải pháp	2019	PGS, TS. Trần Hải Minh
23	Đoàn Thị Phương Thảo	Triết K37	TV			

24	Đặng Thị Thùy	Triết K38	CNĐT	Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2020	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung
25	Lê Thị Thanh Vân	Triết K38	TV			
26	Võ Hoài Nam	Triết K38	TV			
27	Nguyễn Diệu Anh	Triết K38	TV			

Từ bảng trên một số các thông kê chỉ số nghiên cứu khoa học được rút ra đối sánh với ngành Triết học (HVBCCT) như sau:

Bảng 11.9: Đối sánh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 - 2020 đối sánh giữa ngành Triết học và Xã hội học

STT	Các chỉ số	Triết học	Xã hội học	Ghi chú
1	Số lượng sinh viên tham gia	102 sinh viên	52 sinh viên	
2	Số đề tài nghiên cứu	7 đề tài	7 đề tài	
3	Số Hội thảo tham dự	02	Chưa có số liệu	

Các nhóm sinh viên NCKH của ngành Triết học luôn hoàn thành đúng tiến độ, bảo vệ đúng thời hạn, đặc biệt được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về phương pháp nghiên cứu tin cậy và khả năng áp dụng các giải pháp vào thực tiễn cũng như làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, học tập, giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành các khoá sau. Để khuyến khích và cổ vũ tinh thần NCKH của sinh viên, Học viện cũng đã kịp thời có quyết định khen thưởng thành tích của nhóm sinh viên đoạt giải nhằm khích lệ tinh thần và lan toả tình yêu khoa học trong sinh viên. Cụ thể. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Vũ Thị Thoán lớp Triết K35 (năm học 2018 – 2019) đạt loại xuất sắc và được Ban Giám đốc Học viện khen thưởng. **[H11.11.04.10]**.

Từ năm 2015- 2020, Học viện đã đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa trong sinh viên rất lớn cho 07 đề tài và 02 hội thảo khoa học cho sinh viên ngành Triết học với số tiền 61.800.000 đ.

**Bảng 11.10. Thống kê kinh phí chi trả cho hoạt động NCKH của sinh viên
khoa Triết học giai đoạn 2015 - 2020**

Đơn vị: đồng

STT	Chủ nhiệm đề tài	Lớp	Tên đề tài/ Hội thảo	Năm NCKH	GV hướng dẫn	Kinh phí
I	Đề tài NCKH sinh viên					
1	Hoàng Thị Phương Hà	Triết K32	Chủ nghĩa thực dụng và ảnh hưởng của nó đến lối sống sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay	2015	TS. Trần Hải Minh	4.650.000
2	Nguyễn Quang Tiến	Triết K33	Phương pháp học tập Triết học Mác – Lênin theo hình thức đào tạo tín chỉ của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2016	TS. Nguyễn Thị Như Huế	4.650.000
3	Dương Thị Thiềm	Triết K34	Giáo dục ý thức trách nhiệm xã hội thông qua hoạt động ngoại khóa cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2017	TS. Nguyễn Đức Luận	4.650.000
4	Vũ Thị Thoán	Triết K35	Giáo dục đạo đức nghề báo cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2018	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung	5.700.000
5	Nguyễn Trung Anh	Triết K36	Một số yếu tố tác động đến kết quả học tập môn Triết học Mác - Lênin của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2019	TS. Nguyễn Thị Như Huế	2.600.000

6	Nguyễn Thị Lan Hương	Triết K37	Ý thức tự học của sinh viên khoa Triết học Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay: Thực trạng và giải pháp	2019	PGS, TS. Trần Hải Minh	2.600.000
7	Đặng Thị Thùy	Triết K38	Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay	2020	ThS. Vũ Thị Hồng Nhung	5.000.000
II Hội thảo khoa học sinh viên						
1	Khoa Triết học, khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa Kinh tế chính trị		Chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay	2018		15.000.000
2	Khoa Triết học		Sinh viên với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	2020		10.000.000
Tổng						61.800.000

Để nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu người học, hàng năm Học viện có tổ chức hội nghị khoa học sinh viên với sự tham gia của các bên liên quan, phòng chức năng, lãnh đạo Học viện và đặc biệt là đại diện các nhóm sinh viên đã và sẽ tham gia nghiên cứu khoa học. Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ sinh viên và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo ban QLKH và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo sinh viên tham gia NCKH [H11.11.04.11]. Bên cạnh việc tăng cường đối thoại với sinh viên nhằm tìm kiếm giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng NCKH sinh viên, từ năm 2019, kinh phí Học viện đầu tư cho NCKH sinh viên đã tăng đáng kể và tăng gấp 4 - 5 lần so với các năm trước đó (2015 đến 2018) [H11.11.04.12].

2. Điểm mạnh

Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH sinh viên được ban hành đầy đủ, rõ ràng.

Sinh viên ngành Triết học yêu thích và hứng thú với tham gia NCKH, năm nào cũng có ít nhất 1 nhóm sinh viên đăng ký tham gia NCKH với các chủ đề nghiên cứu đa dạng, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, được hội đồng nghiệm thu đánh giá tích cực.

Học viện luôn đối thoại và lắng nghe ý kiến của sinh viên, giảng viên và các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí dành cho đề tài NCKH sinh viên mặc dù đã được cải thiện và liên tục tăng trong những năm gần đây, tuy nhiên thực chất vẫn còn hạn chế.

Sinh viên ngành Triết học vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, khoa Triết học sẽ tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến sinh viên về hoạt động NCKH thông qua cố vấn học tập để sinh viên có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu.

Từ năm 2021, khoa sẽ lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến sinh viên về thành lập CLB nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên về NCKH. Bên cạnh đó Câu lạc bộ NCKH sinh viên cũng sẽ định hướng và hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực NCKH sinh viên bên ngoài trường nhằm tăng cơ hội nhiều sinh viên cùng được tham gia NCKH

Khoa chủ quản kết hợp với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo chủ động liên kết và chia sẻ thông tin với các trường khác cùng đào tạo ngành Triết học để có thêm các thông tin đối sánh về NCKH sinh viên, từ đó có những biện pháp thúc đẩy NCKH trong sinh viên đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5.5/7 điểm.

Tiêu chí 11.5

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải

tiến chất lượng

Năm 2012 Học viện thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (năm 2018, đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và KĐCLĐT trong đó Trung tâm được Học viện giao chức năng về khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan) làm đơn vị đầu mối quản lý các hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện [H11.11.05.01] [H11.11.05.02] [H11.11.05.03]

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H11.11.05.04]. Từ năm 2018, công tác ĐBCL của Học viện đã được triển khai một cách đồng bộ, hệ thống: Học viện đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục, [H11.11.05.06] trong đó xác định rõ hệ thống ĐBCL của Học viện, các nội dung ĐBCL và trách nhiệm các bên liên quan. Các văn bản này quy định rõ mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, cán bộ nhân viên, nhà tuyển dụng lao động được xác định, đối sánh và làm căn cứ cải tiến chất lượng. Các hình thức thu thập thông tin, đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan đa dạng, bao gồm việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi, tổ chức các cuộc đối thoại với người học, tọa đàm với nhà tuyển dụng, hội nghị cán bộ công nhân viên chức.

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, bao gồm; [H11.11.05.07]

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần
2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo.
3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách
4. Khảo sát cựu sinh viên
5. Khảo sát nhà tuyển dụng

[H11.11.05.08]; [H11.11.05.09]; [H11.11.05.10]; [H11.11.05.11]; [H11.11.05.12].

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau [H11.11.05.05]: Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo

sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi Trung tâm KT-KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang Trung tâm KT-KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được Trung tâm KT-KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm. Trên cơ sở đó, Trung tâm KT-KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

Dưới đây là một số số liệu trích dẫn từ các cuộc khảo sát:

Về mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo, kết quả khảo sát đối với sinh viên cuối khoá tổng hợp từ năm 2017 đến năm 2020 ở bảng dưới đây. Năm 2016 Học viện đã tiến hành khảo sát này, tuy nhiên do năm đầu tiên chưa có kinh nghiệm và chưa phối hợp chặt chẽ được các bên nên số lượng sinh viên tham gia khảo sát là rất thấp (dưới 10 sinh viên), do vậy kết quả chỉ có giá trị tham khảo và không tổng hợp ở bảng dưới đây.

Điểm số đánh giá về mức độ hài lòng chạy từ 1 đến 5 (tương ứng 1 là rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Trung bình; 4. Hài lòng; 5 rất hài lòng). Kết quả dưới đây được tổng hợp tỉ lệ người học trả lời hài lòng và rất hài lòng (mức 4 và 5) cũng như điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của người học đối với từng tiêu chí.

Bảng 11.10: Thống kê mức hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo (Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá K33-K36 về chất lượng đào tạo (2017-2020))

NỘI DUNG	2017		2018		2019		2020	
	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỷ lệ	Mức TB
1. Kết quả đầu ra	52	3.5	61.2	3.8	80.8	4.0	83.8	4.1
2. Chương trình đào tạo	52	3.4	72.4	3.9	86.9	4.2	85.3	4.2
3. Phương pháp dạy học	54	3.6	82.7	4.1	86.4	4.2	89.7	4.3
4. Kiểm tra đánh giá	47	3.3	64.3	3.8	87.7	4.3	92.0	4.2
5. Cơ sở vật chất	73	4.1	77.7	4.2	81.8	4.1	90.3	4.4
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	54	3.6	86.7	3.9	85.2	4.1	87.6	4.3
7. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo	60	3.6	72.7	3.9	77.3	4.0	84.8	4.3
Đánh giá chung về CTĐT	40	3.3	70.6	3.8	90.9	4.2	100.0	4.4

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 2018 đến 2020 đánh giá của sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo các mặt đều ở mức tích cực và có xu hướng được cải thiện qua các năm, trong đó cải thiện rõ rệt nhất là mức độ hài lòng của sinh viên với chương trình đào tạo, hình thức kiểm tra đánh giá và hoạt động hỗ trợ đào tạo cũng như đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Bảng 11.11: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp năm 2020 (số lượng NTD: 15)

NỘI DUNG	2020	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức TB/ tổng 5 điểm
Kiến thức chuyên ngành	100%	4.2
Kỹ năng chuyên ngành	100%	4.13
Kiến thức nền tảng	100%	4.2
Kỹ năng chung	93%	4.83
Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	90%	4.08
Mức độ hài lòng tổng thể với chất lượng sinh viên tốt nghiệp	100%	4.13

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng cho thấy nhà tuyển dụng có mức độ hài lòng rất cao đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của lao động được tuyển dụng là cựu sinh viên ngành Triết học thuộc HVBCCT, với tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 90%.

Ngoài kênh thông tin khảo sát, Học viện cũng sử dụng các hình thức khác để thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan:

Hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với sinh viên toàn trường [H11.11.05.14]. Hàng tháng họp phản ánh sinh viên với đại diện các lớp, cố vấn học tập các lớp và lãnh đạo khoa lắng nghe các vấn đề nảy sinh liên quan đến chất lượng CTĐT và đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.15]. Đó là các kênh để Học viện thường xuyên cập nhật phản hồi về chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất từ sinh viên. Cán bộ, giảng viên, nhân viên cũng được bày tỏ ý kiến về cơ sở vật chất, chế độ chính sách thông qua các cuộc họp hàng tháng ở khoa và hội nghị công nhân viên chức cuối năm [H11.11.05.16] H11.11.05.17]

Các kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá, giảng viên, nhân viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng được chuyển về khoa, phòng ban làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Khoa sử dụng kết quả khảo sát phục vụ rà soát, cập nhật CTĐT [H11.11.05.18]

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã thực hiện cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các bên liên quan [H11.11.05.19].

Có thể nói các ý kiến phản hồi phản ánh sự hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa thiết thực trong việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành Triết học. Đối với những nội dung chưa giải quyết được ngay, Học viện, Khoa cũng có những ghi nhận và phản hồi kịp thời với các định hướng, giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đa dạng đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

Nhờ đó, Học viện và Khoa đã có những chính sách nhằm cải tiến chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn chưa cao, có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Trung tâm KT-KĐCLĐT cần sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Lên kế hoạch thực hiện đối sánh các kết quả khảo sát giữa các ngành trong trường và giữa cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo, từ đó có cái nhìn khách quan hơn về những ưu điểm và hạn chế của ngành đào tạo, từ đó có biện pháp khắc phục hiệu quả, triệt để.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, hoạt động khảo sát phản hồi các bên liên quan chỉ được thực hiện định kì, do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn yếu, phần lớn có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5,1/7,0

PHẦN III: KẾT LUẬN

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà mỗi trường đại học đều phải chú trọng đúng mức, bởi lẽ tự đánh giá giúp cho các khoa đào tạo nói riêng và học viện nói chung có cái nhìn toàn diện và khách quan về ngành đào tạo. Trên cơ sở đó, học viên và khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đạt yêu cầu đối với mục tiêu đào tạo phù hợp với chiến lược của Học viện. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành tự đánh giá chương trình với sự tham gia của tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên của phòng, ban, khoa trong Học viện nói chung và Khoa Triết học nói riêng. Cùng với các khoa khác trong Học viện, Khoa Triết học - Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Khoa Triết học giai đoạn 2015-2020 với sự chỉ đạo, hỗ trợ và đồng thuận của Đảng uỷ, Ban Giám đốc, các phòng ban chức năng, các giảng viên và sinh viên cũng như các bên liên quan theo đúng quy định về tự đánh giá chương trình.

Khoa Triết học đã xây dựng, định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo Triết học của khoa: Đào tạo cử nhân triết học có năng lực giảng dạy và nghiên cứu triết học, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; hiểu được các nội dung lý luận về quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng học tập suốt đời.

Trong quá trình tự đánh giá CTĐT, Khoa Triết học nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu và lên kế hoạch hành động như sau:

Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thể hiện trong các văn bản của khoa, của

Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, được phổ biến công khai tới các bên liên quan.

CĐR của CTĐT được thiết kế đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR được xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh 2 năm 1 lần có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, SV và bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau như trên trang web của trường, trang fanpage của Khoa.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, nhằm đạt được CĐR của CTĐT, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các hoạt động dạy và học có tính định hướng cao phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố. Khoa luôn động viên sinh viên tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học

Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT như: Thông tin chung về chương trình đào tạo; Tóm tắt mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc chương trình dạy học; Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo. Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Chương trình dạy học của Khoa Triết học được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra. CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, của CĐR và đảm bảo tính linh hoạt.

Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các bên liên quan. CTDH đảm bảo được tính liên thông từ cử nhân lên thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông với các ngành khác thuộc khối lý luận chính trị.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Triết học được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Triết học luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các giảng viên. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Đội ngũ GV ngành Triết học đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa triết học luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên ngành Triết học tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động NCKH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ GV ngành Triết học đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Triết học đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Triết học tạo

điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Triết học hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về lý luận chính trị. Thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện, Khoa Triết học đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Triết học để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành Triết học luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Điểm tồn tại

Số lượng các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT và rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT chưa nhiều. Việc tuyên bố mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn; Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện. Một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ.

Bản mô tả CTĐT dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên Website chưa dễ dàng. Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên ngành Triết học chưa nhiều.

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý. Tỷ lệ phương pháp dạy học thực hành của một số học phần tại các cơ sở chưa cao. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ

biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học. Vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. (ii) Về đội ngũ GV ngành Triết học, tỉ lệ GV có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành Triết học chưa nhiều.

Đội ngũ cố vấn học tập của ngành Triết học đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích ngành Triết học thi tuyển. Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa; ...

Về cơ sở vật chất, một số giảng đường khu nhà B1 còn thiếu bố trí hệ thống chống ồn.

Thư viện còn thiếu các nguồn tin điện tử (các cơ sở dữ liệu); việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa Triết học làm việc đã được sử dụng

nhều năm, cấu hình không cao.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Còn có một số SV chưa mua bảo hiểm y tế.

Về công tác đảm bảo chất lượng, số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành Triết học còn hạn chế

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

Còn ít các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ).

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa Triết học vẫn còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành Triết học của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành Triết học tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm).

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn chưa cao, có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi:

Khoa Triết học tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT; phối hợp với phòng công tác CT và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền

thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT.

Khoa Triết học phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, súc tích; đề xuất điều chỉnh điểm trọng số chuyên cần tăng từ 10% lên 20%; đề xuất sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn; bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

Khoa Triết học phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Triết học.

Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp. Cố vấn học tập của khoa tăng cường phổ biến và nhắc nhở sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại KQHT cho sinh viên.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Học viện và Khoa tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ

ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và ngành Triết học nói riêng. Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi. Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống wifi.

Phòng Quản trị có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

Trung tâm Thông tin – Khoa học nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Triết học: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Khoa Triết học có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa cố vấn, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn.

Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đến trên 95% các GV trong Học viện tham gia hoạt động đào tạo ngành Triết học.

Học viện, Khoa Triết học cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa Triết học lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Triết học đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Triết học và phát triển sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Trung tâm KT-KĐCLĐT sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Như vậy trong quá trình tự đánh giá CTĐT, bên cạnh những điểm mạnh thì CTĐT của Khoa Triết học còn tồn tại những điểm yếu. Học viện và Khoa Triết học sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch hành động đã được trình bày trong báo cáo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo Khoa Triết học, xứng đáng với uy tín và vị thế là khoa đầu ngành trong lĩnh vực lý luận chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền - một trường đại học trọng điểm quốc gia.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016**

**Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên CTĐT: Triết học
Mã CTĐT: 7229001**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5.28	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5.5					
Tiêu chí 6.5					5.5					
Tiêu chí 6.6						6				
Tiêu chí 6.7					5					

Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1				5		5.1	5	100
Tiêu chí 7.2				5				
Tiêu chí 7.3				5.5				
Tiêu chí 7.4				5				
Tiêu chí 7.5				5				
Tiêu chuẩn 8								
Tiêu chí 8.1				6		6	5	100
Tiêu chí 8.2				6				
Tiêu chí 8.3				6				
Tiêu chí 8.4				6				
Tiêu chí 8.5				6				
Tiêu chuẩn 9								
Tiêu chí 9.1				6		5.8	5	100
Tiêu chí 9.2				6				
Tiêu chí 9.3				5				
Tiêu chí 9.4				6				
Tiêu chí 9.5				6				
Tiêu chuẩn 10								
Tiêu chí 10.1				5		5.33	6	100
Tiêu chí 10.2				5				
Tiêu chí 10.3				5				
Tiêu chí 10.4				6				
Tiêu chí 10.5				5.5				
Tiêu chí 10.6				5.5				
Tiêu chuẩn 11								
Tiêu chí 11.1				5		5.1	5	100
Tiêu chí 11.2				5				
Tiêu chí 11.3				5				
Tiêu chí 11.4				5.5				
Tiêu chí 11.5				5				
Đánh giá chung CTĐT						5,2	43	100,00



Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2020

Q. GIÁM ĐỐC
 HỌC VIỆN
 BÁO CHÍ
 VÀ TUYÊN TRUYỀN
 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
 HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC ĐẢM HÀ NỘI

Đinh Văn An

PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO

(Tính đến ngày 31/12/2020)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
 - Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: HV BC&TT
 - Tiếng Anh: AJC
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Tuyên huấn Trung ương, Trường Tuyên giáo trung ương, Đại học Tuyên giáo, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
5. Địa chỉ: 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 024-37.456.963 Số fax: 024-37.548.949
7. E-mail: Website: Ajc.hcma.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1962
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1969
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1973
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thực
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Triết học
 - Tiếng Anh: Faculty of Philosophy
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KTH
 - Tiếng Anh: FOP
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin
 - Tiếng Anh: Marxist-Leninist Philosophy
 - Mã CTĐT: 7229001
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

18. Số điện thoại liên hệ: 024-37.456.963 (máy lẻ: 504)
Số fax: 024-37.548.949
19. E-mail:khoatriethoc@ajc.edu.vn Website:ajc.hcma.vn
20. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1962
21. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT):1975
22. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1979

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Triết học được thành lập ngày 16 -1- 1962 cùng với sự thành lập Trường Tuyên Huấn TW theo Quyết định 36 NQ - TW, trên cơ sở sát nhập 3 khoa: Khoa Triết học - Trường Nguyễn Ái Quốc II; Khoa Triết học -Trường Tuyên giáo TW; Khoa Triết học - Trường Đại học Nhân dân.

Theo quyết định 15 QĐ/TW ngày 2 - 1 - 1983, Trường Tuyên Huấn TW I được thành lập trên cơ sở hợp nhất 2 trường: Trường Tuyên Huấn TW và trường Nguyễn Ái Quốc V (Trường Nguyễn Ái Quốc V trước đó được thành lập từ Khoa Triết học - Trường Chính trị Bộ Giáo dục, và Khoa Triết học - Trường Chính trị Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp).

Từ năm đó đến nay, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các thầy giáo Phạm Nam Minh, Trần Đình Bình, Nguyễn Bằng Tường, Lương Thành Nhân, Tô Huy Rứa, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Đình Tân, Nguyễn Đình Trình, Trương Ngọc Nam, Nguyễn Đình Cấp, Bùi Thị Thanh Hương và hiện nay là PGS.TS Nguyễn Minh Hoàn, khoa Triết học đã có những bước trưởng thành vững mạnh.

Vào giai đoạn 1962 – 1969, khoa Triết học cùng nhà trường chủ yếu làm nhiệm vụ bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, huấn học. Khoa đã mở các lớp chuyên Triết ngắn hạn 6 tháng và 9 tháng; bồi dưỡng, đào tạo hàng chục ngàn học viên làm công tác tư tưởng. Nhiều đồng chí học viên đã trực tiếp vào Nam chiến đấu, công tác đóng góp xương máu cho sự nghiệp giải phóng Miền Nam. Sau đó, khoa Triết học cùng nhà trường mở nhiều lớp huấn học đào tạo chuyên sâu về triết học phục vụ đối tượng là bộ đội, thanh niên xung phong từ chiến trường trở về.

Sau chiến thắng vĩ đại của dân tộc năm 1975, khoa Triết học đã đào tạo các lớp chuyên triết dài hạn và các lớp đại học thứ 2 về Triết học. Cùng với đó, khoa Triết còn góp phần đào tạo giảng viên lý luận các chuyên ngành khác, các phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản và đội ngũ cán bộ tuyên truyền khác.

Khoa Triết học cho đến nay đã đào tạo chuyên ngành hơn 3000 sinh viên hệ cử nhân. Khoa đã tham gia đào tạo hàng chục nghìn sinh viên các chuyên ngành khác và hàng nghìn học viên cao học không chuyên Triết của Học viện.

Đặc biệt, từ năm 1992 - 1994, khoa Triết học đã đào tạo 1 khóa cao học Triết học với 18 học viên.

Từ năm 2009 đến 2020, Khoa Triết học đã đào tạo 12 khoá Cao học với gần 200 học viên.

Hiện nay, Khoa Triết học đang đào tạo cử nhân chuyên ngành Triết học, cao học và tiến sỹ chuyên ngành Triết học.

Khoa Triết học hiện nay đã có đội ngũ cán bộ giảng viên được đào tạo cơ bản, hệ thống, có trình độ chuyên môn và kỹ năng giảng dạy tốt. Khoa có 09 cán bộ, giảng viên, trong đó có 05 đồng chí là phó giáo sư, 06 đồng chí có học vị tiến sỹ, 03 đồng chí có học vị thạc sỹ.

(*) Thành tích nổi bật

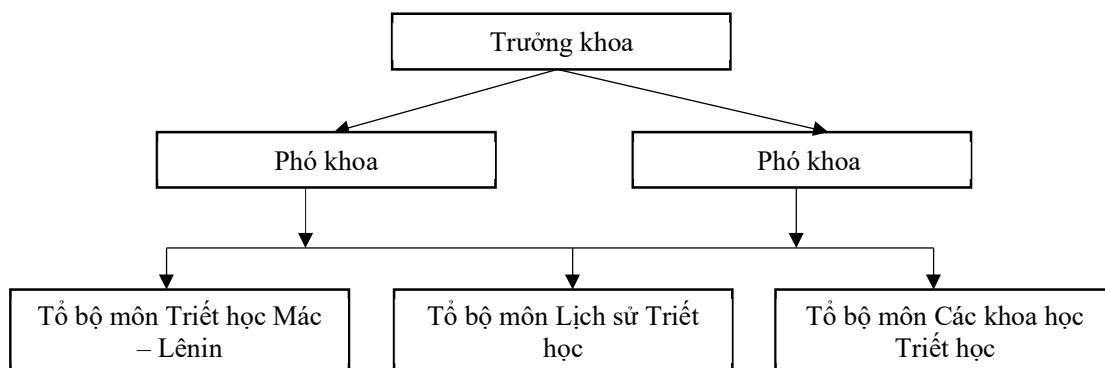
Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2012-2013	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 2775/QĐ-HVCTQG HCM ngày 29/7/2013
2013-2014	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 3165/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2014
2014 – 2015	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 2721/QĐ-HVCTQG HCM ngày 21/7/2015
2015 – 2016	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 3144/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2016
2017	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 197/QĐ-HVCTQG HCM ngày 9/1/2018
2018	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 93/QĐ-HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 6911/QĐ-HVCTQG ngày 30/12/2019

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2014	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc trong việc đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2013	Quyết định số 511/QĐ-HVCTQGHCM ngày 14/2/2014
2015	Huân chương lao động Hạng Nhì	Quyết định số 1360/QĐ-CTN ngày 10/7/2015
2016	Bằng khen của Giám đốc Học viện về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tiếp	Quyết định số 1397/QĐ-HVCTQGHCM ngày 17/4/2016
2017	Danh hiệu chi bộ tiêu biểu 5 năm	Quyết định số 686/QĐ-ĐUK ngày 17/3/2017
2018	Bằng khen của Giám đốc Học viện về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tiếp	Quyết định số 2167/QĐ-HVBCTT ngày 25/4/2019
2020	Bằng khen của Thủ tướng chính phủ	Quyết định số 2011/QĐ – TTG NGÀY 8/12/2020 Về tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Quyền Giám đốc	Lưu Văn An		PGS, TS; Quyền Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy	0904.186.034	
2	Phó Giám đốc	Phạm Minh Sơn		PGS, TS; Phó Giám đốc; Bí thư Đảng ủy	0912.778.171	
3	Phó Giám đốc	Nguyễn Thị Trường Giang		PGS, TS; Phó Giám đốc;	0904.997.876 0969.111.199	
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng khoa	Nguyễn Minh Hoàn	1969	PGS, TS; Trưởn	0913.828.018	Hoan_cbxh@yahoo.com.vn

				g khoa, Bí thư chi bộ		
2.	Phó Trưởng khoa	Trần Hải Minh	1981	PGS, TS; Phó Trưởn g khoa; Phó bí thư chi bộ	094.571.8288	Haiminh81uk@gmail.com
3	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Thị Như Huế	1979	TS; Phó Trưởn g khoa; Chủ tịch công đoàn	0901732668	Nhuhue1310@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chủ tịch công đoàn	Nguyễn Thị Như Huế	1979	TS; Phó Trưởn g khoa; Chủ tịch công đoàn	0901732668	Nhuhue1310@gmail.com
2	Bí thư Liên chi đoàn	Nguyễn Hoài Phương	1999	Sinh viên lớp	0918.961.999	phanhbe.99@gmail.com

		Anh		Triết K37		
III	Các phòng, ban					
1.						
...						
IV	Các bộ môn					
1.	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Minh Hoàn				
2.	Lịch sử triết học	Trần Hải Minh				
3.	Các khoa học triết học	Nguyễn Thị Như Huế				

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

26. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

		Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Không chính quy		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Liên kết đào tạo trong nước		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

27. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

28. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	4	5	9
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	4	5	9

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

29. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	5	3	0	2	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	1	0	0	1	0	0
5	Thạc sĩ	2	2	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	8	5	0	3	1	0

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 09 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $8/9 = 88,88\%$

30. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	5	3	0	2	1	0	11,4
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	1	0	0	1	0	0	0,6
5	Thạc sĩ	1	2	2	0	0	0	0	2
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		8	8	0	0	1	0	12

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

31. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	5	62,5	4	1	0	1	0	1	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	1	12,5	0	1	0	0	1	0	0
5	Thạc sĩ	2	25	0	2	0	1	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng						02	02	01	03

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43,3 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $6/8 = 75\%$

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $2/8 = 25\%$

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	-	-
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	8
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	8	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	8	8

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

33. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học

trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm	Số lượng thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2015	122	59	1:2,44	43	18; 17,5; 18	19.88
2016	105	83	1:2,10	37	18; 17,5; 18	19.7
2017	115	43	1:2,88	31	20	21.54
2018	120	50	1:3	36	16	18.33
2019	106	58	1:2,65	48	18	19.2
2020	113	74	1:2,83	56	19,65	21.87

34. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các chỉ tiêu	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh	10	6	1	4	3
2. Học viên cao học	14	12	3	13	9
3. Sinh viên đại học	265				
Trong đó:					
Hệ chính quy	160	149	135	118	130
- Ngành Triết học					
- Hệ vừa học, vừa làm	105	0	0	0	0
Tổng số SV ĐH CQ	160	149	135	118	130

35. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 0

Đơn vị: người

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
Số lượng (người)					

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

36. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:
 Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/ tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m2)	4.925.5 m2	4.925.5 m2	4.925.5 m2	4.925.5 m2	4.925.5 m2
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	898 SV	870 SV	895 SV	871 SV	828 SV
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/ người)	3,34 m2 / 1 SV	3,34 m2 / 1 SV	3,34 m2 / 1 SV	3,34 m2 / 1 SV	3,34 m2 / 1 SV

37. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	5	5	18	8	66
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

38. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
Học viên tốt nghiệp cao học					
Sinh viên tốt nghiệp đại học					
ong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
ong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
ong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

39. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	44	39	36	23	21
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	84.6%	82.97%	70.6%	53.49%	56.76%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng	57%	61%	60.5%	64%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	43%	39%	35.5%	36%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyên xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	73,2%	87,5%	95,1%	90%	
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	33%	31%	32%	35%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	67%	69%	68%	65%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyên xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).		61%		73%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp		39%		27%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

40. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	1	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	4	4	5	5	11
4	Tổng		4	4	5	5	6	14

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 14

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $14/8 = 1,75$

41. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

42. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	4		
Từ 4 đến 6 đề tài		1		
Trên 6 đề tài			8	
Tổng số cán bộ tham gia	4	5	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

43. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015 - 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	1	14	7	2	50
2	Sách giáo trình	1,5				1	0	3

3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng							53

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 53

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $53/8 = 6,625$

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	9		
Từ 4 đến 6 cuốn sách	3			
Trên 6 cuốn sách	1			
Tổng số cán bộ tham gia	6	9		

45. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	4	6
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	11	7	7	12	6	43
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		11	7	7	12	12	49

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh

giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 49

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $49/8 = 6,125$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia			

47. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	0	4	8	7	21
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	4	17	4	18	23.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	8	8	8	10	8	10.5
4	Tổng		6	4	14,5	12,5	18	55

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $55/8 = 6,875$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5

năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	6	2
Từ 6 đến 10 báo cáo	4	2	6
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	7	8	8

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

49. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Do đặc thù nên khoa không có số liệu này

50. Nghiên cứu khoa học của người học

51.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	3	28	
Từ 4 đến 6 đề tài		-	-	
Trên 6 đề tài		-	-	
Tổng số người học tham gia		3	28	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

51.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	-	-	4	-	15
2	Số bài báo được đăng,	-	-	4	-	15

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
	công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

51. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 56,310m²
52. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):
53. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: **103 m²** Nơi học: 12.559,19 m² Nơi vui chơi giải trí: 3000 m²
54. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 - Tổng diện tích phòng học: 11,957,9 m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11,957,9 \text{ m}^2 / 7557 = 1,58 \text{ m}^2$
55. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 3608
56. Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): khoảng 150 c
57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 210 máy
 - Dùng cho người học học tập: 400 máy.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $400 / 7557 = 0,05$

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 8 gv

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $8/9 = 88.88\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $6/9 = 66.66\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $3/9 = 33.33\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 130

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $130/19 = 6,84\%$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): $163/230 = 70,869\%$

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 64%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 36%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 35%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 65%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 73%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 27%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $14/8 = 1,75$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $53/8 = 6,625$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $49/8 = 6,125$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $55/8 = 6,875$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 3,34 m²/sv

CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 5063/QĐ-HVBCTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trưởng khoa Triết học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học. Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT


PHÓ GIÁM ĐỐC
Lưu Văn An
Lưu Văn An

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRIẾT HỌC
 (Kèm theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHCT, ngày 16 tháng 10 năm 2019
 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lưu Văn An	Phó Giám đốc phụ trách	Chủ tịch
2	Ông Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Phó Chủ tịch thường trực
4	Ông Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên thường trực
6	Ông Mai Đức Ngọc	Phó Giám đốc	Thành viên
7	Ngô Đình Xây	Giảng viên cao cấp khoa Triết học	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
9	Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
10	Ông Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
12	Bà Nguyễn Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên
13	Bà Hoàng Thị Tú Anh	Phó Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
14	Bà Nguyễn Thị Tú	Phó Chánh văn phòng	Thành viên

		Học viện	
15	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
16	Ông Phạm Tuyên	Phó Trường phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
17	Ông Phạm Bình Dương	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
18	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
19	Bà Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên cao cấp Khoa triết học	Thành viên
20	Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa triết học	Thành viên
21	Ông Võ Duy Hải	Sinh viên chuyên ngành Triết học K 37	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 506/QĐ- HVBCTT ngày 14 tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Trưởng Ban
2	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng Ban
3	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
5	Ngô Đình Xây	GVCC khoa Triết học	Thành viên
6	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thành viên
7	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên khoa Triết học	Thành viên
8	Trần Thị Giang	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên
9	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên giáo vụ Khoa Triết học	Thành viên
10	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
11	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
12	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
13	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên

14	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
15	Bùi Thị Phương	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
16	Đỗ Xuân Quang	Kế toán, Ban Kế hoạch tài chính	Thành viên
17	Nguyễn Thị Như Huế	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
 (Kèm theo Quyết định số 563/QĐ-TH/ST... ngày 16 tháng 10 năm 2019
 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2, 3)	Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Trần Thị Giang	Giảng viên khoa Triết học	Thư ký
	Ngô Đình Xây	Giảng viên cao cấp khoa Triết học	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Nguyễn Thị Như Huệ	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 8)	Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên Khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Ban QLĐT	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên Giáo vụ khoa Triết học	Thư ký
	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành	Thành viên

		chính	
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên Khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên Giáo vụ khoa Triết học	Thư ký
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
	Đồng Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Trần Thị Giang	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 7 (Báo cáo tổng hợp Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KDCL chương trình đào tạo)	Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
	Đỗ Thu Hà	Chuyên viên giáo vụ Khoa Triết học	Thành viên

(Danh sách gồm cóngười).

*

Số: 6016/QĐ-HVBCTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5063/QĐ-HVBCTT v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trưởng khoa Triết học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học. Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Triết học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục

đại học của Bộ Giáo và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KDCLĐT



Q. GIÁM ĐỐC

Lưu Văn An

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRIẾT HỌC
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ngày... tháng... năm.....
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Phó Chủ tịch
4	PGS.TS. Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thư ký
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Như Huệ	Phó Trưởng khoa Triết học	Thành viên
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
9	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
10	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
11	PGS. TS. Hà Huy Phượng	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
12	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
13	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên

14	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
15	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên
16	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
17	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
18	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
19	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
20	PGS.TS. Ngô Đình Xây	Giảng viên cao cấp khoa Triết học	Thành viên
21	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên cao cấp Khoa Triết học	Thành viên
22	Ths. Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên
23	Võ Duy Hải	Sinh viên chuyên ngành Triết học K 37	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ- HVBCCTT ngày... tháng... năm
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Hải Minh	P.Trưởng khoa Triết học	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng Ban
3	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
5	Ngô Đình Xây	GVCC khoa Triết học	Thành viên
7	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên khoa Triết học	Thành viên
8	Trần Thị Giang	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên
9	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên giáo vụ Khoa Triết học	Thành viên
10	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
11	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
12	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
13	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
14	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
15	Bùi Thị Phượng	Chuyên viên Phòng Hành	Thành viên

AN VIÊN
VIÊN
CHÍ
TRUYỀN
ĐỐC BAN

		chính	
16	Đỗ Xuân Quang	Kế toán, Ban Kế hoạch tài chính	Thành viên
17	Nguyễn Thị Như Huệ	Giảng viên Khoa Triết học	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ngày..... tháng... năm2020
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2, 3)	Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Trần Thị Giang	Giảng viên khoa Triết học	Thư ký
	Ngô Đình Xây	Giảng viên cao cấp khoa Triết học	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Nguyễn Thị Như Huệ	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Thị Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 8)	Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên Khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Ban QLĐT	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên Giáo vụ khoa Triết học	Thư ký
	Đồng Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành	Thành viên



[Handwritten signature]

		chính	
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Bùi Thị Thanh Hương	Giảng viên Khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thu Hà	Chuyên viên Giáo vụ khoa Triết học	Thư ký
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Trần Thị Giang	Giảng viên Khoa Triết học	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 7 (Báo cáo tổng hợp Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KDCL chương trình đào tạo)	Nguyễn Minh Hoàn	Trưởng khoa Triết học	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Trần Hải Minh	Phó Trưởng khoa Triết học	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
	Đỗ Thu Hà	Chuyên viên giáo vụ Khoa Triết học	Thành viên

(Danh sách gồm cóngười).

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2019

Số 5065 /KH-HVBCTT

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRIẾT HỌC

1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nhằm mục đích:

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Triết học so với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Triết học.

Làm căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT của Khoa Triết học theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học đối với CTĐT đại học.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác (có văn bản kèm theo).

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá



Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Triết học được thành lập theo Quyết định số 503/QĐ- HVBCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

Ban Thư ký là bộ phận thường trực, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá trong việc theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tự đánh giá và thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

Các nhóm công tác chuyên trách bao gồm các thành viên trong và ngoài Hội đồng tự đánh giá được thành lập để phụ trách triển khai viết báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng của một hoặc một số tiêu chuẩn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1-3	Nhóm 1	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 4-5	Nhóm 2	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6-7	Nhóm 3	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
4	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
6	Tiêu chuẩn 10-11	Nhóm 6	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
9	Báo cáo tổng hợp. Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KDCL CTĐT	Nhóm 7	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1-4	Cung cấp thông tin, minh chứng, góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá	Khoa Triết học Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 5	Nt	Khoa Triết học Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6, 7	Nt	Ban Tổ chức cán bộ Khoa Triết học	Tháng 10/2019 – tháng 6/2010
4	Tiêu chuẩn 8	Nt	Khoa Triết học Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT Phòng Công tác chính trị - Hỗ trợ sinh viên	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nt	Văn phòng Học viện Phòng Quản trị Trung tâm thông tin – thư viện Khoa Triết học Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
6	Tiêu chuẩn 10	Nt	Khoa Triết học Các phòng, ban, trung tâm trong Học viện	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
7	Tiêu chuẩn 11	Nt	Khoa Triết học Ban QLĐT Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

6. Các loại thông tin cần thu thập từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài, Khoa cần thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu

				Báo cáo tổng kết
2	Đánh giá của cựu SV trong vòng 3 năm gần nhất	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy	Bảng hỏi	100%	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng cựu sinh viên	Bảng hỏi	Theo danh sách sinh viên đã tốt nghiệp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3, tháng 10/2019	<ol style="list-style-type: none"> Họp Hội đồng ĐBCLGD và Ban chủ nhiệm Khoa Triết học để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 4, tháng 10/2019	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu

		<p>hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình Ban Giám đốc đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tháng 11-12/2019	11-	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tháng 3/2020	1-	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tháng 4/2020		<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 1-2, tháng 5/2020	1-2,	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 3-4, tháng 5/2020	3-4,	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người

	học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 1-3, tháng 6/2020	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 4, tháng 6/2020	<ol style="list-style-type: none"> Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện BCTT;
- Lưu VT, TTKT&KĐ CLĐT

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Văn An

DANH MỤC MINH CHỨNG

TIÊU CHUẨN 1				
MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
<i>Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H1.01.01.01.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2016	Số: 754/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 22/2/2016	HV BC & TT
2	H1.01.01.02.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2018	Số 4948-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018	HV BC & TT
3	H1.01.01.03.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HV BC & TT
4	H1.01.01.04	Bảng đối sánh giữa mục tiêu CTĐT – Luật GD 2018, khung trình độ quốc gia.	Ngày 22/9/2020	Khoa Triết học
	H1.01.01.05	Đề án Tuyển sinh của HVBCCTT 2016 - 2020	2016 - 2020	HV BC & TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCCTT ngày 10/2/2017	HVBC&TT

	Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT ngày 19/3/2018	HVBC&TT
	Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT ngày 18/3/2019	HVBC&TT
	Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBCT T-ĐT 11/5/2020	HVBC&TT
H1.01.01.06	Chiến lược phát triển khoa	Ngày 2/1/2020	Khoa Triết học
H1.01.01.07.D C	Bản đối sánh mục tiêu - tầm nhìn, sứ mạng của trường – Khoa	Ngày 5/1/2020	Khoa Triết học
H1.01.01.08	Chiến lược phát triển của HVBCTT đến năm 2035 tầm nhìn 2050	Số 770-QĐ/HVBCT T ngày 20/2/2017	HV BC & TT
H1.01.01.09	Luật GDĐH 2018 (Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam)	Số 34-2018-QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội nước CHXHCNVN
H1.01.01.10	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	<u>Bộ GD & ĐT</u>
H1.01.01.11	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	<u>Thủ tướng Chính phủ</u>
H1.01.01.12.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	HV BC & TT

	Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học	2018	HVBC&TT
	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Triết học	2018	HVBC&TT
	Bản nhận xét	2018	HVBC&TT
	Phiếu thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT
	Biên bản thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT
	Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành Triết học	2018	HVBC&TT
H1.01.01.13.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT
	Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
	Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT

		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Triết học	2020	HVBC&TT
		Biên bản hội thảo/toạ đàm lấy ý kiến các bên liên quan	2020	HVBC&TT
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành Triết học	2020	HVBC&TT
	H1.01.01.14.D C	Bảng đối sánh giữa CTĐT ngành Triết học với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế	Ngày 25/9/2020	Khoa Triết học
	H1.01.01.15	Bản mô tả CTĐT được xây dựng và phê duyệt trong đó có mục tiêu đào tạo năm 2018	2018	Khoa Triết học

	H1.01.01.16	Bản mô tả CTĐT được xây dựng và phê duyệt trong đó có mục tiêu đào tạo năm 2020	Ngày 30/9/2020	Khoa Triết học
	H1.01.01.17	Website về việc Học viện về công bố CTĐT 2020 (mục tiêu)	2020	HVBC & TT
	H1.01.01.18	Đường link Website về sứ mạng tầm nhìn của HV	2020	HVBC&TT
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT				
	Mã MC TC 1.2	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H1.01.01.13.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT
	H1.01.02.01	Hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT	5621/HD-HVBCCTT, ngày 10/11/2019	HVBC & TT
	H1.01.02.02	CTĐT của Khoa Triết học - ĐH KHXH & NV	2017	ĐH KHXH & NV
	H1.01.01.12.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018	2018	HVBC & TT
	H1.01.01.03.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
	H1.01.02.03	Ma trận đáp ứng mục tiêu và CDR của CTĐT	2020	Khoa Triết học

H1.01.02.04	Ma trận CĐR của CTĐT và CĐR của ngành khác về khối kiến thức	2020	Khoa Triết học
H1.01.02.05	Ma trận CĐR của CTĐT	2020	Khoa Triết học
H1.01.02.06	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng 2016 - 2020	2016-2020	HVBC & TT
H1.01.02.07.D C	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá CLĐT (về mục tiêu CTĐT)	2016-2020	HVBC & TT
H1.01.02.08.D C	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về mục tiêu đào tạo)		
H1.01.02.09.D C	Báo cáo khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2016-2020	HVBC & TT
H1.01.02.10.D C	Báo cáo khảo sát giảng viên, nhân viên (về CTĐT)		

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

MC TC 1.3	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
H1.01.01.02.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2018	Số 4948-QĐ/HVBCT T-ĐT ngày 26/10/2018	HVBC & TT
H1.01.01.03.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
H1.01.02.07.D C	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá	2016 - 2020	HVBC & TT

		CLĐT (về mục tiêu CTĐT)		
H1.01.02.08.D C	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về mục tiêu đào tạo)	2017 - 2020	HVBC & TT	
H1.01.02.09.D C	Báo cáo khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2018 - 2020	HVBC & TT	
H1.01.02.10.D C	Báo cáo khảo sát giảng viên, nhân viên (về CTĐT)	2019 - 2020	HVBC & TT	
H1.01.01.13.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC & TT	
H1.01.01.07.D C	Bản đối sánh mục tiêu - tầm nhìn, sứ mạng của trường – Khoa	2020	Khoa Triết học	
H1.01.01.10.D C	Thông tư 07 năm 2015 của BGDDT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDDT ngày 16/4/2015	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-07-2015-TT-BGDDT-quy-trinh-xay-dung-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-thac-si-tien-si-271929.aspx	
H1.01.01.09.D C	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ – TTG ngày 18/10/2016	Bộ GD & ĐT	
H1.01.01.14.D C	Bản đối sánh giữa CTĐT ngành Triết học với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế	2020	Khoa Triết học	

H1.01.01.03.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020	Khoa Triết học
H1.01.03.01	Bản đối sánh các phiên bản CTĐT	2020	Khoa Triết học
H1.01.03.02	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2020	Khoa Triết học
H1.01.03.03	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa Triết học
H1.01.03.04	Hồ sơ rà soát, cập nhật ĐCHP 2020	2020	HVBC & TT
H1.01.01.12.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018	2018	Khoa Triết học
H1.01.02.05.D C	Ma trận CDR của CTĐT 2020	2020	Khoa Triết học
H1.01.03.04	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT
H1.01.03.05	Biên bản họp khoa đầu năm về triển khai công việc (công bố CDR)	2016 - 2020	Khoa Triết học
H1.01.03.06	Tờ rơi quảng bá về CTĐT	2016 - 2020	Khoa Triết học
H1.01.03.07	Website Học viện về công bố CTĐT (CDR)	2020	HVBC & TT

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật				
12	MC TC 2.1	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H2.02.02.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương	2020	HVBC & TT

		trình đào tạo năm 2020		
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Triết học	2020	HVBC&TT
		Biên bản hội thảo/toạ đàm lấy ý kiến các bên liên quan	2020	HVBC&TT
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT

		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành Triết học	2020	HVBC&TT
	H2.02.01.02.DC	Bản mô tả CTĐT 2018	2018	HVBC & TT
	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT 2020	2020	HVBC & TT
	H2.02.01.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
	H2.02.01.05DC	Đề cương chi tiết học phần	2020	HVBC & TT
	H2.02.01.06	Bản mô tả CTĐT trường ĐHKH XH và NV Hà Nội	2017	HVBC & TT
	H2.02.01.07.DC	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về CDR)	2016 - 2020	HVBC & TT
	H2.02.01.08.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên (về CDR)	2016 - 2020	HVBC & TT
	H2.02.01.09.DC	Báo cáo kết quả khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2016 - 2020	HVBC & TT
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.				
	Mã MC TC 2.2	Tên minh chứng		Nơi ban hành
	H2.02.02.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật đề cương học phần	2016 - 2020	HVBC & TT
	H2.02.02.02	Đề cương chi tiết học phần năm 2018	2018	HVBC & TT

	H2.02.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa Triết học
	H2.02.01.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
	H2.02.02.04	Đường link Website về ĐCHP	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H2.02.02.03.DC	Báo cáo kết quả khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC & TT
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.				
	Mã MC TC 2.3	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H2.02.01.02.DC	Bản mô tả CTĐT 2018	2018	HVBC & TT
	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT 2020	2020	HVBC & TT
	H2.02.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	HVBC & TT
	H2.02.03.01	Biên bản họp khoa về quảng bá CTĐT	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H2.02.03.02	Đường link website về Bản mô tả CTĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
	H2.02.03.03	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT

	H2.02.03.04	Kế hoạch tổ chức ngày hội tuyển sinh AJC Open day	Số 251/ KH- HVBCTT ngày 19/01/2015	HVBC & TT
			Số 2017/ KH- HVBCTT-ĐT ngày 05/06/ 2017	HVBC & TT
			Số 1399/KH- HVBCTT ngày 19/03/2018	HVBC & TT
	H2.02.03.05	Tờ rơi, fanpage của khoa	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H2.02.01.07.DC	Báo cáo khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
	H2.02.01.08.DC	Thống kê kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về CTĐT	2016 - 2020	HVBC & TT

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH				
Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra				
	Mã MC TC 3.1	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H3.03.01.01.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào	Số 2643/QĐ- HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT

		tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Triết học	2020	HVBC&TT
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản hội thảo/toạ đàm lấy ý kiến các bên liên quan		
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành Triết học	2020	HVBC&TT
	H3.03.01.02.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC&TT
	H3.03.01.03	Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.	Số 04/2016/TT-BGDĐT	Bộ GD-ĐT

	H3.03.01.04	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD-ĐT
	H3.03.01.05	Tiến độ giảng dạy	2016 - 2020	Khoa
	H3.03.01.06.D C	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa
	H3.03.01.07.D C	Ma trận CDR và phương pháp dạy học năm 2020	2020	Khoa
	H3.03.01.08.D C	Ma trận CDR và hình thức kiểm tra đánh giá năm 2020	2020	Khoa
	H3.03.01.09	Hồ sơ giảng dạy	2020	Khoa
	H3.03.01.10.D C	Đường link Website về CTDH	2020	HVBC & TT
	H3.03.01.11	Biên bản họp phản ánh tình hình sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT
	H3.03.01.12.D C	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC & TT
	H3.03.01.13.D C	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC & TT
	H3.03.01.15.D C	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng</i>				
	Mã MC TC 3.2	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H3.03.01.01.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HV BC & TT

H3.03.01.02.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HV BC & TT
H3.03.01.06.D C	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	
H3.03.02.01	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR	Số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
H3.03.02.02 (tách từ H3.03.02.01, nên phải sửa trong báo cáo)	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
H3.03.01.07.D C	Ma trận CĐR và phương pháp dạy học năm 2020	2020	Khoa Triết học
H3.03.01.08.D C	Ma trận CĐR và hình thức kiểm tra đánh giá năm 2020	2020	Khoa Triết học
H3.03.02.03.D C	CTĐT Khoa Triết học ĐH KHXH&NV.	2017	ĐH KHXH & NV
H3.03.02.04	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2016	Số: 754/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/2/2016	HV BC & TT
H3.03.02.05	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2018	2018	HV BC & TT
H3.03.01.12.D C	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC & TT
H3.03.01.13.D C	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT

	H3.03.01.14.D C	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HV BC & TT
	H3.03.01.15.D C	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HV BC & TT
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.				
	Mã MC TC 3.3	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H3.03.03.01	Ma trận mục tiêu- CĐR của CTĐT		Khoa
	H3.03.01.02.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ- HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HV BC & TT
	H3.03.02.03.D C	CTĐT Khoa Triết học ĐH KHXH&NV.	2016	ĐH KHXH & NV
	H3.03.03.02	CTĐT ĐH Essex nước Anh	2020	
	H3.03.03.03	Bản đối sánh CTĐT Khoa với CTĐT ĐHKHXHNV	2020	Khoa Triết học
	H3.03.03.04	Bản đối sánh CTĐT với CTĐT Trường ĐH Essex – Anh	2020	Khoa Triết học
	H3.03.01.01.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	HD: Số 2645/ HD – HVBCTT – ĐT Ngày 31/05/2020	HV BC & TT
	H3.03.03.05	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018	2016 - 2020	HV BC & TT
	H3.03.03.06.D C	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016	2016 - 2020	HV BC & TT

H3.03.01.12.D C	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.01.13.D C	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.01.14.D C	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.01.15.D C	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.01.12.D C	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.03.03.D C	Bản đối sánh CTĐT với CTĐT ĐHKHXHNV	2020	Khoa Triết học
H3.03.03.04.D C	Bản đối sánh CTĐT với CTĐT Trường ĐH Essex – Anh	2020	Khoa Triết học
H3.03.03.07	Quyết định ban hành CTĐT khối LLCT	2016 - 2018	HV BC & TT
H3.03.01.10.D C	Đường link Website về CTDH	2016 - 2020	HV BC & TT
H3.03.02.04.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2016	Số: 754/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/2/2016	HV BC & TT
H3.03.02.05.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2018	Số 4948-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018	HV BC & TT

**TIÊU CHUẨN 4
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC**

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

	Mã MC TC 4.1	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H4.04.01.01	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2051	QĐ số: 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2018	HV BC & TT
	H4.04.01.02	Chiến lược phát triển khoa Triết học	2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.03.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành 2020	2020	HVBC & TT
	H4.04.01.04.DC	Ma trận CDR - phương pháp dạy học	2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.06	Đường link Website về mục tiêu giáo dục	2020	HV BC & TT
	H4.04.01.07	Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.08	Báo cáo tổng kết lớp	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.09	Đường link fanpage về mục tiêu giáo dục	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.10	Tờ rơi quảng bá CTĐT	2018 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.11	Biên bản buổi tọa đàm khoa học (về nội dung tuyên truyền mục tiêu đào tạo của ngành.)	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.01.12	Thống kê đề tài khoa học của sinh viên (có liên quan đến mục tiêu đào tạo)	2016 - 2020	Khoa Triết học

H4.04.01.13	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2016	Số: 754/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/2/2016	HV BC & TT
H4.04.01.14	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2018	Số 4948-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018	HV BC & TT
H4.04.01.15.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HV BC & TT
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra			
H4.04.01.04.DC	Ma trận CĐR - phương pháp dạy học	2020	Khoa Triết học
H4.04.02.02	Ma trận phương pháp dạy học - kiểm tra đánh giá.	2020	Khoa Triết học
H4.04.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa Triết học
H4.04.02.03	Ma trận phương pháp - khối kiến thức	2020	Khoa Triết học
H4.04.02.05	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016 - 2020	Khoa Triết học
H4.04.02.06	Quy chế dạy học trực tuyến năm 2020	2020	HV BC & TT
H4.04.02.07	Giấy khen GV có thành tích trong giảng dạy trực tuyến năm 2020	2020	HV BC & TT
H4.04.02.08.DC	Minh chứng về các hoạt động dạy học thực hành (Dự án, nghiên cứu trường hợp, thực tế, thực tập)		
	Hồ sơ giảng viên (MC điển hình)	2016-2020	Khoa Triết học

		Hồ sơ kiến tập (MC điển hình)	2016-2020	Khoa Triết học
		Hồ sơ thực tập (MC điển hình)	2016-2020	Khoa Triết học
	H4.04.02.09	Hội thảo, tọa đàm về đổi mới phương pháp dạy học	2016-2020	HV BC & TT
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.				
	Mã MC TC 4.3	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H4.04.03.01	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR	Số 2663/HD-HVBCCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
	H4.04.01.04.DC	Ma trận phương pháp dạy học – CĐR	2020	Khoa Triết học
	H4.04.02.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HV BC & TT
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo	2020	HVBC&TT

		đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Triết học		
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT
		Biên bản hội thảo/toạ đàm lấy ý kiến các bên liên quan	2020	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành Triết học	2020	
	H4.04.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	HVBC&TT
	H4.04.03.02	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016 - 2020	HV BC & TT
	H4.04.03.03	Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp của SV	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.03.04	Báo cáo kiến tập, thực tế chính trị - xã hội	2018 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.03.05	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT
	H4.04.03.06	Minh chứng Hội thảo khoa học sinh viên	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H4.04.03.07	Hoạt động ngoại khoá: Câu lạc bộ, Olympic, toạ đàm khoa học, hùng biện TH, hùng biện TH	2016 - 2020	Khoa Triết học

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC				
	Mã MC tiêu chí 5.1	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành

H5.05.01.01.D C	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT (Quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ – HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HV BC & TT
H5.05.01.02.D C	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HV BC & TT
H5.05.01.03.D C	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa
H5.05.01.04.D C	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Triết học năm 2020	Số 3906-QĐ- HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HV BC & TT
H5.05.01.05.D C	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD- HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
H5.05.01.06	Ma trận hình thức kiểm tra đánh giá – CĐR	2020	Khoa Triết học
H5.05.01.07	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá thang điểm các môn thi tự luận.	2016 - 2020	Khoa Triết học
H5.05.01.08	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá, thang điểm các môn thi vấn đáp.	2016 - 2020	Khoa Triết học
H5.05.01.09	Minh chứng bài kiểm tra thuyết trình	2016 - 2020	Khoa Triết học
H5.05.01.10	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí	2016 - 2020	Khoa Triết học

		đánh giá thang điểm các môn thi tiểu luận.		
H5.05.01.11	Minh chứng bài thi trắc nghiệm	2016 - 2020	Khoa Triết học	
H5.05.01.12	Minh chứng bài tập thực hành, sản phẩm (giáo án SV, báo cáo thực tế, thực tập)	2016 - 2020	Khoa Triết học	
H5.05.01.13	Minh chứng về khoá luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa Triết học	
H5.05.01.14.D C	Bảng Thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá qua các năm	2016 - 2020	Khoa Triết học	
H5.05.01.15.D C	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	2016 - 2020	HV BC & TT	
H5.05.01.17.D C	Báo cáo kết quả công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và phương hướng, nhiệm vụ công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HV BC & TT	
		Ngày 3/12/2016	HV BC & TT	
		Ngày 17/11/2017	HV BC & TT	
		Ngày 11/11/2019	HV BC & TT	
H5.05.01.18.D C	Hồ sơ chấm khoá luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa Triết học	

	H5.05.01.19	Thống kê các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học kèm quyết định và danh sách SV	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.20.D C	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT.	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.21.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học				
	Mã MC TC 5.2	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H5.05.01.01.D C	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HV	Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐH; ngày 18/10/2017	HVBC & TT
	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT; ngày 01/9/2017	HV BC & TT
	H5.05.02.02	Đề án tuyển sinh	2016 - 2020	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT ngày 10/2/2017	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT ngày 19/3/2018	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT ngày 18/3/2019	HVBC&TT

		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBCTT-ĐT 11/5/2020	HVBC&TT
	H5.05.02.03	Quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy của Bộ GD&ĐT	Ban hành kèm Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 21 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD	https://moet.gov.vn
	H5.05.01.03.D C	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa
	H5.05.01.02.D C	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	CTCT
	H5.05.02.05	Đường link Website quy chế đào tạo tín chỉ	2020	HVBC & TT
	H5.05.02.06	Đường link Website về kế hoạch, về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, kết thúc học phần, thay thế tốt nghiệp, quy trình kiểm tra đánh giá học phần.	2020	HVBC & TT
	H5.05.02.07	Quy định về đăng ký số tín chỉ	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.02.08	Quy định về CĐR ngoại ngữ năm 2016	2016	HV BC & TT
	H5.05.01.15.D C	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi (Tìm cái sửa đổi 2017)	Ngày 30/11/2015 Ngày Bổ sung quy định 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.05.D C	Hướng dẫn thiết kế phương pháp	Số: 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT

		kiểm tra đánh giá học phần		
H5.05.01.17.D C	-Báo cáo kết quả công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và phương hướng, nhiệm vụ công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HV BC & TT	
		Ngày 3/12/2016	HV BC & TT	
		Ngày 17/11/2017	HV BC & TT	
		Ngày 11/11/2019	HV BC & TT	
H5.05.01.18.D C	Hồ sơ chấm khoá luận tốt nghiệp	2016 - 2020		
H5.05.01.20.D C	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT.	2016 - 2020	HV BC & TT	
H5.05.01.21.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT	
H5.05.02.09.D C	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)	2016 - 2020	HV BC & TT	
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng				

Mã MC TC 5.3	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
H5.05.01.01.D C	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HV	Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐH; ngày 18/10/2017	HV BC & TT
H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT; ngày 01/9/2017	HV BC & TT
H5.05.01.05.D C	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
H5.05.01.14.D C	Bảng Thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá qua các năm		Khoa Triết học
H5.05.01.03.D C	Đề cương chi tiết học phần		
H5.05.01.15.D C	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi (Tìm cái sửa đổi 2017)	2016 - 2020	HV BC & TT
H5.05.03.01	Hồ sơ xây dựng, cập nhật Ngân hàng câu hỏi - Kế hoạch - Bảng phân công GV xây dựng đề thi - Biên bản họp khoa - Ngân hàng câu hỏi	2016 - 2020	HV BC & TT

		- Biên bản nghiệm thu		
	H5.05.03.02.D C	Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi	Số 2648/QĐ- HVBCTT ngày 9/7/2020	HV BC & TT
	H5.05.02.09.D C	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)		HV BC & TT
	H5.05.03.03.D C	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐ- HVBCTT -ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	HV BC & TT
	H5.05.03.04	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa (có nội dung thảo luận về sự đa dạng, mức độ tin cậy công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi)	2016 - 2020	Khoa Triết học

	H5.05.03.05	Danh sách cán bộ chấm thi, phiếu chấm, bài thi, kết quả biểu 4	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H5.05.03.06	Bảng phân công hướng dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H5.05.03.07	Quyết định giảng viên hướng dẫn kiến tập, thực tập của Học viện	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.03.08	Quy định hướng dẫn thực hiện khoá luận TN	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.17.D C	Báo cáo kết quả công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và phương hướng, nhiệm vụ công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HV BC & TT
			Ngày 3/12/2016	HV BC & TT
			Ngày 17/11/2017	HV BC & TT
			Ngày 11/11/2019	HV BC & TT
	H5.05.01.20.D C	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT.	H5.05.01.20.D C	HV BC & TT

	H5.05.01.21.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	H5.05.01.21.D C	HV BC & TT
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập				
	Mã MC TC 5.4	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành
	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ- HVBCTT-KT; ngày 01/9/2017	HV BC & TT
	H5.05.04.01	Cổng thông tin trực tuyến của sinh viên		HVBC & TT
	H5.05.03.03.D C	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐ- HVBCTT -ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
	H5.05.04.02	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp về việc khen thưởng SV có kết quả học tập tốt, liên quan đến khiếu nại học tập	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H5.05.04.03	Minh chứng về đối thoại của sinh viên với Học viện	2016 - 2020	HVBC & TT
	H5.05.04.04	Biên bản họp phản ánh tình hình sinh viên (kết quả học tập	2016 - 2020	Khoa Triết học

		được phản hồi kịp thời)		
	H5.05.04.05	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa (Biên bản họp phản ánh sinh viên: chủ trì có đưa ra giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng) - Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình - Danh sách học cải thiện, vết qua các kỳ	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H5.05.01.01.D C	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HV	Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐH; ngày 18/10/2017	HV BC & TT
	H5.05.01.20.D C	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT.	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.21.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập				
	Mã MC tiêu chí 5.5	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành

H5.05.03.03.D C	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐ-HVBCTT -ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
H5.05.05.01.D C	Đường link website thông báo/đơn xin phúc khảo	2016 - 2020	HV BC & TT
H5.05.01.02.D C	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	CTSV
H5.05.05.02	Kế hoạch buổi gặp mặt SV đầu khóa	2016 - 2020	Khoa Triết học
H5.05.01.01.D C	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HV	Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐH; ngày 18/10/2017	HV BC & TT
H5.05.03.03.D C	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐ-HVBCTT -ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền
H5.05.05.03	Mẫu đơn xin phúc khảo	2016 - 2020	HV BC & TT
H5.05.02.09.D C	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)	2016 - 2020	HV BC & TT

	H5.05.05.04	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp về việc khen thưởng SV có kết quả học tập tốt, liên quan đến khiếu nại kết quả học tập	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H5.05.01.20.D C	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT.	2016 - 2020	HV BC & TT
	H5.05.01.21.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H6.06.01.01.D C	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	HVBCTT
2	H6.06.01.02.D C	Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa Triết học
3	H6.06.01.03.D C	Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
4	H6.06.01.04.D C	Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa Triết học

		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2020	2020	Khoa Triết học
5	H6.06.01.05	Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Kế hoạch, thông báo, Quyết định hội đồng, Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng) 2016 – 2020	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v tiếp nhận công chức, viên chức của PGS,-TS Ngô Đình Xây	1917/DD- HVBC& TT ngày 01/6/2017	HVBCTT

		QĐ v/v điều động và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của PGS,TS Nguyễn Minh Hoàn	1111/QĐ-HVCTQG ngày 22/3/2017	HVBCTT
6	H6.06.01.06.D C	Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ quản lý		HVBCTT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (Khoa)	2019	HVBCTT
		Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa Triết học v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa	2019	HVBCTT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (Đảng ủy)	2019	HVBCTT

		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự đề bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (BGĐ HVBCCTT)	2019	HVBCCTT
7	H6.06.01.07	Báo cáo tổng kết năm học của khoa Triết học (2016-2020)	2016-2020	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Triết học năm 2016	2016	
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Triết học năm 2017	2017	
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Triết học năm 2018	2018	
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Triết học năm 2019	2019	
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa Triết học năm 2020	2020	
8	H6.06.01.08.D C	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCTQGHCM , HVBCCTT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM

		công chức, viên chức (2013)		
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBCTT
9	H6.06.01.09.D C	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM
10	H6.06.01.10	QĐ v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng		HVCTQGHCM , HVBCTT
		QĐ v/v ban hành Quy định	1938/QĐ-HVBC&TT-	HVBCTT

		về GV thỉnh giảng tại HVBC&TT	TCCB ngày 12/8/2013	
		QĐ v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQGHC M	1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015	HVCTQGHCM
11	H6.06.01.11	Tiêu chí tuyển dụng của Khoa	2016-2020	Khoa Triết học
12	H6.06.01.12.D C	Thống kê và danh sách cùng hồ sơ giảng viên của ngành Triết học theo bằng cấp, trình độ học vị, học hàm; giới tính; độ tuổi đội ngũ GV	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê số lượng giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
		Danh sách giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
13	H6.06.01.13	Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2016	2016	HVBCTT
		Các hợp đồng mời giảng,	2017	HVBCTT

		thỉnh giảng năm 2017		
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2018	2018	HVBCTT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2019	2019	HVBCTT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2020	2020	HVBCTT
14	H6.06.01.14	QĐ, Danh sách, kinh phí chi đào tạo bồi dưỡng giảng viên hàng năm	2016-2020	HVBCTT
		QĐ và danh sách cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng GV hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
15	H6.06.01.15	QĐ cử CB đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	2016-2020	HVBCTT
		QĐ cử CB đi học lớp cao cấp chính trị	2016-2020	
		QĐ cử CB đi học lớp Kinh điển Mác - Lênin	2016-2020	

		QĐ cử CB đi học lớp bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước	2016-2020	
17	H6.06.01.16	QĐ bổ nhiệm, không bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Khoa	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý	6507-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2019	HVBCTT
		QĐ v/v không bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý	2343-QĐ/HVBC&TT ngày 30/5/2018	HVBCTT
18	H6.06.01.17	QĐ điều chuyển GV	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v chuyển cán bộ, viên chức (đ/c		HVBCTT
		QĐ v/v điều động cán bộ, viên chức (đ/c	3647/QĐ-HVBC&TT ngày 12/10/2017	HVBCTT
		QĐ v/v chuyển cán bộ, viên chức (đ/c	6312-QĐ/HVBCTT ngày 25/12/2019	HVBCTT
19	H6.06.01.18	QĐ kéo dài thời gian lao động đối với giảng viên nghỉ hưu (đ/c	1745-QĐ/HVBCTT ngày 9/4/2019	HVBCTT
20	H6.06.01.19	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...		HVBCTT

		QĐ v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014	HVBCTT
		QĐ v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại HVBC&TT	1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018	HVBCTT
21	H6.06.01.20	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBCTT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBCTT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBCTT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBCTT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức	2020	HVBCTT

		HVBCTT năm 2020		
22	H6.06.01.21	Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBCTT giai đoạn 2016-2020	404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016	HVBCTT
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020	5949-KH/HVBCTT ngày 21/12/2018	HVBCTT
23	H6.06.01.22	Danh sách thống kê GV cơ hữu của Khoa Triết học	2020	Khoa Triết học
24	H6.06.01.23	Danh sách thống kê GV thỉnh giảng của Khoa Triết học	2020	Khoa Triết học
25	H6.06.01.24	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQG HCM
26	H6.06.01.25	MC lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý	2019	Khoa Triết học
27				
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>				

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			
28	H6.06.02.01	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBCTT
29	H6.06.02.02	Quyết định ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
30	H6.06.02.03	Thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân (giờ giảng, nghiên cứu khoa học, công việc khác)	2016-2020	Khoa Triết học
31	H6.06.02.04	Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa Triết học
32	H6.06.02.05	Bảng thống kê thi đua khen thưởng/đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV	2016-2020	Khoa Triết học
33	H6.06.02.06	Danh sách, thống kê giảng viên cơ hữu qua các năm	2016-2020	Khoa Triết học
	H6.06.02.07	Thống kê số lượng Giảng viên ngành	2016-2020	Khoa Triết học

		Triết học qua các năm		
35	H6.06.02.08	Thống kê người học theo ngành qua các năm	2016-2020	HVBCTT
36	H6.06.02.09	Thống kê tỉ lệ giảng viên/sinh viên	2020	Khoa Triết học
37	H6.06.02.10	QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2018-2019	-Năm học 2018-2019: 3768/QĐ-HVBC&TT ngày 29/8/2018	HVBCTT
		QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2019-2020	-Năm học 2019-2020: 3804-QĐ/HVBC&TT ngày 11/9/2019	HVBCTT
38	H6.06.02.11	Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển và nhập học (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
39	H6.06.02.12	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT	2016-2020	HVBCTT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2016	2016	HVBCTT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2017	2017	HVBCTT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2018	2018	HVBCTT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2019	2019	HVBCTT

		sinh HVBCTT năm 2019		
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2020	2020	HVBCTT
40	H6.06.02.13	Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2016 (Thanh toán vượt giờ)	2016	HVBCTT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2017 (Thanh toán vượt giờ)	2017	HVBCTT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2018 (Thanh toán vượt giờ)	2018	HVBCTT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2019 (Thanh toán vượt giờ)	2019	HVBCTT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2020 (Thanh toán vượt giờ)	2020	HVBCTT

42	H6.06.02.14	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng theo học kỳ	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBCTT
43	H6.06.02.15	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp giảng dạy trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBCTT
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			
44		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCTQGHCM, HVBCTT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBCTT

45	H6.06.03.01	Thông báo về việc tuyển dụng cán bộ, viên chức	2016-2020	HVBCTT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2016	4302/TB-HVBC&TT ngày 19/12/2015	HVBCTT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2017	3768/TB-HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBCTT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2020	1316/TB-HVBCTT ngày 20/4/2020	HVBCTT
46		Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Tờ trình, Kế hoạch, thông báo, Quyết định hội đồng, Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng)	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v tiếp nhận công chức viên chức của PGS,TS Ngô Đình Xây	1917QĐ-HVBC&TT ngày 01/6/2017	HVBCTT
		QĐ v/v điều động và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của PGS,TS Nguyễn Minh Hoàn	1111/QĐ-HVCTQG ngày 22/3/2017	HVBCTT
47		Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
48		Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân		HVCTQGHCM

		chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM
49		Tiêu chí lựa chọn tuyển dụng của Khoa		Khoa Triết học
50	H6.06.03.02	Thống kê GV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu kèm danh sách và hồ sơ	2016-2020	HVBCTT
51	H6.06.03.03	Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ	2016-2020	Khoa Triết học
52		QĐ bổ nhiệm cán bộ quản lý của Khoa	6507-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2019	HVBCTT
53		Biên bản Hội nghị cán bộ,	2019	HVBCTT

		công chức, viên chức Khoa Triết học v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý.		
55	H6.06.03.04	QĐ quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HV	2016-2020	HVBCTT
56	H6.06.03.05	Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng		CP, QH
		Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP
		Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH
42	H6.06.02.13	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng theo học kỳ	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBCTT

61		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp giảng dạy (2016-2020)	2016-2020	HVBCTT
63	H6.06.03.6	Thống kê thành tích thi đua – khen thưởng tập thể	2016-2020	Khoa QHCC&QC
64	H6.06.03.7	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	HVBCTT
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			

65	H6.06.04.01	Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập	28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015	BGDĐT-BNV
66		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBCTT
68		Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa Triết học
69		QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM
70	H6.06.04.02	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBCTT

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017	2017	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2019	2019	HVBCTT

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020	2020	HVBCTT
71		QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
72		Thống kê và danh sách cùng hồ sơ giảng viên của ngành Triết học theo bằng cấp, trình độ học vị, học hàm; giới tính; độ tuổi đội ngũ GV	2016-2020	HVBCTT
		Thống kê số lượng giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
		Danh sách giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ giảng viên của ngành	2016-2020	HVBCTT
73	H6.06.04.03	Lý lịch khoa học của giảng viên trên website của nhà trường	2016-2020	HVBCTT
74	H6.06.04.04	Minh chứng phong trào thi đua giờ giảng chất lượng cao (Kế hoạch,	2016-2020	HVBCTT

		quyết định về kết quả)		
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2018	2018	HVBCTT
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2019	2019	HVBCTT
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2020	2020	HVBCTT
75	H6.06.04.05	Biên bản họp đánh giá dự giờ giảng của giảng viên hàng năm: 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
76		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm của đội ngũ GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua	2020	HVBCTT

		khen thưởng của GV (2020)		
77	H6.06.04.06	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại đội ngũ giảng viên kèm danh sách 2016-200	2016-2020	Khoa triết học
78	H6.06.04.07	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa Triết học
79	H6.06.04.08	Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2016	2016	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2017	2017	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2018	2018	HVBCTT

		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2019	2019	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2020	2020	HVBCTT
80		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBCTT
81		Thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân (giờ giảng, nghiên cứu khoa học, công việc khác): 2016- 2020	2016-2020	Khoa Triết học
82	H6.06.04.09	Thống kê các khóa bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn dành cho GV 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			
82		Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ- HVBCTT ngày 20/2/2017	HVBCTT
83		Chiến lược phát triển của	2019	Khoa Triết học

		Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050		
84		Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
85	H6.06.05.01	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên của HVBCTT hàng năm (2016- 2020)	2016-2020	HVBCTT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCTT 2016	2016	HVBCTT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCTT 2017	2017	HVBCTT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCTT 2018	2018	HVBCTT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCTT 2019	2019	HVBCTT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCTT 2020	2020	HVBCTT
86		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016- 2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2015- 2016	2016	Khoa Triết học

		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2017	2017	Khoa triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2017-2018	2018	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2018-2019	2019	Khoa triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2019-2020	2020	Khoa Triết học
87		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2019	2019	Khoa Triết học

		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2020	2020	Khoa Triết học
88		Thống kê các loại hình đào tạo bồi dưỡng; số lượng GV tham gia; kinh phí dành cho đào tạo bồi dưỡng 2016- 2020	2016-2020	Khoa triết học
89	H6.06.05.02	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban TCCB		HVBCTT
90	H6.06.05.03	Thống kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
91		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa Triết học

		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa Triết học
92		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2016	2016	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2017	2017	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2018	2018	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2019	2019	HVBCTT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBCTT 2020	2020	HVBCTT
93		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
94		Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...		HVBCTT
		QĐ v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014	HVBCTT

		QĐ v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại HVBC&TT	1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018	HVBCTT
95	H6.06.05.04	MC thông báo về chương trình học bổng nước ngoài của HVBC&TT	2016-2020	HVBCTT
96	H6.06.05.05	Thống kê kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV	2016-2020	HVBCTT
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			
97		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBCTT
98		Đề án vị trí việc làm	2020	HVBCTT
99	H6.06.06.01	QĐ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa QHCC&QC	4232-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019	HVBCTT
100		QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQG HCM

		viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		
101	H6.06.06.02	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của GV	2016-2020	HVBCTT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2016	2016	HVBCTT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2017	2017	HVBCTT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2018	2018	HVBCTT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2019	2019	HVBCTT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2020	2020	HVBCTT
102		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2016-2017	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác	2017	Khoa Triết học

		đầu năm học 2017-2018		
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2018-2019	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2019-2020	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2020-20201	2020	Khoa Triết học
103	H6.06.06.03	Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa triết học
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2016	2016	Khoa Triết học
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2017	2017	Khoa triết học
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2018	2018	Khoa Triết học
		Bảng phân công khối lượng nghiên	2019	Khoa Triết học

		cứ và giảng dạy 2019		
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2020	2020	Khoa Triết học
104		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa Triết học
105		Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa triết học
106	H6.06.06.04	Thống kê các hình thức thi đua khen thưởng của GV ngành Triết học(kết quả thi đua khen thưởng)	2016-2020	HVBCTT

107	H6.06.06.05	QĐ khen thưởng của GV ngành Triết học	2016-2020	HVBCTT
108		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm của đội ngũ GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBCTT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	HVBCTT
110	H6.06.06.07	Danh sách và QĐ nâng lương trước thời hạn đối với GV	2016-2020	HVBCTT
		Danh sách nâng lương trước thời hạn	2016-2020	HVBCTT

		QĐ v/v nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích 2019 của Vũ Thị Hồng Nhung	Số 234- QĐ/HVBCTT	HVBCTT
111	H6.06.06.08	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153- CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBCTT
112	H6.06.06.09	Thông kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV hàng năm		
113	H6.06.06.10	Thông kê cải tiến trong Quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
114		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao	2016-2020	HVBCTT

		động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm		
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017	2017	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBCTT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào,	2019	HVBCTT

		bình xét danh hiệu thi đua 2019		
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020	2020	HVBCTT
115		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBCTT
116		Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVBCTT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	6507-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2019	HVBCTT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (Khoa)	2019	HVBCTT
		Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên	2019	HVBCTT

		chức Khoa Triết học v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa		
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (Đảng Ủy)	2019	HVBCTT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa Triết học (BGĐ HVBCTT)	2019	HVBCTT
117		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2016	2016	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2018	2018	Khoa Triết học

		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2020	2020	Khoa Triết học
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới			
118		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBCTT
120		Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
121		Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa Triết học
122	H6.06.07.01	Kế hoạch NCKH hàng năm	2016-2020	HVBCTT
123		Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và	2016-2020	Khoa Triết học

		phục vụ cộng đồng của GV		
124	H6.06.07.02	Thống kê kết quả nghiên cứu đề tài khoa học: số lượng, xếp loại	2016-2020	Khoa Triết học
125	H6.06.07.03	Danh sách các công trình khoa học được xã hội hóa trên tạp chí, sách, tài liệu học tập.....: tên tạp chí, nxb...	2016-2020	Khoa Triết học
126		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2015-2016	2016	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2017	2017	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2017-2018	2018	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2018-2019	2019	Khoa Triết học
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2019-2020	2020	Khoa Triết học
127	H6.06.07.05	Khen thưởng cá nhân, đơn vị	2016-2020	HVBCTT

		về thành tích khoa học		
128	H6.06.07.06	Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	881/QĐ-HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	HVBCTT
129	H6.06.07.07	Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học năm 2016	2016	Khoa Triết học
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học năm 2017	2017	Khoa Triết học
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học năm 2018	2018	Khoa Triết học
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học năm 2019	2019	Khoa Triết học
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa Triết học năm 2020	2020	Khoa Triết học
130	H6.06.07.08	TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2016	2016	HVBCTT

		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2017	2017	HVBCTT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2018	2018	HVBCTT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2019	2019	HVBCTT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2020	2020	HVBCTT
131	H6.06.07.09	Hồ sơ tiến độ khoa học hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBCTT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2016	2016	HVBCTT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2017	2017	HVBCTT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2018	2018	HVBCTT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2019	2019	HVBCTT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2020	2020	HVBCTT

TIÊU CHUẨN 7				
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT
2	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của	2019	Khoa Triết học

		Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050		
3	H7.07.01.03.DC	Quyết định phê duyet Đề án vị trí việc làm		HVBC&TT
4	H7.07.01.04	Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2016	2016	Khoa triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa Triết học năm 2020	2020	Khoa Triết học
5	H7.07.01.05.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển		HVCTQGHCN, HVBC&TT

		dụng công chức, viên chức		
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC&TT
6	H7.07.01.06.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM

		lãnh đạo quản lý (2019)		
7	H7.07.01.07	Kế hoạch tuyển dụng nhân sự hằng năm của HVBC&TT	2017-2020	HVBC&TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2017	2017	HVBC&TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2018	2018	HVBC&TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2020	2020	HVBC&TT
8	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC&TT
9	H7.07.01.09	Danh sách và thống kê cán bộ hỗ trợ ngành Triết học	2016-2020	HVBC&TT

10	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực cán bộ hỗ trợ ngành Triết học	2016-2020	HVBC&TT
11	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành Triết học hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
12	H7.07.01.12	Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ) 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
13	H7.07.01.13	Danh sách tài liệu tại thư viện Khoa	2016-2020	Khoa Triết học
14	H7.07.01.14	Các hoạt động hỗ trợ SV của CVHT	2016-2020	Khoa Triết học
15	H7.07.01.15.DC	Quy chế làm việc của khoa, phân công cán bộ chuyên trách của khoa	2016-2020	Khoa Triết học
16	H7.07.01.16	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa Triết học
	H7.07.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội	2016-2020	HVBC&TT

		ngũ cán bộ hỗ trợ)		
17		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
18	H7.07.01.03.DC	Đề án vị trí việc làm		HVBC&TT
19	H7.07.02.01	TB lấy ý kiến của các đơn vị về Dự thảo Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm	2020	HVBC&TT
20	H7.07.02.02	Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng		CP, QH
		Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP
		Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH
21	H7.07.01.05.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCTQGHCM, HVBC&TT

		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC&TT
22	H7.07.01.06.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM

23	H7.07.02.03	Thông báo họp Đảng ủy HV về quy hoạch cán bộ	2016-2020	HVBC&TT
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
24	H7.07.01.03.DC	QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&TT
25	H7.07.03.01.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM
26	H7.07.03.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ,	2017	HVBC&TT

		công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017		
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2019	2019	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020	2020	HVBC&TT
27	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành QHCC	2016-2020	HVBC&TT

28	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
29	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC&TT
30	H7.07.03.03.DC	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
31	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT

		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&TT
32	H7.07.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC&TT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT
33	H7.07.03.05.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020	HVBC&TT

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
34	H7.07.04.01	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2016	2016	HVBC&TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2017	2017	HVBC&TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2018	2018	HVBC&TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của	2020	HVBC&TT

		HVBC&TT hàng năm 2020		
35	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ- HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT
36	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa Triết học đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa Triết học
37	H7.07.01.03.DC	QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&TT
38	H7.07.04.02	Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2016	2016	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2017	2017	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2018	2018	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào	2019	HVBC&TT

		tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2019		
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2020	2020	HVBC&TT
39	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC&TT
40	H7.07.04.03	Minh chứng về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hỗ trợ: Quyết định, danh sách	2016-2020	HVBC&TT
41	H7.07.01.17.DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	
42	H7.07.03.05.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT

		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ	2018-2020	
43	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức	2020	HVBC&TT

		HVBC&TT năm 2020		
44	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành Triết học	2016-2020	HVBC&TT
45	H7.07.04.04	Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
		Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV năm 2016	2016	HVBC&TT
		Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV năm 2017	2017	HVBC&TT
		Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV năm 2018	2018	HVBC&TT
		Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV năm 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV năm 2020	2020	HVBC&TT
46	H7.07.04.05	Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa hàng năm	2016-2020	Khoa Triết học
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2016	2016	Khoa Triết học
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2017	2017	Khoa Triết học

		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2018	2018	Khoa Triết học
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2019	2019	Khoa Triết học
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2020	2020	Khoa Triết học
47	H7.07.04.06	Quy chế chi tiêu nội bộ		HVBC&TT
	H7.07.04.07	Thông báo v/v đăng ký tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
48	H7.07.01.15.DC	Quy chế làm việc của khoa, phân công cán bộ chuyên trách của khoa		Khoa Triết học
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
49	H7.07.05.01	QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT		HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2015)	853/QĐ-HVCTQG ngày 25/2/2015	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2019)	4371-QĐ/HVCTQG ngày 26/8/2019	HVCTQGHCM

50	H7.07.05.02	QĐ Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của công chức, viên chức, người lao động	1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27/4/2015	HVBC&TT
51	H7.07.03.01.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	850/QĐ-HVCTQG, ngày 06/3/2017	HVCTQGHCM
52	H7.07.03.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBC&TT	HVBC&TT
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT (7/11/2017)	HVBC&TT

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/HVBC&TT (26/11/2018)	HVBC&TT
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG (30/10/2017)	Vụ TCCB – HVCTQGHCM
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG (9/10/2019)	Vụ TCCB – HVCTQGHCM
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018		Vụ TCCB – HVCTQGHCM
53	H7.07.05.03	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa Triết học

		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa Triết học
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa Triết học
54	H7.07.05.04	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2016	2016	HVBC&TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2017	2017	HVBC&TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2018	2018	HVBC&TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2019	2019	HVBC&TT
		Biên bản họp bình xét thi đua	2020	HVBC&TT

		HVBC&TT 2020		
55	H7.07.01.03.DC	QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&TT
56	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành Triết học hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
57	H7.07.03.03.DC	Thông kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	
58	H7.07.03.05.DC	Thông kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ	2018-2020	
60	H7.07.05.05	Bảng chấm công hàng	2016-2020	HVBC&TT

		tháng: 2016-2020		
61	H7.07.05.06	Thông báo nâng bậc lương trước thời hạn của cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT
62	H7.07.05.07	Danh sách cán bộ hỗ trợ được nâng lương trước thời hạn kèm các quyết định nâng lương trước thời hạn	2016-2020	HVBC&TT
63	H7.07.05.08	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC&TT
64	H7.07.05.09	Thông kê cải tiến trong Quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
65	H7.07.05.10	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân viên các phòng ban (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân		

		viên Khoa (MC điển hình)		
--	--	-----------------------------	--	--

<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.</i>				
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số / ngày, tháng / năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCTC1.1				
H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh hàng năm: làm rõ chủ trương, chính sách tuyển sinh	2016-2020		Thiếu năm 2016, 2020
	Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
H8.08.01.02	Bảng so sánh chính sách tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá (Đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, v.v.) của ngành đào tạo	2016-2020	Khoa Triết học	Chưa có
H8.08.01.03	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.01.04	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính	2016-2020		

	quy các năm từ 2015 – 2019 của HVBCCTT;			
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016	321/QĐ-HVBCCTT-ĐT (27/1/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017	508/QĐ-HVBCCTT-ĐT (7/2/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	418/QĐ-HVBCCTT-ĐT (23/1/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	905-QĐ/HVBCCTT-ĐT (15/2/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v bổ sung và thay thế Ủy viên Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	3014-QĐ/HVBCCTT-ĐT (5/7/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	1346-QĐ/HVBCCTT-ĐT (22/4/2020)	HVBC&TT	
H8.08.01.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020		
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại	2020	HVBC&TT	

	học chính quy năm 2020			
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2015	24/8/2015	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2015	8/9/2015	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	28/1/2016	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	30/8/2016	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2016	28/7/2016	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	17/8/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	14/2/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại	6/2/2018	HVBC& TT	

	học chính quy năm 2018			
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2018	1/8/2018	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	13/8/2018	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	8/8/2019	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	28/2/2019	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2019	22/8/2019	HVBC&TT	
H8.08.01.06	Minh chứng về nhu cầu nhân lực			
	Báo cáo Kết quả khảo sát NTD	2017-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát SVTN về tình trạng việc làm	2017-2020	HVBC&TT	
H8.08.01.07	Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương/quốc gia			Chưa có
H8.08.01.08	Thống kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBC&TT			

	theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)			
	Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển và nhập học	2016-2020	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2015	2486/QĐ- HVBCTT (24/8/2015)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận thí sinh trúng tuyển do phúc khảo	2655/ QĐ- HVBCTT (3/9/2015)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyên vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2015	2778/ QĐ- HVBCTT-ĐT (9/9/2015)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	2389/QĐ- HVBCTT-ĐT (1/8/2016)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyên vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2016	2774/ QĐ- HVBCTT-ĐT (1/9/2016)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016	2660/QĐ- HVBCTT (15/8/2016)	HVBC & TT	
	Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2017	3460/QĐ- HVBCTT (2/8/2017)	HVBC & TT	

Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2017	3459/QĐ-HVBCTT-ĐT (21/8/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ đối với học sinh trường chuyên/ năng khiếu	3158/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/7/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	3504/QĐ-HVBCTT-ĐT (14/8/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	3159/QĐ-HVBCTT-ĐT (13/7/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018	3336/QĐ-HVBCTT (6/8/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019	3299/QĐ-HVBCTT (8/8/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét học bạ đối với học sinh trường THPT chuyên/ năng khiếu, trường THPT công lập	3077/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/7/2019)	HVBC&TT	

Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2019	3550/ QĐ- HVBCTT-ĐT (24/8/2019)	HVBC& TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017 nguyện vọng bổ sung	2754/TB/HVBCT T-ĐT (18/8/2017)	HVBC& TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2018	3334/TB/HVBCT T-ĐT (6/8/2018)	HVBC& TT	
Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ	3157/TB/HVBCT T-ĐT (15/7/2018)	HVBC& TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	3504/QĐ/HVBC TT-ĐT (14/8/2018)	HVBC& TT	
Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét tuyển học bạ	3076- QĐ/HVBCTT-ĐT (15/7/2019)	HVBC& TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh	3298- TB/HVBCTT-ĐT (8/8/2019)	HVBC& TT	

	ĐH chính quy năm 2019			
	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy đợt bổ sung năm 2019	3497-TB/HVBCTT-ĐT (23/8/2019)	Ban QLĐT	
	Thông báo điểm trúng tuyển các chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2015	2485/TB-HVBCTT (24/8/2015)	HVBC&TT	
	Thông báo điểm trúng tuyển nguyện vọng bổ sung tuyển sinh ĐH chính quy năm 2015	2772/TB-HVBCTT-ĐT (9/9/2015)	HVBC&TT	
	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2016	2535/TB-HVBCTT (13/8/2016)	HVBC&TT	
	Thông báo danh sách thí sinh diện tuyển thẳng hệ ĐH chính quy tập trung năm 2015	2324/TB-HVBCTT-ĐT (10/8/2015)	HVBC&TT	
	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy nguyện vọng bổ sung đợt 1 năm 2016	2800/TB-HVBCTT (31/8/2016)	HVBC&TT	
	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh	2442/TB-HVBCTT-ĐT (31/7/2017)	HVBC&TT	

	ĐH chính quy năm 2017			
H8.08.01.09	Bảng tiêu chí tuyển sinh	2016-2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.01.10	Các kênh quảng bá tuyển sinh: Livestream, AJC open day, tư vấn tuyển sinh v.v			
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2018 (AJC Open Day)	1399/KH-HVBCTT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2018	507/KH-HVBCTT-ĐT (15/1/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2015	251/KH-HVBCTT (19/1/2015)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội chinh phục AJC tư vấn tuyển sinh ĐH năm 2017	2017/KH-HVBCTT-ĐT (5/6/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC Open Day 2019	920-KH/HVBCTT (27/2/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tuyến AJC Open Day Online 2020	1771-KH/VBCTT (20/5/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2019	6171-KH/HVBCTT-ĐT (27/12/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức tọa đàm trực tuyến tư	3644-KH/HVBCTT (15/9/2020)	HVBC&TT	

	vấn điều chỉnh nguyện vọng			
	Kế hoạch chi tiết ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghịệp 2020	2275- KH/HVBCTT (16/6/2020)	HVBC& TT	
	Kế hoạch tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên địa bàn thành phố Hoà Bình năm 2020	2521- KH/HVBCTT (2/7/2020)	HVBC& TT	
H8.08.01.11	Tờ rơi, thông tin quảng bá tuyển sinh của Khoa Triết học qua các năm	s	Khoa Triết học	
H8.08.01.12	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy của HVBCTT			
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	1608- TB/HVBCTT- ĐT (11/5/2020)	HVBC& TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	1595- TB/HVBCTT- ĐT (30/3/2019)	HVBC& TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	1447/TB- HVBCTT-ĐT (3/4/2018)	HVBC& TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2017		HVBC& TT	
	Thông báo tuyển sinh ĐH hệ chính quy năm 2016	341/BC- HVBCTT-ĐT (29/1/2016)	HVBC& TT	
H8.08.01.13	Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học của HVBCTT	2016-2020	HVBC& TT	

H8.08.01.14	Thông báo tuyển sinh đại học thứ hai các năm của HVBC&TT.	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.01.15	Thông báo tuyển sinh nguyện vọng bổ sung đại học chính quy các năm HVBC&TT.	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.01.16	Cổng thông tin tuyển sinh: http://tuyensinhajc.edu.vn/			
H8.08.01.17	ĐT9 – Quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy của Bộ GD&ĐT			
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá</i>				
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCTC1.1				
H8.08.01.01. DC	Đề án tuyển sinh hằng năm	2016-2020	HVBC&TT	
	Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBC&TT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBC&TT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBC&TT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
H8.08.02.01	Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy		BGD_ĐT	Chưa có

	của Bộ giáo dục và Đào tạo.			
H8.08.02.02	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2019... quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, ThS, TS	07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020	Bộ GD-ĐT	
H8.08.01.03. DC	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC& TT	
H8.08.01.04. DC	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy các năm từ 2015 – 2019 của HVBC&TT;	2016-2020		
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016	321/QĐ-HVBC&TT-ĐT (27/1/2016)	HVBC& TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017	508/QĐ-HVBC&TT-ĐT (7/2/2017)	HVBC& TT	Lặp lại, bỏ
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	418/QĐ-HVBC&TT-ĐT (23/1/2018)	HVBC& TT	Chưa có
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	905-QĐ/HVBC&TT-ĐT (15/2/2019)	HVBC& TT	Lặp lại, bỏ
	Quyết định v/v bổ sung và thay thế Ủy viên Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	3014-QĐ/HVBC&TT-ĐT (5/7/2019)	HVBC& TT	

	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	1346-QĐ/HVBC TT-ĐT (22/4/2020)	HVBC & TT	Chưa có
H8.08.01.05. DC	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020		
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	2020	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2015	24/8/2015	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2015	8/9/2015	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	28/1/2016	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	30/8/2016	HVBC & TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng	28/7/2016	HVBC & TT	

	tuyển đại học năm 2016			
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	17/8/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	14/2/2017	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	6/2/2018	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2018	1/8/2018	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	13/8/2018	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	8/8/2019	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	28/2/2019	HVBC& TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác	22/8/2019	HVBC& TT	Thiếu ngày

	định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2019			tháng năm
H8.08.01.02. DC	Bảng so sánh tiêu chí tuyển sinh qua các năm	2016-2020	Khoa	
H8.08.01.08. DC	Thông kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBC&TT theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.02.03	Khảo sát sinh viên năm nhất về chính sách tuyển sinh		HVBC&TT/ khoa	
H8.08.01.01. DC	Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy các năm			
H8.08.02.04	Đường link các thông tin phục vụ đào tạo đăng trên website	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.01.08. DC	Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học của HVBC&TT từ năm 2016 – 2020	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.02.15	Bảng thống kê kết quả tuyển sinh, điểm chuẩn tuyển sinh theo ngành trong giai đoạn đánh giá			Chưa có
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH				
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	
MCTC1.1				

H8.08.03.01	Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy hệ tín chỉ (khối lượng học tập của người học)	3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
H8.08.03.02	QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT	2016-2020		
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBC TT 30/9/2019	HVBC&TT	
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
H8.08.03.03	QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng CTCT			
H8.08.03.04. DC	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học như giáo vụ khoa, cố vấn học tập)		HVBC&TT	
H8.08.03.05	Đề án vị trí việc làm của Phòng Công tác chính trị (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ trong học tập và rèn luyện của người học)		HVBC&TT	
H8.08.03.06	Tổng hợp báo cáo số lượng sinh viên các lớp đủ điều kiện xét tốt nghiệp	22/5/2019	Ban QLĐT	
	Tổng hợp báo cáo số lượng sinh viên các	4/6/2018	Ban QLĐT	

	lớp đủ điều kiện xét tốt nghiệp			
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp Triết học K35 (2015-2019) hệ đại học chính quy tập trung tại học viện	24/5/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp TTĐN, QHQT K34 (2014 – 2018) hệ đại học chính quy tập trung tại học viện	5/6/2018	Ban QLĐT	
	Danh sách sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2019	2019	Ban QLĐT	
	Tổng hợp báo cáo điều kiện xét tốt nghiệp năm 2019 đợt 2 các lớp K34, 35, 36B, 37B	9/10/2019	Ban QLĐT	lấy từ danh sách cán bộ hỗ trợ (Tiêu chuẩn 7)
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp đại học chính quy K34 và 36B đợt 1 năm 2018	5/6/2018	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp đại học chính quy K34 và 36B đợt 2 năm 2018	21/9/2018	Ban QLĐT	

	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp đại học chính quy khoá 33,34,35, 35B, 36B và 37B đợt 1 năm 2019	24/5/2019	Ban QLĐT	Cần có 1 bảng thống kê
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên lớp đại học chính quy khoá 33,34,35, 35B, 36B và 37B đợt 2 năm 2019	10/10/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên khoá 32,33,34,35B,36B đợt 3 năm 2018	11/1/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp đợt 3 năm học 2019 – 2020 cho sinh viên các khoá 34,35,36B và 37B tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	30/3/2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.07	Danh sách cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập trong rèn luyện của CTĐT (cán bộ phòng đào tạo, văn phòng khoa, cố vấn học tập, phòng CTCT)	2016-2020	HVBC& TT	
H8.08.03.08	Bảng thống kê kết quả học tập của người học qua các năm	2016-2020	Ban QLĐT	

	Thống kê điểm trung bình của người học theo tín chỉ	2016-2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.09	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2019-2020	25/10/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2018-2019	26/4/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2018-2019	26/10/2018	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2017-2018	20/4/2018	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2017-2018	22/10/2017	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017	28/4/2017	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2015-2016	22/4/2016	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017	28/4/2017	Ban QLĐT	

Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2014-2015	2889/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/9/2015)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2015-2016	2678/QĐ-HVBCTT-ĐH (24/8/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 2 năm học 2015-2016	3374/QĐ-HVBCTT-ĐH (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2015-2016	744/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/3/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 1 năm học 2015-2016	854/QĐ-HVBC&TT(21/3/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v đình chỉ học tập 1 năm năm học 2015-2016	3376/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh báo học tập năm học 2015-2016	3375/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2016-2017	850/QĐ-HVBCTT-ĐH (3/3/2016)	Ban QLĐT	

Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2016-2017	2775/QĐ-HVBC&TT-ĐH (22/8/2017)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	186/QĐ-HVBCTT-ĐH (16/1/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	570/QĐ-HVBCTT-ĐT (31/1/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 2 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3530/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/8/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 1 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3617/QĐ-HVBCTT-ĐT (22/8/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2019-2020	830/QĐ-HVBCTT-ĐT (3/3/2020)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2018-2019	3323/QĐ-HVBCTT-ĐT (6/8/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 31 và 33B	1894QĐ/HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC&TT	

Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2014-2015	2951QĐ/HVBC&TT (22/9/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên đạt giải trong cuộc thi tin học văn phòng thế giới	3238 QĐ/HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 32 (2012-2016) và 34B (2014-2016)	1920QĐ/HVBCTT (10/6/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 33 (2013-2017) và 35B (2015-2017)	1958QĐ/HVBCTT (5/6/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên được cấp chứng chỉ trong cuộc thi tin học văn phòng thế giới	2062QĐ/HVBC&TT (8/6/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên thủ khoa trong kỳ tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	3155/QĐ-HVBCTT –ĐT (19/9/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2016-2017	3156/QĐ/HVBC&TT (19/9/2017)	HVBC&TT	

Quyết định v/v khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH năm 2018	1842-QĐ/HVBCCTT-KH (10/4/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2018-2019	3739/QĐ-HVBCCTT-ĐT (9/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v trao tài trợ KF-Samsung cho sinh viên năm 2015	160/QĐ-HVBC&TT (14/1/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 35 (2015-2019) và 37B (2017-2019)	2651-QĐ/HVBCCTT-ĐT (11/6/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2018 -2019	3739/QĐ-HVBCCTT-ĐT (9/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định thành lập hội đồng khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung khoá 34 và 36B năm học 2017-2018	2551/QĐ-HVBCCTT-ĐT (12/6/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên có thành tích học tập khoá 34 và 36B	2565/QĐ-HVBCCTT-ĐT (12/6/2018)	HVBC&TT	

Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung K35 và K37B năm học 2018-2019 tại học viện	2302-QĐ/HVBCTT-ĐT (20/5/2019)	HVBC&TT	
Công văn gửi Thành đoàn Hà Nội v/v/ giới thiệu thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp HVBCTT	4474/HVBC&TT (9/10/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên thủ khoa trong kỳ tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	3155/QĐ-HVBCTT –ĐT (19/9/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng kỷ luật sinh viên và tập thể các lớp ĐH chính quy tập trung năm học 2017-2018 tại học viện	4164/QĐ-HVBCTT-ĐT (18/9/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng bổ sung cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2017 -2018	4596-QĐ/HVBCTT (16/10/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2017 -2018	4246/QĐ-HVBCTT-ĐT (24/9/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung	1954/QĐ-HVBCTT (2/6/2017)	HVBC&TT	

K33 và K35B năm 2017			
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 33 và 35B	1958QĐ/HVBCT T (5/6/2017)	HVBC& TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2016 -2017	3156/QĐ/HVBC TT (19/9/2017)	HVBC& TT	Chưa có
Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung năm học 2016-2017	3139/QĐ-HVBCTT (12/9/2017)	HVBC& TT	Chưa có
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2015 -2016	3038QĐ/HVBCT T (15/9/2016)	HVBC& TT	
Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 32 và 34B	1920QĐ/HVBCT T (10/6/2016)	HVBC& TT	
Quyết định v/v thành lập hội đồng xét kỷ luật sinh viên năm học 2015-2016	4162/QĐ-HVBCTT (11/12/2015)	HVBC& TT	
Quyết định v/v khen thưởng sinh viên được cấp chứng chỉ trong cuộc thi tin	3037QĐ/HVBC& TT (15/9/2016)	HVBC& TT	

	học văn phòng thể giới			
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 31 và 33B	1894QĐ/HVBC T (18/6/2015)	HVBC & TT	Chưa có
H8.08.03.10	Thông kê kết quả tốt nghiệp của SV	2016-2020	Ban QLĐT	Chưa có
H8.08.03.11	Thông kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	Ban QLĐT	Chưa có
H8.08.03.12	Thông kê về thời gian tốt nghiệp của sinh viên trong CTĐT	2016-2020	Ban QLĐT	
	Thông kê số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành Triết học	2016-2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.13	Cổng thông tin sinh viên (Chụp màn hình giao diện) có công bố kết quả học tập	2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.14	Kế hoạch đào tạo đối với CTĐT trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT	
H8.08.03.15	Biên bản họp cảnh báo và danh sách sinh viên tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa Triết học	
H8.08.03.16	Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của khoa:			

	- Biên bản họp phản ánh sinh viên: nguyên nhân và giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng)			
	- Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình			
	- Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ			
H8.08.03.16	Thống kê các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện dành cho sinh viên	2016-2020		
	Quyết định v/v trao giải cho các đơn vị đạt giải thưởng Gian trại ấn tượng và giải khuyến khích trong ngày hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp	1615/QĐ/HVBCT T (28/3/2019)	HVBC& TT	
	Danh sách sinh viên xin xác nhận vay vốn tín dụng năm 2016	20/8/2016	HVBC& TT	
	Danh sách sinh viên xác nhận vay vốn năm 2017	3/12/2017	HVBC& TT	
	Danh sách sinh viên làm xác nhận vay vốn tín dụng năm 2018	2018	HVBC& TT	
	Danh sách sinh viên nộp giấy xác nhận vay vốn năm 2019	2019	HVBC& TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học	285/QĐ-HVBCTT (18/1/2017)	HVBC& TT	Chưa có

	tập cho sinh viên năm học 2015-2016			
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm học 2016-2017	286/QĐ-HVBCTT (18/1/2017)	HVBC&TT	Chưa có
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm 2017	5107/QĐ-HVBCTT (27/12/2017)	HVBC&TT	Cần 1 bản thống kê, hiện tại chỉ có đơn của sv
	Danh sách sinh viên được nhận hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 1)	2018	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 2)	4993QĐ/HVBCTT (31/10/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên 5 tháng cuối năm 2018 (đợt 3)	4994QĐ/HVBCTT (31/10/2018)	HVBC&TT	
H8.08.03.17	Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ: công cụ quản lý (Chụp màn hình Phần mềm quản lý)	2020	HVBC&TT	
H8.08.03.18	Phiếu đăng ký học tín chỉ		HVBC&TT	
H8.08.03.19	Thống kê các nguyên nhân chậm tốt nghiệp, thôi học, trượt tốt nghiệp	2016-2020	Ban QLĐT	

H8.08.03.15. DC	Biên bản họp cảnh báo và danh sách sinh viên tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa Triết học	Chưa có
H8.08.03.16 DC	Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của khoa:			Chưa có
	- Biên bản họp phản ánh sinh viên: nguyên nhân và giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng)			Cần dữ liệu của Khoa
	- Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình			Chưa có
	- Danh sách học cải thiện, vết qua các kỳ			Chưa có
H8.08.03.20	Phân công cán bộ hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp	2016-2020	Khoa Triết học	
H8.08.03.01. DC	Quy chế đào tạo hệ tín chỉ			
H8.08.03.21	Quy định về việc công nhận xét tốt nghiệp của Trường		HVBC& TT	
H8.08.03.22	Đường link website bản mô tả chương trình đào tạo (trong đó có triết lý giáo dục của Khoa)	2020	HVBC& TT	
H8.08.03.23	Bản mô tả chương trình đào tạo			
H8.08.03.24	Dữ liệu kết quả học tập của người học			

	(Điểm trung bình GPA)			
H8.08.03.25	Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập		HVBC&TT	
H8.08.03.26	Các minh chứng về hỗ trợ SV của CTĐT khó khăn, SV được học bổng:			
	- Kế hoạch, Quyết định, chương trình, hình ảnh, báo cáo;			
	- Danh sách sinh viên của từng CTĐT tham gia			
	Công văn đề nghị Báo QĐND trao học bổng cho sinh viên HVBC	2477HVBC&TT (21/8/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho sinh viên HVBC&TT	3423HVBC&TT (22/10/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Quỹ Tấm lòng Việt Đài Truyền hình Việt Nam v/v tài trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại HVBC&TT	3864HVBC&TT (23/11/2015)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tài trợ cho sinh viên	3863/QĐ-HVBC&TT (23/11/2015)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tài trợ cho sinh viên	4497/QĐ-HVBC&TT (31/12/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên	4030HVBC&TT (28/11/2016)	HVBC&TT	

Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho sinh viên HVBCCTT			
Báo cáo v/v chọn sinh viên nhận học bổng Lienviet Post Bank	24/11/2016	HVBC&TT	
Quyết định v/v trao tiền hỗ trợ cho sinh viên gặp khó khăn	633/QĐ-HVBCCTT (7/2/2018)	HVBC&TT	
Công văn gửi Báo Đầu tư v/v lựa chọn sinh viên được học bổng	1255/HVBC&TT (16/3/2018)	HVBC&TT	
Báo cáo Giám đốc v/v hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn	13/8/2018	HVBC&TT	
Công văn gửi Vụ Giáo dục chính trị & công tác HSSV – Bộ GD&ĐT v/v tặng giải thưởng Vừ A Dính cho sinh viên HVBCCTT	1191CV/HVBC T (1/3/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2014-2015 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1606/QĐ-HVBC&TT (26/5/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2014-2015 cho sinh viên K31 hệ ĐH chính quy tập trung	1895/QĐ-HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC&TT	

Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2014-2015 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3394/QĐ-HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1427/QĐ-HVBC&TT (29/4/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3109/QĐ-HVBC&TT (22/9/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1762/QĐ-HVBC&TT (16/5/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3912/QĐ-HVBC&TT (31/10/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1726/QĐ-HVBC&TT (19/4/2018)	HVBC&TT	

Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	4327/QĐ-HVBC&TT (28/9/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1674/QĐ-HVBC&TT (4/4/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	4076QĐ/HVBCT T (25/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập HK1 năm học 2018-2019 cho sinh viên ĐH chính quy các lớp CLC	2380QĐ/HVBCT T (25/4/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập HK2 năm học 2018-2019 cho sinh viên ĐH chính quy các lớp CLC	4077QĐ/HVBCT T (25/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	1426/QĐ-HVBCTT (29/4/2016)	HVBC&TT	

	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2555/QĐ-HVBCTT (16/8/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung	3385/QĐ-HVBCTT (11/10/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	3054/QĐ-HVBCTT (11/9/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2977/QĐ-HVBCTT (16/1/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung năm học 2018 - 2019	4404/QĐ-HVBCTT (4/10/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung năm học 2019 - 2020	4079/QĐ-HVBCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung (bổ sung) năm học 2019 - 2020	219/QĐ-HVBCTT (14/1/2020)	HVBC&TT	
H8.08.03.27	Bảng thống kê kết quả học tập của			

	người học qua các năm			
H8.08.01.08. DC	Bảng thống kê kết quả tuyển sinh, điểm chuẩn tuyển sinh theo ngành trong giai đoạn đánh giá			
H8.08.03.28	Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV trong từng CTĐT trong giai đoạn đánh giá			
H8.08.03.29	Sổ tay sinh viên	2016-2020		x
	Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC& TT	x
	Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC& TT	x
	Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC& TT	
	Đường link website sổ tay sinh viên	2019	HVBC& TT	
	Đường link website sổ tay sinh viên	2020	HVBC& TT	
H8.08.03.30	BC tổng kết năm học của khoa	2016-2020	HVBC& TT	x
H8.08.03.31	Báo cáo tổng kết năm học của Học viện	2016-2020	HVBC& TT	x
Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.				
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	
H8.08.03.01. DC	Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy hệ tín chỉ (khối lượng học tập của người học)	3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC& TT	

H8.08.03.02		2016-2020		Chưa có
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBC TT 30/9/2019	HVBC& TT	Chưa có
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBC TT 31/10/2017	HVBC& TT	
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC& TT	
H8.08.04.01	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Khoa		Khoa Triết học	
H8.08.03.03. DC	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí cố vấn học tập)		HVBC& TT	
H8.08.03.04. DC	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng CTCT		HVBC& TT	
H8.08.04.02	Quyết định cử đoàn đi thực tế, thực tập	2016-2020	HVBC& TT/ khoa	
H8.08.04.03	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khoá	2016-2020		
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2016-2017 cho sinh viên K36	2740/KH-HVBC&TT (26/8/2016)	HVBC& TT	
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2017-2018 cho sinh viên K37	2566/KH-HVBC&TT (24/8/2017)	HVBC& TT	Chưa có
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm	3396/KH-HVBC&TT (8/8/2018)	HVBC& TT	Chưa có

	học 2018-2019 cho sinh viên K38			
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2019-2020 cho sinh viên K39	3347/KH-HVBC&TT (8/8/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2020 -2021 cho sinh viên K40	2020	HVBC&TT	
H8.08.04.04	Kế hoạch gặp mặt đầu năm		HVBC&TT/ khoa	
H8.08.04.05	Đường link Các thông tin phục vụ đào tạo đăng trên website	2020	HVBC&TT	
H8.08.04.06	Thống kê các CLB kèm minh chứng (Quyết định thành lập CLB CSC trực thuộc Khoa; các chương trình hoạt động của CLB và danh sách sinh viên tham gia)	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.04.07	Minh chứng về hoạt động cố vấn học tập (Nhật ký cố vấn học tập; ảnh chụp màn hình điện thoại, tin nhắn về tư vấn học tập)	2016-2020	Khoa	
H8.08.04.08	Website có chứa thông tin liên lạc của Giảng viên	2016-2020	HVBC&TT/ khoa	
H8.08.04.09	Thống kê các hoạt động hỗ trợ học tập khác kèm minh			

	chứng trong giai đoạn đánh giá			
H8.08.04.09	Thống kê các hoạt động hỗ trợ việc làm, các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm (số lượng và danh sách sinh viên được hỗ trợ) kèm minh chứng	2016-2020	Đoàn TN	
	Thống kê các hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Đoàn TN	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVB CTT (13/9/2017)	HVBC& TT	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2019-2020	27KH/ĐTNHVB CTT (20/8/2019)	HVBC& TT	
H8.08.04.10	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia) kèm Minh chứng			
	Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn cụm đoàn trường học, đoàn khối các cơ quan TƯ. Khai mạc AJC cup và Ngày hội thể thao sinh viên năm học 2016-2017	05KH/ĐTN (24/11/2016)	HVBC& TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017	37KH/ĐTN (1/2017)	HVBC& TT	

Kế hoạch tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên năm học 2016-2017, Tập huấn công tác Đoàn năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVB CTT (29/10/2017)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức giải bóng đá sinh viên AJC Cup năm học 2017-2018	05KH/ĐTN HVBCTT (7/11/2017)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng Thanh niên năm 2018 và kỷ niệm 87 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM	07KH/ĐTN HVBCTT (28/2/2018)	HVBC& TT	
Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn năm học 2018-2019	14KH/ĐTN (1/10/2018)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Phút cuối 2018	09KH/ĐTN HVBCTT (25/3/2018)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tài sắc nữ sinh Báo chí Press Beauty 2018	06KH/ĐTN HVBCTT (20/1/2018)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Chuyện của chúng ta	21KH/ĐTN HVBCTT (20/4/2019)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019	19KH/ĐTN HVBCTT (20/2/2019)	HVBC& TT	
Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tìm kiếm tài năng người dẫn	20KH/ĐTN HVBCTT (10/3/2019)	HVBC& TT	

	chương trình tài năng Speak up 2019			
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2020 của Đoàn Thanh niên	22/11/2019	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2019 của Đoàn Thanh niên	25/12/2018	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2018 của Đoàn Thanh niên	28/11/2017	HVBC&TT	
	Công văn v/v Tổ chức hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đoàn	68-CV/ĐTNHV (19/12/2019)	HVBC&TT	
H8.08.04.11	Minh chứng về các hoạt động SV tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của GV (thống kê số lượng kèm hồ sơ - MC điển hình	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6385-QĐ/HVBCTT-KH (28/12/2018)	Ban QLKH	
	Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6395-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH	
	Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4633-QĐ/HVBCTT-KH (16/10/2019)	Ban QLKH	
	Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu	19/11/2019	Ban QLKH	

đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019			
Biên bản bàn giao sản phẩm	27/11/2019	Ban QLKH	
Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	27/11/2019	Ban QLKH	
Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6393-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH	
Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6384-QĐ/HVBCTT-KH (28/12/2018)	Ban QLKH	
Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4635-QĐ/HVBCTT-KH (16/10/2019)	Ban QLKH	
Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	31/10/2019	Ban QLKH	
Biên bản bàn giao sản phẩm	11/11/2019	Ban QLKH	
Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	11/11/2019	Ban QLKH	
Hợp đồng nghiên cứu khoa học	157HĐSVKH/H VBC-TT (5/1/2017)	Ban QLKH	
Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3841/QĐ-HVBCTT-KH (26/10/2017)	Ban QLKH	
Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2017	8/12/2017	Ban QLKH	

	Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	13/12/2017	Ban QLKH	
	Biên bản bàn giao sản phẩm	13/12/2018	Ban QLKH	Chưa có đủ
	Hợp đồng nghiên cứu khoa học	200HĐSVKH/H VBC-TT (1/1/2016)	Ban QLKH	Chưa có đủ
	Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3557/QĐ-HVBC TT-KH (20/10/2016)	Ban QLKH	
	Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016	15/11/2016	Ban QLKH	Chưa có
	Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2/12/2016	Ban QLKH	Chưa có đủ
	Biên bản bàn giao sản phẩm	1/12/2016	Ban QLKH	
H8.08.04.12	Báo cáo tổng kết năm học	2016-2020	HVBC & TT	
H8.08.03.09. DC	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT	Chưa có
H8.08.03.27. DC	Thống kê kết quả tốt nghiệp của SV	2016-2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.28. DC	Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	Ban QLĐT	
H8.08.04.13	Thống kê về thời gian tốt nghiệp của sinh viên trong CTĐT	2016-2020	HVBC & TT	
H8.08.04.14	Thống kê tỷ lệ việc làm của SVTN trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT	

H8.08.04.15	Quy định chức năng nhiệm vụ của VPHV (TTH-HTĐT)		HVBC&TT	Chưa có
H8.08.04.16	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTTK-KĐCLĐT		HVBC&TT	Chưa có
H8.08.04.17	Bảng phân công khối lượng nghiên cứu giảng dạy hàng năm	2016-2020	Khoa	CT6
H8.08.04.18	Kỷ yếu hội thảo khoa học sv 2019, 2020	2019-2020	Khoa	KT20
H8.08.04.19	Thống kê giải thưởng NCKH của sv 2016 - 2020	2016-2020	Khoa	
H8.08.04.20	Thống kê số lượng và danh sách nghiên cứu đề tài khoa học sv đăng ký tham gia giải thưởng			KT36
H8.08.04.21	Thống kê các loại học bổng cho sinh viên	2016-2020	Khoa	
H8.08.04.22	Kế hoạch Đối thoại giữa BGD và sv	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.04.23	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối thoại giữa BGD và sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.03.26. DC	Các MC về hỗ trợ sinh viên khó khăn, học bổng			Chưa có
H8.08.04.24	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm	2016-2020	Khoa Triết học	Chưa có
H8.08.04.25	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.04.26	Thống kê tình trạng việc làm của sv tốt	2017-2020	Khoa	

	nghiệp chương trình đào tạo			
	Báo cáo khảo sát SVTN sau 1 năm tốt nghiệp	2017-2020	HVBC& TT	
H8.08.04.27	Ảnh chụp SV tham gia tiếp sinh giới thiệu về các CLB	2016-2020	Khoa Triết học	
H8.08.04.28	Ảnh chụp website của Học viện, tài khoản của sinh viên cũng cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, kết quả học tập	2020	Khoa Triết học	
H8.08.04.29	Ảnh: SV tham gia các sự kiện: đón NTQG...]	2016-2020	Khoa Triết học	
H8.08.04.30	Thông kê khen thưởng SV	2016-2020	HVBC& TT/ khoa	
	Quyết định khen thưởng của BCH Đoàn HVBC&TT cho 3 sự kiện xuất sắc năm học 2015- 2016	445QĐ/ĐTN (25/3/2016)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của BCH Đoàn HVBC&TT cho cá nhân là thủ lĩnh Đoàn xuất sắc năm học 2015 - 2016	446QĐ/ĐTN (25/3/2016)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của Ban thường vụ Đoàn khối các cơ quan Trung ương cho tập thể và cá nhân thuộc	66QĐ/ĐTNK-VP (30/9/2016)	Đoàn Thanh niên HV	

	Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2015-2016			
	Quyết định khen thưởng của Ban thường vụ Đoàn khối các cơ quan Trung ương cho tập thể và cá nhân thuộc Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2016-2017	161QĐ/ĐTNK-VP (2/11/2017)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của HVCTQGHCM cho tập thể và cá nhân xuất sắc của Đoàn thanh niên HVBC&TT năm học 2016-2017	84-QĐ/ĐTNHV (2/11/2017)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định v/v khen thưởng công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2016-2017 (có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn)	01QĐ/ĐTN (3/11/2017)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của Đoàn HVBC&TT cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2017-2018	02QĐ/ĐTN (20/9/2018)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng Đoàn HVBC&TT	333QĐ/ĐTNHV BCTT (16/4/2019)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng Đoàn HVBC&TT cho cá	443QĐ/ĐTN (20/11/2019)	Đoàn Thanh niên HV	

	nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2019			
	Quyết định khen thưởng của Đoàn HVBC&TT cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2018 - 2019	444-QĐ/ĐTN (20/11/2019)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của Đoàn HVCTQGHCM cho tập thể và cá nhân Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2019	12-QĐ/ĐTNHV (27/11/2019)	Đoàn Thanh niên HV	
	Quyết định khen thưởng của Đoàn HVCTQGHCM cho tập thể và cá nhân Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2018 - 2019	11-QĐ/ĐTNHV (27/11/2019)	Đoàn Thanh niên HV	
<i>Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.</i>				
H8.08.05.01	Sơ đồ tổng quan HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
	Sơ đồ các toà nhà A1, A2, B1-B11		HVBC&TT	
H8.08.05.02	Thống kê số lượng, diện tích và danh sách các phòng học, phòng thực hành và phòng làm việc, giải	2020		

	trí, thể thao phục vụ CTĐT			
H8.08.05.03	Thống kê số lượng, mật độ cây xanh	2020	HVBC& TT	Đã có Thống kê của Đoàn TN
H8.08.05.04	Ảnh chụp Bảng biểu nội quy/quy tắc ứng xử trong môi trường sư phạm.	2020	HVBC& TT	Chưa biết có MC không
	Giấy đề nghị v/v khẩu hiệu hưởng ứng quy định về ứng xử văn hoá	15/11/2019	HVBC& TT	
H8.08.04.01. DC	Quyết định về Chức năng nhiệm vụ của Khoa		Khoa	
H8.08.03.04. DC	Quyết định về Chức năng nhiệm vụ của phòng CTCT		HVBC& TT	
H8.08.04.15. DC	Quyết định về Chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Học viện	4229-QĐ/HVBC TT (30/9/2019)	HVBC& TT	
H8.08.03.26. DC	Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV khó khăn, học bổng (Loại hình, Số lượng sinh viên được hỗ trợ, kèm danh sách sinh viên được hỗ trợ)	2016-2020	HVBC& TT	
H8.08.04.10. DC	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia nếu có) kèm Minh chứng	2016-2020	Đoàn TN	
H8.08.05.10	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa	2016-2020	Khoa	

H8.08.05.11	Báo cáo tổng kết năm học của Phòng CTCT			Chưa có
	Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	2020	Phòng CTCT & Hỗ trợ sinh viên	
	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	21/11/2019	Phòng CTCT & Hỗ trợ sinh viên	Đã có bản mềm kết quả KS SV năm 2018,2019, thiếu các năm trước
	Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019	14/12/2018	Phòng CTCT	
	Báo cáo tổng kết công tác năm học 2016 -2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018	21/11/2017	Phòng CTCT	DT38
	Báo cáo tổng kết công tác năm học 2015 -2016 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2016-2017	22/11/2016	Phòng CTCT	K100
H8.08.05.12	Báo cáo tổng kết năm học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền			CT5
H8.08.05.13	Báo cáo tổng kết năm học của VPHV	2016-2020		

	(trong đó có phần của y tế)		Văn phòng HV	K119
H8.08.05.14	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2016-2020	HVBC& TT	VP17
H8.08.05.16	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2018-2020	HVBC& TT	CT3
H8.08.05.18	Biên bản họp phản ánh sinh viên hàng tháng	2016-2020	Khoa	VP14
H8.08.04.07. DC	MC về hoạt động cố vấn học tập	2016-2020	Khoa	Có DS SV toàn trường mua BHYT, nhưng chưa đầy đủ
H8.08.05.21	Danh sách BCS, BCH Chi đoàn	2016-2020	Khoa	KT19
H8.08.05.22	Thống kê các CLB kèm MC; Các chương trình hoạt động của CLB và danh sách sv tham gia	2016-2020	Đoàn TN	
H8.08.05.23	Hệ thống PCCC của HV và hồ sơ nghiệm thu		HVBC& TT	
H8.08.05.25	Dữ liệu khám sức khoẻ định kỳ đối với sv (Kế hoạch và danh sách)	2016-2020	HVBC& TT	
H8.08.05.26	Thống kê số lượng sinh viên tham gia	2016-2020	HVBC& TT	

	bảo hiểm y tế kèm danh sách			
H8.08.05.28	MC về phối hợp giữa HV và công an khu vực, chính quyền quận Cầu Giấy để đảm bảo an ninh	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.05.29	Thông kê mức độ hài lòng của sv về đội ngũ CB hỗ trợ			
H8.08.01.01. DC	Đề án tuyển sinh			

TIÊU CHUẨN 9			
CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ			
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.			
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
H9.09.01.01	Sơ đồ tổng quan Học viện	2020	HVBC&TT
H9.09.01.02	Sơ đồ hệ thống phòng học	2020	HVBC&TT
H9.09.01.03	Sơ đồ nhà A1	2016	HVBC&TT
H9.09.01.04	Thông kê diện tích Khoa TH	2020	
H9.09.01.05	Bảng thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, <u>các trang thiết bị, tiện ích</u> của Học viện BCTT	2020	HVBC&TT
H9.09.01.06	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường.	2016-2020	HVBC&TT
	Biên bản kiểm kê tài sản các toà nhà B1-B11	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.07	Thông kê cơ sở vật chất của khoa Triết học 2015-nay (file bổ sung)	2016-2020	Khoa Triết học, HVBC&TT

	Biên bản kiểm kê tài sản khoa Triết học	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.08	Thống kê thiết bị khoa Triết học được trang bị trong giai đoạn 1/2016-11/2020	2016-2020	Khoa Triết học
H9.09.01.09	Minh chứng số liệu sinh viên của Học viện đến 2020	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.10	Sổ theo dõi thực trạng sử dụng phòng học, thiết bị	2016-2020	
H9.09.01.11	Kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng và trang thiết bị	2016-2020	
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của HVBC&TT	Số 1044, 05/03/2018	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của HVBC&TT	Số 8670, 28/12/2018	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của HVBC&TT	Số 6199, 18/12/2017	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2016 của HVBC&TT	Số 189, 15/01/2016	HVBC&TT
	Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2020 của HVBC&TT	2020	HVBC&TT
	+ Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.12	Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016-2020	HVBC&TT

	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc mua sắm trang thiết bị hàng năm (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.13	Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016-2020	HVBC&TT
	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc nâng cấp cải tạo phòng học, phòng làm việc hàng năm (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.01.14	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát GV về chất lượng đào tạo	2018-2020	HVBC&TT
H9.09.01.15	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát Sv cuối khoá về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu			
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
H9.09.02.01	Sơ đồ thư viện	2020-2021	HVBC&TT
H9.09.02.02	Hình ảnh thư viện số	2020	HVBC&TT
H9.09.02.03	Thống kê các trang thiết bị trong thư viện 2016-2020	2016-2020:	HVBC&TT
		15/12/2016	
		15/12/2017	
		15/12/2018	
		15/12/2019	
H9.09.02.04	Nội quy Thư viện trên website và tại các phòng phục vụ của Thư viện	2016-2020	HVBC&TT

H9.09.02.05	Nội quy Thư viện, đường link cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện số	2020	HVBC&TT
H9.09.02.06		2016-2020	HVBC&TT
		16/1/2017	
		28/12/2018	
		1/11/2018	
H9.09.02.07	Danh mục tài liệu (sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, luận văn, luận án,...) phục vụ chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.02.08	Danh mục sách tại thư viện số Học viện	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.02.09	Danh mục sách, đề tài, luận văn, luận án... được lưu trữ tại khoa Triết học	2016-2020	Khoa Triết học
H9.09.02.10	Danh sách thống kê tài liệu được bổ sung hàng năm của Thư viện (phục vụ ngành Triết học)	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.02.11	Danh sách thống kê tài liệu được bổ sung hàng năm tại (tủ sách) Khoa Triết học	2016-2020	Khoa Triết học
H9.09.02.12	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	2016-2020	Khoa
	(hoặc thống kê học liệu của các môn học được rút ra từ đề cương chi tiết học phần)		
H9.09.02.13	Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành TH từ 2016 -2020	2020	HVBC&TT
	<i>Quyết định về lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học</i>		HVBC&TT
	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp cơ sở dữ liệu cho thư viện (MC điển hình)	2016-2020	

		1802- QĐ/HVBTT ngày 28/2/2016	
		1211 - QĐ/HVBCTT ngày 9/2/2017	HVBC&TT
		1415- QĐ/HVBCTT ngày 5/3/2018	
		893- QĐ/HVBCTT ngày 30/1/2019	
	+ Quyết định về việc lựa chọn đơn vị xây dựng công cụ phần mềm hỗ trợ số hóa tài liệu nhanh và số hóa tài liệu ngoại văn	2018-2020	
	+ Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện	4846- QĐ/HVBCTT ngày 2/10/2018	HVBC&TT
		1261- QĐ/HVBCTT ngày 28/2/2019	
		1598- QĐ/HVBCTT ngày 2/3/2020	
H9.09.02.14	Tổng kê kinh phí bổ sung tài liệu hàng năm Khoa Triết học	2016-2020:	HVBC&TT
		30/12/2016	HVBC&TT
		30/12/2017	HVBC&TT
		30/12/2018	HVBC&TT
		30/12/2019	HVBC&TT
		30/4/2020	HVBC&TT
		HVBC&TT	
	Minh chứng hoá đơn thanh toán (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT

H9.09.02.15	<i>Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện từ năm 2015 đến nay</i>	2016-2020	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp đề can màu	2234-QĐ/HVBCTT ngày 30/3/2016	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng báo, tạp chí	3894 - QĐ/HVBCTT ngày 14/9/2016	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ từ, mực in mã vạch, tem mã vạch	4407-QĐ/HVBCTT 1/10/2016	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu phòng mượn tự chọn của thư viện	2042 - QĐ/HVBCTT 20/3/2017	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng tài liệu cho TT TTKH	1A-QĐ/HVBCTT 4/1/2018	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu phòng đọc mở Thư viện	4847-QĐ/HVBCTT 1/10/2018	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị pho-to tài liệu của thư viện	953-QĐ/HVBCTT 22/2/2019	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu kho nhiều bản của thư viện	3736 - QĐ/HVBCTT 25/8/2019	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ từ cho thư viện	2347-QĐ/HVBCTT 12/4/2019	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị nâng cấp thư viện số	3737-QĐ/HVBCTT 25/8/2019	HVBC&TT
	Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng tài liệu cho TT TTKH	4145-QĐ/HVBCTT 04/9/2019	HVBC&TT

H9.09.02.16	Văn bản mở rộng hợp tác của thư viện với các bên liên quan	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.02.17	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về Thư viện	2017-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá	2017-2020	HVBC&TT
H9.09.02.18	Thống kê mức độ hài lòng của GV về Thư viện	2018-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát CB, GV, NV	2018-2020	
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu			
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
H9.09.03.01	Mô tả về hệ thống phòng phòng thực hành, trang thiết bị: Sơ đồ, tên phòng, chức năng phục vụ đào tạo và NCKH:	2020	HVBC&TT
	Sơ đồ phòng thực hành	2020	HVBC&TT
	Bảng thống kê phòng học, thực hành	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.03.02	Thống kê số lượng trang thiết bị, phòng thực hành trong giai đoạn đánh giá từ 2016-2020	2020	HVBC&TT
	Biên bản kiểm kê tài sản phòng thực hành	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.03.03	Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của Văn phòng HVBC&TT (Minh chứng về đơn vị phụ trách quản lý phòng thực hành)		HVBC&TT
H9.09.03.04	Văn bản quy định về quản lý và sử dụng tài sản công của khoa Triết học, của Học	Số 4805 ngày 18/12/2014	HVBC&TT

	viện Báo chí và Tuyên truyền. (nằm trong VP1)		
H9.09.03.05	<i>Các quy định, tài liệu hướng dẫn của phòng thực hành của HV</i>		
	Quyết định về việc ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio	Số 3479, ngày 30/10/2015	HVBC&TT
	Quyết định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành, chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 386, ngày 11/02/2020	HVBC&TT
H9.09.03.06	Sổ theo dõi tần suất sử dụng phòng thực hành	2016-2020	Văn phòng HV
	Nhật kí sử dụng phòng máy tính, B1.304	2016-2017	Văn phòng HV
	Nhật kí sử dụng phòng lab ngoại ngữ B3.103	2016-2017,	Văn phòng HV
		2017-2018	
	Sổ ghi thông tin lịch giảng dạy phòng thực hành	2016-2017	Văn phòng HV
H9.09.03.07	Kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị	2016-2020	
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của HVBC&TT	Số 1044, 05/03/2018	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của HVBC&TT	Số 8670, 28/12/2018	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của HVBC&TT	Số 6199, 18/12/2017	HVBC&TT
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2016 của HVBC&TT	Số 189, 15/01/2016	HVBC&TT

	Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2020 của HVBC&TT	2020	HVBC&TT
	+ Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT
	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dạy học qua các năm	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.03.08	Thống kê kinh phí dành cho các hoạt động mua sắm, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT
	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ kèm theo (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.03.09	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát CB, GV, NV hàng năm	2018-2020	HVBC&TT
H9.09.03.10	Thống kê mức độ hài lòng của SV cuối khoá về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoa	2016-2020	HVBC&TT
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.			
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
H9.09.04.01	Sơ đồ hệ thống mạng	2020	HVBC&TT
H9.09.04.02	Ảnh chụp (từ máy tính) cổng thông tin HV, hòm thư, cổng thông tin quản lý đào tạo (dẫn vào hệ thống phần mềm quản lý), thư	2020	HVBC&TT

	viện số,... cùng với đường link đi kèm		
H9.09.04.03	<i>Thống kê danh mục Hệ thống công nghệ thông tin gồm: hệ thống máy tính của HV và khoa Triết học</i>		
	Thống kê số lượng thiết bị công nghệ thông tin	15/12/2016,	
		10/12/2018,	
		15/06/2020	
	Danh mục hệ thống công nghệ thông tin	15/12/2016,	HVBC&TT
		15/12/2018,	
15/12/2020			
Thống kê trang thiết bị phòng làm việc khoa Triết học	2020	Khoa Triết học	
Thống kê thiết bị khoa Triết học được trang bị trong giai đoạn 1/2016-11/2020	2016-2020	Khoa Triết học (từ sổ quản lý tài sản Khoa)	
H9.09.01.05.D C	Bảng thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT (VP35)	Không có năm	HVBC&TT
H9.09.04.05	<i>Danh sách địa chỉ mail nội bộ của cán bộ, GV, sinh viên</i>		
	Danh bạ điện thoại HVBC&TT	2020	HVBC&TT
	Danh sách tài khoản email sinh viên, học viên ... toàn học viện (in từ file tài khoản dạy trực tuyến của sinh viên)	2020	HVBC&TT
H9.09.04.06	<i>Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020 (VP18, VP32)</i>	2016-2020	
		Chưa có năm 2020	

+ HĐ số 01/2019 gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2019 của HVBC&TT”	2019	HVBC&TT
+ HĐ kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2018”	2018	HVBC&TT
+ Hợp đồng kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng năm 2017”	2017	HVBC&TT
+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng	2015	HVBC&TT
+ Hợp đồng kinh tế triển khai hệ thống chấm công	2018	HVBC&TT
+ Biên bản nhiệm thu và thanh lý hợp đồng	2016	HVBC&TT
+Hợp đồng kinh tế	2018	HVBC&TT
+ Hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ	2019	HVBC&TT
+ Hợp đồng bảo trì	2018	HVBC&TT
+ Hợp đồng bảo trì hệ thống máy tính	2015,	HVBC&TT
	2016,	
	2017,	
	2019	
+ Hợp đồng bảo trì tổng đài điện thoại	2015,	HVBC&TT
	2016,	
	2017,	
	2018	
+ Hợp đồng mua bán hàng hóa	2018	HVBC&TT
+ Hợp đồng bảo trì dịch vụ mạng, máy chủ	2019	HVBC&TT
+ Hợp đồng lắp đặt hệ thống mạng Internet không dây cho tòa nhà E6	2016	HVBC&TT
+ Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT

H9.09.04.07	Báo cáo kết quả khảo sát GV, NV hàng năm		
	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.04.08	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoá hàng năm		
	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật			
Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
H9.09.05.01	Quy định về môi trường, GD an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017	Chính phủ VN
H9.09.05.02	Nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh môi trường		
	Quyết định về việc ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio	3479/QĐ-HVBCTT, ngày 30/10/2015	HVBC&TT
	Quyết định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành, chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	386/QĐ-HVBCTT, ngày 11/02/2020	HVBC&TT
H9.09.05.03	Sơ đồ thiết kế các toà nhà A1, B1-B11 (Có lưu ý đến đk đảm bảo cho người khuyết tật)		HVBC&TT

	+Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công (Cải tạo nhà B1)	2013	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo xây dựng nhà A3 và A4	2018	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công ký túc xá sinh viên A5	2016	HVBC&TT
	+Sơ đồ nhà hành chính trung tâm A1	2016	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà hành chính trung tâm - phân viện	2018	HVBC&TT
	+Thiết kế bản vẽ thi công: Thư viện thuộc phân viện		HVBC&TT
	+Bản vẽ hoàn công nhà ở sinh viên khối A		HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Cải tạo, sửa chữa nhà B11		HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Cải tạo KTX nhà E6	2014	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công: Hội trường 800 chỗ	2011	HVBC&TT
	+Bản vẽ hoàn công: Cải tạo sân thể thao sinh viên	2014	HVBC&TT
	+Hồ sơ hoàn công: Cải tạo, sửa chữa nhà ở sinh viên A2	21/8	HVBC&TT
	+Bản vẽ thiết kế thi công: Cải tạo, nâng cấp nhà A3 và A4	2018	HVBC&TT
	+Bản vẽ thi công: Ký túc xá sinh viên A5	2016	HVBC&TT
H9.09.05.04	Thống kê số lượng cây xanh	2020	HVBC&TT
H9.09.05.05	Hợp đồng với công ty Hoàn mỹ để đảm bảo các phòng học, phòng làm việc hàng năm của HV	2016-2020	HVBC&TT

H9.09.05.06	Các biên bản kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra vệ sinh chất lượng ăn uống, nước sinh hoạt,...		Sở y tế Hà Nội
	Biên bản kiểm tra giám sát vệ sinh trường học	23/3/2017, 15/4/2018	Sở y tế Hà Nội
	Biên bản giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch	9/9/2015, 9/6/2016, 23/3/2017, 16/4/2018, 12/3/2019	Sở y tế Hà Nội
	Biên bản làm việc kiểm tra chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt	16/4/2018, 12/3/2019	Sở y tế Hà Nội
H9.09.05.07	Các xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm		Sở y tế HN
H9.09.05.08	Quyết định thành lập, Chức năng, nhiệm vụ, danh sách nhân viên của phòng y tế]		HVBC&TT
H9.09.05.09	Văn bản ký kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp		HVBC&TT
H9.09.05.10	<i>Dữ liệu về khám sức khỏe định kỳ đối với CBGV (Kế hoạch, danh sách)]; [Dữ liệu về khám sức khỏe định kỳ đối với SV đầu khóa (Kế hoạch, danh sách)</i>		
	+ Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức	2016 2017 2018 2019 2020	HVBC&TT

	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2019	Bệnh viện Hữu nghị
	+ Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe định kỳ cán bộ nhân viên	2018	Bệnh viện Hữu nghị
	+ Bảng tổng kết kết quả khám sức khỏe định kỳ cán bộ trường học	2015	Bệnh viện đại học y Hà Nội
	+ Bảng kết quả KSK cán bộ	2016	Bệnh viện đại học y Hà Nội
	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội
	+ Kế hoạch khám sức khỏe sinh viên đầu khóa	2015	HVBC&TT
		2016	
		2017	
		2018	
		2019	
	+ Thông báo kết quả khám sức khỏe sinh viên	2015	Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp
	+ Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe sinh viên các lớp	2017	Bệnh viện Hữu nghị
		2018	
		2019	
	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe hệ sinh viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội
H9.09.05.11	Văn bản phối hợp giữa Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự		HVBC&TT
H9.09.05.12	Danh sách đội bảo vệ	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.05.13	Ảnh chụp đỗ xe theo quy định	2020	HVBC&TT

H9.09.05.14	Thống kê hoạt động PCCC và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
	<i>Phòng cháy chữa cháy</i>		
	+Quyết định số về việc kiện toàn lực lượng PCCC (VP12)	3711/QD- HVBC&TT- VP năm 2016	HVBC&TT
	+Quyết định về việc thành lập lực lượng PCCC (VP12)	1772/QD- HVBC&TT- VP năm 2016,	HVBC&TT
		1775/QD- HVBC&TT- VP năm 2016	
	+Kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (VP12)	4924/KH- HVBC&TT- VP năm 2018,	HVBC&TT
		1462/QD- HVBC&TT- VP năm 2017,	
		5318/QD- HVBC&TT- VP năm 2018	
	<i>Cứu hộ, cứu nạn</i>		
	+Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy, chống thiên tai; phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn. (VP15)	1774/QD- HVBC&TT- VP năm 2016,	HVBC&TT
		1900/QD- HVBC&TT- VP năm 2017,	
		2610/QD- HVBC&TT- VP năm 2018,	
		1773/QD- HVBC&TT- VP năm 2016	
+Quyết định thành lập lực lượng phòng chống thiên	2611/QD- HVBC&TT- VP năm 2018,	HVBC&TT	

	tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn (VP15)		
		1901/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,	
		2660/QD-HVBC&TT-VP năm 2019,	
		2659/QD-HVBC&TT-VP năm 2019	
	+Kế hoạch chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, hậu cần và phương án tác chiến phối hợp Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (VP15)	1783/QD-HVBC&TT-VP năm 2015,	HVBC&TT
		2189/QD-HVBC&TT-VP năm 2016,	
		2190/QD-HVBC&TT-VP năm 2016,	
		2251/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,	
		2252/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,	
		2834/QD-HVBC&TT-VP năm 2018,	
		2887/KH-HVBC&TT-VP năm 2019,	
		2888/QD-HVBC&TT-VP năm 2019	
H9.09.05.15		Danh sách các lớp/buổi tập huấn về PCCC kèm minh chứng 2015 - 2020]	
H9.09.05.16	<i>Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục cải tạo nâng</i>		

	<i>cấp hệ thống PCCC tại các tòa nhà ở học viện</i>		
	+Hồ sơ bản thiết kế thi công A3 và A4	2018	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà hành chính trung tâm	2018	HVBC&TT
	+Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Cải tạo ký túc xá nhà E6	2014	HVBC&TT
H9.09.05.17	BB kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC		
	Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC	2019	CAHN
	Công văn của CAHN về việc nghiệm th về PCCC	2020	CAHN
H9.09.05.18	Kế hoạch tổ chức tổng kết công tác PCCC hàng năm của HV		HVBC&TT
H9.09.05.19	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV	2016-2020	HVBC&TT
H9.09.05.20	Kế hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên”	Năm 2016-2017,	HVBC&TT
		Năm 2017-2018,	
		Năm 2018-2019,	
		Năm 2019-2020.	
H9.09.05.21	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên ngành TH về môi trường tâm lý xã hội	2016-2020	HVBC&TT
	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoá hàng năm	2016-2020	

H9.09.05.22	Thống kê mức độ hài lòng của GV ngành TH về môi trường tâm lý xã hội	2018-2020	HVBC&TT
	Thống kê mức độ hài lòng của nhân viên về môi trường tâm lý xã hội	2018-2020	HVBC&TT
	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên về chất lượng đào tạo và môi trường làm việc	2018-2020	HVBC&TT

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 10				
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học				
	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC1.10			
	H10.10.01.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của trung tâm KT-ĐBCLĐT	2012	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của trung tâm KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019	HVBC&TT
	H10.10.01.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT- KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT (30/9/2019)	HVBC&TT
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT

	H10.10.01.03	Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&T T
		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&T T
	H10.10.01.04	Thống kê các loại hình khảo sát, hình thức, phương pháp khảo sát, nhiệm vụ của các bên liên quan	2016-2020	HVBC&T T
6	H10.10.01.05	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2019 - 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCCTT 31/10/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCCTT 10/5/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCCTT 8/11/2018	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&T T

		Mẫu phiếu khảo sát	2016 - 2020	HVBC&T T
		Đường link Phiếu khảo sát sinh viên; Phiếu khảo sát sinh viên (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2019-2020	2020	
7	H10.10.01.06	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBCCTT 10/5/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC&T T

		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&T T
8	H10.10.01.07	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2018-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&T T
9	H10.10.06.08	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu	2016 - 2020	HVBC&T T

		khảo sát và báo cáo kết quả)		
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	
		Phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017	HVBC&T T
10	H10.10.01.09	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T

		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2019	2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát NTD	2016-2020	
		Phiếu khảo sát NTD	2016 - 2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017-2020	2017- 2020	HVBC&T T
	H10.10.01.11	Sổ hợp phần ảnh sinh viên hàng tháng	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.01.12	Bản giải trình những thay đổi, cải tiến CTĐT 2016-2018	2018	Khoa Triết học
	H10.10.01.13	Bản giải trình những thay đổi, cải tiến CTĐT 2018-2020	2020	Khoa Triết học
	H10.10.01.14	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.01.15	Minh chứng Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT	07/2015/TT-BGDĐT	Bộ GD-ĐT

	H10.10.01.16	Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	1982/QĐ-TTg ngày 18/10/ 2016	Thủ tướng chính phủ
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến				
ST T	Mã minh chứng	Tên MC	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC10.2			
	H10.10.02.01	Quyết định về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của HVBCCTT	2014	HVBC&T T
		Quyết định về việc thành lập HĐKH-ĐT của HVBCCTT nhiệm kỳ 2017-2021	2017	HVBC&T T
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2018	2018	HVBC&T T
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2019	2019	HVBC&T T
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2020	2020	HVBC&T T
	H10.10.02.02	Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&T T
		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật,	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&T T

		đánh giá chương trình đào tạo		
H10.10.02.03		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT		
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCCTT 30/9/2019	HVBC&T T
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCCTT 31/10/2017	HVBC&T T
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&T T
H10.10.02.04		Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Trung tâm KT – ĐBCLĐT	2012	HVBC&T T
		Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Trung tâm KT – KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019	HVBC&T T
H10.10.02.05		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2018	2018	HVBC&T T
H10.10.02.06		Biên bản họp Khoa/tổ bộ môn trong xây dựng CTĐT (Lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo (bên liên quan) thông qua biên bản họp khoa)	2018	HVBC&T T
H10.10.02.07		Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CT	2018	HVBC&T T

H10.10.02.08	Biên bản họp Hội đồng khoa học Khoa	2018	Khoa Triết học
H10.10.02.09	Hồ sơ nghiệm thu CTĐT	2018	HVBC&T T
H10.10.02.10	Quyết định ban hành CTĐT 2018	2018	HVBC&T T
H10.10.02.11	Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBCTTng ày 28/12/2018	HVBC&T T
H10.10.02.12	Quyết định ban hành ĐCHP	2019	HVBC&T T
H10.10.02.13	Quyết định về ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520, QĐ-HVBCTT (ngày 28/12/2018	HVBC&T T
H10.10.02.14	Hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học	2645/HD - HVBCCTT ngày 31/5/2020	HVBC&T T
H10.10.02.15	Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2020	2020	HVBC&T T
H10.10.02.16	Biên bản họp Khoa/tổ bộ môn trong xây dựng CTĐT (Lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo (bên liên quan) thông qua biên bản họp khoa)	2020	HVBC&T T
H10.10.02.17	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CT	2020	HVBC&T T

	H10.10.02.18	Biên bản họp Hội đồng khoa học Khoa	2020	Khoa Triết học
	H10.10.02.19	Hồ sơ nghiệm thu CTĐT	2020	HVBC&TT
	H10.10.02.20	Quyết định ban hành CTĐT 2020	2020	HVBC&TT
	H10.10.02.21	Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT
	H10.10.02.22	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo	2018-2020	HVBC&TT

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR)				
	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số /ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC10.3			
	H10.10.03.01	Quyết định thành lập hội đồng khoa học – đào tạo khoa		HVBC&TT
	H10.10.02.02DC	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT		
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCTT 30/9/2019	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT

		đào tạo năm 2015		
H10.10.01.01. DC		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-ĐBCLĐT	2012	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT
H10.10.03.02		Quy định công tác khảo thí	2989/QĐ-HVBC&TT-KT	HVBC&TT
			Ngày 01/09/2017	
H10.10.03.03		Quy định đào tạo Đại học chính quy theo học chế tín chỉ	3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT	HVBC&TT
			Ngày 18/10/2017	
H10.10.03.04		Hồ sơ về Quy trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT (KT2)		HVBC&TT
H10.10.03.05		Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	2647/ HD-HVBC&TT	HVBC&TT
			Ngày 09/07/2020	
H10.10.03.06		Quy định về tổ chức quản lý thi kết thúc HP		HVBC&TT
H10.10.03.07		Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015	HVBC&TT
H10.10.03.08		Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR)	2663/ HD-HVBC&TT Ngày 09/07/2020	HVBC&TT

H10.10.03.09	Quy định về công tác cố vấn hoặc tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT	3935/QĐ- HVBC&TT Ngày 25/11/2015	HVBC&TT
H10.10.03.10	Kế hoạch giảng dạy hàng kỳ	2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021	HVBC&TT
	Đường link website Lịch học/kế hoạch giảng dạy các kỳ được cập nhật lên website trường	2016, 2017, 2018, 2019, 2020	HVBC&TT
H10.10.03.11	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của thanh tra	2020	HVBC&TT
H10.10.03.12	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
H10.10.03.13	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
H10.10.03.14	Biên bản họp dự giờ, phiếu đánh giá, kết quả đánh giá	2016-2020	HVBC&TT
H10.10.01.14.DC	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp	2016-2020	Khoa Triết học
H10.10.03.15	Phiếu đánh giá kết quả rèn	2016-2020	HVBC&TT

		luyện của sinh viên các kỳ các lớp		
	H10.10.03.16	Biên bản họp Khoa/tổ bộ môn trong xây dựng, cập nhật CTĐT (Lấy nội dung về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá)	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.03.17	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh giá)	2020	Khoa Triết học
	H10.10.03.18	Ma trận HT, PP ktra đánh giá và CDR]; [Bản đối sánh PPKT đánh giá, PPDH].	2020	Khoa Triết học
		Ngân hàng câu hỏi các môn học	2020	HVBC&TT
	H10.10.03.19	Thống kê phổ điểm các môn học (để xác định mức độ khó của đề thi và chất lượng học tập của sinh viên)	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.01.05.DC	Khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học		HVBC&TT
		+ Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học và giảng viên	Học kỳ II 2016-2017, Học kỳ II 2017-2018, Học kỳ I 2018-2019,	HVBC&TT

			Học kỳ II 2018-2019,	
			Học kỳ I 2019-2020	
	H10.10.01.06.DC	Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo của HV	2016-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo của ngành	2016-2020	HVBC&TT
	H10.10.01.07.DC	Khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp	2017-2020	HVBC&TT
	H10.10.01.08.DC	Khảo sát nhà tuyển dụng hàng năm về chất lượng đào tạo của HVBC&TT	2018, 2020	HVBC&TT

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC10.4			
1	H10.10.04.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT
2	H10.10.04.02	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học	5061/ QĐ-HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT

		và công nghệ của HVBC&TT		
3	H10.10.04.03	Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm gửi khoa	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2015	464/KH-HVBC-TT 6/2/2015	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2016	394/KH/HVBC-TT 1/2/2016	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2017	291/KH/HVBC-TT 15/1/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2018	256/KH/HVBC-TT 15/1/2018	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2019	167/KH/HVBC-TT 11/1/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2015	6164-QĐ/HVCTQG 25/12/2014	HVCTQG HCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2016	5695-QĐ/HVCTQG 28/12/2015	HVCTQG HCM

		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2017	6480-QĐ/HVCTQG 26/12/2016	HVCTQGHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2018	6613-QĐ/HVCTQG 28/12/2017	HVCTQGHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2019	7893-QĐ/HVCTQG 21/12/2018	HVCTQGHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2020	6620-QĐ/HVCTQG 23/12/2019	HVCTQGHCM
4	H10.10.04.04	Hồ sơ nghiên cứu khoa học giảng viên	2016 - 2020	Khoa Triết học
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa Triết học
		Quyết định giao đề tài ban Khoa học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Hợp đồng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu	2016 - 2020	HVBC&TT
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Biên bản bàn giao sản phẩm	2016 - 2020	HVBC&TT

5	H10.10.04.05	Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa Triết học
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT
		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6404- QĐ/HVBC TT- KH 28/12/2018	HVBC&TT
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6405- QĐ/HVBC TT- KH 28/12/2018	HVBC&TT
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	4762- QĐ/HVBC TT- KH	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	19/11/2019	HVBC&TT
		Biên bản bàn giao sản phẩm <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	27/11/2019	HVBC&TT

		<i>hình của đề tài SV36-2019)</i>		
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	27/11/2019	HVBC&TT
6	H10.10.04.06	Danh mục đề tài khoa học của khoa 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
7	H10.10.04.08	Thống kê các công trình khoa học: được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong đề cương học phần (2015-2020)	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H10.10.04.09	Đề cương học phần CTĐT	2016-2020	HVBC&TT
8	H10.10.04.10	Thống kê danh mục đề tài NCKH sinh viên trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
9	H10.10.04.11	Danh mục các bài báo khoa học trong nước và QT trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa Triết học
	H10.10.04.12	Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.04.13	Các minh chứng khen thưởng NCKH của GV	2016-2020	Khoa Triết học

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H10.10.05.01	Thông kê của thư viện về số lượt trả, mượn sách	2016-2020	Thư viện
2	H10.10.05.02	Đường link Trung tâm đồng hành cùng sinh viên https://www.facebook.com/rogiupsinhvienbaochi	2020	HVBC&T T
3	H10.10.05.03	Hồ sơ dự án trung tâm tư vấn		HVBC&T T
4	H10.10.05.04	Sơ đồ ký túc xá (có bao gồm sân bóng, khu vực chơi thể thao ..)	2020	VP HVBC&T T
5	H10.10.05.05	Thông kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện BCTT	2016-2019	HVBC&T T
6	H10.10.05.05	Thông kê danh mục trang thiết bị dạy học	2016-2020	HVBC&T T
7	H10.10.05.06	Thông kê cơ sở vật chất khoa	2016-2020	HVBC&T T
8	H10.10.05.08	Danh mục phần mềm và hợp đồng kèm theo 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&T T
9	H10.10.05.09	Minh chứng về cung cấp dịch vụ internet tại giảng đường, ký túc, thư viện, khu nhà làm việc (hợp đồng?)	2016-2020	HVBC&T T
3	H11.11.05.10	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT (30/9/2019)	HVBC&T T
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&T T
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&T T

11	H10.10.05.11	Báo cáo kết quả Khảo sát sinh viên cuối khoá (phần phản hồi của người học về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016	2016	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2017	2017	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2019	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&T T
12	H10.10.05.12	Báo cáo kết quả Khảo sát giảng viên, nhân viên (về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2018- 2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2018	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2019	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2020	2020	HVBC&T T
13	H10.10.05.14	Biên bản thanh tra về việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong học viện (thư viện,)	2016-2020	HVBC&T T
14	H10.10.05.15	Sổ hợp phần ánh sinh viên	2016-2020	Khoa

15	H10.10.05.16	Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	9/1/2016	HVBC&T T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017	9/1/2017	HVBC&T T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	9/1/2018	HVBC&T T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	9/1/2019	HVBC&T T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	9/1/2020	HVBC&T T
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên	5604- KH/HVBCT T 9/12/2020	HVBC&T T
16	H10.10.05.17	Sổ báo hỏng/trục trục thiết bị	2016-2020	HVBCTT
17	H10.10.05.19	Danh mục và kinh phí mua sắm trang thiết bị mới phục vụ đào tạo hàng năm (2016 - 2020) kèm hồ sơ	2016 - 2020	HVBCTT
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2020	2020	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	8670- QĐ/HVCTQ G 28/12/2018	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của Học	1044- QĐ/HVCTQ	HVCTQG HCM

	viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	G 5/3/2018	
	Quyết định bổ sung mua sắm tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	3776- QĐ/HVCTQ G 27/6/2018	HVCTQG HCM
	Quyết định bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	6199- QĐ/HVCTQ G 18/12/2017	HVCTQG HCM
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2831- QĐ/HVCTQ G 29/6/2017	HVCTQG HCM
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 (kèm danh mục và kinh phí)	189- QĐ/HVCTQ G 15/1/2016	HVCTQG HCM
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2742- QĐ/HVCTQ G 28/6/2016	HVCTQG HCM
	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa và vật tư sửa chữa máy tính (<i>minh chứng điển hình</i>)	4893- QĐ/HVBC TT 25/10/2019	HVBC&T T
	Hợp đồng mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất (<i>minh chứng điển hình</i>)	10 - 2019/HVBC& TT-TD 15/11/2019	HVBC&T T
	Biên bản giao nhận, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (<i>minh chứng điển hình</i>)	22/11/2019	HVBC&T T

18	H10.10.05.20	Hồ sơ và danh mục và kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&T	2016-2020	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2020	2020	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019	8670- QĐ/HVCTQ G 28/12/2018	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018	1044- QĐ/HVCTQ G 5/3/2018	HVCTQG HCM
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2831- QĐ/HVCTQ G 29/6/2017	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016	189- QĐ/HVCTQ G 15/1/2016	HVCTQG HCM
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2742- QĐ/HVCTQ G 28/6/2016	HVCTQG HCM
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2019 (<i>minh chứng điển hình</i>)	4/1/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2017 (<i>minh chứng điển hình</i>)	18/12/2017	HVBC&T T
		Giấy đề nghị phê duyệt việc thuê bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính (<i>minh chứng điển hình</i>)	8/11/2019	VP HVBC&T T

		Quyết định lựa chọn đơn vị bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính (<i>minh chứng điển hình</i>)	5747-QĐ/HVBC TT 21/11/2019	HVBC&T T
		Hợp đồng kinh tế: bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt các phòng máy tính (<i>minh chứng điển hình</i>)	12-2019/HVBC&TT-TD 22/11/2019	HVBC&T T
		Thanh lý hợp đồng (<i>minh chứng điển hình</i>)	12/12/2010	HVBC&T T
19	H10.10.05.21	Bản thống kê đầu sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa hàng năm (2016 - 2020)	2016-2020	HVBC&T T
		Danh mục thống kê sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa hàng năm	2016-2020	HVBC&T T
		Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành Triết học từ 2016 - 2020	5/6/2020	Trung tâm thông tin khoa học, HVBC&T T
		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện (<i>minh chứng điển hình</i>)	1598-QĐ-HVBC&TT 2/3/2020	HVBC&T T
		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học (<i>minh chứng điển hình</i>)	5070-QĐ-HVBC&TT 1/10/2019	HVBC&T T
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu phục vụ lưu học sinh Lào (<i>minh chứng điển hình</i>)	5617-QĐ-HVBC&TT 5/10/2019	HVBC&T T
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu của thư viện (<i>minh chứng điển hình</i>)	1740-QĐ-HVBC&TT 8/4/2019	HVBC&T T
		Hoá đơn, chứng từ liên quan	2016-2020	
20	H10.10.05.22	Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện	10/6/2020	Trung tâm thông tin khoa học,

				HVBC&T T
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến				
	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	H10.10.06.01	Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&T T
	H10.10.06.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.	6591-QĐ/HVCTQG G ngày 01/11/2018	HVCTQG
	H10.10.06.03	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&T T
	H10.10.06.04	Quy định v/v lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	
	H10.10.06.05	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBCCTT 28/12/2018	HVBC&T T
	H10.10.06.06	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2019 - 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCT T 31/10/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCT T 10/5/2019	HVBC&T T

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC T 8/11/2018	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HV BCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HV BCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Đường link Phiếu khảo sát sinh viên; Phiếu khảo sát sinh viên (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2019-2020	2020	HVBC&T T
	H10.10.06.07	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020		HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HV BCTT 10/5/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HV BCTT 4/5/2017	HVBC&T T

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HV BCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC&T T
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&T T
	H10.10.06.08	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCT T 29/10/2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCT T 8/11/2018	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HV BCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HV BCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020	HVBC&T T
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2018-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&T T

	H10.10.06.09	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HV BCTT 4/5/2017	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HV BCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2019	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2018	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017	HVBC&T T
	H10.10.06.10	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2020	2020	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2019	2019	HVBC&T T
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HV BCTT 4/5/2017	HVBC&T T

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HV BCTT 26/8/2015	HVBC&T T
		Mẫu phiếu khảo sát NTD	2017-2020	
		Phiếu khảo sát NTD	2017 - 2020	HVBC&T T
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017-2020	2017- 2020	HVBC&T T
	H10.10.06.12	Bảng thống kê các phương pháp, hình thức khảo sát	2016-2020	HVBC&T T
	H10.10.06.13	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016-2020	HVBC&T T
	H10.10.06.14	Biên bản họp phản ánh sinh viên	2016-2020	Khoa Triết học
	H10.10.06.15	Biên bản lấy ý kiến chuyên gia xây dựng CTĐT (Khoa lấy ý kiến các chuyên gia, nhà sử dụng lao động qua các buổi hội thảo, tọa đàm xây dựng chương trình đào tạo) - có trao đổi về kết quả đánh giá của khảo thí	2016-2020	HVBC&T T
	H10.10.06.18	Hồ sơ cảnh báo sinh viên	2016 - 2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp lớp (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp PASV hàng tháng (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp xét kỷ luật sinh viên	2016-2020	HVBC&T T
		Quyết định kỷ luật sinh viên	2016-2020	HVBC&T T

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC11.1			

1	H11.11.01.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Đào tạo		HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/H VBCTT 30/9/2019	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ- HVBCCTT 31/10/2017	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ- BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT
2	H11.11.01.02	Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số: 3777/QĐ- HVBCCTT- ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT
3	H11.11.01.03	Sổ tay sinh viên 2016-2020	2016-2020	HVBCCTT
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC&TT
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC&TT
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC&TT
		Đường link Sổ tay sinh viên 2019	2019	HVBC&TT
		Đường link Sổ tay sinh viên 2020	2020	HVBC&TT
4	H11.11.01.04	Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT
5	H11.11.01.05	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016		HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ- HVBCCTT 10/2/2017	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ- HVBCCTT 19/3/2018	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ- HVBCCTT 18/3/2019	HVBC&TT

		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	2020	HVBC&TT
6	H11.11.01.06	Quyết định ban hành Chức năng, nhiệm vụ của khoa (liên quan đến đào tạo và giám sát tỉ lệ tốt nghiệp)		HVBC&TT
7	H11.11.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT 25/11/2015	HVBC&TT
8	H11.11.01.08	Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC&TT
		Danh sách sinh viên ngành Triết học thôi học năm 2018 kèm Quyết định	2018	HVBC&TT
		Danh sách sinh viên ngành Triết học thôi học năm 2019 kèm Quyết định	2019	HVBC&TT
		Danh sách sinh viên ngành Triết học thôi học năm 2020 kèm Quyết định	2020	HVBC&TT
9	H11.11.01.09	Danh sách sv tốt nghiệp kèm quyết định: 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT
10	H11.11.01.10	Biên bản họp khoa	2016-2020	HVBC&TT
11	H11.11.01.11	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT
12	H11.11.01.12	Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học trong giai đoạn 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT
13	H11.11.01.13	Số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành Triết học (từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	Khoa Triết học

14	H11.11.01.14	Số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành triết học (từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	HVBC&TT
15	H11.11.01.15	Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV về (có đề cập đến tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học, Đại học KHXHNV, Đại học Quốc Gia Hà Nội)	4874/XHN V_KHTC 24/12/2019	KHXHNV
16	H11.11.01.16	Hồ sơ cảnh báo sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT
		Biên bản họp lớp (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	Khoa Triết học
		Biên bản họp PASV hàng tháng (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	HVBC&TT
		Biên bản họp xét kỷ luật sinh viên	2016-2020	HVBC&TT
		Quyết định kỷ luật sinh viên của trường	2016-2020	Khoa Triết học
17	H11.11.01.17	Tỉ lệ thôi học/bảo lưu của ngành Triết học	2016-2020	HVBC&TT
18	H11.11.01.18	Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ	2016-2020	HVBC&TT
19	H11.11.01.19	Các lớp học vét theo nhu cầu sinh viên (đường link website lịch học ...)	2016-2020	HVBC&TT
20	H11.11.01.20	Thông báo của nhà trường về CDR tin học, ngoại ngữ	2016-2020	HVBC&TT
21	H11.11.01.21	Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ	2016-2020	HVBC&TT
22	H11.11.01.22	Quyết định thôi học, bảo lưu của sv	2016-2020	HVBC&TT
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành

1	H11.11.02.01	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ	3777 ngày 18/10/2017	HVBC&TT
2	H11.11.02.02	Sổ tay sinh viên	2016 -2020	HVBC&TT
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC&TT
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC&TT
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC&TT
		Đường link Sổ tay sinh viên 2019	2019	HVBC&TT
		Đường link Sổ tay sinh viên 2020	2020	HVBC&TT
3	H11.11.02.03	Ảnh chụp Phần mềm quản lý đào tạo	2020	HVBC&TT
4	H11.11.02.04	Thông báo về kế hoạch tốt nghiệp của sinh viên năm cuối	2016 - 2020	
		Thông báo kế hoạch tốt nghiệp của K37 (<i>minh chứng điển hình</i>)	4479- TB/HVBC TT-ĐT 27/10/2020	HVBC&TT
5	H11.11.02.05	Quy định/quyết định chức năng cố vấn học tập	3935/QĐ- HVBC TT- ĐT 25/11/2015	HVBC&TT
6	H11.11.02.06	Biên bản họp lớp cố vấn	2016-2020	Khoa Triết học
7	H11.11.02.07	Biên bản họp PASV (có phân tích nguyên nhân tốt nghiệp ko đúng hạn) và chỉ đạo các giải pháp trợ giúp	2016-2020	HVBC&TT
8	H11.11.02.01	Kế hoạch Các lớp học vét theo nhu cầu sinh viên Danh sách các lớp học vét, học tự nguyện	2016 - 2020	HVBC&TT
9	H11.11.02.09	Thông báo của nhà trường về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT
10	H11.11.02.10	Báo cáo tổng kết năm học	2016 - 2020	Khoa Triết học

11	H11.11.02.12	Danh sách sinh viên tốt nghiệp muộn kèm nguyên nhân chậm/muộn tốt nghiệp (2016 - 2020)	2016 - 2020	HVBC&TT
12	H11.11.02.13	Chương trình đào tạo điều chỉnh các phiên bản	2016 - 2020	HVBC&TT
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H11.11.03.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ/H VBCTT 30/9/2019	HVBC&TT
2	H11.11.03.02	Quyết định ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT
3	H11.11.03.03	Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát SVTN sau 1 năm tốt nghiệp	2016-2020	HVBC&TT
4	H11.11.03.04	Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp		
5	H11.11.03.05	Đề án tuyển sinh	2016-2020	HVBC&TT-ĐT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016	2016	HVBC&TT

		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT 10/2/2017	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT 19/3/2018	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT 18/3/2019	HVBC&TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	2020	HVBC&TT
6	H11.11.03.06	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT
7	H11.11.03.07	Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành Triết học HVBC&TT và ngành Triết học đại học KH&HNV	2016 - 2020	Khoa Triết học
8	H11.11.03.08	Toạ đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	2016-2020	
9	H11.11.03.09	Giới thiệu đơn vị tuyển dụng, cơ sở tuyển dụng cho sinh viên thông qua fanpage của khoa, tờ thông tin truyền thông của khoa	2016 - 2020	Khoa Triết học
10	H11.11.03.10	Danh sách các cơ sở thực tập nghề nghiệp, liên kết với khoa	2016 - 2020	Khoa Triết học
11	H11.11.03.11	Các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm	2016 - 2020	Đoàn Học viện BC & TT

12	H11.11.03.12	Đường link các thông báo Tuyển dụng, khởi nghiệp đăng tải trên website nhà trường	2016 - 2020	HVBC&TT
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H11.11.04.01	Chiến lược phát triển của HVBC&TT	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT
2	H11.11.04.02	Chiến lược phát triển của khoa Triết học đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2020	Khoa Triết học
3	H11.11.04.03	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT
4	H11.11.04.04	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ-HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT
6	H11.11.03.06 .DC	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT
7	H11.11.04.05	Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên ngành Triết học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT

		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6404- QĐ/HVBC TT-KH 28/12/2018	HVBC&TT
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6405- QĐ/HVBC TT-KH 28/12/2018	HVBC&TT
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	4762- QĐ/HVBC TT-KH	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	19/11/2019	HVBC&TT
		Biên bản bàn giao sản phẩm <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	27/11/2019	HVBC&TT
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	27/11/2019	HVBC&TT
8	H11.11.04.06	Thống kê chi cho NCKH của SV trong giai đoạn 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT
9	H11.11.04.07	Thống kê đề tài khoa học và danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học ngành Triết học 2015 - 2019	2016 - 2020	Khoa Triết học
10	H11.11.04.08	Thống kê kết quả NCKH của sinh viên 2016 - 2020	2016-2020	Khoa Triết học
11	H11.11.04.09	Đối sánh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	2016-2020	Khoa Triết học

		giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành Triết học		
12	H11.11.04.10	Thống kê sinh viên NCKH ngành Triết học được giải thưởng NCKH 2016 - 2020 (bằng khen đạt giải)	2016 - 2020	Khoa Triết học
13	H11.11.04.11	Biên bản hội nghị khoa học sinh viên các năm của trường	2016-2020	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2016	21/4/2016	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2017	15/05/2017	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2018	10/4/2018	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2019	23/4/2019	HVBC&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2020	1/4/2020	HVBC&TT
14	H11.11.04.12	Bản thống kê nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH sinh viên từ năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
15	H11.11.04.13	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/H VBCTT 10/5/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Đường link khảo sát và phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT

		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC&TT
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H11.11.05.01	Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG (1/5/2012)	HVBC&TT
2	H11.11.05.02	Quyết định v/v đổi tên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT-KĐCLĐT)	2018	HVBC&TT
3	H11.11.05.03	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT (30/9/2019)	HVBC&TT
4	H11.11.05.04	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT
		Quy định v/v lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT
5	H11.11.05.05	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT
6	H11.11.05.06	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT
7	H11.11.05.07	Bảng thống kê các loại hình khảo sát	2016-2020	HVBC&TT

8	H11.11.05.08	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC TT 31/10/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC TT 10/5/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC TT 8/11/2018	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC&TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT
9	H11.11.05.09	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018-2019	2197/KH/H VBCTT 10/5/2019	HVBC&TT

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa	2016-2020	HVBC&TT
		Mẫu phiếu khảo sát sinh viên cuối khoá	2016 - 2020	HVBC&TT
		Đường link khảo sát, phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa	2016-2020	HVBC&TT
10	H11.11.05.10	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBC TT 29/10/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBC TT 8/11/2018	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Đường link khảo sát, phiếu khảo sát giảng viên 2018	2018	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát giảng viên, nhân viên 2019	2019	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát giảng viên, nhân viên 2020	2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên	2018-2020	HVBC&TT

11	H11.11.05.11	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát mẫu	2016-2020	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát cựu sinh viên (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT
12	H11.11.05.12	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2017 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát NTD 2020 - 2021	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/H VBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/H VBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng mẫu	2017-2020	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng	2017-2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng	2017-2020	HVBC&TT

13	H11.11.05.14	Biên bản đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo trường	2016-2020	HVBC&TT
14	H11.11.05.15	Sổ, biên bản họp phản ánh sinh viên hàng tháng (trường tổng hợp)	1/2016 - 12/2019	Ban QLĐT
15	H11.11.05.16	Biên bản họp PASV hàng tháng	2016-2020	Khoa Triết học
16	H11.11.05.17	Biên bản hội nghị CNVC	2016-2020	HVBC&TT
17	H11.11.05.18	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016-2020	Khoa Triết học
18	H11.11.05.19	Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo kèm minh chứng (Quyết định phê duyệt ngân sách, hợp đồng, hoá đơn, biên bản bàn giao, v.v. - MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT
		Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc kèm minh chứng (Quyết định phê duyệt ngân sách, hợp đồng, hoá đơn, biên bản bàn giao, v.v. - MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm cho khoa về thư viện kèm minh chứng (Quyết định phê duyệt ngân sách, hợp đồng, hoá đơn, biên bản bàn giao, v.v. - MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Thống kê kinh phí nâng cấp trang thiết bị CNTT kèm minh chứng (Quyết định phê duyệt ngân sách, hợp đồng, hoá đơn, biên bản bàn giao, v.v. - MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT